NĂM THỨ MƯỜI SÁU • # 188 • DECEMBER 2004

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

"TÔI BIẾT SỢ" NGUYỄN HỮU CHI

KHÔNG PHẢI LÀ MỘT CƠN MƠ PARI MANSOURI
HÀ QUANG XƯƠNG dịch

VỀ LẠI BẾN SÔNG HỒ PHÚ BÔNG

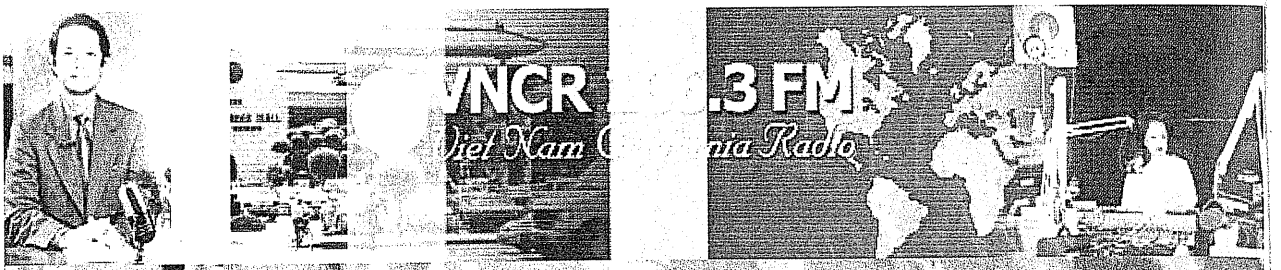

Mời Độc giả Thế Kỷ 21

(Nhiều bài đăng trên tạp chí **Thế Kỷ 21** được sử dụng trong các chương trình với sự bảo trợ của **Thế Kỷ 21**)

vào nghe đài VNCR và đọc tin hàng ngày

WWW.RADIOVNCR.COM

Nghe Chương Trình Cũ

Để nghe được VNCR Internet Radio với chất lượng âm thanh rõ và trung thực, quý vị phải có **Windows Media Player 9.0** hoặc mới hơn.

WindowsMedia Player 9 Series FREE

Quý vị đang dùng **Windows Media Player 9.0**

Nghe Đài Theo Ngày

◂ Tháng 4 Năm 2004 ▸

S	M	T	W	T	F	S
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

5AM đến 8AM — NGHE TIN TỨC PHÁT LẠI
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

12PM đến 4PM — NGHE TIN TỨC TRỰC TIẾP
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

Đọc tin

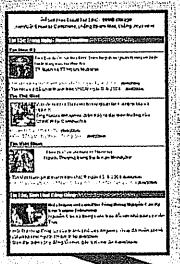

Email miễn phí

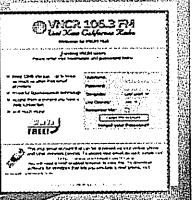

VNCR 106.3 FM

Vietnam California Radio (Orange County)

Thứ hai-thứ sáu: 5:00 AM đến 8:00 AM
(Giờ California) 12:00 PM đến 4:00 PM

KXMX 1190 AM

Los Angeles & Orange County

Thứ Bảy: 1:00 PM đến 12:00 AM
Chủ nhật: 2:00 PM đến 12:00 PM
(Giờ California)

KSON 1240 AM

San Diego

Thứ Bảy & Chủ nhật:
12:00 PM đến 7:00 AM
(Giờ California)

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel: (714) 585-4666 * (714) 839-8746
Email: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky@kicon.com (biên tập)

Tạp chí THẾ KỶ 21: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa.

PHIẾU ĐẶT MUA/ GIA HẠN/ TẶNG BÁO
SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên / Full name: .....

Địa chỉ / Address: .....

.....

Phone / Fax / Email: .....

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: .....

Số tiền / Amount: .....

Muốn transfer from Bank to Bank: Từ Ngân Hàng của Độc giả tại ngoại quốc về Ngân Hàng Mỹ của Tạp Chí Thế Kỷ 21 xin dùng các mã số sau đây để chuyển tiền $US: Account Name/ tên chủ trương mục : Tap Chi The Ky 21. Ngân Hàng/ Bank of America – Westminster Branch - 8850 Bolsa Ave Westminster, CA 92683.
ABA = 122000661. Account Number = 21776 07440. Quí vị độc giả tại Canada, Pháp và Đức có thể trả bằng tiền bản xứ qua trung gian Đại diện TK 21 tại nước mình.

	1 năm / 1 year ($US)		2 năm / 2 years ($US)		Ghi chú
	2004	2005	2004	2005	
Media Mail (Book)	50.00	***50.00***	90.00	***90.00***	
Hạng nhất / First Class	64.00	***64.00***	120.00	***120.00***	
Canada	68.00	***68.00***	130.00	***130.00***	
Âu Châu / Europe	88.00	***88.00***	170.00	***170.00***	
Á Châu, Úc / Asia, Australia	98.00	***98.00***	185.00	***185.00***	

***Ghi Chú**: Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005. (Effective January 1, 2005)*

Suyễn, mất ngủ, đau bao tử, dị ứng mũi v.v... ĐỪNG LO đã có THUỐC CHUYÊN TRỊ RẤT HIỆU QUẢ

GẦN 40 NĂM KINH NGHIỆM PHỤC VỤ QUÍ THÂN CHỦ TRONG CÁC LÃNH VỰC
SỨC KHỎE - SỰ NGHIỆP - TÌNH YÊU THEO Ý MUỐN

Prof. PUNG NAVANN nguyên Y Sĩ riêng của Tổng Thống Cộng Hòa Cao Miên với hơn 600 loại thuốc Bào Chế Thiên Nhiên, được chế biến kỹ lưỡng theo công thức đặc biệt riêng của Prof. Pung Navann, đem về uống ngay.
**** Tất cả các loại thuốc Bào Chế 100%Thiên Nhiên củaProf. Pung Navann tuyệt đối không có hóa chất, không có chất thuốc tây (như thuốc giúp ngủ hoặc thuốc an thần), không có chất thuốc cầm chừng bớt đau (như chất Aspirine, Motrine, Tylenol, Cortisone...) vì vậy, không thể nào làm cho mục xương. Tuyệt đối không có chất kích thích, không có chất làm cho bị ghiền.***

Prof. Pung Navann là người đầu tiên có các loại thuốc bào chế 100% thiên nhiên

CHUYÊN TRỊ

– Tạo cho da thịt hồng hào, tươi mát. - Bổ gan, mát gan; Bổ phổi, mát phổi.
– Đả thông kinh mạch. - Tăng cường và phục hồi sức khỏe.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa đau cổ, mỏi cổ; đau vai, mỏi vai, đau lưng, mỏi lưng, đau thắt lưng, mỏi thắt lưng, và đau dưới thắt lưng [gồm phong thấp đau nhức (Rheumatism) hoặc khớp xương sưng nhức dỏ nóng không phải vì khí hậu (Goût).]
– Chữa trị và phòng ngừa đau nhức tứ chi, đau nhức toàn cơ thể.
– Ăn ngon, Ngủ ngon, tinh thần thoải mái. - Giải trừ cơ thể bị uể oải.
– Làm cho những người tay chân bị lạnh và sợ lạnh được ấm lại như tuổi trẻ.
– Làm cho khó bị cảm. - Làm cho khỏi đổ mồ hôi tay và chân.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa các loại Nhức đầu kinh niên.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa Di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, bất lực, nữ giới lãnh cảm,
* Có thuốc đặc biệt trị các bệnh phụ nữ như: Kinh nguyệt không đều, có kinh quá sớm hoặc quá trễ, hoặc khi sớm khi trễ, đường kinh quá nhiều, đường kinh qúa ít, có kinh trên 7 ngày mà chưa dứt, đau bụng khi hành kinh, ra máu giữa chu kỳ đường kinh, tắt kinh (vì không mang thai), sa tử cung.
* Trong thời gian hành kinh: 1. Vú căng chướng và đau. 2. Nhức đầu. 3. Cơ thể hoặc khớp xương đau nhức. 4. Đi cầu nhiều lần hoặc tiêu chảy. 5. Lỡ miệng. 6. Nổi mề đay phong ngứa. 7. Chóng mặt, choáng váng. 8. Tánh tình nóng nảy, quạu cọ hoặc tâm tính thay đổi (như la mắng, vui buồn vô lý).
Ngoài ra: còn có thuốc chuyên trị những triệu chứng khi sắp hoàn toàn tắt kinh (trên 40 đến trên 50 tuổi)
– Trị huyết trắng. Chữa trị cho những cô gái hoặc đàn bà âm đạo bị khô, để cho thuận lợi việc giao hợp.
– Không mệt mỏi sau khi giao hợp. - Giúp cho dương vật được cứng cáp.
– Giúp cho tuổi trẻ được sức khỏe tốt, trí nhớ tốt, đầu óc tỉnh táo và sáng suốt.
– Giúp cho người già cả (gồm Nam và Nữ) ăn ngon, ngủ ngon. Khỏe khoắn. Không sợ lạnh, làm ấm lại như tuổi trẻ và trường thọ v.v...

NGOAI RA THUỐC CÒN ĐẶC BIỆT CHUYÊN CHỮA TRỊ:

a) Các loại bệnh bao tử gồm: loét bao tử (Gastric Ulcer); loét dạ tràng (Duodenal Ulcer).
b) Các chứng ho kinh niên, đờm nhiều, nặng ngực, khó thở hoặc bệnh hen suyễn.
c) Viêm mũi kinh niên (Chronic sinusitis) hoặc dị ứng mũi kinh niên (Chronic Nasal Allergy).
d) Các loại bệnh gan.
e) Các loại mụn và nám (trên mặt, trước ngực, sau lưng hoặc các nơi khác trên cơ thể). Phần lớn đều biến mất sau một thời gian dùng thuốc.
f) Táo bón kinh niên; Trĩ nội, trĩ ngoại.
g) Bệnh tiểu dường, rất hiệu quả cho những người mới bị (Ngoại trừ bệnh nhân đã phải chích insuline)
h) Triệu chứng khô môi, khô miệng, khô cổ, viêm cổ.
i) Bệnh áp huyết thấp; bệnh áp huyết cao j) Bệnh chảy máu cam
k).Viêm đường tiểu (cả nam lẫn nữ) như: Tiểu ra máu hoặc đi tiểu thấy rát và đau, sau khi thông qua phòng lab hoá nghiệm nước tiểu phát hiện có máu trong nước tiểu - Tiểu ra thấy đục - Tiểu ra thấy sạn nhỏ màu nâu đậm. Bị mắc tiểu hoặc lúc muốn tiểu mà kèm hăm không nổi
- Viêm nhiễm hộ tuyến cấp tính hoặc chậm tính. Nhiễm hộ tuyến sưng to làm cho đi tiểu khó khăn và sau khi đi tiểu rồi còn bị nhiễu thêm đôi chút.
- Gần 40 năm nghiên cứu thành công về các bệnh nan y và các bệnh bất trị; Nay Prof. Pung Navann đã nghiên cứu thành công thêm thuốc chuyên trị triệu chứng rụng tóc và mọc tóc.

Prof. Pung Navann

- Nguyên Y Sĩ riêng của Thái Tử Sisowath Monireth (cậu ruột của Quốc Vương Norodom Sihanouk) Chủ tịch Hội Đồng Tối Cao của Hoàng Cung Căm Bốt.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Thống Chế Lon Nol, Tổng Thống nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Quốc Trưởng Cheng Heng, nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Ủy viên Bộ Y Tế Nước Cộng Hòa Cao Miên.

THUỐC BÀO CHẾ THIÊN NHIÊN CỦA PROF. PUNG NAVANN
BÁN TRỰC TIẾP KHÔNG QUA MỘT TRUNG GIAN
NÀO HẾT ĐỂ TRÁNH SỰ GIẢ MẠO
Chỉ được bán tại:
12812 Valley View St. # 30, Garden Grove, CA 92845 USA
Nhận gởi thuốc khắp nơi trên thế giới.
Nói bảy thứ tiếng Việt, Miên, Anh, Pháp, Bắc Kinh, Triều Châu và Quảng Đông.
Xin gọi số: Tel: (714) 891-3588

Kính gởi Bác Sĩ PUNGNAVANN:
Thưa bác sĩ, tôi tên là Trần Thị Kim Thấm, hiện cư ngụ tại thành phố Riverside. Tôi bị chứng bịnh mất ngủ, ban đêm thức nhiều lần, đã nhiều năm qua tôi ăn uống không biết ngon. Gần nhất là năm 1995, tôi lại mang thêm chứng bịnh đau bao tử, ăn k hông tiêu, bị nghẹn, tôi đã đi chữa trị nhiều bác sĩ nhưng bịnh cứ trở lại mãi. Tôi được nghe danh tiếng của Bác Sĩ Pungnavann và tìm đến gặp bác sĩ. Qua hai tuần uống thuốc của bác sĩ và theo đúng lời chỉ dẫn, bệnh tình của tôi đã giảm hơn 50%, rồi 4 tuần sau đó, sức khỏe tôi đã bình phục và đến tuần thứ 5 bệnh tình tôi đã dứt hẳn, ăn ngon, ngủ yên giấc và không còn bịn nghẹn như trước nữa. Quả thật hiệu nghiệm. Gần 1 năm nay, bệnh tôi không trở lại. Tôi không biết nói gì hơn, xin thành thật cảm ơn Bác Sĩ và cầu chúc cho bác sĩ được trường cửu để cứu nhân độ thế. Kính chào Bác Sĩ.
PS: Xin Bác Sĩ phổ biến để những người có bệnh có dịp may chữa trị.
K.T.
Trần Thị Kim Thấm

Kính gởi Bác Sĩ Pungnavann,
Tôi Sơn Nguyễn hiện ở tiểu bang Minnesota thành phố Brooklynn Center, tôi bị bệnh phong tê thấp từ Việt Nam, sang Hoa Kỳ được 5 năm, chân tay bị đau nhức và ra mồ hôi ở tay và bàn chân. Riêng hai mất cá chân cứ sưng lên và đỏ làm cho đau nhức không đi lại được. Tôi đã đi rất nhiều bác sĩ chữa trị nhưng không hết. Tôi nhờ bác sĩ PungNavann ở California chữa trị cho tôi, nay tôi đã lành bệnh không còn sưng và đau nhức tay chân, không còn ra mồ hôi. Nay tôi viết mấy hàng chữ gửi đến Bác Sĩ lời cảm ơn đã giúp cho tôi được khỏi bệnh và tôi cũng xin giới thiệu với bà con nếu ai bị bệnh giống tôi nên đến Bác Sĩ PungNavann để được giúp đỡ.

Bịnh Suyễn kinh niên chú ý

Tôi tên là Dương Thu Hà hiện cư ngụ tại Dallas-Texas bị bịnh suyễn suốt hơn 30 năm nay, mấy tuần nay uống thuốc của Bác Sĩ Pung Navann bịnh tôi đã khỏi nhiều không còn khó thở và khò khè như trước. Tôi được ngủ ngon giấc không phải thức dậy bơm thuốc nữa. Tôi vui mừng lắm, viết vài dòng cảm ơn Bác Sĩ đã chữa được chứng bịnh ngặt nghèo của tôi từ mấy chục năm qua. Tiện đây tôi cũng giới thiệu đến độc giả xa gần, nếu quí vị nào có chứng bịnh kinh niên này đừng e ngại uống thử vài tuần xem sao. Sẽ thấy được kết quả và chừng đó sẽ tin là tôi nói đúng sự thật. Một lần nữa xin cảm tạ vị Bác Sĩ Pung Navann rất nhiều.

Thư này em viết cho Bác Sĩ và mong Bác Sĩ đăng lên báo để đồng bào Việt Nam ở hải ngoại được biết đến sự may mắn được hết bệnh kể từ khi uống thuốc và lòng thương người của Bác Sĩ này.

Kính gởi Bác Sĩ Pung Navann,
Tôi bị bệnh dị ứng mũi đã hơn 10 năm... Sáng nào tôi cũng bị nhảy mũi và nghẹt không thở được, đêm nào tôi cũng phải dùng thuốc xịt mũi ít nhất là hai lần mới thở được, và tôi cũng có đi khám rất nhiều Bác Sĩ Mỹ để chữa trị, nhưng bệnh mũi của tôi chỉ đỡ khi dùng thuốc, khi hết thuốc thì đâu cũng vào đó, nhưng có một ngày tôi đọc báo thấy có thân chủ viết thư khen tặng Bác Sĩ Pung Navann - là một Bác Sĩ rất hay và trị bệnh như thần, tôi nghe vậy đành thử xem sao có câu ôphước chủ may thầy.ọ và tôi đến phòng mạch B.S Navann và những điều làm cho tôi vừa ý nhất là B.S Navann rất thành thật và tỉải thích cho tôi biết tường tận cách trị bệnh của B.S, và cho tôi biết phải uống bao nhiêu lần thuốc và cách trị liệu thế nào để bệnh dị ứng mũi của tôi khỏi hẳn. Sự thật lúc đầu tôi cũng không tin tưởng lắm nhưng tôi nghĩ tôi phải thử mới biết, thành ra tôi nghe lời theo sự chỉ dẫn của B.S Pung Navann và kết quả ngoài sức tưởng tượng của tôi... Sau khi tôi uống thuốc do B.S chỉ định thì bệnh mũi của tôi hết hẳn... và sau đó không hề tái phát. Tôi rất vui mừng và tôi có vài lời cám ơn B.S Pung Navann và thành thật chúc B.S Navann thành công trong sự bào chế thuốc để cứu nhân độ thế.
Kính thư

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt Phạm Phú Thiện Giao, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Đà Lạt*, sơn dầu, 24 x 30" 1999 của họa sĩ **Đinh Cường**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Đinh Cường, Vũ Thái Hòa**
Hí họa: **Val, Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 188 – Tháng Mười Hai 2004

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
8. Các thử thách chờ đợi TT Bush – **Đinh Xuân Quân**
11. Yasser Arafat, người làm ý nghĩa cuộc tranh đấu thêm lãng mạn – **Vũ Ánh**
16. Cơn sốt vàng trở lại với khủng hoảng đồng đô la? - **Phạm Đỗ Chí**
18. Hoa kỳ sau bầu cử: bốn năm tới – **Cổ Lũy**
LỊCH SỬ – NHÂN VẬT
24. Tôn Thất Thuyết và phong trào Văn Thân – **Nguyên Hương N.C.**
34. Hịch Văn Thân
69. Quanh giải Nobel Văn chương năm 2004 – **Lê Lý**
84. Họa sĩ Ngô Mạnh Quỳnh – **Ngô Đình Châu**
89. Cái chết của Saint Exupéry – **Nguyễn Phúc Bửu Tập**
VĂN HÓA – XÃ HỘI
37. Tôi biết sợ – **Nguyễn Hữu Chi**
113. Từ Việt gốc Pháp – **Nguyễn Hữu Phước**
VĂN
74. Không phải là một cơn mơ – **Pari Mansouri, Hà Quang Xướng** dịch
78. Con rắn bò quanh – **Nguyễn Văn Thà**
91. Về lại bến sông – **Hồ Phú Bông**
96. Hình bóng – **Nguyễn Tường Thiết**
105. Chuyện có thể xảy ra – **Hòa Đa**
110. Người cựu binh – **Henri Lopes, Phạm Thành Châu** dịch
THƠ
77. Nhà báo/nhà thơ Giang Hữu Tuyên – **Nguyễn Thị Thanh Bình**. 93. Khơi trăng về – **Nguyễn Văn Cường**. 100, 101. Thơ **Ma Xuân Đạo**. 107. Tình núi – **Lưu Trọng Tưởng**. 109. Hạ huyền – **Nguyễn Hà Tuệ**. 112. Duyên nợ – **Chu Vương Miện**.
MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Thư trị sự
47. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
53. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Từ Nguyên**
60. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Hồng hơn chuyên

Loạt bài Đi Tàu của Phạm Xuân Đài là một ký sự hay, có những ý tưởng rất lạ. Nhưng có một điểm mà có lẽ tác giả không muốn nêu ra, là các tranh vẽ dọc hành lang ở Cung Điện Mùa Hạ, nét vẽ rất cứng, quê mùa, cục mịch, xem ra không phải do họa sĩ khá vẽ mà là của những thợ vẽ tay nghề còn yếu. Tôi có đưa nhận xét nầy với vài bạn bè, thì họ phỏng đoán rằng, trong thời kỳ cách mạng văn hóa bên Tàu, nhiều di tích bị phá hủy, đập nát, hư hỏng. Đến thời phục hồi lại để thu hút du khách, thì chỉ có những thợ vẽ đảng viên, những tay có thế lực, mới được tuyển dụng để phục hồi. Do chính sách " hồng hơn chuyên" đó mà hầu hết các bức tranh trên hành lang đều thiếu nét mỹ thuật. Tôi thấy các bức tranh Tàu trên các xe mì ở Việt Nam, như tác giả nhận xét, rất sống động, linh hoạt, tuy nét vẽ có hơi cứng nhưng hơn hẳn các bức tranh ở hành lang Cung Điện Mùa Hạ.

Còn vịt Bắc Kinh, thì dở hơn tất cả các tiệm vịt kém nhất trên nước Mỹ. Sau khi ăn xong vịt Bắc Kinh, các bà đi du lịch Trung Hoa trong các chuyến khác nhau, đặt tên là "vịt thất kinh," nghĩa là ăn xong thì thất kinh, không dám ăn lại nữa.

Tràm Cà Mau *(Oakland, CA)*

Về tướng Nguyễn Văn Hinh

Trong tạp chí *Thế Kỷ 21* số 187 (tháng 11/2004), bài viết về Tướng Nguyễn Văn Hinh của tác giả Nguyên Hương N.C. thật đáng đọc. Không chỉ thông tin, bài viết còn giúp người đọc biết về một con người tuy tên tuổi không xa lạ với nhiều người Việt trong một giai đoạn lịch sử của đất nước, nhưng thân thế, sự nghiệp thì hầu như "âm thầm vô danh." Cám ơn tác giả bài viết, vì nhờ đó tôi đã có một hình ảnh đúng đắn hơn về một nhân vật mà cho đến mới đây, trước khi được đọc bài về ông, tôi vẫn hiểu lầm do thiếu thông tin và do những xuyên tạc đàm tiếu của thiên hạ. Thực ra, lúc Tướng Hinh cầm quân thì tôi mới là một cậu học trò bậc tiểu học, chẳng có ý niệm gì về chuyện người lớn. Ngoài ra, tôi thích loại bài viết này. Tôi vẫn hay tìm đọc loạt bài "Vẻ Vang Dân Việt" thỉnh thoảng được đăng trên các báo. Cám ơn tác giả Nguyên Hương N.C. và tạp chí *Thế Kỷ 21* về một bài sưu tầm kỹ lưỡng và đáng làm.

Hà Kỳ Lam *(New Jersey)*

Xanh rờn chứ không phải xanh rì

Trong bút ký Đi Tàu của Phạm Xuân Đài trong số 187 vừa rồi, trang 120 có trích hai câu thơ lục bát của Nguyễn Bính, tôi thấy có một chữ sai:

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi
Cách nhau cái giậu mồng tơi xanh rì

Nguyên văn đoạn thơ ấy của Nguyễn Bính như sau:

"
.....
Nhà nàng ở cạnh nhà tôi
Cách nhau cái giậu mồng tơi xanh rờn *
Hai người sống giữa cô đơn
Nàng như cũng có nỗi buồn giống tôi
Giá đừng có giậu mồng tơi
Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng.
Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng
Có con bướm trắng thường sang bên này.
....."

* Không phải là "*rì*" mà là "*rờn*" mới ăn với vần "*đơn*" của câu dưới.

Lê Khắc Lý *(Fullerton, CA)*

Một mũi tên, hai con chim

Bài viết của giáo sư Nguyễn Văn Trung trong *Thế Kỷ 21* số 187 (Nov. 2004) nói về sự người Bắc coi thường người Nam đúng là một bài của đẳng cấp giáo sư đại học. Không dài, chỉ ba trang, mà đâu ra đó, nói có sách mách có chứng, lý luận chặt chẽ, trình bày vấn đề một cách toàn diện. Âu đó cũng là điểm "ưu việt" của sĩ phu Bắc Hà vậy.

Nhưng giữa những dòng chữ xem ra rất vô tư nặng tính cách nghiên cứu ấy tôi nhận thấy hai điều:

1. Tác giả muốn đồng hóa việc đảng Cộng sản triệt hạ Phan Thanh Giản với "phong trào" coi thường người Nam của người Bắc, nói chung. Đọc xong, người ta có thể thở phào: À, nếu cũng ở trong não trạng ấy thì việc đó cũng thường thôi. Bao nhiêu người Bắc đã tỏ ra coi thường người Nam như thế thì đến phiên mình, Trần Huy Liệu cũng làm việc ấy với Phan Thanh Giản, có gì lạ?!

2. Cố tình chứng minh rằng phe Việt Nam Cộng Hòa chỉ là lính đánh thuê, chỉ vì ông Dương Văn Minh đầu hàng mà không tự sát như Phan Thanh Giản. Tác giả viết một cách vô cùng tế nhị khéo léo để diễn tả cái ý ấy. Đoạn trên viết: "*Trường hợp không thể nhượng bộ được và nhượng bộ cũng vẫn mất thì chỉ còn cách chịu mất để tránh những thiệt hại vô ích về nhân mạng.* ***Nhưng Phan Thanh Giản không để mất tư cách, một cái mất không phải do hoàn cảnh khách quan bên ngoài mà do chính mình.***" Dưới đó một khúc ngắn, tác giả lại viết: "*Thực ra đã có nhiều tướng tá và binh lính (của quân đội miền Nam – Người viết) đã tự sát nhưng hình như ít được nói đến cả về phía người Mỹ và Cộng sản, cả hai đều xem ra đồng tình coi quân đội viên chức VNCH là tay sai, lính đánh thuê. Nếu tướng Minh tự sát thì sẽ có tiếng vang không thể che giấu được và đặc biệt dư luận Hoa Kỳ và*

Cộng sản không thể nói chế độ miền Nam là bù nhìn tay sai lính đánh thuê vì ***tay sai lính đánh thuê không bao giờ tự sát.***" Nối kết các ý từ những đoạn đó lại, thì sẽ có được một tam đoạn luận đơn giản để đi đến một kết luận: vì Dương Văn Minh không tự sát, VNCH là lính đánh thuê.

Tôi không dám kết luận bài viết của giáo sư Trung cũng là sản phẩm của một loại "lính đánh thuê," nhưng ý đồ "đỡ đòn" cho Cộng sản VN trong vụ Phan Thanh Giản của tác giả thì khá rõ, muốn đem vụ tố khổ Phan Thanh Giản mà thực chất là một chủ trương có tầm mức quốc gia của Bắc Việt thời đó, kéo vào một cách nhập nhằng với bao nhiêu vụ "người Bắc coi thường người Nam" lặt vặt khác. Và sẵn mũi tên ấy, "bắn" luôn con chim đã chết là VNCH một phát nữa, cũng rất là đích đáng.

Một cú biểu diễn tuyệt khéo! Không hổ danh sĩ phu Bắc Hà!

Phan Nam Hà *(Australia)*

Ngôn ngữ

Bài "Từ Việt Gốc Pháp" trong số báo tháng 11 vừa rồi đã đóng góp nhiều để hiểu thêm tiếng Việt. Thế hệ người Việt Nam hiểu rõ gốc gác của các từ Việt gốc Pháp tôi nghĩ đang dần dần biến đi, và rất nên để lại những hiểu biết của mình cho con cháu học hỏi.

Xem những bài như thế mới thấy tiếng nói thật là sống động, luôn luôn biến đổi, thêm cái này, bớt cái kia liên tục. Thành phần tiếng Tàu trong tiếng Việt thì dĩ nhiên là nhiều nhất, nhiều đến độ có nhiều tiếng nếu không có những nhà ngữ học chỉ ra đó là tiếng Tàu thì không ai ngờ cái gốc Tàu của nó. Nhưng mấy mươi năm gần đây lại có những công trình nghiên cứu thành phần tiếng Thái, Miên, Lào, Miến Điện, Mã Lai... nằm trong tiếng Việt, mà mới nhất là cuốn "Tự điển đồng nguyên tiếng Việt" (Cognatic dictionary of the Vietnamese language) của bác sĩ Nguyễn Hy Vọng vừa ra mắt tại Viện Việt Học tại Quận Cam trong tháng 11.2004 này. Đọc những khám phá này chúng ta có thể có cảm giác bối rối, không biết thật sự chữ nào là "thuần chủng" Việt, chữ nào là vay mượn của dân tộc khác (và giống dân khác vay mượn của mình), vì sự pha trộn những ngôn ngữ khác trong tiếng Việt quá đa dạng!

Nguyễn Văn Toán(Costa Mesa, CA)

Một bức thư lưu lạc

Đọc *Thế Kỷ 21* số đặc biệt về Sài Gòn cảm động quá.

... Tình cờ lại đọc được bài của Phạm Xuân Đài viết về Paris (hồi 97) có nhắc về mưa ở Sài Gòn, lại có Trần Mộng Tú cũng viết về mưa, tôi rất thú vị, vì chính tôi cũng có những kỷ niệm với mưa ở Sài Gòn. Vâng, Sài Gòn mưa đáng nhớ hơn nắng.

Đâu rồi cơn mưa Sài Gòn
Anh em bạn cũ thuở còn tóc xanh?

Đó là mấy câu thơ tôi làm khi ngồi uống cà phê với bạn bè ở Bolsa.

Nơi tôi ở (San Jose, California) mùa mưa đến khoảng tháng 1, 2 dương lịch. Thường là mưa nhỏ, "không ướt đất." Bỗng một hôm, trời chạng vạng, một cơn mưa ập đến rào rào, ào ào. Tôi thích quá, bốc điện thoại gọi ngay một anh bạn miền Nam: "Mưa Sài Gòn, mưa Sài Gòn!" làm anh ấy chẳng hiểu gì, tưởng tôi điên!

Bùi Ngọc Tô *(San Jose)*

Trên đây là bức thư của bác sĩ Bùi Ngọc Tô ở San Jose viết về Tòa soạn, đề ngày 8 tháng Tư năm 2004, nhưng chỉ mới gần đây chúng tôi mới nhận được. Có thể là do lỗi của Bưu điện, có thể do tòa nhà quá lớn chứa quá nhiều cơ quan trong đó có báo Thế Kỷ 21, khiến lâu lâu có một vài bức thư ngơ ngác không biết nên đi vào phòng nào... Dù thế nào, tấm lòng yêu mưa của tác giả bức thư nên được chia sẻ cùng bạn đọc, loại tình yêu đó không bao giờ bị mất thời gian tính, dù là sau... tám tháng! Mong bác sĩ Bùi Ngọc Tô hỉ xả về sự chia sẻ muộn màng này!

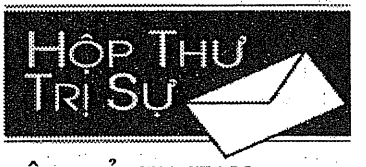

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Ebsco Subs AL – Nguyen Viet Son CA – Trinh Nhu Toan CA – Huynh Hoang Cuong NY – Tran Van Phe MN – Hoang Duc Canh CA – Nguyen Ba Lieu CA – Do Cam Vy CA – Vo Van Quy MD – Robert p. Neathery WA – Nguyen Luu Kim Loan TX – Nguyen Phong Chau Canada – Hoang Anh Tuan Germany – Pham De OH – Phung Ngoc Hieu WA – Bui Cam Hong AZ – Tran H Dinh CA – Nguyen Duc Luy NV – Le T Tham CA – Nathalie Donge MD – Nguyen Hao CA – Phan Van Quang VA – Do H Khanh CA – Nguyen Di France – Le Van Tiet CT – Ngo Van Tuyen WA – ACQ. Dept/Pub Libra UT – LIB: Columbia BR WA - LIB: The Library (Menzies) Australia – LIB: Anaheim Public Tech CA – LIB: Los Angeles Public LIB CA – LIB: China Branch CA – LIB: Canoga Park BR CA – LIB: Lincoln HGTS CA – LIB: Pomona Public CA – LIB: South Branch Library CA – LIB: Milpitas Comm CA – Dinh V Minh TX – Bui Ngoc To CA - LIB: Biblio Ville MONTREAL – Nguyen D Khiem NH – Ngo T Tam Norway – Le Ngoc Giao MD – Vo Cong WA.

ĐỘC GIẢ MỚI

Luong Ham Chau FRANCE – Tran Dinh Le FRANCE – Cong Tang Tuyet Le CA – Dang T Kim Ngan CANADA – Acquisitions SJ. Public LIB CA.

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Thien Hy TX – Nguyen Ngoc Lien TX – Xuong Xoi FL – Ngo Phuong Dung Canada – Nguyen Tang Cat AUSTRALIA - Chu Xuan Vien VA.

CÁC THỬ THÁCH CHỜ ĐỢI TT BUSH SAU KHI ĐẮC CỬ:

THÂM THỦNG NGÂN SÁCH, GÁNH NẶNG Y TẾ, CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

ĐINH XUÂN QUÂN

Trước mắt sau khi đắc cử, lại toàn thắng tại Quốc Hội (Hạ và Thượng viện) nay chính quyền Bush còn gặp nhiều thử thách về kinh tế, an ninh xã hội và về đối ngoại.

Kinh tế

Trong ngắn hạn, mặc dù thị trường chứng khoán có phần tăng nhưng các chuyên gia kinh tế cho là tăng trưởng kinh tế (ước khoảng 3.5%/ năm) sẽ tùy thuộc vào Quỹ dự trữ liên bang về vấn đề lãi suất và hơn nữa còn tùy thuộc vào giá dầu thường bị ảnh hưởng các yếu tố tâm lý rất cao và do đó có hậu quả trên tăng trưởng kinh tế.

Về dài hạn, tăng trưởng kinh tế Mỹ sẽ tùy thuộc vào cách TT Bush giải quyết vấn đề số 1 là thâm thủng ngân sách do các chính sách diều hâu của chính phủ Bush, giải quyết các vấn đề chi phí về y tế ngày càng tăng, những khó khăn sắp tới của chương trình Medicare và quỹ an ninh xã hội (Social Security).

Ngoài ra còn một vấn đề bức xúc nữa là thâm thủng cán cân thương mại. Đúng vậy, theo Mark Zandi, kinh tế gia trưởng của Economy.com. "Thâm thủng thương mại hay ngân sách và giá dầu không thể giải quyết qua lãi suất (Quỹ dự trữ liên bang) mà chỉ có thể giải quyết bằng các chính sách kinh tế của chính phủ Bush."

Các khó khăn của TT Bush là một bên ông hứa giảm thâm thủng ngân sách ($415 tỷ trong năm 2004), nhưng lại vẫn khăng khăng muốn giảm thuế, và mặt khác Tòa Bạch ốc muốn tự do thương mại nhưng cùng lúc lại muốn bảo vệ các lao động ngành may mặc đối với sự cạnh tranh của hàng Trung Quốc.

Khi nhậm chức vào năm 2000, TT Bush dự tính sẽ có $5.6 ngàn tỷ thặng dư ngân sách trên 10 năm nhưng từ đó đến giờ thâm thủng ngân sách đã trên $2 ngàn tỷ. Kinh tế Mỹ không tăng trưởng nhanh đủ để có thể giải quyết các chi phí an sinh xã hội (Social Security và Medicare) nay chiếm 7% của kinh tế. Trong vài năm nữa lứa người sinh năm 1943-1946 sẽ về hưu và quỹ an sinh xã hội sẽ cần trên 2000 tỷ đôla trả hưu bổng cho họ. Ngoài ra quỹ Medicare lo y tế cho người già cũng sẽ thâm thủng trầm trọng. Đó là các thử thách về các chính sách an sinh xã hội quốc nội.

Nói chung thì kinh tế có phần khá hơn năm 2000, lúc đó kinh tế đang trì trệ, thị trường chứng khoán xuống và các nhà máy đóng cửa hàng loạt. Nay lạm phát ở mức thấp mặc dù giá dầu tăng cao và tỷ lệ thất nghiệp cũng có phần nào xuống, ở mức 5.4% so với 6.3% năm 2003. Mặc dù vậy các thử thách còn triền miên.

Đồng dollar từ từ mất giá so với đồng Euro và chiều hướng đồng dollar giảm giá sẽ tiếp tục trong tương lai gần đây. Theo các chuyên gia thì đồng dollar còn tiếp tục xuống vì hiện nay cán cân thương mại (giữa nhập khẩu và xuất khẩu) thâm thủng gần $600 tỷ và không có dấu hiệu nào cho thấy là thâm thủng cán cân thương mại Mỹ sẽ giảm.

Chính phủ Bush muốn giảm thâm thủng thương mại qua việc buộc nhiều nước mở các thị trường của họ cho hàng Mỹ vào và hơn nữa chính sách ngoại giao - kinh tế buộc các nước Á châu tăng hối xuất của họ và nhờ đó làm cho hàng công nghiệp và nông nghiệp Mỹ có sức cạnh tranh cao. Mỹ nhập từ các nước Á châu nhiều hơn nhưng một số tiền thặng dư này đã trở về Mỹ qua các đầu tư, nhất là vào việc các ngân hàng trung ương Á châu mua trái phiếu của chính phủ Mỹ. Việc này đã giúp giữ lãi suất Mỹ ở mức thấp và mức độ nhập khẩu hàng không giảm.

Hậu quả là dân chúng Mỹ sống quá mức lợi tức của họ. Nhiều chuyên gia cho là cần giảm mức tiêu thụ của dân Mỹ. Theo GS kinh tế Ken-

neth Rogoff của Harvard, thì muốn giảm thâm thủng thương mại thì đồng dollar sẽ phải mất 20 % trị giá của nó.

Việc tiêu xài và nhập khẩu quá mức làm tăng nợ nước của Mỹ đối với các nước ngoài và năm nay Mỹ nợ các nước ngoài 30 % sản xuất của Mỹ. Theo GS Barry Eichengreen của ĐH California ở Berkeley thì các nước Á châu sẽ thay đổi chính sách và sẽ bớt xuất khẩu và chăm chú nhiều hơn vào thị trường quốc nội của họ. Vì vậy họ sẽ giảm việc ủng hộ dollar qua việc mua các công khố phiếu của Mỹ, và giữ thêm tiền Euro làm dự trữ. Theo ông thì việc TQ cho tăng lãi suất để giảm sức ép trên kinh tế cho thấy là họ đang thay đổi chính sách và như vậy việc các nước Á châu có thặng dư thương mại đối với Mỹ đang bắt họ thay đổi chính sách kinh tế.

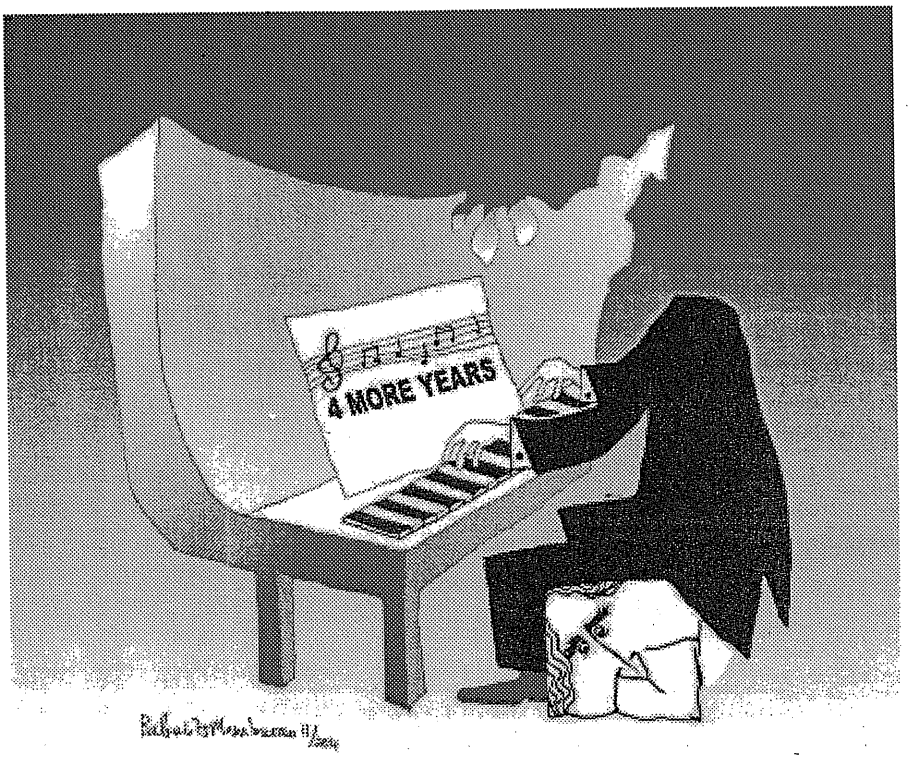

Việc chính phủ Bush gia tăng sức ép mở thương mại với các nước bạn hàng — Âu châu, Á châu và Canada cho thấy là các nước này ngày càng có khuynh hướng mang các tranh chấp thương mại ra tổ chức thương mại quốc tế (WTO) chứ không tiếp tục bị Mỹ ép nữa. Họ đã thắng kiện nhiều lần đối với Mỹ. Nhưng khi đồng dollar mất giá thì việc này sẽ giúp tăng khả năng xuất khẩu của Mỹ nhưng cũng gây nhiều xích mích - khó khăn với các nước khác.

Đồng dollar mất 8% giá trị so với năm trước và thâm thủng thương mại, lãi suất thấp đã làm cho đồng dollar tiếp tục mất giá. Đồng dollar mất giá sẽ có ảnh hưởng tốt đến xuất khẩu của Mỹ và theo các chuyên gia thì dollar sẽ tiếp tục xuống trong nhiệm kỳ hai của TT Bush.

Thương mại

TT Bush còn gặp nhiều thử thách về thương mại để giải quyết cán cân thương mại thâm thủng của Mỹ. Ông sẽ phải xin Quốc Hội gia hạn quyền thương thuyết thương mại với các nước khác. Mỹ đang thương thuyết cho năm nước trung nam Mỹ vào thị trường tự do thương mại trung Mỹ (CAFTA) nhưng các công đoàn Mỹ sợ mất job. TT Bush cũng bị sức ép bảo vệ việc làm cho các công nhân Mỹ ngành may mặc đối với cạnh tranh của hàng TQ.

Một tranh chấp thương mại khác với Âu châu là vụ tranh chấp Airbus-Boeing về việc trợ giúp của chính phủ cho công ty này. Hai bên tố nhau là cạnh tranh không cân bằng vì được chính phủ trợ giúp. Ngoài ra còn việc Âu châu không chấp nhận các loại ngũ cốc được thay đổi DNA còn gọi là (GMC — hay genetically modified crops).

Lao động, Xã hội

Chính phủ Bush sẽ tiếp tục nới rộng các vấn đề lao động và sẽ có nhiều tranh cãi với các công đoàn. Nhiều dự luật về lao động do phe dân chủ chủ trương sẽ thất bại như tăng lương tối thiểu từ $5.15/giờ lên $7/giờ vào 2007, tăng bảo hiểm cho

các công nhân. Về outsourcing (xuất khẩu việc làm ra nước ngòai), việc xuất khẩu công việc làm ra nước ngòai sẽ tiếp tục và các luật bảo vệ công nhân (Occupational Safety & Health Administration hay OSHA), sẽ nới lỏng hơn.

Về xã hội, các công ty dược phẩm ăn mừng và các cổ phiếu các công ty dược phẩm tăng sau khi TT Bush tái đắc cử. Chính phủ Bush chống lại việc nhập thuốc (cũng do các công ty dược phẩm Mỹ bán tại Canada với gái rẻ hơn) và vấn đề đang thảo luận tại Quốc hội. Đối với người không có bảo hiểm thì có lẽ đừng mong nhiều vào chính phủ Bush vì TT sẽ nhằm giảm chi phí y tế qua kế hoạch giảm thuế cho các người tự mua bảo hiểm mà thôi (a plan for tax credits to help some people buy their own policies).

Về việc cải cách luật về bồi thường y tế (để kiềm chế tăng trưởng chi phí y tế) thì chính phủ Bush sẽ có nhiều triển vọng thành công vì đã được Hạ viện thông qua rồi và nay đảng Cộng Hòa chiếm đa số tại Thượng Viện (55 ghế trên 100). Như vậy việc giảm tiền bồi thường y tế sẽ giảm phần nào gánh nặng về các chi phí bảo hiểm y tế.

Về chính sách đối ngoại

Chính sách đối ngoại của Mỹ gặp khó khăn tại Âu châu vì cách đối xử trên chính trường quốc tế của TT Bush vì ông ta tin là sức mạnh của Mỹ có thể thay đổi mọi chuyện, do đó coi rẻ các tổ chức quốc tế và không chú ý đến các hiệp ước quốc tế được coi là ngăn cản việc Mỹ ra tay đơn phương. Kinh nghiệm chua cay tại Iraq đang cột chân Mỹ tại đây vì nay quân đội Mỹ không còn khả năng có mặt trên nhiều điểm nóng khác như Iran hay Bắc Hàn. Theo Ông Steinberg một trong những cố vấn an ninh dưới thời Clinton thì kinh nghiệm Iraq đã làm Mỹ phải "phải suy nghĩ lại, phải xét lại chính sách."

Giải quyết tranh chấp Israel-Palestine là chìa khóa cho hòa bình tại Trung Đông. TT Bush tuyên bố là ông rất quan tâm đến việc xây dựng một nước Palestine sống hòa bình bên cạnh với Israel nhưng đến đây việc này đã bị các cố vấn "diều hâu - thân Israel" ngồi quanh PTT Cheney và Bộ trưởng quốc phòng Rumsfled ngăn cản tiến trình Mỹ ra tay một cách công bằng. Do đó đối với nhiều nước, Mỹ chưa thành thật giải quyết vấn đề Trung Đông, còn để cho Israel lộng hành, còn thiên về phe Israel nhiều hơn. Liệu ê-kíp ngoại giao mới có cân bằng hơn, hay lại bị các phần tử thiên Israel ngăn chặn?

Tại Iraq, vấn đề mang dân chủ "qua nòng súng" đã không mấy thành công và nay TT Bush chỉ mong có một Iraq và Trung đông ổn định là tốt rồi. Có lẽ Tòa bạch ốc sẽ phải thiết thực hơn chăng và đã bỏ hẳn mục đích mang lại dân chủ cho Trung Đông?

Việc TT Bush đắc cử đã giúp chính sách đối ngoại của TT Chirac của Pháp. Ông sẽ không bị sức ép phải giúp Mỹ tại Iraq, người đã đơn phương ra tay tại Iraq. Vụ Iraq đã giúp Âu châu nhìn rõ hơn, thấy sự cần thiết quy tụ lại để cân bằng với sức mạnh đơn phương của Mỹ. Trong nhiệm kỳ hai thì thâm thủng ngân sách của Mỹ, quân đội Mỹ quá trải mỏng tại Iraq sẽ bắt buộc TT Bush có thái độ "ôn hòa" hơn đối với các đồng minh Âu châu.

Việc dân chúng Mỹ tái bầu cho ông Bush càng làm cho Âu châu thấy là họ cần có một khối Âu châu độc lập hơn và mạnh mẽ hơn, nhất là về quân sự. Trong một cuộc phỏng vấn gần đây của đài RTL, ngoại trưởng Pháp Barnier nói là Âu châu và Mỹ cần liên kết với nhau nhưng ông cũng nhấn mạnh là thế giới cần có nhiều cường quốc (tránh việc độc quyền của Mỹ) và Âu châu đang tiến tới việc xây dựng một khối mạnh mẽ khác.

Trước đây Mỹ chỉ trích Pháp muốn xây dựng một lực lượng quân sự ngoài NATO, nhưng vì có nhiều điểm nóng trên thế giới, vì quân đội Mỹ không còn khả năng ra tay trên nhiều chiến trường cùng một lúc cho nên chính quyền Bush sẽ phải cởi mở hơn đối với ý kiến của Pháp. Theo cựu Đại sứ Mỹ tại Pháp, ông Rohatyn, việc liên hệ chặt chẽ với Pháp và Âu châu là cần thiết vì trên phương diện tài chính và trên phương diện quân sự, Mỹ trải quá mỏng trên thế giới. Theo ĐS Rohatyn thì việc Mỹ tưởng có thể ra tay đơn phương, không cần đồng minh đã không thành công.

Theo Alain Marsaud của đảng Chirac thì "Mỹ cần kinh nghiệm của Pháp đương đầu với các nước Trung đông và chính phủ Bush I sẽ phải khác với chính quyền Bush II. Chúng ta (Âu châu) cần Mỹ và có lẽ họ cũng thấy là họ cần chúng ta nữa."

Các thử thách trên cho thấy chính quyền Bush còn nhiều khó khăn về kinh tế và nội bộ - an sinh xã hội - cũng như là giải quyết các bất đồng với Âu châu nhằm giải quyết các bế tắc ở Trung đông. Tất cả các chuyện đó đang chờ nhiệm kỳ bốn năm tới của Tổng thống Bush.

YASSER ARAFAT

người làm ý nghĩa của một cuộc tranh đấu thêm lãng mạn

VŨ ÁNH

Nhà lãnh đạo Palestine, ông Yasser Arafat đã trút hơi thở cuối cùng trước bình minh hôm Thứ Năm 11-11-2004 tại một bệnh viện tại Pháp, nơi ông được điều trị một chứng bệnh bí mật. Trên toàn thể lãnh thổ Tây Ngạn và Giải Gaza, hàng triệu người Palestines đã đổ ra đường phố để khóc than và cầu nguyện cho nhà lãnh đạo đã sát cánh với họ trong suốt 40 năm tranh đấu để mong có được một đất nước riêng. Bầu không khí tang tóc đầy bi hùng ấy khiến cho nhà cầm quyền Do Thái lo sợ bất ổn và bạo loạn bộc phát nên đã ra lệnh đóng kín tất cả những lối ra vào chính trong vùng Tây Ngạn và Giải Gaza.

Tuy nằm xuống giữa một tình hình hết sức chênh vênh và đối phương Do Thái của họ vẫn tiếp tục được Hoa Kỳ hỗ trợ một cách mù quáng, nhưng rõ ràng nhà đạo Palestine đã trở thành một biểu tượng không thể thiếu được của dân tộc Palestine, một người mà báo chí Âu châu gọi là "một chính khách và một du kích chính hiệu" đã sống một đời sống trọn vẹn nhất trong số tất cả những lãnh tụ trên thế giới xuất thân từ du kích ,và từ môi trường tranh đấu cho dân tộc mình. Tờ New York Times và tờ Los Angeles Times đã đưa ra nhận định: "Hơn bất cứ một lãnh tụ nào trên thế giới trong vòng 40 năm qua, Yasser Arafat là một nhà lãnh đạo sống hết mình cho ước mơ của mình."

Ông là ai...?

Nhà lãnh đạo Palestine có một cái tên rất dài: Mohammed Abdel-Raouf Arafat As Qudwa al-Hussaseini sinh ngày 24-8-1929 tại Cairo, thủ đô Ai Cập, con trai của một nhà buôn vải sợi. Bố của Arafat là một người Palestine và là một vị tiền bối trong dòng họ gốc Ai Cập, mẹ là một phụ nữ thuộc một gia đình người Palestine cổ tại Jerusalem. Bà mẹ Arafat chết từ khi Yasir (tên thường gọi của Yasser Arafat) mới được năm tuổi. Cậu bé Yasir được bố gởi đến nhờ một người cậu sinh sống tại Jerusalem nuôi nấng. Jerusalem vào thuở đó là thủ phủ vùng đất của người Palestine, được đặt dưới quyền cai trị của người Anh, điều mà dân tộc Palestine chống đối rất dữ dội. Yasser Arafat còn nhớ rất ít về thời thơ ấu của ông. Rất nhiều bản tiểu sử nói đến câu bé Yashir sống cô độc trong gia đình người cậu ruột. Tuy nhiên, Yashir gần như không bao giờ quên được một lần quân Anh đột nhập vào nhà ông, bắt tất cả thành viên trong gia đình và đánh đập dã man cũng như phá nát tất cả bàn ghế trong nhà.

Sau bốn năm sống tại Jerusalem, Arafat được thân phụ mang trở lại Cairo để cho người chị cả của ông coi sóc các em. Arafat không bao giờ nói đến ông bố của mình và dường như người cha này không bao giờ sống gần các con. Yasser Arafat cũng không dự tang lễ bố mình vào năm 1952. Có thể nói rằng, cuộc đời của nhà lãnh đạo Palestine là một cuộc đời đầy sóng gió, nhưng quả thật, chưa có một lãnh tụ nào trên thế giới có một đời sống sinh động và phong phú như ông.

Trước khi tròn 17 tuổi, Yasser Arafat đã thầm lậu được vũ khí vào cho người Palestine để chống lại sự cai trị của người Anh và người Do Thái.

Năm 19 tuổi, trong suốt trận chiến giữa người Do Thái và các quốc gia Ả Rập, Yasser Arafat đã phải bỏ việc bút nghiên tại trường Đại Học Faud I (sau này đổi thành trường đại học Cairo) để chiến đấu chống lại người Do Thái tại khu vực Giải Gaza. Sự bại trận của người Ả Rập và việc thành lập Quốc gia Do Thái khiến cho ông thất vọng, nên đã xin một chiếu khán nhập cảnh Hoa Kỳ để vào học trường Đại Học Texas. Lấy lại được tinh thần và giấc mơ về việc thành lập một quốc gia độc lập cho người Palestine, ông quay lại trường Đại Học Faud I để học về kỹ thuật, và trong thời gian học lúc nào Arafat cũng được coi là lãnh tụ của nhóm sinh viên người Palestine tại đại học đường này.

Tốt nghiệp kỹ sư năm 1956, làm việc một thời gian ngắn tại Ai Cập, sau đó tái định cư tại Kuwait, đầu tiên làm việc cho Bộ Công Chánh của vương quốc này, sau bỏ đời sống công chức và thành lập một văn phòng thầu khoán riêng cho mình và rất thành công trong công việc làm ăn. Arafat dùng tất cả thời gian rảnh rỗi sau công việc vào hoạt động chính trị và đóng góp hầu tất cả lợi tức kiếm được trong công cuộc kinh doanh vào những hoạt động này. Năm 1958, Arafat đã cùng một số bạn bè thân tín thành lập Phong Trào Al-Fatah, một hệ thống gồm các tổ hoạt động bí mật. Một năm sau ông cho ra một tuần báo vận động cuộc vũ trang cho dân chúng Palestine để chống lại người Do Thái. Lúc đó, ông còn rất trẻ. Cuối năm 1964, Arafat rời bỏ Kuwait để trở thành một nhà cách mạng, hoạt động toàn thời gian, và bắt đầu tổ chức các cuộc tấn công vào Do Thái từ đất Jordan. Năm 1964 cũng là năm mà Tổ Chức Giải Phóng Palestine gọi tắt bằng Anh ngữ là PLO được thành lập dưới sự bảo trợ của Liên Đoàn Ả Rập. Tổ chức này là một tập hợp một số các nhóm hoạt động nhằm giải phóng Palestine khỏi sự cai trị của người Do Thái. Những quốc gia Ả Rập lúc đó theo đuổi một chính sách mềm mỏng hơn là Phong Trào Al-Fatah, nhưng sau khi các nước Ả Rập thua Do Thái trong Trận Chiến 6 ngày vào năm 1967, phong trào Fatah của Yasser Arafat đã công khai hoạt động và trở thành một lực lượng vũ trang mạnh nhất, được tổ chức hoàn hảo nhất trong những nhóm hoạt động dưới cái nôi PLO. Do đó, Al-Fatah nắm được toàn bộ tổ chức PLO vào năm 1969 khi Arafat trở thành Chủ tịch Ủy Ban Chấp Hành PLO. Và cũng kể từ đây, PLO không còn là một tổ chức bù nhìn của các nước Ả Rập nữa, và trở thành một tổ chức quốc gia hoàn toàn độc lập đối với Liên Đoàn Ả Rập và có văn phòng tại Jordan.

Vào thời gian phát triển và củng cố PLO, Yasser Arafat hoàn toàn chủ trương cứng rắn và bạo lực. Đầu năm 1970, ông nói với dân chúng Palestine: "Nếu chúng ta không cương quyết và không chiến đấu bằng những hành động súng đạn, thì có bao giờ người Do Thái lại chịu rút ra khỏi những vùng đất họ đã xâm chiếm của chúng ta."

Những phương thức tác chiến linh động và khôn ngoan của du kích PLO khiến cho Do Thái phải chịu nhiều thiệt hại. Thanh thế của PLO ngày càng lên cao và làm cho Vua Hussein của Jordan lo ngại nên cuối cùng ông quyết định trục xuất PLO ra khỏi đất nước của ông. Yasser Arafat không chịu đầu hàng quyết định của vua Hussein, và ông tìm cách xây dựng một tổ chức tương tự tại Lebanon. Tuy nhiên, kế hoạch của Arafat gặp trở ngại vì cuộc xâm lăng Lebanon của Do Thái. Yasser Arafat vẫn duy trì được tổ chức của ông, nhưng phải di dời văn phòng PLO sang thủ đô Tunis, Tunisia-Bắc Phi. Trong suốt thời gian điều khiển PLO ở Tunis, Yasser Arafat đã là người rất hiếm thoát hiểm trong một tai nạn máy bay. Chưa có một lãnh tụ nào trên thế giới bị ám sát nhiều lần như ông, nhưng bao giờ ông cũng thoát hiểm trong gang tấc. Tình báo của Do Thái đã tổ chức hàng chục lần để sát hại ông, nhưng rồi cuối cùng họ cũng đành bó tay. Lý do: dưới tay Arafat là một hệ thống tình báo viên tinh vi và nhạy bén. Ngay cả đến một cú đột quị (stroke) khá nặng vào năm 1972 cũng không quật ngã được ông.

Cuộc đời của Yasser Arafat là một chuỗi những cuộc di chuyển không ngừng từ nước này đến nước khác để quảng bá chính nghĩa của dân tộc Palestine và những chuyến đi như thế luôn luôn giữ bí mật tối đa. Không ai biết một chút gì về đời tư của ông ra sao cả, ngay cả đến việc thành hôn với cô Suha Tawil, một cô gái Palestine chỉ bằng nửa tuổi ông. Việc ông lập gia đình được giữ kín cho đến 15 tháng sau, lúc mà bà đã trở thành một nhà hoạt động xã hội đáng kể tại quê nhà, đặc biệt những hoạt động liên quan đến những đứa trẻ tật nguyền. Tuy nhiên phần tham dự vào cuộc đời nổi tiếng của Yasser Arafat chính là lần đầu tiên bà xuất hiện trước công chúng tại hội nghị Hòa Bình Oslo khiến cho những nhà lãnh đạo Ả Rập tròn xoe mắt. Sau đó đứa con gái của Yasser Arafat, Zahwa ra đời.

Giai đoạn sau bị trục xuất khỏi Lebanon là khoảng thời gian tên tuổi Arafat và Phong Trào

Giải Phóng Palestime bị chìm đi. Vào lúc đó, những cuộc biểu tình lớn của người Palestine làm rúng động Trung Đông và tạo lại được sự chú ý của thế giới đối với những khó khăn của dân tộc Palestine và đồng thời Arafat đã củng cố được vị thế của mình để vào năm 1988, nhà lãnh đạo Palestine đã thay đổi chính sách đấu tranh vũ trang. Trong kỳ họp đặc biệt tại Liên Hiệp Quốc ở Geneva, Arafat tuyên bố rằng "Phong trào PLO từ bỏ chính sách khủng bố và hỗ trợ cho quyền của tất cả các bên lâm chiến được sống trong hòa bình và an ninh kể cả quốc gia Palestine, Do Thái và những nước láng giềng..."

Tháng 2-1990, Iraq xâm lăng Kuwait và Yasser Arafat đã hành động sai lầm khi lên tiếng ủng hộ Tổng Thống Iraq lúc đó là Saddam Hussein. Nhưng sau đó, mối liên hệ của Arafat và Saddam cũng nhạt dần sau cuộc chiến vùng Vịnh lần thứ nhất và những hoạt động thương lượng giữa Palestine và Do Thái qua trung gian cũng như áp lực của Hoa Kỳ gia tăng nhiều hơn. Ngày 13-9-1993, những nỗ lực thương lượng này có kết quả. Do những nỗ lực của chính quyền Clinton và chính phủ Do Thái ôn hòa của Thủ Tướng Yit zak Rabin, Do Thái và PLO ký hiệp định hòa bình tại Hoa Kỳ công nhận chính quyền tự trị của Palestine. Hiệp định này dành cho PLO kiểm soát 27% lãnh thổ vùng Tây Ngạn và toàn bộ lãnh thổ Giải Gaza, trước khi có những biện pháp khác để hình thành một quốc gia cho người Palestine.

Arafat và phu nhân

Tháng 7 năm 1994, lần đầu tiên lãnh tụ chiến thắng Arafat đặt chân xuống vùng đất do Palestine kiểm soát và cũng là lần đầu tiên ông bắt đầu cuộc tranh đấu tại chính quê hương của mình và cuối năm đó, Yasser Arafat, Thủ Tướng Do Thái Yitzak Rabin cùng Bộ Trưởng Ngoại Giao Shimon Peres của Do Thái được trao tặng giải thưởng Nobel và Hòa Bình. Nhưng cái giá hòa bình mà họ phải trả một năm sau nặng nề hơn người ta tưởng khi Thủ Tướng Yitzak Rabin bị một thanh niên Do Thái cực đoan ám sát chết. Vụ ám sát có những điều mờ ám đằng sau và nó là một dấu hiệu báo trước Trung Đông vẫn sẽ là vùng đất chan hòa máu và thù hận.

Ngày 20 tháng Giêng năm 1996, Yasser Arafat được bầu làm Chủ tịch Palestine tự trị trong cuộc bầu cử lần đầu tiên.

Do áp lực mạnh mẽ và những cuộc trung gian thương lượng của Tổng Thống Clinton, Benjamin Netanyahu của Do Thái được bầu lên thay thế vị thủ tướng bị ám sát chết đã phải ký một hiệp định khác với Yasser Arafat cam kết rút 80% quân đội ra khỏi thành phố quan trọng ở Tây ngạn là thành phố Hebron. Việc không rút toàn bộ quân đội Do Thái ra khỏi Hebron và những thành phố kế tiếp khác là dấu hiệu của sự tắc nghẽn trong việc thực thi hiệp định hòa bình. Nguyên nhân được dư luận giải thích khác nhau, nhưng yếu tố lãnh đạo là điểm trọng yếu. Netanyahu không phải là Yitzak Rabin cho nên việc thương lượng những bước thi hành kế tiếp của bản hiệp định trước đó trở nên khó khăn. Nội bộ của Do Thái bắt đầu có thái độ trông chờ vào việc thay đổi quyền hành ở Mỹ khi Clinton đã bước vào giữa của nhiệm kỳ thứ hai.

Ngày 23-10-1998, một biến chuyển được đánh giá là một biện pháp cầm chừng để cố cứu vãn nền hòa bình ở Trung Đông diễn ra khi Do Thái và chính quyền tự trị Palestine ký vào bản hiệp

định tạm thời được gọi là "đổi đất lấy hòa bình." Do áp lực của đảng Likud, Thủ Tướng Do Thái Netanyahu đã cố gắng trì hoãn việc rút quân ra khỏi thành phố Hebron và những thành phố khác, đồng thời vẫn tiếp tục cho phép xây dựng những khu định cư cho người Do Thái. Sau những cố gắng không ngừng của chính quyền Clinton nhằm buộc Do Thái phải ngưng hành động nguy hiểm này nhưng không thành công, những tổ chức du kích khác của Palestine nhất là Hamas đã không còn kiên nhẫn.

Bước sang năm 1999, những giải pháp hòa bình tại Trung Đông dường như không còn giá trị gì nữa khi Ehud Mubarak được bầu vào chức vụ Thủ Tướng Do Thái. Ngày 11-7-2000, trước khi rời tòa Bạch Ốc, Tổng Thống Clinton thực hiện một cố gắng cuối cùng khi trung gian để cho Ehud Barak và Yasser Arafat gặp nhau trong chín ngày căng thẳng tại bàn thương lượng tại trang trại David tiểu bang Maryland, nhưng sau đó chính quyền Clinton tuyên bố cuộc gặp gỡ đã thất bại.

Năm 2001 cũng chính là năm đánh dấu sự tan vỡ hoàn toàn những triển vọng hòa bình tại Trung Đông. Tổng Thống George W. Bush lên cầm quyền sau cuộc bầu cử đầy tai tiếng cuối năm 2000 và tại Do Thái, một cựu tướng lãnh nổi tiếng chủ chiến là Ariel Sharon cũng được bầu vào ghế Thủ Tướng chính là những yếu tố khiến cho không còn một ai có hy vọng gì vào bất cứ một giải pháp nào làm cạn bớt biển máu ở Trung Đông. Trước ngày tuyên thệ nhậm chức vào 20-1-2001, Tổng Thống đắc cử George W, Bush tuyên bố ngay rằng ông sẽ lựa chọn thái độ cứng rắn đối với Palestine, Iran và Bắc Hàn. Lời tuyên bố này xảy ra sau khi Ariel Sharon có hành động khiêu khích khi ông xuất hiện cùng với xe tăng Do Thái tại một thánh tích còn đang trong vòng tranh chấp ở gần Jerusalem. Những vụ xuống đường bạo động chống lại Do Thái ở những thành phố còn quân đội Do Thái bùng lên cùng với những vụ ôm bom tự sát nhắm vào người Do Thái đã làm cho dư luận thế giới bàng hoàng.

Từ năm 2001 cho tới sau này, chính quyền của Thủ Tướng Ariel Sharon có đôi lần nhắc tới chuyện ngồi vào bàn thương thuyết, nhưng đó chỉ là những hoạt động rất yếu ớt, bởi vì ai cũng hiểu rằng không dễ gì Do Thái bỏ những vùng đất mà từ bao nhiêu năm, dân tộc Palestine đã phải sống dưới cái dù của họ. Có một điều mà người ta không hiểu nổi là khi Yasser Arafat từ bỏ chính sách tranh đấu bằng vũ lực thì được Hoa Kỳ hoan nghênh, nhưng khi chính quyền Do Thái thay đổi sách lược và lật ngược tình thế, không muốn thi hành những điều đã ký kết thì chính quyền Mỹ lại chỉ muốn Yasser Arafat không được thay đổi chính sách. Mối liên hệ giữa Mỹ và Do Thái đến từ đâu thì ai cũng hiểu được, nhưng sự mù quáng của Hoa Thịnh Đốn thì không ai hiểu được, nếu người ta không chấp nhận sự mù quáng ấy chính là sự lựa chọn của Toà Bạch Ốc ngoại trừ giai đoạn chính quyền Clinton.

Từ năm 2001 cho đến 2003, thế giới hàng ngày chứng kiến những hình ảnh máu đổ, thịt rơi giữa hai dân tộc Do Thái và Palestine. Những vụ đánh bom tự sát diễn ra ở khắp nơi. Những vụ trả đũa được gia tăng cường độ, thậm chí quân đội Do Thái dùng cả những phương tiện chiến tranh tối tân do Mỹ cung cấp để truy lùng và hạ sát những thủ lãnh của những phong trào du kích Hồi giáo, đặc biệt là Hamas. Thế giới lên án những vụ đánh bom tự sát nhắm vào các thường dân Do Thái, nhưng lại không đếm xỉa gì đến nguyện vọng của dân tộc Palestine là được thành lập một quốc gia độc lập và việc người Do Thái lộ rõ tham vọng đất đai. Sự tiếp tục xây dựng các khu định cư cho người Do Thái cũng như việc Do Thái tiếp tục duy trì các trại tị nạn người Palestine đã cho dư luận hiểu tại sao kế hoạch hoà bình Trung Đông đi được 2/3 đường thì bị khựng lại. Có bao nhiêu khu định cư cho người Do Thái như vậy trong những vùng đất của người Palestine? Tel-Aviv không đưa ra con số thống kê chính thức, nhưng tuần báo *Time*, trong số ra vào trung tuần tháng 3-2002 (nếu tôi không lầm) có đưa ra một bản đồ về những trại định cư này trong vùng Tây Ngạn. Mỗi trại định cư được biểu diễn bằng một chấm đỏ. Diện tích những chấm này cộng lại chiếm gần phân nửa đất đai vùng Tây Ngạn. Mỗi một trại định cư của người Do Thái như vậy là một đơn vị kinh tế và được quân đội Do Thái bảo vệ. Do đó người ta hiểu những trại định cư của người Do Thái chính là một trở ngại lớn lao cho hòa bình tại Trung Đông. Việc rút lui những trại định cư như thế sẽ tạo ra một luồng sóng chống đối ngay trong dân chúng Do Thái và sẽ làm lung lay vị trí chính trị của bất cứ thủ tướng hay đảng nào tại Do Thái.

Cuối năm 2001, sau khi tổ chức du kích Hồi giáo Hamas cho nổ bom tự sát ba vụ liên tiếp khiến hàng trăm người Do Thái thiệt mạng, và lợi dụng lúc Yasser Arafat đến làm việc tại văn phòng của ông ở Ramallah, quân đội Do Thái đã

tấn công và phá hủy chiếc trực thăng duy nhất của nhà lãnh đạo Palestine tại Gaza và gián tiếp quản thúc ông tại vùng Tây Ngạn. Tháng 3 năm 2002, nội các Do Thái ra tuyên bố coi Yasser Arafat như một "kẻ thù," hai ngày sau khi Hamas thực hiện hai cuộc ôm bom tự sát khiến cho 29 người Do Thái thiệt mạng và hàng trăm người bị thương. Dư luận thế giới, nhất là Âu châu lên tiếng phản đối Thủ Tướng Sharon vì cho rằng Do Thái chuẩn bị dư luận để tấn công và giết chết Yasser Arafat. Dù đã dùng xe tăng Do Thái đe dọa trước văn phòng của Arafat và có lần trực thăng Do Thái đã bắn hỏa tiễn vào nơi ông sinh sống, nhưng đêm đó ông ngủ ở một phòng khác nên thoát chết.

Tháng Tư năm 2002, một biến chuyển mới diễn ra sau khi Ariel Sharon thăm viếng Hoa Kỳ. Đó là việc ông ta đề nghị đưa Yasser Arafat đi lưu vong với hàm ý ám chỉ rằng, ông sẽ được sống một cuộc đời đầy đủ và bình yên vào những năm cuối đời. Nhà cầm quyền Do Thái còn đưa ra một đòn tâm lý: ngay cả trong nội bộ của nhà cầm quyền Palestine, cũng đã có sự chia rẽ, đám tay chân tham nhũng của ông có thể lật đổ hay giết chết ông. Nhưng khi tiếp xúc được với đại diện LHQ ở Ramallah đổ nát, Yasser Arafat dõng dạc tuyên bố "Thà chết tại Ramallah còn hơn là rời khỏi vùng Tây Ngạn."

Arafat tuyên bố như vậy và ông đã hành động đúng như vậy. Sang tới Tháng Sáu năm 2002, khi hiểu rằng bất cứ dọa nạt nào cũng không thể lay chuyển được Arafat, Tổng Thống Bush đã phạm một sai lầm khi ông lên tiếng thay cho nhân dân Palestine, một khối quần chúng chẳng ưa thích gì Mỹ, đòi thay thế Yasser Arafat bằng một người khác. Lời tuyên bố của Tổng Thống Bush đã đổ thêm dầu vào lửa. Những tổ chức du kích Hồi giáo Palestines hoạt động dữ dằn hơn và chính vào giai đoạn này Hoa Kỳ học thêm một bài học khác: các tổ chức du kích này, đặc biệt là Hamas đã chiếm được ảnh hưởng ngày càng mạnh mẽ tại Palestine. Theo McGeary của tờ *Time*, lý do dễ hiểu: trong khi Do Thái gia tăng nỗ lực đàn áp dân chúng Palesine, trong khi chính quyền tự trị của Arafat phải lo đối phó với những áp lực từ Do Thái và Hoa Kỳ, tình trạng tham nhũng trong chính quyền ngày một lan rộng, Hamas là tổ chức duy nhất tổ chức được một mạng lưới chăm sóc y tế và cứu trợ dân chúng. Họ hoạt động từng nhóm nhỏ có mặt ở khắp nơi và có khả năng che chở cho dân chúng.

Từ Tháng Tư 2003 cho đến tháng 10/2004, Do Thái và Hoa Kỳ vạch ra một sách lược mới, đó là ngầm can thiệp vào việc củng cố chính quyền tự trị Palestine. Song song với lời tuyên bố rút các trại định cư Do Thái ra khỏi Gaza, Ariel Sharon với sự tiếp trợ của Hoa Kỳ cố làm nhạt dần ảnh hưởng của Arafat bằng cách tạo ảnh hưởng vào thủ tướng đầu tiên của Palestine là Mahmoud Abbas, một người ôn hòa và thân thiện với Mỹ. Nhưng ông thủ tướng này không ngồi được quá năm tháng ở ghế Thủ Tướng. Cũng trong năm tháng này, một chính trị gia có uy tín và ôn hòa như Abbas khám phá ra rằng ảnh hưởng của Arafat với dân chúng còn rất mạnh và cuối cùng ông quyết định từ chức. Ahmed Korei, chủ tịch Quốc Hội Palestine, lên thay thế. Korei là người có quan điểm cứng rắn trong tranh đấu và từng sát cánh với Arafat trong những năm tháng chênh vênh nhất của cuộc tranh đấu.

Ngày 27/10/2004, Yasser Arafat đột quị và phải chuyển đến một bệnh viện ở Pháp và ông đã từ trần tại đây. Như thế lần đột quị này đã quật ngã một "con người bằng thép của dân tộc Palestine" như báo chí thế giới đã nhận định. Việc kiếm người thay thế ông không phải là dễ dàng. Những nhà thiết lập chính sách cả Do Thái lẫn Mỹ có thể hy vọng đây là cơ hội để có thể chấm dứt đổ máu ở Trung Đông. Nhưng theo Tracy Wilkinson của tờ *Los Angeles Times*, tình hình Trung Đông đã đổi thay, nhưng những tổ chức du kích Hồi giáo ngày càng có ảnh hưởng lớn, trong khi nguyện vọng của người Palestine vẫn là thành lập một quốc gia độc lập. Có nghĩa là dân tộc Palestine muốn thành lập một quốc gia riêng cho mình với chủ quyền chứ không phải chỉ là một vùng đất tự trị dưới ảnh hưởng và sự can thiệp của người Do Thái.

Hơn nữa, cho tới nay vẫn chưa có một nhà thiết lập chính sách nào của Mỹ hay của Do Thái chịu nhìn nhận một thực tế: trong suốt 40 năm, họ đã đưa ra biết bao nhiêu sách lược khá khá xảo quyệt, nhưng vẫn không khuất phục được Yasser Arafat. Hiện nay, những nhà quan sát Tây phương cho rằng có thể xoá bỏ con người Arafat, nhưng không thể xóa nhòa hình ảnh và tinh thần Arafat trong dân chúng Palestine, chỉ vì ông đã kiên cường tuyên bố: "Thà chết chứ không rời bỏ Tây Ngạn" và ông đã giữ đúng lời hứa. Chỉ khi ngã xuống người ta mới mang ông ra khỏi quê hương ông được. Trên thế giới này đã có bao nhiêu lãnh tụ đã thực sống và chết vì dân tộc mình như Yasser Arafat?

Phỏng vấn của Thế Kỷ 21

Cơn Sốt Vàng Trở Lại Với Khủng Hoảng Đồng Đô La?

Nhân việc giá vàng lại tăng vọt trên mức 430 USD/ounce ở thị trường New York (8/11/2004), chúng tôi đã có dịp trao đổi trở lại với GS Phạm Đỗ Chí, người đã có nhận định vào tháng 11 năm ngoái là sang năm 2004 vì sự mất tín nhiệm của thị trường với đồng đô la Hoa kỳ, vàng sẽ tăng giá lên 400 USD/ounce và có thể được duy trì trên giá này.

Hỏi: **Xin GS cho ý kiến về cơn sốt vàng tái phát năm nay? Có yếu tố gì mới?**

GS Chí : Thời sự tài chính thế giới sau kết quả TT Bush đắc cử ở Mỹ lại đang sôi sục với giá vàng trở lại cơn sốt cũ cuối năm 2003, vượt các mức kỷ lục cũ trong 16 năm qua và lên trên mức "chống cự" (resistance level) cũ 427USD/ounce, sau khi đã tạm im lắng chung quanh mức giá 400 USD vài tháng trước bầu cử TT Mỹ. Thật sự giá vàng tăng trở lại và vượt mức cao mới sau bầu cử lại vẫn thể hiện cơn khủng hoảng mới của đồng đô la Mỹ. Nguyên do căn bản vẫn là mức thua lỗ của cán cân vãng lai Mỹ càng ngày càng đạt mức kỷ lục.

Hỏi: **Ông muốn nói đến một cơn khủng hoảng mới của đồng đô la Mỹ?**

GS Chí : Trong cơn mừng vui thắng cử của Đảng Cộng hòa Mỹ, phản ánh mối ưu tư hàng đầu của cử tri Hoa Kỳ về nạn khủng bố hơn là các khó khăn kinh tế tài chính nội địa, các thị trường tài chính quốc tế đã thể hiện ngay cái lo tiềm tàng về chính sách kinh tế thất thu ngân sách và cán cân vãng lai thua lỗ nặng của TT Bush trong cùng ngày bằng cách đẩy tiền Mỹ xuống mức thấp nhất so với đồng Euro (Euro 1= $1.29) và đẩy giá vàng lên mức cao mới vài hôm sau ($432/ounce ngày 5/11/2004).

Phân tích căn bản cho thấy vì thất thu lớn trong cán cân vãng lai, đồng đô la Hoa Kỳ sẽ còn tiếp tục yếu dần dù trong vài khoảng thời gian ngắn có lúc đô la đã vụt trở lại mạnh trong ít ngày theo hình "zic zac" lên xuống trong ngắn hạn do các tay mua bán thường xuyên "lấy lời" ("profit taking") ngắn hạn. Và nếu ngân sách và cán cân vãng lai Hoa Kỳ cứ tiếp tục thất thu khổng lồ như được tiên đoán trong một hai năm tới, cơn khủng hoảng của đồng đô la Mỹ còn tiếp tục và giá vàng sẽ còn "sức" lên cao.

Phạm Đỗ Chí

Hỏi: **Ông có thể so sánh với một kinh nghiệm đáng nhớ?**

GS Chí: Hàng năm HK đang vay khoảng 540 tỉ USD để chi trả nhập siêu hàng hóa dịch vụ cũng như đầu tư ở nước ngoài. Cán cân vãng lai HK đã bị lỗ 166 tỉ USD vào quí I của năm 2004 và được dự đoán sẽ lỗ trên 600 tỉ cho cả năm nay hay khoảng 6,0-6,5% của GDP, so với mức thất thu của cán cân này tương đương với 3,5% của GDP Mỹ vào năm 1987 lúc cũng xảy ra khủng hoảng lớn của đồng đô la và cơn sụp đổ của thị trường chứng khoán HK vào ngày "Thứ hai đen" vào tháng 10 cùng năm đó. Mức lỗ trầm trọng của cán cân vãng lai thường gây mất tín nhiệm cho đồng tiền một nước, do đó đô la HK đã mất giá 42% từ năm 1985 (đỉnh điểm) đến tháng 11 năm 1990. Để so sánh, từ tháng hai 2002 đến tháng 9 năm 2004, tiền Mỹ "chỉ mới mất giá 23%". Dựa trên con số này, nhiều nhà kinh tế đã dự đoán một tương lai ảm đạm cho tiền Mỹ vào thời gian tới, nhất là với chính sách bỏ lơ (benign neglect) đồng đô la của chính phủ Bush (khác với chính phủ Reagan trước đây theo đuổi chính sách đồng đô la mạnh) và các chi trả ngân sách cao dự đoán cho bốn năm tới đây.

Kỷ lục mới giá vàng: 819.000 đồng/chỉ tại Saigon

Cuối giờ trưa 8-11, giá vàng trong nước có kỷ lục mới: vàng SJC bán ra tại Saigon là 819.000 đồng/chỉ (tăng 2.000 đồng/chỉ so với ngày 7-11), Hà Nội và Đà Nẵng là 820.000 đồng/chỉ, Cần Thơ 818.000 đồng/chỉ, Nha Trang 816.000 đồng/chỉ. Thị trường vàng miếng gần như "đóng băng" cả mua lẫn bán nhưng giá vàng trong nước mới chỉ "lẽo đẽo" theo giá thế giới. Giá vàng thế giới tính ra VND dao động từ 825.000 - 830.000 đồng/chỉ. Sau giá vàng giao ngay, giá vàng thế giới giao tháng 12-2004 cũng leo lên 435 USD/ounce (cao nhất qua 16 năm). Đồng USD đã mất giá kỷ lục so với đồng EUR, có lúc phải mất 1,2968 USD mới đổi được 1 Euro.

Hỏi: **Theo ông, có liên hệ gì giữa giá vàng tăng và sự kiện tăng giá dầu hay giá bất động sản ở nhiều nơi trên thế giới? Có chăng lạm phát toàn cầu?**

GS Chí: Nhìn lại chính sách tiền tệ của ngân hàng Dự trữ Trung ương HK (FED) và các biến cố tài chính quốc tế trong một thời gian dài, người ta cũng có thể thấy giá vàng đang sắp bị đẩy lên để "cân bằng" với các giá cả "bong bóng" khác trên thị trường quốc tế do chính sách của FED trong bảy năm qua để duy trì ổn định kinh tế tài chính toàn cầu. Lúc xảy ra khủng hoảng tài chính Á châu vào các năm 1997-98, FED đã dùng chính sách tiền tệ "dễ" (easy money policy) để bơm thanh khoản (liquidity) vào nền kinh tế thế giới hầu tránh khủng hoảng. Việc này đã dẫn đến quả bong bóng cho thị trường chứng khoán toàn cầu nhất là cho các cổ phần về công nghệ thông tin và Internet ở HK. Lúc quả bong bóng này vỡ, để cứu vãn hậu quả tai hại lên kinh tế toàn cầu, FED lại ra tay tương tự. Rồi đến biến cố khủng bố 11/9/2001 ở Mỹ, FED lại nương tay và bơm thêm thanh khoản để tránh trì trệ cho kinh tế HK và thế giới lần nữa. Từ đó lại thêm thị trường bong bóng cho trái phiếu (giá lên khi lãi suất xuống) lúc lãi suất Mỹ (Fed fund rate) được giữ ở mức 1% trong thời gian dài, và ảnh hưởng lan tràn toàn cầu của chính sách tín dụng dễ đã giúp tạo thêm bong bóng cho giá nhà đất trong thị trường bất động sản toàn cầu, nhất là ở HK và TQ.

Đồng thời do bất quân bình cung-cầu và tình hình Trung Đông, giá dầu đã được đẩy lên trên kỷ lục 50 USD/một thùng. Từ giá cổ phiếu sang trái phiếu, rồi giá bất động sản và giá dầu cũng như một số nguyên vật liệu khác do nhu cầu tăng trưởng cao của TQ, đều có hiện tượng bong bóng. Bây giờ do khủng hoảng tiền đô la HK, chỉ còn giá vàng bạc có thể được đẩy lên trước khi chính sách xiết chặt tiền tệ của FED đang áp dụng với lãi suất lên cao sẽ làm nổ lần lượt các quả bong bóng khác nhau.

Hỏi: **Liệu các ngân hàng trung ương sẽ phản ứng ra sao?**

GS Chí: Nhiều ngân hàng trung ương có thể sẽ dùng dự trữ đôla để mua vàng, Euro hay yen./.

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

HOA-KỲ SAU BẦU-CỬ: BỐN NĂM TỚI

CỔ LŨY

Tổng thống George W. Bush đã tái đắc cử trong kỳ tổng tuyển cử đầu tháng Mười-một vừa qua, với một tỉ số phiếu thắng tương đối khiêm nhường nhưng rõ ràng so với kỳ bầu cử nhiệm kỳ đầu của ông năm 2000.

Sau thời gian vận động tranh cử kéo dài với đầy những tranh chấp sát phạt gay gắt, kết quả bầu cử đưa phe Dân-chủ đến độ cay cú và đau đớn, phe Cộng-hòa vui mừng hỉ hả. Mức chia rẽ trong nước như khó mà hàn gắn được. Trên trường quốc tế nói chung, có lẽ tiêu biểu cho phản ứng tiêu cực đối với kết quả bầu cử là hàng tựa lớn trên một tờ báo ở Anh: "Làm sao sáu-mươi triệu người có thể ngu xuẩn đến vậy?"

Theo giới quan sát chính trị vô tư nếu dân chúng thực sự đánh giá chính quyền theo thành tích nhiệm kỳ đầu ông Bush sẽ thua rất đậm. Ông là người vô trách nhiệm hoàn toàn với tài chính quốc gia hiện tại và môi sinh trong tương lai; một người gây chia rẽ đổ vỡ khó hàn gắn từ trong ra đến ngoài nước. Có thể nói là ông đã thành công lớn trong việc hạ giá mọi thứ mà Hoa-Kỳ có thể đặt nhãn hiệu hay dấu ấn lên trên thị trường thế giới —và đây không chỉ nói về các sản phẩm kinh tế mà thôi. Ông đã thắng cử sát nút với đối thủ mình nhờ vào sự thiếu thoải mái của dân chúng đối với nghị sĩ John Kerry —một trí thức miền Đông Mỹ có suy tư và khá ngần ngừ— và khả năng tiểu xảo của phe Cộng-hòa dồn đẩy mạnh những nghi ngại về khả năng "lãnh đạo" của ông Kerry. Phe Cộng-hòa đã khéo léo biến cuộc bầu cử thành một trưng cầu dân ý về khả năng và thành tích của người ra tranh cử với ông Bush —thay vì đây là trưng cầu, như thường lệ, về khả năng và thành tích của người đang tại chức muốn giữ được tín nhiệm của dân chúng. Nhìn theo chiều hướng này, cái thông điệp phe Cộng-hòa đưa ra để thắng thế —rằng cử tri trong nước phải bám lấy ông Bush trong thời buổi đầy lo âu đe dọa này vì cái chọn lựa khác không có tín nhiệm mấy— cũng hàm nhận sự thật là ông Bush không thể để cho bầu cử thành cuộc trưng cầu dân ý về thành tích của chính quyền trong bốn năm qua.

Bài sau đây thu góm ý kiến của nhiều học giả và nhà quan sát chính trị thẩm quyền.

C. L.

Tiếp theo những xôn xao xáo trộn bề ngoài trước và sau cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội đầu tháng Mười-một vừa qua ở Hoa-Kỳ đây là lúc lắng đọng để nhìn lại và nhìn về phía trước những gì có thể xảy ra qua con mắt của những nhà nghiên cứu và quan sát chuyên nghiệp. Bốn năm tới, hay đúng ra theo kinh nghiệm chính trị Mỹ, hai năm sắp tới (khi bầu cử nhiều dân biểu và nghị sĩ nửa nhiệm kỳ toàn quốc sẽ diễn ra năm 2006, thường đưa nhiều nhân vật mới vào lập pháp với khuynh hướng chống chính quyền đương nhiệm), sẽ mang đến nhiều thay đổi sâu xa trong xã hội, kinh tế và chính trị Mỹ như cuộc vận động tranh chấp gay gắt đã đưa ra tiền đề.

I. NHỮNG CON SỐ VÀ CHIỀU-HƯỚNG

Tổng thống George W. Bush đã đạt được những gì quan trọng trong chiến thắng bầu cử vừa qua? Giới truyền thông nói chung khá ồn ào khi thấy ông Bush thắng cử với khoảng 51 phần trăm số phiếu, một tỉ số —tương đối tuy gọi là cao theo tiêu chuẩn thắng cử ở Hoa-Kỳ ba thập niên vừa qua và so với kỳ bầu cử năm 2000— không mấy ngoạn mục theo chiều hướng tái đắc cử của những tổng thống đương nhiệm trong thời chiến trong lịch sử Mỹ (cử tri thường giữ lại tổng thống trong lúc có chiến tranh để yên tâm hơn là với một tổng thống mới lạ).

A. Đằng sau những con số

Điều quan trọng hơn hết có lẽ là tổng thống đã củng cố quyền lực của đảng mình (Cộng-hòa) trong nhánh lập pháp: Quốc hội Mỹ, ít nhất là cho tới năm 2006, sẽ bị khống chế bởi một tỉ số Cộng-hòa thoải mái trong cả thượng viện lẫn hạ

viện, và do đó tổng thống sẽ có nhiều cơ hội và triển vọng đạt được những gì muốn thực hiện về nhiều mặt. Nhìn xa hơn nữa, một câu hỏi quan trọng phải chú ý đến trong bốn năm tới là: Tổng thống (một người được xem như có kiến thức chuyên môn cao nhưng không phải là người trí thức) cũng như các cố vấn kiến trúc sự nghiệp chính trị của ông có sử dụng nổi ưu điểm chiến lược rộng lớn này để xây dựng một liên hợp toàn quốc nhằm nắm vững lợi thế cho đảng Cộng-hòa trong kỳ tranh cử toàn quốc, nhất là tranh cử tổng thống, năm 2008 và lâu dài hơn nữa —như những người có kích thước trí thức rộng lớn hơn như tổng thống Bill Clinton và thủ tướng Anh Tony Blair có thể nhìn thấy trong vị thế và điều kiện tương tự. Hoặc là ông sẽ mù quáng sân si, thành nạn nhân của chính mình như nhà Phật nói, hay như trong thảm kịch của văn hào Anh Shakespeare, hay bị đưa đẩy bởi những thế lực mạnh mẽ bên ngoài đang ồn ào gấu ó đòi đền bù trả những món nợ chính trị đã giúp ông tái đắc cử, như trong thảm kịch Hy-Lạp cổ điển?

Theo tiêu chuẩn đương thời ông Bush thắng cử với một tỉ số rõ rệt. Ở tỉ số 51 phần trăm ông là tổng thống đầu tiên từ năm 1988 đã tái đắc cử với đa số phiếu của dân chúng (năm 2000 Tối cao pháp viện Mỹ cho ông lá phiếu bảo thủ để thắng cử dù ông thua ứng viên Al Gore nửa triệu phiếu của dân chúng). Những con số khác cho thấy ông gia tăng số phiếu lấy được từ người Mỹ gốc La-tinh (Latino, chỉ phần lớn người gốc Trung, Nam Mỹ và vùng biển Caribbean, đa số theo đạo Thiên-chúa, bảo thủ và nói tiếng Tây-ban-nha, ở vùng Tây-Nam Mỹ và tiểu bang Florida). Ông nắm vững ảnh hưởng của đảng Cộng-hòa đối với người Mỹ vùng quê và xa thành phố lớn. Giống như tổng thống Cộng-hòa bảo thủ Ronald Reagan (một thần tượng của ông Bush trước khi ông thành "tân bảo thủ," néo-conservative; (xin xem bài trong *Thế-Kỷ 21*, tháng Mười 2004, cùng người viết) thời thập niên 1980, ông cho thấy hai yếu tố quyết định cuộc bầu cử vừa qua, ít nhất là nhìn theo bề ngoài: chủ trương bảo thủ về mặt xã hội và cứng rắn về an ninh quốc phòng lấy được phiếu của phụ nữ có gia đình và phái nam thuộc giới lao động (blue-collar), hai giới từng nằm trong quĩ đạo của đảng Dân-chủ qua bao thập niên trước đây.

Tính theo con số, ông Bush gia tăng tỉ số thắng phiếu ở hai-mươi trong số ba-mươi tiểu bang ông thắng kỳ bầu cử trước, và giảm thiểu tỉ số thắng phiếu của phe Dân-chủ ở mười-một tiểu bang trong số hai-mươi tiểu bang ông thua kỳ trước. Với số người đi bầu gia tăng vì tranh chấp chia rẽ gắt gao giữa hai đảng, ông được số phiếu đa số của dân chúng cao hơn những người đi trước. Và hơn nữa, ông chiếm được tỉ số cao giữa môi trường khó khăn đánh dấu bởi cảnh tượng kinh tế khó khăn và cuộc chiến sa lầy ở Iraq —một mối đau đớn lớn cho phe Dân-chủ và một ngạc nhiên lớn cho các nhà quan sát và nghiên cứu quen thuộc với khung cảnh chính trị Mỹ

B. Những nhược điểm

Nhìn theo chiều hướng lịch sử, so với những tổng thống được tái nhiệm trước đây, chiến thắng của ông Bush xem ra rất khiêm tốn, theo ông Ronald Brownstein, đặc phái viên tại thủ đô Hoa-thịnh-đốn của nhật báo có tầm vóc quốc tế *Los Angeles Times*. Kể từ thời hoàn thành hệ thống đảng phái chính trị ở Hoa-Kỳ năm 1828, có mười một tổng thống đã được tái nhiệm (hai hoặc hơn hai nhiệm kỳ), cộng thêm bốn vị nữa —Theodore Roosevelt, Calvin Coolidge, Hary Truman và Lyndon Johnson— tái nhiệm sau khi từ chức vụ phó tổng thống lên cầm quyền thay thế tổng thống bị mất lúc chưa hết nhiệm kỳ đầu.

Con số cử tri xuất hiện đi bầu lớn lao vừa qua cho thấy ảnh hưởng lớn lao của ông Bush —nhưng ảnh hưởng này bao gồm khoảng một nửa số cử tri xuất hiện đi bầu để chống đối cá nhân hoặc chính sách của ông, hoặc cả hai. Ông Bush đánh bại nghị sĩ John Kerry với 2.9 phần trăm số phiếu trực tiếp (51 so với 48.1 phần trăm), tỉ số thắng nhỏ nhất kể từ năm 1828 —thấp nhất trước đây là ông Woodrow Wilson cũng thắng ở mức 3.1 phần trăm, năm 1916. Ông Bush thắng với 53 phần trăm số phiếu cử tri đoàn (electoral college, một lối đầu phiếu gián tiếp khá cổ hủ và thiếu dân chủ, theo đó người thắng phiếu đa số trực tiếp của dân chúng mỗi tiểu bang, dù là số phiếu thắng rất nhỏ bé, sẽ lấy hết số phiếu cử tri đoàn dành cho tiểu bang đó, "winner takes all;" tổng số phiếu cử tri đoàn để thắng là 277); như thế, ông chỉ thắng với một tỉ số cao hơn mỗi ông Woodrow Wilson trước đây. Phân tích cuối cùng cho thấy ông Bush chỉ lấy lại được hai trong số những tiểu bang ông thua kỳ trước.

C. Quá khứ và Tương lai

Nhìn theo quá khứ lịch sử Mỹ, khi một tổng thống tái đắc cử đây cũng là cao điểm quyền lực cho đảng của tổng thống; sau đó đảng bắt đầu

xuống dốc. Có thể nói hầu hết đảng có tổng thống tái đắc cử sẽ bị mất quyền trong kỳ bầu cử ngay sau đó —kể cả mặt phiếu trực tiếp của dân chúng và phiếu cử tri đoàn. Trong vòng nửa thế kỷ qua, từ năm 1952 đã có sáu kỳ bầu cử tổng thống ngay sau một tổng thống tái đắc cử. Trong sáu lần bầu này đảng có tổng thống tái đắc cử đều bị thua số phiếu cử tri đoàn ở mức 207 phiếu và 8.4 phần trăm hụt phiếu trực tiếp của dân chúng

Vì tỉ số thắng cử không ngoạn mục lắm, ông Bush đã không cung cấp cho đảng Cộng-hòa tấm nệm an toàn để đương đầu với những đổ vỡ vữa nát ảnh hưởng trực tiếp đến số phiếu trực tiếp lẫn cử tri đoàn trong bốn năm tới. Dù năm 2008 đảng Cộng-hòa có giữ cho đổ vỡ vữa nát ở mức nhỏ nhất trong nửa thế kỷ qua —99 phiếu mất từ tổng thống Cộng-hoà Reagan qua tổng thống Cộng-hòa Bush bố năm 1984 và 1988— điều này vẫn không giúp đảng Cộng-hòa lên gần đến mức đa số cần thiết để thắng cử tổng thống và tiếp tục nắm giữ tòa Nhà-Trắng nhiều năm nữa.

Cũng theo chiều hướng lịch sử, ít nhất từ thời ông Lyndon Johnson thời thập niên 1960, qua Richard Nixon, Gerald Ford, Ronald Reagan, tới Bill Clinton thời 1990, những tổng thống hai nhiệm kỳ hoặc phó tổng thống nắm nhiệm kỳ hai sau nhiệm kỳ đầu dang dở đều trải qua những xì-căng-đan lớn, hoặc chính trị, quân sự, tiền bạc hay tình dục làm hoen ố di sản tiếng tăm cho hậu thế. Nhìn theo chiều hướng chính trị nội trị, ngoại giao và nội bộ của chính quyền Bush hiện nay và nhiệm kỳ hai sắp tới mầm mống cho các xì-căng-đan tiền bạc, nội trị và ngoại giao nẩy nở hầu như đầy xung mãn.

II. TỔNG-THỐNG BUSH CẦN LÀM GÌ?

Cũng theo ông Brownstein nói trên, ông Bush cần một nhiệm kỳ thứ hai thật thành công để giải hóa những tiền lệ lịch sử đã trình bầy. Những thành quả trong việc phát triển căn bản Cộng-hòa trong Quốc hội là yếu tố chính.

Năm 2002 ông Bush là tổng thống thứ nhì, sau Franklin Roosevelt (năm 1934), gia tăng được số dân biểu và nghị sĩ cùng đảng với mình trong quốc hội giữa nhiệm kỳ đầu. Năm nay ông là tổng thống thứ nhì sau ông Lyndon Johnson (năm 1964) gia tăng số dân biểu và nghị sĩ cùng đảng đồng thời tái đắc cử nhiệm kỳ thứ hai. Điểm cần lưu ý là ông Bush là động lực chính thúc đẩy bành trướng nhân số Cộng-hòa trong quốc hội: nhân số Cộng-hòa này gia tăng từ những tiểu bang ông Bush thắng phiếu cả lần tranh cử trước lẫn tranh cử lần này. Ở Florida, North Carolina, South Carolina, Louisiana và Georgia, những tiểu bang nắm được ghế nghị sĩ Cộng-hòa mới, có tới 84 phần trăm người đồng thời bỏ phiếu cho ông Bush. Có tới hơn ba-phần-tư người bỏ phiếu cho ông Bush cũng dồn phiếu cho nghị sĩ Cộng-hòa ở South Dakota và Oklahoma.

Những con số này chuyển dịch ra những kết quả rõ rệt hơn: Cộng-hòa chiếm một đa số vững chắc thoải mái trong hai viện quốc hội; và, một đa số bao gồm các nhà chính trị "dựa hơi" vào cảm tình của dân chúng đối với tổng thống —và do đó các nhà chính trị này sẽ nhớ ơn ông hơn một khi chính thức bước chân vào quốc hội. Ông Bush vẫn còn cần ủng hộ ở phía Dân-chủ trong quốc hội —nhất là thượng viện đầy quyền lực, với 44 nghị sĩ Dân-chủ, một nghị sĩ độc lập và 55 Cộng-hòa— để đạt đến mức 60 phần trăm có khả năng ngăn chặn phe đối lập chiếm diễn đàn nói thiên thu bất tận ngày nay qua tháng nọ nhằm ngăn phe đa số thông qua luật lệ hay những quyết định họ muốn (filibustering).

Ông Bush có đủ sức mạnh trong quốc hội để thông qua những gì ông muốn thông qua phía lập pháp nhằm củng cố thế lực Cộng-hòa trong kỳ bầu cử lớn năm 2008 và xa hơn nữa. Câu hỏi quan trọng là những gì ông muốn thực hiện trong nhiệm kỳ tới có gia tăng hay phá tan đa số thuận lợi cho tổng thống —một đa số, nhìn theo kinh nghiệm lịch sử, tương đối khá mong manh. Nhìn theo những yếu tố chủ quan phía chính quyền và phe Cộng-hòa nói chung ngay sau khi ông Bush tái đắc cử, xem ra chính quyền Bush và quốc hội Cộng-hòa kiêu căng sắp tới không sẵn sàng đi bước hòa giải cần thiết trong môi trường hai đảng và dân chúng đối đầu nhau chát chúa. Ngay sau khi thắng cử ông Bush đã nghênh ngang tuyên bố, "Tôi đã thu được vốn liếng —vốn liếng chính trị [51 phần trăm đa số]— và tôi sẽ sử dụng vốn này theo ý tôi." Nghị sĩ chủ tịch thượng viện Bill Frist, một nhân vật sáng giá cho kỳ bầu 2008, cũng nghênh ngang không kém về đa số Cộng-hoà trong thượng viện. Trong khi đó ngoài phía dân chúng một thanh niên tự sát phản đối ông Bush đắc cử, và có hơn sáu-mươi ngàn người Mỹ quyết định rời khỏi Hoa-Kỳ xin di trú qua Gia-Nã-Đại vì không chịu nhục có tổng thống là ông Bush. Ông Bush và phe Cộng-hòa có vẻ như những người mang đầy ý thức hệ và say mê chiến thắng tương đối nhỏ (nhưng có lẽ là lớn với ông

và gia đình Bush, khi nhớ lại là ông Bush bố đã bị thua khá đậm và ra khỏi chính trường sau nhiệm kỳ đầu) để bỏ quên đi nhu cầu hòa giải hòa hợp mà ai cũng thấy là rất quan trọng trong giai đoạn chia rẽ sâu xa và khó khăn này ở Hoa-Kỳ.

III. ÔNG BUSH SẼ LÀM GÌ?

Những gì ông Bush sẽ làm có vẻ giống như những gì ông nói, mặc dù cái ủy thác (mandate) dân chúng dành cho ông không lớn lắm và không dựa vào thành tích của chính quyền nhiệm kỳbốn năm qua mà thật sự nhờ vào tài khéo của guồng máy vận động tranh cử dưới sự lãnh đạo của cố vấn cũng như "kiến trúc sư" của sự nghiệp chinh trị của ông Bush, ông Karl Rove. Nhiều nhà quan sát chính trị lo ngại rằng chính quyền Bush với đa số trong quốc hội (lập pháp) và cơ hội chọn người đặt vào tối cao pháp viện (tư pháp) sẽ đi vào con đường sai lầm khó tránh khỏi.

A. Nội trị và ngoại giao

Về mặt nội trị nổi bật nhất là những khuynh hướng bảo thủ ngày càng như không bớt đi mà còn gia tăng (xin xem lại bài "*Nước Mỹ Ngả Thêm Về Bảo-Thủ,*" *Thế-Kỷ 21* tháng Mười-một 2004, cùng người viết). Trước hết là chủ trương tư hữu

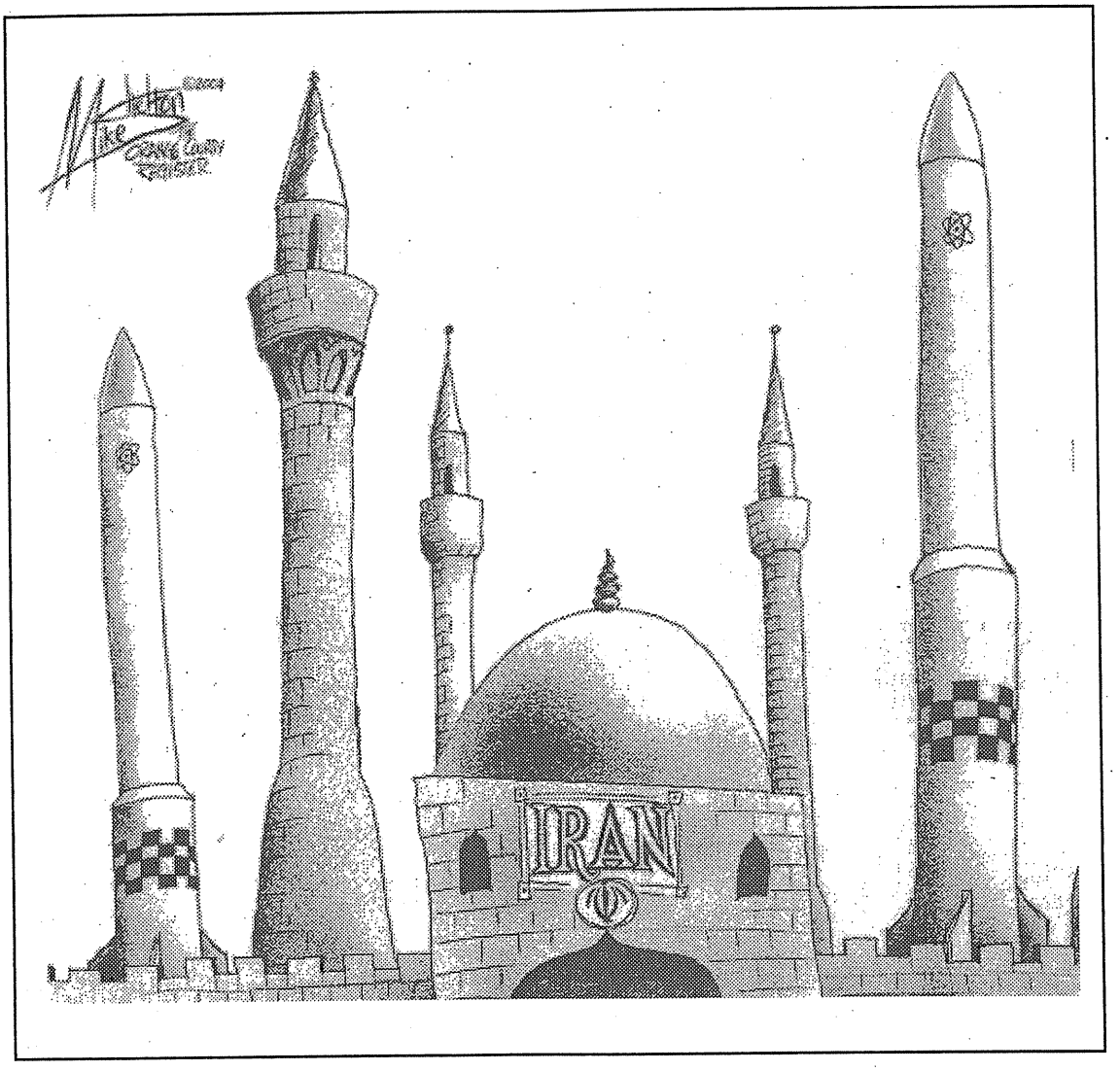

hóa hay xã hội "chủ nhân hóa" (ownership society) trong đó mọi người tự lo lấy thân về đủ mọi mặt, kể cả những gì từ trước đến nay nhà nước chịu trách nhiệm lo cho người dân. Đây nằm trong chủ trương đã có sẵn từ thời ông Reagan nhằm dựng lại kinh tế Mỹ theo đường lối phát triển kiểu thời mở mang biên cương dựng nước: phá bỏ tất cả những luật lệ ràng buộc kỹ thương (de-regulation), thu hẹp các chương trình trợ cấp xã

hội, và xiển dương hay đúng ra là quay trở lại ý tưởng thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản thời mở đầu trong thế kỷ 18 và bùng phát trong thế kỷ 19. Thời thập niên 1980 với hai nhiệm kỳ Reagan và khẩu hiệu "tham lam ham hố là tốt" (greed is good) nói chung đã mang lại nhiều kết quả ngoạn mục cùng với những thâm thủng ngân sách quốc gia chưa từng thấy cho tới thời ông Bush hiện nay. Bên cạnh những thành công đó là mức độ rủi ro lớn lao mà người Mỹ gặp phải khi đi kiếm đồng lương về cho gia đình, trả nợ nhà cửa, dành dụm cho lúc về hưu và hưởng một chút xa hoa — những sinh hoạt âu lo kinh tế bình thường của người Mỹ.

Nếu theo đúng bước chân ông Reagan như ông thường nhắc nhở, ông Bush sẽ đi ngược lịch sử và một loạt những bảo đảm chống lại những bất trắc kinh tế trước đây sẽ không còn chắc chắn nữa: công ăn việc làm vững vàng, bảo hiểm sức khỏe, quyền lợi khi về hưu, thất nghiệp ngắn hạn, trợ cấp thất nghiệp dài hạn và chương trình huấn nghệ dồi dào. Cái lưới an toàn cho người Mỹ đi làm đi ăn sẽ bị thu hẹp lại. Những bồi thường tai nạn, welfare, phụ cấp thất nghiệp, an sinh xã hội, Medicare, luật lệ bảo vệ công nhân nơi làm việc, trách nhiệm của giới kỹ thương về sản phẩm của mình, cùng những luật lệ và cơ quan nhà nước với trách nhiệm bảo đảm kinh tế người Mỹ có thể dựa cậy vào sẽ bị thu hẹp thêm hoặc bãi bỏ hoàn toàn. Đề nghị cải tổ toàn diện an sinh xã hội (social security) dựa trên tư hữu hóa của ông Bush bao gồm việc khuyến khích dân chúng tự mình "đầu tư" để thu về nhiều hơn là để cho nhà nước làm việc này là một thí dụ điển hình. Ông Bush vẫn hãnh diện đi theo phát ngôn nổi tiếng của ông Reagan trước đây: "Chính quyền không phải là giải pháp cho những vấn đề của người dân. Chính quyền chính là vấn đề của người dân."

Một khía cạnh đáng chú ý khác về nội trị --và cũng là nơi dễ nảy sinh nhiều xì-căng-đan lớn cho nhiều chính quyền Cộng-hòa, nhất là chính quyền Bush— là sự đi lại thân mật, nếu không nói là giây liên kết thắt chặt chính quyền với giới kỹ thương tư bản bên ngoài chính quyền (thường là mâu thuẫn với quyền lợi của người dân tiêu thụ). Những người trong giới kỹ thương tư bản đã đầu tư rất nhiều vào chính quyền Bush bốn năm qua và cuộc bầu cử mới đây, nay đang chờ đợi, nếu không nói là hối thúc những trả nợ đền bù công và của họ đã bỏ ra. Những tay "lóp-bi" cho các nhóm kỹ thương tư bản lớn trong nước đang hân hoan ca tụng lẫn nhau về cái nỗ lực và thành công chưa từng thấy trong việc giúp tổng thống và các nhân vật trong quốc hội thắng cử mới đây. Những nhóm trực tiếp tham gia bằng số tài lực và vật lực lớn nhất vào vận động ứng cử bầu cử cùng với phe Cộng-hòa bao gồm giới địa ốc, đầu tư thị trường chứng khoán, y tế, bảo hiểm, thầu khoán, ngân hàng thương mại, nhiên liệu và kỹ thương lớn đã giúp phe Cộng-hòa gần hai trăm triệu đô-la. Những giới trên, nhất là kỹ nghệ đầu tư, đã đóng cửa nhiều văn phòng cơ sở để dành thì giờ đi vận động cho phe Công-hòa. Lần đầu tiên trong lịch sử Phòng Thương mại Mỹ (US Chamber of Commerce) tuyên bố công khai họ muốn thấy ông Bush tái đắc cử; tuy họ không công bố ngân sách vận động bầu cử cho phe Cộng-hòa, giới truyền thông ước lượng ngân sách này lên đến bốn-mươi triệu đô-la. Những công ty sản xuất thuốc tây với hai mục tiêu chính (ngăn chặn dân chúng Mỹ mua thuốc rẻ hơn từ Gia-Nã-Đại và ủng hộ chương trình mua thuốc Medicare có lợi cho giới sản xuất) tuy không tiết lộ ngân sách nhưng cũng có ước lượng theo thông lệ từ bốn-mươi đến năm-mươi triệu đô-la.

Giới kỹ thương tư bản nói chung rất thỏa mãn với thành tích của ông Bush bốn năm qua, nhưng những chiến thắng của phe Cộng-hòa đầu tháng Mười-một đưa vào tầm tay họ những gì chưa đạt được trong nhiệm kỳ đầu của ông Bush. Danh sách ước muốn của họ gồm việc biến cắt giảm thuế má trên những tiền thu được từ đầu tư buôn bán lớn thành vĩnh viễn; giới hạn trách nhiệm tội hộ cho giới kỹ thương (thường là phạt tiền, như các công ty thuốc lá, thuốc chữa bệnh); luật lệ khai phá sản dễ dàng hơn; mở rộng cửa cho khai thác nhiên liệu ở Alaska và nhiều nơi trước đây bị cấm hay hạn chế. Đây là chưa kể đến những thay đổi về bảo hiểm y tế có lợi cho công ty bảo hiểm; giảm thiểu những cải tổ về chứng khoán nhằm bảo vệ người gian đầu tư; và, nhất là sửa đổi hệ thống thuế khóa. Một hệ thống thuế khóa phẳng (flat tax) mới mà ông Bush hằng ấp ủ, theo đó thuế sẽ được đánh theo mức tiêu thụ của người dân thay hẳn lối đánh thuế dựa trên lợi tức cá nhân công bằng và hợp lý hơn. Đây đi ngược hẳn lại chiều hướng lịch sử đánh thuế lũy tiến (progressive tax) dựa trên lợi tức cá nhân phổ thông ở châu Âu và các nước tiền tiến khác. Một thí dụ cho thấy người thật giầu có có thể lựa chọn đóng thuế tiêu thụ trên những chi tiêu khổng lồ như mua sắm bất động sản cực kỳ đắt giá hay

những hàng tiêu thụ xa xỉ như máy bay tư nhân, du thuyền, hoặc đóng thuế theo lợi tức cá nhân. Những xu hướng, ý định trên như xác nhận lại lý thuyết kinh tế nhỏ giọt "trickle down economy" thời ông Reagan, với chủ trương triệt để ủng hộ đặc quyền của người đại thượng lưu giầu có với tin tưởng rằng những hoạt động kinh tế của giới này có thể nhỏ giọt ơn huệ công ăn việc làm xuống giai cấp thấp bé hơn —một hình thức "cơm thừa, canh cặn" mà nhiều người thường phê phán.

Góp phần không nhỏ vào thành công của phe Cộng-hòa và nhất là tổng thống Bush là giới lãnh đạo tôn giáo bảo thủ. Giới tôn giáo bảo thủ cung cấp những hăng say hồ hởi và nhân lực hùng hậu được xác nhận là chủ lực đưa ông Bush tới thành công trong kỳ bầu cử khá chông gai. Cũng như giới kỹ thương tư bản nói trên, những tổ chức tôn giáo bảo thủ như Concerned Women for America, Liberty Counsel, Traditional Values Coalition, Faith and Values Coalition, mô phỏng theo tổ chức Moral Majority mấy thập niên trước, đang biểu dương lực lượng để đòi hỏi những thay đổi xã hội lớn lao qua ảnh hưởng chính trị vào chính quyền Bush như cải tổ nhân sự văn phòng tổng thống, bổ nhiệm nội các mới, chánh án liên bang hay tối cao pháp viện, tu chính án ngăn cấm hôn nhân giữa người đồng tính, vân vân. May mắn thay cho ông Bush, ngay sau khi đắc cử ông đã tỏ ra thực tế và thận trọng với giới tôn giáo này và như muốn giữ một khoảng cách để khỏi phải đi hẳn về phía hữu phái cực đoan có hại cho tương lai phe Cộng-hòa trong kỳ bầu cử giữa nhiệm kỳ (2006) và tổng tuyển cử 2008.

Về mặt ngoại giao, những khó khăn với khối A-Rập và châu Âu, cũng như châu Mỹ La-Tinh đồng thời với sa lầy ở Iraq, "Trung-Đông" nói chung cùng với A-Phú-Hãn, Bắc Hàn và rồi Ba-Tư chưa có dấu hiệu hóa giải. Đây sẽ là đề tài cho một bài khác trên Thế-Kỷ 21.

III. PHẢN-ỨNG PHE DÂN-CHỦ

Phản ứng phe Dân-chủ có thể thấy rất rõ. Giới lãnh đạo đảng đang vò đầu bứt tai không hiểu mình đã thua vì chọn sứ điệp sai lầm hoặc chọn sứ giả sai lầm, hoặc cả hai. Trong cuộc bầu cử với đầy ưu điểm và thế thượng phong về nội trị lẫn ngoại giao, phe Dân-chủ đã thua cuộc một cách đau đớn vì đọc sai suy nghĩ của cử tri trong một khủng hoảng gần như ngụy tạo bởi phe đối thủ. Thái độ ngập ngừng suy tư kiểu trí thức của nghị sĩ John Kerry có thể chỉ lôi cuốn thích hợp với khung cảnh đại học trong khi cả nước như để tai nghe những lý luận ngôn ngữ bình dân ấu trĩ nhưng dễ hiểu và dễ làm yên tâm. Hai nhận xét trên như chứng minh cho một nhận xét khá chính xác khác: chỉ có ông Bill Clinton mới đủ cả hai mặt trí thức để đọc được cử tri, và đủ cái "bình dân" của người miền Nam Hoa-Kỳ để có thể nói với đa số cử tri. Không có gì đáng ngạc nhiên khi nhiều đề nghị đã xuất hiện yêu cầu và ngay cả đòi hỏi ông Clinton phải chính thức trở lại chính trường và trực tiếp lèo lái tương lai đảng trong vị trí chủ tịch đảng Dân-chủ, ít nhất trong thời gian từ đây cho đến tổng tuyển cử năm 2008 —mà phu nhân ông là nghị sĩ tiểu bang New York, Hillary Clinton có nhiều hy vọng sẽ ra ứng cử tổng thống.

Nhưng đây lại là thời điểm cần mở dấu ngoặc quan trọng. Sau thất bại đau đớn của ông Kerry, nhiều tiếng nói uy tín và thẩm quyền trong đảng Dân-chủ như muốn gạt bỏ chọn lựa Hillary Clinton, ít nhất là trong khung cảnh chính trị bầu cử quá gần với 2004: họ không muốn một ứng cử viên trí thức "tiến bộ" kiểu California, Massachusetts hay New York. Nhìn trên bản đồ tô mầu đỏ đậm hầu như khắp nơi cho ông Bush và các ứng viên Cộng-hòa, người ta có thể thấy ngay là đa số người Mỹ không ở ba tiểu bang trên và họ cũng không chia xẻ những giá trị của ứng viên từ ba tiểu bang trên.

Nhiều chiến lược gia Dân-chủ dĩ nhiên bắt đầu nghĩ cách lấy được sự chú ý của cử tri qua lối phối hợp tin tưởng, theo truyền thống Dân-chủ, vào vai trò của chính quyền với những giá trị văn hóa bảo thủ của cử tri vùng nông thôn và trung tâm điểm Hoa-Kỳ. Ông Kirk Wagar, một luật sư và chủ tịch tài chánh phe Dân-chủ ở Florida với khả năng thu trên mười-lăm triệu đô-la ủng hộ, phát biểu: "Tôi không thể tưởng tượng phe Dân-chủ không đủ khả năng nói với giới trung lưu và giới dưới mức trung lưu —những người sẵn sàng đáp ứng thông điệp kinh tế và giá trị truyền thống Dân-chủ về cơ hội và công bằng bình đẳng cho tất cả mọi người." Ông Clinton cũng như cộng hưởng với ý kiến này, "Chúng ta phải hiện diện với một thông điệp mạnh mẽ ở thành phố nhỏ và vùng quê... Nếu không có thông điệp mạnh mẽ này, chúng ta đừng ngồi đó mà than rằng đối thủ của ta đã bôi vẽ ta thành thứ quỉ quái —hay hí họa ta thành kẻ lạ không tên, không dây mơ rễ má [với xã hội Mỹ]."

TÔN THẤT THUYẾT
và phong trào Văn thân

NGUYÊN HƯƠNG N.C.

Tôn Thất Thuyết

Văn thân, theo nghĩa thông thường là lớp người có học, xuất thân và tiến thân bằng khoa cử. Hiểu rộng hơn, lớp người có địa vị trong xã hội, từ thân hào kỳ mục, hưu quan chức sắc đến hương lý hương hội một thời đã ra vào sân Khổng, cửa Trình.

Hiểu rộng thêm chút nữa, Văn thân là những nhà khoa bảng, sĩ phu, sĩ hoạn có địa vị, được ưu đãi và do đó có quyền lợi do giai cấp mình tạo nên trong cộng đồng quốc gia dân tộc.

Là lớp nhà Nho có uy tín và được trọng vọng trong chế độ quân chủ ngày xưa, Văn thân là lớp người trung gian, từ thượng tầng chính trị là quan lại triều đình và quý tộc tới bình dân đại chúng, hạ tầng cơ sở xã hội.

Văn thân nổi dậy! Phong trào Văn thân! Một biến cố chính trị ảnh hưởng quan trọng lớn lao đi liền với cuộc đấu tranh chống Pháp xâm lăng, hai lần xảy ra thời vua Tự Đức năm 1864 và đúng mười năm sau, năm 1874.

Lần thứ nhất, khoa thi Hương năm Giáp Tý (1864), Tự Đức thứ 17, tại ba trường thị Huế, Hà Nội, Nam Định.

Văn thân nổi dậy! Một hình thức đối kháng đòi hỏi triều đình có chính sách chống Pháp quyết liệt hơn. Nói theo ngôn ngữ thời Việt Nam Cộng Hòa, một cuộc xuống đường, biểu tình bãi khóa với ít nhiều bạo động.

Về việc này, Đại Nam Thực Lục (ĐNTL) biên chép :

"Vào ngày ... năm ... ấy, sĩ tử Trường thi Hà Nội và Nam Định gây huyên náo, không chịu vào thi, quan trường phải hiểu dụ mới yên. Phần trường thi Hà Nội, hoãn lại ngày sau." (1)

Đ.N.T.L. cũng cho biết thêm tên họ các sĩ tử lãnh đạo cuộc bãi khóa Trường thi Hà Nội là Tú tài Phạm Gia Tự, Nguyễn Danh Án ; Trường thi Nam Định là Tú tài Đỗ Huy Định, Nguyễn Huy Đạt.

Riêng Trường thi Huế, vì sĩ tử bàn luận "xằng bậy" và niêm yết "xằng bậy" lên vách tường, lên cửa ngõ trường thi, nên liền đó vua Tự Đức cho thi hành biện pháp kỷ luật. Hơi khắc khe nặng nề, vì không những đối với sĩ sử tham gia bạo động mà cả với học quan, từ Tế tử, Tu nghiệp đến Đốc học, Giáo học; không những nơi có trường thi mà còn liên lụy đến các tỉnh có sĩ tử dự thi như Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Hà Nội, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hải Dương, Nam Định, Hưng Yên (2).

Lần thứ hai tại Nghệ An-Hà Tĩnh vào đầu năm 1874, đúng vào thời gian Hòa Ước Giáp Tuất 15-

3-1874 được công bố trên toàn quốc.

Trong phạm vi nội dung đề tài "Tôn Thất Thuyết và phong trào Văn thân," đoạn biên khảo dưới đây chỉ hạn hẹp lướt qua vài nét chính, những sự việc và thông tin liên hệ đến Tôn Thất Thuyết mà thôi. Tất cả đều trích dẫn từ nguồn sử liệu chính thức: Đại Nam Thực Lục và Châu Bản (CB) triều Tự Đức.

I. Văn Thân Nghệ-Tĩnh

Phong trào Văn thân 1874 ! Cũng là phản ứng tự nhiên của lớp người có văn học, có ý thức, có tinh thần quốc gia dân tộc trước cảnh đất nước đang lần hồi mất hết quyền tự chủ: Hòa Ước Nhâm Tuất năm 1862 và lần này đến Hòa Ước Giáp Tuất, ký kết tại Sài Gòn ngày 15-3-1874.

Nghệ An-Hà Tĩnh là hai tỉnh miền Bắc Trung kỳ kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, nhưng cũng là nơi phát sinh nhiều văn nhân, khoa bảng nổi tiếng khắp nơi.

Nghệ An - Hà Tĩnh cũng là nơi phát tích từ lâu đời Giáo phận Tây Đàng Ngoài (năm 1679), từ đó khai sinh Địa phận Vinh năm 1846. Về phương diện giáo dân, địa phận Vinh bao gồm các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và một phần tỉnh Quảng Bình, phía bắc sông Gianh (3).

Vào thời gian bùng nổ cuộc bạo động Văn thân, vị chủ chăn địa phận Vinh là Giám mục Gauthier. Tên họ được Việt Nam hóa là Ngô Gia Hậu, một giám mục rất nhiệt thành với công việc truyền giáo.

Vì nhiệt thành và đôi khi quá nhiệt thành, nên nhiều khi "được lòng bên giáo, mất lòng bên lương" (4). Giám mục Gauthier Ngô Gia Hậu sẽ là người được các nhà biên khảo Tây phương nhắc đến nhiều lần, nhất là trong vụ Jean Dupuis và Francis Garnier lộng hành tại Bắc kỳ.

Giám mục Ngô Gia Hậu, nhân vật không xa lạ đối với các quan chức địa phương và triều đình Huế. Trong một số dụ chỉ về vấn đề lương giáo bất hòa, vua Tự Đức nhiều lần nhắc đến đạo trưởng Ngô Gia Hậu. Cũng chính nhà vua đã cho mời Giám mục Gauthier Ngô Gia Hậu và Nguyễn Trường Tộ vào Huế, chuẩn bị chuyến đi Pháp. Với tư cách "đặc trách sự vụ triều đình Huế," ngoài công vụ chính thức là tìm kiếm, mua sắm trang bị thành lập trường kỹ thuật chuyên nghiệp và đài thiên văn tại Huế, Ngô Gia Hậu còn có nhiệm vụ dò hỏi, tìm hiểu đường lối chính trị của chính phủ Pháp về vấn đề Nam Kỳ hai bên đang thương nghị (5).

Khác với phong trào Văn thân năm 1864, Văn thân nổi loạn lần này, từ khởi đầu đến kết cuộc, tác động ảnh hưởng nặng nề phức tạp hơn. Cùng với lời kêu gọi đồng bào "quan tước chốn triều đình, hàng trung nhân khoa mục, viên tử, ấm tử, thí sinh, khóa sinh ..." đứng lên bảo vệ truyền thống Nho giáo chống kẻ thù xâm lược, Hịch Văn Thân còn chỉ đích danh kẻ nội thù "hết thảy đạo đồ." Lần này, người công giáo được đồng hóa với kẻ thù xâm lăng Tây di, Tây tặc, phải tiêu diệt.

"Chung gian khổ thề cùng chống giặc là hùng phong địch khái của kẻ nho gia,

Tạm ném bút để cầm võ khí là thái độ quyền biến của người quân tử.

(...) Huống nay đạo Gia-tô đột nhập nước ta,

Nói tài năng thì xưng thiên xưng thánh mù điếc tối ngu

Nói đạo giáo thì vô phụ vô quân như loài dê chó (6).

Cuộc nổi loạn kéo dài sôi động với lời hịch giết giặc chống xâm lăng. Lập trường rõ ràng, nhưng hình như rằng bên trong vẫn loáng thoáng thấy có điều bất cập, lý thuyết và thực tế, tế nhị và mâu thuẫn.

Lập trường chiến đấu chống xâm lăng của Văn thân cũng là lập trường yêu nước của dân chúng Việt Nam nói chung.

Trên vị trí lập trường ấy, Văn thân đồng thời cũng công kích, phản đối chủ trương hòa dịu của Triều đình Huế đối với người Pháp. Phản đối lập trường, chính sách Triều đình, như vậy Văn thân đã can đảm, công khai chống lại Triều đình, phủ nhận quyền uy tuyệt đối của nhà vua là đấng chí tôn, bậc thiên tử đang trị vì trăm họ, trong đó có hàng ngũ Văn thân.

Trong chế độ quân chủ thời cực thịnh như triều đại Tự Đức, điều này khó mà chấp nhận đối với một nhà Nho chính thống; vì rằng "Tam Cương Ngũ Thường" chính là căn bản đạo lý Nho giáo, là truyền thống văn hóa cổ truyền, hơn ai cả Văn thân là đại diện và đang hô hào dân chúng đứng lên bảo vệ tích cực nền văn hóa ấy.

Tuy rằng trong lời hịch, trước sau Văn thân vẫn giữ lòng tôn kính và trung thành đối với nhà vua:

"Trên Hoàng thượng đã đem lòng quyết đoán, những muốn việc nên làm

Dưới thần dân dám trễ nãi dây dưa, lòng dẫu ưa yên ổn,

(...) Nay tuy trái mệnh mà làm, cũng biết thế là đắc tội ;

Sau mà lỗi lầm ít thấy, còn e liệt thánh tấu công."

nhưng trên thực tế, cuộc võ trang bạo động kéo dài và lan rộng càng lâu ngày càng trở nên thách thức đối với Triều đình nhà vua mà nhiệm vụ trước tiên và ưu tiên là dẹp loạn an dân !

Gọi vụ Văn thân nổi loạn năm 1874 là phong trào vì khởi đầu từ Nghệ An, ảnh hưởng đến Thanh Hóa. Với sự hưởng ứng của quần chúng, cuộc nổi dậy lan tràn đến Hà Tĩnh, vùng thượng sơn Quảng Bình, kéo dài bốn tháng trời tang tóc máu lửa, tô đậm thêm nét kỳ thị tôn giáo ...

Phong trào kịp thời được dập tắt, nếu không, tai biến hiểm họa không biết sẽ còn dẫn đưa đất nước đến đâu.

Ngay cả khi phong trào lắng dịu lâu rồi, ảnh hưởng nghi kỵ hiềm khích lương-giáo nhiều nơi vẫn còn, khi âm thầm khi bộc lộ, gặp cơ hội lại bùng nổ lớn hơn như trong thời gian Thất thủ Kinh đô, 18 tháng tư năm Ất Dậu.

Triều đình, quan lại và dân chúng, trong đó có Văn thân và đồng bào Công giáo!

II. Phong trào Văn Thân theo Châu Bản triều Tự Đức

Tìm hiểu thêm tình hình, thử ghi lại vài sự việc trích dẫn từ Châu Bản triều Tự Đức (Nhà xuất bản Văn Học. Sài Gòn. 2003).

Quyền Tổng đốc Hải Dương - Quảng Yên Phạm Ý báo cáo:

Tình hình quân phiến loạn Văn thân ở Nghệ An đã phối hợp với giặc biển kéo ra đánh phá các tỉnh ven biển Bắc kỳ, chém giết giáo dân đạo Gia tô, dân tình hai bên lương giáo bị giao động mạnh. Các giám mục, linh mục người Âu cho biết các quan chức Pháp hiện rất bất bình về vụ bạo loạn ở Nghệ An. Hiệp Ước Thông Thương vừa được ký kết có thi hành được hay không cũng tùy thuộc ở vụ Nghệ An, vì vậy xin triều đình phải lo dẹp yên vụ đó, hoặc nhờ quân Pháp cùng phối hợp tiểu trừ.

(Tự Đức thứ 27, ngày 11-6, Dương lịch 1874)

Nguyễn Chính ở quân thứ Nghệ An - Hà Tĩnh báo cáo tình hình: giáo dân đạo Gia tô ở Nghệ An là nạn nhân các vụ đốt phá, chém giết của quân phiến loạn Văn thân, hàng vạn giáo dân hiện đang phải tị nạn, họ rất oán hận, nộp đơn khiếu tố. Ở một vài nơi như Chân Lộc, Quỳnh Lưu giáo dân đã chống trả quân phiến loạn rồi đốt phá nhà cửa của dân lương. Các quan chức cùng các giám mục, linh mục đang nỗ lực hiểu thị, trấn an đám giáo dân này.

(Tự Đức thứ 27, ngày 15-6, Dương lịch 1874)

Thư của Khâm sứ Pháp Lê Na (Rheinard) gửi Viện Thương Bạc về việc đảng Văn Thân do viên cai tổng Hồ Xuân Thảo cầm đầu, đưa dân làng Phú Nghĩa sang đánh phá làng đạo Mạnh Sơn, nhưng đã bị làng đạo Mạnh Sơn chống lại, bắt được cai tổng và ba người nữa cùng một số vũ khí; phàn nàn về việc quan lại Nam Triều thiên vị, không chịu trừng trị kẻ có tội và đe dọa nước Pháp sẽ hành động để bênh vực dân theo đạo.

(Tự Đức thứ 28, ngày 16-9, Dương lịch 1875)

*

Phong trào Văn thân! Cuộc dẹp loạn Văn thân!

Ảnh hưởng tai hại đối nội đã đành. Đối ngoại, vụ Văn thân là cơ hội chính trị tốt đẹp người Pháp ra sức khai thác với mục đích can thiệp dễ dàng vào nội tình miền Bắc, nhất là khi có vấn đề lương-giáo.

Cuộc nổi loạn Văn thân, như độc giả sẽ nhìn thấy tiếp sau này, là cơ may làm bùng lên chập chờn ngọn lửa Phò Lê hai lần bị dập tắt, nhưng vẫn còn được người Pháp khôn khéo ngấm ngầm hỗ trợ. Khi cần, nhóm người liên kết chính trị này sẽ xử dụng bóng ma Lê Cảnh Hưng, Lê Chiêu Thống như lá bài phò Lê làm đối lực đổi chác, mặc cả với triều đình Huế.

Vụ Văn thân kết thúc từ tháng 8 năm 1874, một thời gian khá lâu về sau, qua hệ thống thông tin liên lạc các tòa Lãnh sự đặt tại Hà Nội, Hải Phòng, người Pháp vẫn còn tiếp tục công việc thu lượm, khai thác tin tức liên hệ đến Văn thân. Hăm hở, ráo riết nhất thời kỳ đô đốc Dupré và đô đốc Lafont khi còn tại chức "Gouverneur de la Cochinchine."

Thông tin lượm lặt được, tất cả tập trung về soái phủ Sài Gòn nghiên cứu, đúc kết thành lược đồ chính trị, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, thời cơ đến sẽ đem ra thí nghiệm thực hành.

Bản phúc trình dưới đây (7), một trong số rất nhiều bản văn tương tự, đề ngày 16-12-1878 (hơn bốn năm sau ngày vụ Văn thân kết thúc) do soái phủ Sài Gòn gởi bộ trưởng Hải Quân và Thuộc Địa (Ministère de la Marine et des Colonies), như một dẫn chứng về ảnh hưởng Văn thân đối với người Pháp lúc bấy giờ. Bản phúc trình này báo cáo về hai vấn đề cũ nhưng vẫn còn tính cách thời sự :

- Đảng Văn thân, Parti des Lettrés, ảnh hưởng chính trị trong và ngoài đảng.

- Xu hướng phò Lê trong hàng ngũ Văn thân.

*

Hòa ước Giáp Tuất ký kết xong ngày 15-3-1874, tại Bắc Kỳ quân Pháp rút lui trả lại mấy thành trì chiếm được trước đó. Đúng lúc này, xảy ra cuộc nổi loạn Văn thân.

Khởi đầu từ Nghệ An tháng 2 năm 1874, Tú tài Trần Tấn và Đặng Như Mai, quê quán Thanh Lương, phủ Anh Sơn, kêu gọi dân chúng đứng lên "chỉnh đốn lực lượng của ta, cắt hết lông cánh chúng nó," lập luận rằng đạo Công giáo, người Công giáo là nguyên do mất nước vào tay người Pháp.

Chính quyền địa phương bất lực, phải kêu gọi Kinh đô. Lực lượng trấn áp cuộc nổi loạn, theo lệnh vua Tự Đức, là đoàn quân do Đô thống Hồ Oai và Tham tán Châu Đình Kế đang công tác bình định lãnh thổ tại Nghệ An - Hà Tĩnh.

Bị đàn áp, cuộc nổi dậy càng có thêm cơ hội vùng dậy. Biến động càng lâu càng nhìn thấy rõ ràng, đây là đoạn mở đầu cuộc nội chiến lương-giáo như ý hướng vận động của Văn thân trong lời hiệu triệu ngày 19-3-1874:

Tư đạo ngã tỉnh; Phước tứ đạo đồ.

Phụ trệ mẫu khuyển chi phong, tự ô danh giáo;

Chúa lị chi chu chi thuyết, phục uế thính văn.

Bỉ kỳ cảm nhĩ hoành hành; Ngã diệc khởi nhiên an tọa?

Nay khắp các tỉnh; Hết thảy đạo đồ.

Thói tục cha heo mẹ chó, làm dơ danh giáo;

Học thuyết "Chúa lị-kĩ-xu," khiến bẩn thính văn.

Kẻ kia hoành hành thế ấy; Ta há lãnh đạm ngồi yên? (8)

*

Và cuộc nổi loạn bùng nổ với nhiều biến động tan tác như lịch sử ghi chép.

"... Vũ Trọng Bình tường trình kết quả cuộc điều tra vụ sĩ dân đốt phá nhà cửa của giáo dân ở Nghệ An. Nguyên nhân xảy ra vụ này là do tên Trần Tấn mạo xưng, lấy danh nghĩa Văn thân để làm điều xằng bậy, khiến nhiều tổng lý, thân sĩ ngộ nhận mà hùa theo. Vũ Trọng Bình đã chỉ thị cho quan chức trong tỉnh không nên bắt những người vì hiểu lầm mà a tòng với bọn phiến loạn."

(Tự Đức thứ 21, ngày 10 tháng 9, Dương lịch 1868)

"... Sau khi lấy lại được bốn tỉnh: Hà Nội, Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định, ở đó phát sinh hiện tượng dân lương, dân giáo thù oán, đánh giết lẫn nhau - tờ dụ này Tự Đức ra lệnh chấm dứt tình trạng đó. Những kẻ còn tiếp tục can phạm sẽ bị trừng trị."

(Tự Đức thứ 26, ngày 18 tháng 12, Dương lịch 1873)

"... Tuần phủ kiêm Hộ đốc Thanh Hóa Tôn Thất Tịnh báo cáo về tình hình quân Văn thân ở Nghệ An sau khi chiếm thành Hà Tĩnh và các hạt Quỳ Châu, Quỳnh Lưu, thế giặc rất lớn, họ trực tiếp uy hiếp Thanh Hóa và đang cố gắng chiêu dụ bọn lưu manh côn đồ ở đây. Xin cho quân tăng viện và đề nghị phái một quan đại thần đến Thanh Hóa chiêu tập binh mã để đánh trừ."

(Tự Đức thứ 27, ngày 7 tháng 5, Dương lịch 1874)

"... Hộ đốc Thanh Hóa Tôn Thất Tịnh tường trình về tình hình quân Văn thân từ Nghệ An tiến theo ven biển đốt phá hai đồn tại huyện Ngọc Sơn Thanh Hóa. Quân trú phòng ở hai đồn đó tan vỡ, bỏ chạy; thế giặc rất lớn. Đã điều một số quân ở Sơn Tây, Nam Định và Ninh Bình đến tiếp viện nhưng hiện chưa tới nơi."

(Tự Đức thứ 27, ngày 13 tháng 5, Dương lịch 1874)

"... Tổng đốc Nghệ An Nguyễn Chính, Tuần phủ Vũ Trọng Bình tường trình về tình hình Nghệ An:

Bọn giặc tự xưng là Văn thân chiếm giữ ba phủ (Quỳ Châu, Tương Dương, Anh Sơn) và bốn huyện (Thanh Chương, Hương Sơn, Hương Khê và Can Lộc), thanh thế giặc rất lớn, nhất là từ khi chúng chiếm được thành Hà Tĩnh.

Quân đội triều đình đào ngũ rất nhiều, tuy vậy vẫn đánh thắng liên tiếp, đẩy lui giặc ở phủ Diễn Châu, giải vây phủ Đức Thọ và huyện Hưng Nguyên, đánh bại cuộc tấn công vào thành Nghệ An của giặc.

Xin tăng phái thêm 1000 quân ở Kinh và ở Ninh Bình, Nam Định đến tăng viện."

(Tự Đức thứ 27, ngày 17 tháng 5, Dương lịch 1874)

Sau mấy tháng trời dẹp loạn khó khăn nguy hiểm, cuối cùng tin thắng trận được báo cáo về kinh đô :

"... Nguyễn Chính phụ trách quân thứ Nghệ An - Hà Tĩnh báo cáo thu phục được huyện lỵ Hương Khê và phủ lỵ Diễn Châu, trước do quân

phỉ chiếm giữ."

(Tự Đức thứ 27, ngày 12 tháng 7, Dương lịch 1874)

"... Nguyễn Chính phụ trách quân thứ Nghệ An-Hà Tĩnh báo cáo dẹp phỉ thành công, thu phục phủ lỵ Quỳ Châu, phá nhiều đồn phỉ, bọn cầm đầu Đặng Như Mai, Nguyễn Vĩnh Khanh, Nguyễn Cung đều bị bắt buộc ra đầu thú. Dân tình hai bên lương, giáo đã yên."

(Tự Đức thứ 27, ngày 21 tháng 7, Dương lịch 1874)

"... Lê Bá Thận, Vũ Lữ, Nguyễn Văn Thúy ở quân thứ Bình-Tĩnh (Quảng Bình-Hà Tĩnh) báo cáo về việc thu phục phủ lỵ Kỳ Anh và thành Hà Tĩnh, chiếm lại Thanh Lãng. Trong khi đó, quân thứ Nghệ An cũng đã thu phục các huyện Anh Sơn, Thanh Chương, Hương Sơn và Hương Khê. Dư đảng phỉ rút chạy vào rừng núi."

(Tự Đức thứ 27, ngày 22tháng 7, Dương lịch 1874)

"... Nguyễn Chính phụ trách quân thứ Nghệ An-Hà Tĩnh báo cáo về cuộc đại phá quân phỉ ở phủ Tương Dương. Bọn tướng phỉ tên Tấn, tên Hoán cùng dư đảng còn ẩn núp tại vùng Cam Môn."

(Tự Đức thứ 27, ngày 3 tháng 8, Dương lịch 1874)

III. Từ Châu Bản đến Đại Nam Thực Lục

Ngoài Châu Bản triều Tự Đức, có thêm chi tiết hơn, thử tiếp tục với Đại Nam Thực Lục.

"... Bọn Trần Tấn, Đặng Như Mai ở Nghệ An (quê quán huyện Thanh Chương, nguyên là Tú tài, trước can án đốt phá, án nghị xử trảm giam hậu, nhưng vì có cha mẹ già, chuẩn cho về nuôi), họp bè lũ làm phản. Tổng đốc An-Tĩnh Tôn Thất Triệt dâng sớ xin quân.

Vua bảo rằng: về việc dân lương dân đạo, triều đình nhiều lần dụ bảo thiết tha, thế mà thân sĩ tỉnh Nghệ An riêng giữ bàn ngang, không hiểu việc biến đổi ở đời, như bọn Tấn, Mai lấy tiếng là giết người theo đạo mà mê hoặc mọi người làm loạn, phải nên đánh giết ngay, chớ để lan thêm ra.

Nay cho tổng thống Hồ Oai, tham tán Chu Đình Kế đem lính Kinh hiện đóng ở Thanh Hóa 600 người, quân tỉnh Nghệ An 500 người đi về tỉnh Nghệ để trấn áp, tìm cách đánh bắt.

Nhân nghĩ người cậy ác suốt đời, cố nhiên tội không tha được. Nhưng những người lầm lỡ, cũng nên lấy nghĩa lý hiểu bảo cấm trấp. Cho Quang lộc tự khanh sung quân thứ, Toản tu Đặng Văn Kiều (người Hà Tĩnh) sung làm khâm phái, đi khắp hiểu bảo đức ý của triều đình, khiến cho đều giải tán và mau được cùng chung yên ổn.

(...) Bọn giặc ở Nghệ An đốt nhà giết người ngày càng quá lắm. (Giết dân đạo đến hơn 1000 người, đốt không biết bao nhiêu nhà; quan tỉnh và Quân thứ làm việc chậm, chưa dẹp yên)"

Tiếp theo, vua xuống dụ khiển trách :

"Trước đây tên Mai, tên Tấn làm giặc đã phái Hồ Uy, Chu Đình Kế đem quân đánh bắt, và chuẩn cho Đặng Văn Kiều tuyên bảo ý của triều đình, khiến cho giải tán và mau được cùng yên với nhau.

Nay đã gần một tháng, chưa thấy đánh ác liệt một trận nào, nên hai tên giặc ấy vẫn đốt nhà giết người làm hại quá lắm.

Bọn Hồ Uy, các ngươi cầm quân ngồi nhìn, thường khi nói là tình hình hơi yên, hầu dối ai chăng?

Đặng Văn Kiều ngươi vâng mệnh sai đi, chức phận làm việc gì, thế mà gần đây công việc đang làm, không đem tâu lên. Sự lo của triều đình, không biết đến bao giờ cho hết. Kìa như ngươi trông coi quân, trách nhiệm trấn áp kẻ làm loạn, ngươi tuyên bố mệnh lệnh, trách nhiệm ở chỗ làm cho dân yên; tạm bợ nuôi kẻ gian như thế, đến bao giờ có thể xong nỗi lo đêm lo ngày của vua và khỏi liên lụy đến dân thường được?

Bọn Hồ Uy phải lập tức đem ngay quan quân, chia đường đánh bắt. Đặng Văn Kiều phải theo dụ trước, đi khắp hiểu bảo. Bọn cử nhân, tú tài, sĩ nhân trong hạt, nếu có người muốn đem con em đầy tớ theo quan quân đi đánh dẹp thì chuẩn cho bọn các ngươi xét thực được tùy tiện sai phái, để giải tỏ tấm lòng: nếu có công trạng thực, tâu xin bổ dụng.

Còn như bọn quan tỉnh là Tôn Thất Triệt, Phạm Hy Lương, Nguyễn Đôn, nhiều lần được tin cấp báo, tạm giáng hai cấp lưu, nghiêm sức cho cùng với các viên tổng thống, tham tán, tùy cơ trấn áp đánh dẹp, hạn trong một tháng phải dẹp yên ngay.

Thế mà nhiều lần cứ theo quan ở viện đem tờ báo của tỉnh ngươi trình lên, thì bọn tên Mai, tên Tấn vẫn chưa bắt được bè lũ hắn, tìm chỗ này lẩn trốn chỗ kia, thực là thiếu chức phận quá lắm, giáng thêm hai cấp nữa; bắt phải kính theo chỉ chuẩn gần đây, bắt chém ngay tên thủ phạm ấy, phá tan bè lũ vây cánh, cốt trong tháng này dẹp yên tất cả, nếu lại chậm trễ chút nào thì tội không tha, đem bọn ngươi cách chức, bắt trói đem về

kinh." (Đ.N.T.L. Quyển L)

"Tướng giặc ở Nghệ An là Trần Quang Cán sinh sự ở các huyện Hương Khê. (Quang Cán tức là tên Đội Lựu người huyện Hương Sơn, năm trước lãnh giấy mộ người khai khẩn ở phận rừng huyện Hương Khê, giáp cuối địa giới Hà Tĩnh - Quảng Bình).

Trước đây Quang Cán mượn tiếng là người khai khẩn, ngầm có chí khác, giao thông với bọn Tấn và Mai mưu phản nghịch. Sau Tấn và Mai nổi lên trước, mà Cán chưa kịp phát ra, quan tỉnh ấy phái người đến dò hỏi. Cán đưa con làm con tin, để lấp chỗ nghi ngờ, nhưng còn lần lữa trông ngóng cơ hội rồi nổi lên.

Tới khi Tấn và Mai bị thua, lẩn vào rừng núi, thu lại tàn quân thông nhau với Cán, thường dục Cán luôn. Cán mới họp bè lũ đến vài nghìn người, cùng với bọn Tấn, Mai đều nổi lên cả, chia đường quấy nhiễu, chiếm các phủ huyện. Bọn Tấn, Mai chiếm giữ các phủ huyện Tương Dương, Quỳ Châu, Thanh Sơn, Thanh Chương, Diễn Châu; bọn Cán chiếm giữ các phủ huyện Hương Sơn, Hương Khê, Đức Thọ, ngăn chặn đường trạm, thế rất hung hăng, hiện tình so với trước lại càng khẩn cấp." (Đ.N.T.L. Quyển L)

Cuộc nổi loạn lan rộng không gặp phản ứng đúng mức của chính quyền địa phương, sẵn đà lấn lướt, Văn thân có thêm cơ hội lôi cuốn quần chúng nhập cuộc. Hưởng ứng tích cực như Trần Quang Hoan ở Nghệ An, Nguyễn Huy Diễn ở Hà Tĩnh, Trương Quang Thủ ở Quảng Bình vốn đã có nhiều liên lạc, móc nối nhau từ trước.

Chiếm thành Nghệ An, Văn thân làm chủ tình hình Thanh Hóa không khó khăn; thừa thế xông lên, Nguyễn Huy Diễn hợp lực cùng Trương Quang Thủ xâm nhập vùng đất Hà Tĩnh từ đầu tháng Năm năm ấy.

"... Tướng giặc là Trần Quang Cán, cùng bè lũ của hắn là Nguyễn Vĩnh Khanh hợp với giặc Man (đồng bào sơn cước Quảng Bình) là Trương Quang Thủ đánh vây thành Hà Tĩnh, nhân thế Nguyễn Huy Diễn thoát ra được, cùng nhau chiếm giữ thành ấy. Khâm phái là Đinh Văn Khoa, quản đạo Mạnh Tuyển, lãnh binh Lê Văn Thất bị chết, phó quản đạo Tô Huân bị bắt ...

"Việc ấy tâu lên, vua sai Lễ bộ thượng thơ Lê Bá Thận sung khâm phái đại thần, cùng với Chưởng vệ Nguyễn Đình Khoa, đem 500 quân sĩ tăng viện. Tiếp đến, lại cho Cấm binh Vệ úy Lê Bình sung chức Đề đốc quân thứ, Nguyễn Đình Khoa phó đề đốc, tán tương Phan Tiến đưa 1000 bộ binh từ kinh đô đến Quảng Bình lập lực lượng trú phòng." (Đ.N.T.L. Quyển L)

Đoạn Đ.N.T.L. ghi chép trên cho thấy triều đình Huế đang lúng túng áp dụng các biện pháp quân sự thích ứng giải quyết dứt khoát vụ Văn thân.

Văn hồi an ninh trật tự, dẹp loạn an dân là nhiệm vụ ưu tiên của triều đình. Người thi hành nhiệm vụ ấy không ai khác hơn là văn võ quan lại từ trung ương đến địa phương, tỉnh, đạo, châu, phủ, huyện.

Cũng như hàng ngũ Văn thân, quan lại triều đình đang thi hành nhiệm vụ dẹp loạn cũng là lớp người xuất thân và tiến thân bằng đường lối khoa cử, cùng chung khuôn mẫu Nho học, cùng chung giáo dục, tư tưởng, tập quán văn hóa.

Hai thành phần cùng chung xuất xứ, vì hoàn cảnh bỗng nhiên đối đầu như hai chiến tuyến. Mới hôm qua, trong dĩ vãng không xa lắm, rất có thể nhiều người trong ấy, không nhóm này cũng hội hè khác, ít nhiều đã gặp nhau, quen biết nhau bên ni bên nớ. Cũng rất thường tình tự nhiên, qua liên đới cộng đồng xã hội, hai ba thế hệ nối tiếp họ cùng chung ràng buộc tình nghĩa, liên hệ bà con họ hàng thân hữu, đồng môn đồng sự, có khi đồng châu, đồng quận.

Gặp lại trong thế đối nghịch, đối xử nhau thế nào đây? Không lẽ dễ dàng trở mặt, coi nhau như người-anh-em-hận-thù! Thật khó mà chu toàn nhiệm vụ trong hoàn cảnh ấy, nếu không phạm những lỗi lầm kỷ luật, những lơ là trễ nãi làm hỏng việc lớn cấp trên giao phó! Hoàn cảnh tâm lý tế nhị ấy đã xảy ra trước đây, cũng lại sẽ xảy ra như trường hợp hai đoàn quân thứ Vũ Trọng Bình và Nguyễn Chánh đang hành quân tiễu trừ giặc Khách tại biên giới Hoa-Việt, được lệnh thay đổi hướng với tiêu lệnh đặc biệt: dẹp loạn Văn thân.

IV. Nguyễn Văn Tường và phong trào Văn Thân

Hành quân và trở ngại hành quân! Hơn một tháng trời, việc giao thông liên lạc bằng đường bộ Hà Nội - Huế bị gián đoạn. Triều đình không còn phương cách nào hơn là tăng cường viện binh bằng hai mặt thủy bộ. Muốn vận chuyển quân binh bằng đường thủy phải cần đến sự "giúp đỡ" của hải quân Pháp!

Công việc này được giao phó cho Nguyễn Văn Tường. Hẳn rằng ý kiến nhờ Hải quân Pháp tiếp viện đã được Nguyễn Văn Tường tâu trình lên nhà vua. Triều đình Huế đã chấp thuận đề nghị

của Thượng thơ Nguyễn Văn Tường đến mực độ nào? Câu hỏi này nên được tìm hiểu, khảo sát rõ ràng hơn!

Toàn cõi Bắc kỳ lúc bấy giờ đang ở vào tình trạng loạn ly trầm trọng. Giặc Khách lan tràn quấy phá vùng biên giới Hoa-Việt. Ám ảnh xâm lăng Bắc kỳ đang đè nặng triều đình Huế sau vụ Jean Dupuis, Francis Garnier lộng hành đem quân chiếm đóng bốn tỉnh miền Trung châu. Không kém phần quan trọng, tinh thần hoài Lê đang được ngoại nhân khai thác và ngấm ngầm yểm trợ biến thành cuộc chiến tranh chính trị "Thay Nguyễn Phò Lê" manh nha kể từ hai cuộc nổi loạn: vụ Lê Duy Minh (Tạ Văn Phụng) kéo dài từ 1861 đến 1865, vụ Lê Uẩn năm 1862, phải cần đến đại tướng Nguyễn Tri Phương mới dẹp xong.

" ... Ngày 27 tháng 7 năm Tự Đức thứ 27, Hộ đốc Nam Định - Hưng Yên Nguyễn Trọng Hợp báo cáo tin tức đã do thám được liên quan đến bọn phỉ biển ở Hải Dương. Đảng phỉ này do giặc Tàu ô, tên Vạn và một tên mạo xưng Lê Duy Quý làm thủ lãnh lấy danh nghĩa phò Lê, gửi hịch tuyên truyền phiến động đến các vùng thuộc Nam Định-Hưng Yên. Bọn này đã liên lạc với tàu chiến Pháp ở Cẩm Giang, xin trợ giúp. Trong khi đánh phá các nơi ở Hải Dương - Nam Định, thuyền phỉ đều dương cờ tam tài và cờ trắng có hai chữ "phò Lê."

Nguyễn Trọng Hợp bàn: nên đánh dẹp sớm bọn phỉ biển này để đảm bảo cho hiệp ước thông thương với Pháp được tiến hành tốt đẹp; nhưng nên tự lực không nên nhờ cậy quân Pháp trong việc tiểu trừ này." (Tự Đức thứ 27, ngày 8 tháng 7, Dương lịch 1874. C.B.)

Tất cả biến chuyển tình hình trên là lý do Triều đình Huế phải giải quyết cấp thời vụ nổi loạn Văn thân văn hồi an ninh trật tự cần thiết.

Cuộc dẹp loạn Văn thân thành công về phương diện quân sự, nhưng nhìn rõ hơn về lâu về dài, ít nhiều thất bại về phương diện chính trị !

"... Khâm sai Nguyễn Văn Tường báo cáo các vấn đề đã thương lượng với soái phủ Pháp :

** Pháp phái quân đến tăng viện để đối phó với tình hình biến loạn ở Bắc kỳ.*

** Quân Pháp sẽ tạm trú đóng tại Hải Dương.*

** Việc thông thương ở Bắc Kỳ sẽ được bàn định tại Sài Gòn.*

** Đoàn thuyền của Đỗ Phổ Nghĩa (Jean Dupuis) sẽ do lãnh sự Pháp trông coi ..."*

(Tự Đức thứ 27, ngày 8 tháng 7, Dương lịch 1874. C.B.)

Nhờ Hải quân Pháp tiếp viện dẹp loạn Văn thân, mặc dù triều đình Huế ở trong thế chẳng-đặng-đừng, nhưng đây lại là lỗi lầm chính trị tai hại của triều đình Huế, nếu không phải của Nguyễn Văn Tường.

Nhìn cảnh tượng dân chúng chứng kiến Thượng thơ Nguyễn Văn Tường trên chiến hạm Pháp, quần chúng sẽ nghĩ rằng Triều đình Huế hợp tác với kẻ thù xâm lăng đàn áp Văn thân. Đối với người Pháp, đây là cơ hội tốt nhất để nước Pháp can thiệp vào vấn đề Bắc kỳ họ chờ đợi lâu nay.

Quân tiếp viện ồ ạt tiến vào Thanh-Nghệ.

Cùng với cuộc nổi loạn Văn thân, đến đây xuất hiện hai võ quan quân thứ. Hay có thể nói thêm, thời cuộc Văn thân đã tạo nên hai nhân vật mười năm sau sẽ là hai đình thần đầu não cuộc biến loạn tại kinh đô: Tứ Nguyệt Tam Vương.

"... Khâm sai Nguyễn Văn Tường trình việc bố chánh Nam Định cho tay sai đốt phá làng đạo, nên viên Thống sứ Pháp đòi trong năm ngày, nếu không trừng trị thì họ sẽ cho quân đến đánh." (Tự Đức thứ 26, ngày 5 tháng 12, Dương lịch 1873, C.B.)

"... Khâm sai Nguyễn Văn Tường trình việc đảng Văn thân vây đánh dân theo đạo Thiên chúa tại phủ Lý Nhân, Hà Hội. Vì Nguyễn Văn Tường không có binh lính dưới quyền nên đã thỏa thuận cho Pháp đưa quân đến dẹp." (Tự Đức thứ 27, ngày 4 tháng 12, Dương lịch 1874, C.B.)

V. Tôn Thất Thuyết xuất hiện

Cùng với Nguyễn Văn Tường, thêm một nhân vật mới dấn thân trong vụ nổi loạn Văn thân: Tham tán quân vụ Tôn Thất Thuyết.

Từ căn cứ Sơn Tây, cùng với 2000 quân sĩ và hai thớt voi, Tôn Thất Thuyết tiến quân vào Thanh-Nghệ.

Về giai đoạn này, Đ.N.T.L. ghi chép :

"Tuần vũ Sơn Tây kiêm tham tán Tôn Thất Thuyết đem quân (2000 người) và voi (hai con) chuyển đến Thanh Hóa, Nghệ An hội lại cùng đánh.

Trước đây quan tỉnh Thanh Hóa (Hộ đốc Tôn Thất Tĩnh, bố chính Hoàng Hữu Xứng, án sát Nguyễn Khuyến) cho là bọn giặc từ địa giới Nghệ An lan tràn đến gần, Thanh Hóa là quê hương nhà vua, nên phải phòng bị nghiêm ngặt, nên tư báo quân thứ Bắc Kỳ cho vũ sinh về và bàn ủy biền binh tiếp viện đánh dẹp.

Thuyết được tờ tư của tỉnh Thanh, lại được tỉnh Nghệ báo là giặc chiếm giữ thành Hà Tĩnh, quan

quân ở quân thứ Quảng Bình, hiện chưa tiến đánh, bèn cùng thống đốc Hoàng Tá Viêm bàn định hiện tình ở Quân thứ tạm yên, Sơn Tây đã dẹp xong, giặc tràn sang Hưng Hóa, Tuyên Quang cũng đã rút trốn, quan quân chuyển về chỗ gần đóng giữ luyện tập. Chính là lúc nên đi tới chỗ cần kíp, cho nên đem cả đề đốc Nguyễn Văn Hùng, lãnh binh Lê Văn Điểm, phó lãnh binh Lê Văn Hổ đem quân và voi cùng đi với vũ sinh tỉnh Thanh Hóa từ tỉnh Sơn Tây, tiến quân rồi đem việc ấy tâu lên vua.

Khi ấy, bọn giặc ở Nghệ An từ xã Hoàng Mai (thuộc huyện Quỳnh Lưu giáp núi Ngọc Sơn) tràn sang đánh phá phủ Tĩnh Gia. (Các sở đóng để ngăn chận như Hà Niệm thượng, Hà Niệm trung, Du Xuyên, Sơn Châu, Đội Trà, quan quân nguyên đóng ở đây đều tan vỡ cả).

Quan tỉnh Thanh Hóa đã phái quan quân đem 700 quân chia làm ba đường tiến đánh. Thuyết tức thì đem bọn đề đốc, lãnh binh tiến quân, hợp với tỉnh Thanh Hóa đánh giáp lại, toàn được thắng trận (chém được đầu giặc, thu được tang vật của giặc rất nhiều, mà toàn quân chỉ có bốn người bị thương nhẹ), đuổi thẳng đến địa giới Tuần La (giáp Nghệ An) giặc ấy đều trốn chạy tan, rút quân về tỉnh đóng để trấn áp.

Về sau giặc ấy chuyển về Nghệ An, rồi lại gọi nhau tụ họp ở các xã Thiện Ky, Hoàng Mai, đường trạm không thông được, Thuyết bèn mang quân đến địa giới Nghệ An tiến đánh, giặc thấy thanh thế quân lừng lẫy (khi ấy quan quân tỉnh Nghệ An đương tiến đánh đến đây), đã chạy trốn trước. Thuyết nhân tiện đến thẳng Trường Thi Nghệ An đóng quân, cùng với tổng thống Nguyễn Chính hội bàn cùng đánh." (Đ.N.T.L., Quyển LI)

Có thêm Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, công việc bình định Nghệ An thay đổi mau chóng. Vào tháng Bảy, đoàn quân thứ triều đình chiếm lại thành Hà Tĩnh, toàn thể miền Bắc Trung kỳ, từ Thanh Hóa đến Quảng Bình trở lại yên tĩnh.

Hai tháng sau, tháng 9 năm 1874, đến lược hai thủ lãnh Văn thân Trần Quang Hoàng và Đặng Như Mai bị bắt. Sau hơn bốn tháng kéo dài, cuộc bạo động đến đây chấm dứt.

"... Khi ấy bọn khâm sai Nguyễn Văn Tường đi tàu thủy nước Tây đem ngay thuyền công và thuyền đánh cá, chia ra bắn vào đồn giặc ở các xứ Mũi Dao, Đèo Con, Thần Đầu, đốt hết cả, giặc sợ chạy tan. Thống đốc Lê Bá Thận cùng quân binh các đạo kế tiếp tấn công, giặc nghe đại binh đến, bỏ thành huyện Kỳ Anh trốn đi. Cử nhân Lê Nhất Hoán đem quân bắt được tướng giặc, tiến quân vào thành huyện.

Quan quân tiến đến gần thành đạo; chưởng ấn sung tán tương Trần Đình Thức phi báo là hiện đã triệu tập thân hào dân dõng hai huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên đánh giặc, lấy lại được thành đạo, quan quân bèn vào thành, làm ngay sớ tâu lên vua." (Đ.N.T.L., Quyển LI)

"Tham tán Tôn Thất Thuyết đóng quân ở Nghệ An vài ngày, nghe tin báo đã lấy lại được thành đạo Hà Tĩnh, việc canh phòng đánh dẹp hơi thư, dâng sớ xin đem quân chuyển về Thanh Hóa, trù nghĩ cho chu đáo vững bền, sẽ đến Tam Tuyên làm việc. Vua y cho." (Đ.N.T.L., Quyển LI)

*

Vừa đọc qua Đ.N.T.L. trích dẫn, đến đây thử tìm hiểu thêm về nhân vật Tôn Thất Thuyết trong bối cảnh dẹp loạn Văn thân.

Tháng 6 năm 1874, được tin báo khẩn cấp từ tỉnh đường Thanh Hóa nhóm Văn thân đang nổi loạn tại Nghệ An, Tham tán Tôn Thất Thuyết rời Sơn Tây đem 2000 bộ binh và hai thớt voi xuôi Nam, tiến quân về Thanh Hóa. Ngày 16-6-1874, dừng lại Ninh Bình, Tôn Thất Thuyết hiệu triệu quan quân, thân hào nhân sĩ đứng lên chống Pháp xâm lăng.

Văn bản lời hiệu triệu bằng chữ Hán trước nay chưa ai để ý, lần đầu tiên được phổ biến trong tác phẩm của Toshihara Tsuboi: *L'Empire d'Annam face à la France et à la Chine*, chuyển ngữ lần này, từ Pháp văn sang quốc văn:

"Từ 12 năm qua, bọn rợ Tây Phương xâm chiếm nước ta, chúng cướp đoạt, vơ vét tài sản chúng ta. Hành động đến đây rồi, bọn Dương di ấy đã chịu ngừng chưa? Cùng chung quyết tâm, bản chức mật kêu gọi cách riêng nhà chức trách địa phương các tỉnh Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh, Hải Dương, tổng lý hương hào chức sắc các phủ huyện, ra sức chiêu mộ trai tráng dũng sĩ, cùng với vũ khí, ghe thuyền chúng ta sẵn sàng chiến đấu giết giặc.

Bản chức quyết định rằng, đến tháng Năm này, văn thân sĩ tử các nơi, tất cả hãy trở về địa phương mình để nhận lãnh trách nhiệm lãnh đạo sẽ được giao phó, và đến ngày mồng 10 tháng Sáu, các cấp chỉ huy dũng sĩ cùng với dân quân dưới cờ, tất cả chúng ta cùng tập trung hợp chúng tại Hải Dương, sẵn sàng quét sạch quân thù, đuổi chúng xuống tàu về nước.

Kẻ nào xúc phạm đồng đạo chúng ta là kẻ thù chúng ta và sẽ bị tiêu diệt." (9).

Bố cáo ngày 3 tháng 5, năm Tự Đức thứ 27.

Lời Tôn Thất Thuyết kêu gọi quân dân kết hợp đánh đuổi quân Pháp ngày 10 tháng 6 (23-7-1874) chắc là không có kết quả vì cho đến nay không có tài liệu sử sách gì ghi chép tiếp theo về việc Văn thân nổi dậy tại Hải Dương.

Vua Tự Đức hẳn rằng không được báo cáo hay không biết về lời kêu gọi của Tôn Thất Thuyết tại Ninh Bình, vì sau ngày vụ nổi loạn Văn thân kết thúc Tôn Thất Thuyết nhận được lời khen từ nhà vua mà không có chuyện Tôn Thất Thuyết bị khiển trách hay liên lụy vì lời hiệu triệu nói trên.

Là quan chức triều đình, tham tán quân thứ Tôn Thất Thuyết có nhiệm vụ dẹp loạn là việc đương nhiên.

Qua lời kêu gọi trên, hẳn rằng Tôn Thất Thuyết đang đứng về phía Văn thân!

Thi hành mẫn cán việc dẹp loạn triều đình giao phó hay đứng vào hàng ngũ Văn thân nổi dậy? Phải chăng có sự đối nghịch mâu thuẫn tình và lý, hoàn cảnh và nhiệm vụ Tôn Thất Thuyết lúc bấy giờ?

Trên đường tiến quân, vừa đến Ninh Bình, Tôn Thất Thuyết cho công bố ngay lời kêu gọi chức sắc các địa phương "quét sạch quân thù." Nhưng khi vào đến Thanh Hóa, Tôn Thất Thuyết lại tỏ rõ là một võ tướng tài ba trong việc dẹp loạn Văn thân!

Tâm lý, hành động này cũng dễ hiểu xét về bản chất, tâm tính con người Tôn Thất Thuyết: 36 tuổi lúc bấy giờ, yêu nước, bồng bột, hăng hái, hiếu động với ít nhiều hiếu thắng, bảy tám năm trời kinh nghiệm và thành công hành quân dẹp loạn!

Cũng là việc dễ hiểu, lời hiệu triệu của Tôn Thất Thuyết vừa thuận lòng người, vừa hợp thời thế, nhờ đó Tôn Thất Thuyết gây được cảm tình của Văn thân tại địa phương đang nổi loạn. Cùng đứng về phía dân chúng đang bị quân lực triều đình đàn áp, Tôn Thất Thuyết được lòng dân chúng, ảnh hưởng tâm lý đương nhiên từ đó về sau.

Không bao lâu, trên đường hành quân dẹp loạn, đẩy lui Văn thân khỏi Thanh Hóa, Tôn Thất Thuyết thẳng tiến về Nghệ An với sự thắng trận dễ dàng.

Rất có thể, trước đoàn quân thứ Tôn Thất Thuyết hùng hậu thiện chiến, dân quân Văn thân yếu thế về mọi phương diện: sự thất bại, đầu hàng là chuyện đương nhiên đối với Văn thân.

Trước gọng kềm tấn công của quân đội Triều đình, dân quân Văn thân thực lực yếu kém và tinh thần chiến đấu sa sút giao động. Cuối cùng, hàng ngũ tự tan rã trước khi giao chiến, cũng là điều rất có thể xảy ra.

Từ Thanh Hóa đến Nghệ An, đến đây rồi cán cân lực lượng hai bên (dân quân Văn thân và quân lực Triều đình) nhìn thấy rõ: trận chiến đến hồi kết thúc, trước khi đoàn quân thứ Tôn Thất Thuyết đến nơi.

Cuộc dẹp loạn Văn thân thành công! Trong giai đoạn kết thúc này, đứng vào hàng ngũ dẹp loạn, Tôn Thất Thuyết được vua Tự Đức khen thưởng.

Nhận xét về việc này, Yoshihara Tsuboi, trong tác phẩm *L'Empire d'Annam face à la France et à la Chine*, sđd. trang 249-250 viết :

"Rất có thể là Tôn Thất Thuyết đã tấn công ác liệt những phần tử tiếp tục chống cự lại; cũng rất có thể là quân Văn thân đã tự vứt bỏ vũ khí khi đoàn quân Tôn Thất Thuyết vừa đến nơi.

Mặc dù tổn thất khá nhiều, mặc dù thành Nghệ An đã bị quân Triều đình tái chiếm, nhưng tin tưởng nơi lời tuyên bố của Tôn Thất Thuyết cùng với Văn thân chung chiến tuyến, quân Văn thân vẫn tiếp tục chiến đấu cho đến khi hết còn hy vọng.

Tiến quân vào Nghệ An, với kinh nghiệm chiến trường lâu năm, tham tán Quân thứ Sơn Tây nhìn thấy rõ dân quân Văn thân không còn hy vọng quật khởi; chính vào lúc đó Tôn Thất Thuyết tỏ lập trường dẹp loạn Văn thân!"

Triều đại Tự Đức, những năm cuối cùng là thời đoạn xảy ra nhiều biến thiên biến động. Càng giặc giã loạn ly, càng xảy ra nhiều trường hợp "gặp thời thế, thế thời phải thế." Một lần nữa, lịch sử đời trước để lại đời sau thêm bài học để suy gẫm.

Trang sử qua rồi, bài học còn đó mãi mãi. Đây cũng là một cách ôn cố tri tân khi đọc lại Đại Nam Thực Lục Chính Biên : Cuộc nổi loạn Văn thân năm 1874.

Chú Thích:

(1) Theo Cao Xuân Dục : Quốc Triều Hương Khoa Lục, khoa thi Giáp Tý, Tự Đức thứ 17, năm ấy trường Nam Định lấy đậu 21 người, trong đó có mấy tân khoa sau này nổi tiếng:

Trần Bích San, tam nguyên Hoàng Giáp khoa Ất Dậu (1865), tuần vũ Hà Nội.

Lê Xuân Mai, phó bảng khoa Ất Sửu (1865), tuần vũ.

Phạm Đăng Giảng, phó bảng khoa Ất Sửu (1865).

Riêng trường Hà Nội, 24 người thi đậu, sau này có hai

nhà văn học nổi tiếng :

Nguyễn Thắng (được vua ban tên Nguyễn Khuyến), tam nguyên Hoàng Giáp năm Tân Mùi (1871), sung chức Toản tu Quốc tử giám, tác giả Yên Đổ, Tam Nguyên Quốc Âm Thi Tập.

Dương Khuê, tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1868), tổng đốc Định - Ninh (Nam Định - Ninh Bình), về hưu thăng hàm Thượng thơ bộ Hình..

(2) Theo tổ chức học chánh lúc bấy giờ (1864), toàn cõi đất nước Đại Nam có bảy trường thi :

Trường thi Thừa Thiên (Huế): ngoài Thừa Thiên - Huế, gồm sĩ tử các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam.

Trường thi Bình Định: sĩ tử các tỉnh Quảng Ngãi. Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận.

Trường thi Nghệ An: thí sinh hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh.

Trường thi Thanh Hóa: sĩ tử Thanh Hóa.

Trường thi Nam Định: sĩ tử các tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Yên.

Trường thi Hà Nội: sĩ tử các tỉnh Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng.

Trường thi Gia Định: sĩ tử Nam Kỳ Lục Tỉnh.

Cũng theo Cao Xuân Dục, năm 1864 có thêm Trường thi An Giang.

(3) Nguyên Hương : Sông Gianh, dòng sông định mệnh, Đàng Ngoài - Đàng Trong.

TSH. 2002-2003. trang 65-76.

(4) *Danh từ Lương-Giáo có lẽ phát sinh từ giai đoạn cấm* đạo khó khăn nhất triều đại Tự Đức.

Lương, Hán-Việt, có nghĩa là tốt lành như lương dân, lương thần, lương thiện.

Giáo, Hán-Việt, có nghĩa là dạy dỗ như ví dụ giáo dục, giáo hóa ; đạo giáo, tôn giáo.

Để hiểu rõ thêm ý nghĩa lịch sử hai chữ lương-giáo, xin trích dẫn dưới đây đoạn giải thích về lương-giáo trong Đ.N.T.L., lời vua Tự Đức :

Chuẩn cho dân đi đạo đổi gọi là giáo dân, dân đi lương gọi là bình dân.

Từ trước đến nay dân theo đạo, hoặc gọi là dũ dân, hoặc gọi là tả đạo. Từ khi bỏ cấm, bỏ các chữ dữu, chữ tả, chỉ gọi đơn giản bằng chữ đạo.

Gần đây cứ lời Khâm Sứ đóng ở kinh nói rằng: lương, đạo đều gọi, chưa khỏi sĩ nhục giáo ấy. Đã chuẩn cho quan Thương bạc đem nghĩa hai chữ ấy trả lời: lương là an thường thủ phận, không làm gian ác. Đạo là khuyên người làm lành, không làm bất chính, hai chữ đối nhau, văn nghĩa giống nhau, tốt xấu gì, đạo gọi là đạo mà lương không gọi là lương thì gọi là gì?

Rồi sứ ấy đã biết chữ lương không thể bỏ được, lại yêu cầu phàm những người theo giáo ấy gọi là nghĩa dân, đức dân. Quan Thương bạc cho là sứ ấy đã nói nhiều như thế, xin gọi là giáo dân. Vua y cho, nhân chuẩn cho dân lương cũng đổi gọi là bình dân.

(5) Nguyên Hương. Nỗi lòng vua Tự Đức. TSH. 1991. Trang 129-143.

(6) Xem: Văn Thân Hịch Tuyển Sao Ký, bản dịch Việt văn của giáo sư Đoàn Khoách, đăng tiếp theo phần này.

(7) Đối với Triều đình Huế, vụ Văn thân nổi dậy coi như kết thúc hoàn toàn kể từ tháng 8 năm 1874.

Hơn bốn năm sau, năm 1878, soái phủ Sài Gòn vẫn còn báo cáo về Bộ Hải Quân và Thuộc Địa vấn đề Văn thân! Không phải một lần, mà lai rai nhiều lần từ năm 1874 cho đến năm 1878, nhiều bản phúc trình cùng trích yếu tương tự.

Nơi gởi, Soái phủ Sài Gòn ngày 16-12-1878; nơi nhận, Bộ Hải Quân và Thuộc Địa, đóng dấu Direction des Colonies ngày 21-1-1879.

Bản phúc trình hiện lưu trữ tại Trung Tâm Văn Khố Quốc Gia Aix En Provence, photocopy kèm theo, là bản viết tay, bốn trang khổ lớn.

Công văn giấy tờ, từ Sài Gòn qua Paris sao lại viết tay? Không có gì ngạc nhiên lắm, cho đến cuối thế kỷ 19, máy đánh chữ chưa ra đời.

Để bạn đọc có dịp tìm hiểu thêm vấn đề Văn Thân dưới nhãn quan chính trị của người Pháp đang mở đầu cuộc xâm lăng Bắc kỳ, dưới đây vài đoạn trích dịch xét cần thiết :

"... Việc một số lãnh tụ Văn Thân khởi nghĩa tại Thanh Hóa - Nghệ An liên lạc, tiếp xúc với chúng ta, không phải mới xảy ra hôm qua, mà từ lâu rồi, kể từ khi Gia Long chinh phục đất Bắc kỳ (1802) ; và từ đó thỉnh thoảng lại xuất hiện các cuộc nổi loạn chống triều đình Huế. Theo nhiều tin tức thâu lượm được kể từ khi thiếm chức (đô đốc Lafont, TSH ghi thêm) mới nhận việc, hình như dân chúng Bắc kỳ đang nóng lòng chờ đợi cơ hội giải thoát khỏi sự cai trị độc tài của quan lại triều đình Huế.

(...) Đảng Văn thân (Parti des Lettrés) rất mạnh. Họ không đứng về phía chúng ta, nhưng rất cay ghét quan lại triều đình đã dành giựt hết những chức vụ cao sang và béo bở. Rất có thể, Đảng Văn thân sẽ chấp nhận nền Bảo hộ với điều kiện chúng ta bảo đảm cho họ các chức vụ quan trọng, dù dưới quyền giám thị của một công sứ Pháp (Résident francais).

Riêng về dân chúng, thân hào nhân sĩ, địa chủ, thương gia, cũng rất có thể, họ chấp nhận một hình thức cai trị trực tiếp, nhưng ít nhiều với sự chỉ đạo của Văn Thân, thành phần đông đảo và thế lực nhất trong nước.

Đối với triều đình Huế, chúng ta chỉ cần hành động theo đúng các điều khoản đã ký kết, mà không nên ủng hộ vị vua độc tài cùng lớp quan lại đã tàn hại đất nước này. Và dù cho nhờ sự ủng hộ ấy vua Tự Đức thành công, cuối cùng chúng ta cũng sẽ không được hưởng lợi gì so với quyền lợi phe đối thủ vua Tự Đức dành cho chúng ta, nếu họ thành công ..."

(8) Xem chú thích (6).

(9) Proclamation par le Prince Ton That Thuyet aux lettrés, mandarins, notables : Yoshihara Tsuboi, sdd, trang 242-249. Bản dịch Pháp văn lời hiệu triệu của Tôn Thất Thuyết.

Hịch Văn Thân 19-3-1874

Lời Giới Thiệu:

Cuộc nổi loạn Văn Thân, phong trào Văn Thân, một biến cố lịch sử không thể không biết đến. Tìm hiểu đầy đủ nội dung vấn đề từ buổi đầu tiên, quan trọng và hữu ích hơn cả là bản Hịch Văn Thân, trước nay không mấy người biết. Tài liệu căn bản bằng Hán văn này lần đầu tiên được Yoshirara Tsuboi phổ biến trong tác phẩm L'Empire d'Annam face à la France et à la Chine (sđd) cùng với bản dịch Pháp văn, Proclamation d' Appel des Văn Thân.

Nhờ ký hiệu tác giả ghi chú rõ ràng "AOM Aix, Amiraux 11649, trong thời gian làm việc tại Centre des Archives d'Outre-Mer - Aix En Provence, chúng tôi đã photocopy được nguyên bản Văn Thân Hịch Tuyển Sao Ký, Tự Đức nhị thập thất niên, nhị nguyệt sơ nhị nhất.

Nguyên bản Hán văn xưa, viết theo lối cổ với nhiều điển tích, nếu không có một căn bản Hán học vững vàng, khó mà dịch nghĩa và chú thích rõ ràng như trình bày dưới đây. Cùng với lời chân thành cảm ơn giáo sư Đoàn Khoách đã dành nhiều công phu, thì giờ trong việc phiên âm, dịch nghĩa và chú thích, chúng tôi xin đăng tải toàn bộ tài liệu Văn Thân này.

Cũng là dịp may, cùng với bản Hịch Văn Thân nói trên, chúng tôi còn sưu tầm thêm được một tài liệu liên hệ khác như bạn đọc vừa biết qua từ mấy trang trước: Phong trào Văn Thân qua cái nhìn chính trị đầy tham vọng của thực dân Pháp: Phúc trình ngày 16-12-1878 Soái phủ Sài Gòn gởi Bộ Hải Quân và Thuộc Địa Paris.

*

Hịch Văn Thân 19-3-1874

Phiên âm:

Tự Đức nhị thập thất niên nhị nguyệt sơ nhị nhật

Văn thân hịch tuyển sao ký

Cái văn :

01. Thệ đồng cửu nhi bảo trạch, ngô nho địch khái chi hùng phong ; Tạm đầu bút nhi nhung hiên, quân tử dụng quyền chi năng cử.

02. Nghĩa như năng vãng, Chung Quân (1) do thả thỉnh anh ; Đạo hữu khả hành, Tổ Địch (2) thượng văn cử tiếp.

03. Cái tang bồng hồ thỉ, nam tử sơ tâm ; Nhi nghĩa phủ nhơn can, thiên hạ vô địch.

04. Thẩn tư Gia-tô nhập vu ngã quốc:

Ngữ kỳ thuật tắc xưng thiên xưng thánh, lung cổ ngu mông;

Ngữ kỳ giáo tắc vô phụ vô quân, khuyến dương tộc loại.

05. Xã khúc trực dĩ ngôn cường nhược, man khoa pháo khả phá sơn;

Phế trung dũng nhi thiệp ba đào, lãng thuyết thuyền năng nhập thủy.

06. Tự Đinh-tỵ (3) duyên biên vi hoạn, phong đăng tứ kỳ sương cuồng;

Kinh nhung thần phấn lừ nhi tiền, thú dĩ thư kỳ cuồng phệ.

07. Phụng Hoàng thượng phấn nhiên giới đoạn, phương dục hữu vi;

Nại hà nhân tự nhĩ thâu an, cẩu cầu vô sự.

08. Tấn đại phu chi sách, lập hổ lợi nhi hại tùy;

Tống tướng quốc chi mưu, kiến nhất hòa nhi ngạnh khởi.

09. Toại sử : tây huynh nam đệ, dẫn cam thành hạ chi minh;

Giáp quyển nhung tàng, thùy phấn quân trung chi dõng.

10. Dẫn chiên cừu vu quốc ấp, kê thê phụng tập, ngưu hỗn ký quần;

Nhập tỉnh xú vu bang đình, hổ bị khuyển khi long vi hà hí.

11. Lục tỉnh chi thần dân hà tội, hàm oan nhi diện cách triều đình?

Nhất phương chi thủy hỏa thùy tô, tố khổ nhi thanh đằng vũ trụ.

12. Hạ xuân đài nhi đồ thán, sĩ dân cô giáp đạo chi hoài;

Ly thiên nhật nhi âm hàn, phụ lão thất cử phàn chi vọng.

13. Huống hựu, trưởng ác bất thuân, vi hại thậm đại.

14. Sách tăng tuế tệ, dương tiêu bổn quốc cao chi;

Sức kiệt đạo đường, âm dụ ngã bang lê thứ.

15. Tư đạo ngã tỉnh ; Phước tứ đạo đồ.

16. Phụ trệ mẫu khuyển chi phong, tự ô danh giáo;

Chúa lị chi chu chi huyết, phục uế thính văn.

17. Bỉ kỳ cảm nhĩ hoành hành ; Ngã diệc khởi nhiên an tọa?

18. Dữ kỳ lâm thời thương tốt ; Đồ di hậu sự

chi ưu.

19. Hà như tảo cập đồ hồi ; Dụng hiệp tiên ưu chi nghĩa. *(4)*

20. Phù, khuyển dương nan tín ; Cầm độc nan thân.

21. Vị đốn Hán dương ; Kim Liêu Tống tỷ. *(5)*

22. Ngã nhược khai môn nghinh khấu, miễn thủ dĩ tùng;

Bỉ tương vu mãng phục nhung, phệ tê hà cập ?

23. Thỉnh qúy liệt : mộc dục hưu phong ; Chiên phùng thịnh thế.

24. Hoặc triều đình quan tước dự tại giản ti ;

Hoặc khoa mục trung nhân tằng kinh thảng lục.

25. Hoặc viên tử ấm tử, quan thanh nhi ti lạp giai ân;

Hoặc thí sinh khóa sinh, thánh trạch nhi chương tương thức hóa.

26. Dĩ chí phú gia vật lực, quân hoàng cực chi dụng phu;

Tổng lý hương hào, tịnh hoàng ân chi phổ cập.

27. Hữu tử khả chấp: Châu công phương thả ưng chi ; (6)

Kiến nghĩa bất vi: Khổng tử viết vô dõng giã. *(7)*

28. Miễn địch hàn thu chi tiết ; dụng trinh kính thảo chi phong.

29. Chỉnh ngã bằng đồ ; Tiễn bỉ vũ dực.

30. Sử Tây tặc vô môn khả nhập ; Nhi Dương di hà xứ đắc lai. *(8)*

31. Lý Cương bãi triều, (9) nhi Thái học chi nho sinh kiến cổ ;

Bảo Tuyên hạ ngục, (10) nhi Bác sĩ chi tử đệ cử phiên.

32. Huống: sự thuộc an nguy; Lự quan đắc thất.

33. Cổ kim cọng phẫn ; Thiện địa bất dung.

34. Phàm hữu trung nghĩa chi tâm, sinh nhi tự hứa;

Cẩu vi xã tắc chi lợi, tử thả bất từ.

35. Tuy kim nhật vi chỉ khai hành sự, dung tri đắc tội ư cửu trùng ;

Đệ hậu lai phục khuyết thính tru, do đắc tấu công ư liệt thánh.

36. Võ khả đồ ngôn ; Thủ vũ ngoại địch.

37. Chí như : kế tương an xuất ; Lánh hữu hậu ngôn.

Cảm cáo đồng minh, nguyện phu minh giám.

Dịch nghĩa:

Ngày mồng 2 tháng 2 năm Tự Đức thứ 27

Chọn sao lại bài hịch Văn thân

Thường nghe:

01. Chung gian khổ thề cùng chống giặc là hùng phong địch khái của kẻ nho gia; Tạm ném bút để cầm vũ khí là thái độ quyền biến của người quân tử.

02. Nghĩa như đã mất, Chung Quân (1) sao thấy tòng quân;

Đạo được thi hành, Tổ Địch (2) còn nghe chật lái?

03. Bởi "tang bồng hồ thỉ" là bản tâm của kẻ nam nhi;

Mà lòng dạ nghĩa nhân là điều vô địch trong thiên hạ.

04. Huống nay đạo Gia-tô đột nhập nước ta:

Nói tài năng thì xưng thiên xưng thánh mù điếc tối ngu;

Nói đạo giáo thì vô phụ vô quân như loài dê chó.

05. Bỏ phải trái nói điều mạnh yếu, khoe khoang đại bác phá núi non;

Rời trung dũng vượt cảnh ba đào, phách lối tàu đồng chui bể cả.

06. Từ mối lo cõi bờ năm Đinh-tỵ (3) quân hung ác hết sức ngang tàng;

Chúng lại được khí giới giúp thêm, thú điên cuồng tha hồ cắn sủa.

07. Trên Hoàng thượng đã đem lòng quyết đoán, những muốn việc nên làm ;

Dưới thần dân dám trễ nãi dây dưa, lòng dẫu ưa yên ổn.

08. Kế hoạch bậc đại phu Tấn quốc, lợi hại trù đắp đổi cho nhau ;

Mưu mô vị tướng quốc Tống triều, hòa hiếu lại nổi lên chống đối.

09. Rốt cuộc: tây anh nam em, lơ láo thề thốt dưới thành;

Xếp nhung cuốn giáp, còn chi trong quân dũng mãnh?

10. Dẫn tù trưởng vào đất nước, gà quanh phụng đậu, trâu lẫn ngựa bầy;

Tỉnh ra giặc đã đến nhà, cọp bị chó khinh, rồng vì tôm múa.

11. Thần dân sáu tỉnh tội tình chi, ngậm oan không được thấy mặt triều đình?

Nước lửa một phương ai lo liệu, kêu gào nỗi khổ đau đầy trời đất.

12. Bỏ thái bình phải lầm than khổ sở, sĩ dân tưởng nhớ nền đạo lý lờ mờ;

Rời ấm áp chịu lạnh lẽo âm u, phụ lão ngóng trông hướng sinh dân lạc lối.

13. Huống chi: ác cả không chừa, hại thành rất lớn.

14. Nhật nhạnh càng nhiều tiền bạc, ép hết dầu mỡ nước ta;

Trang sức càng đẹp đạo đường, phỉnh gạt dân ta công của.

15. Nay khắp các tỉnh; Hết thảy đạo đồ.

16. Thói tục cha heo mẹ chó, làm dơ danh giáo; Học thuyết "Chúa lị-kĩ-xu," khiến bẩn thỉnh văn.

17. Kẻ kia hoành hành thế ấy; Ta há lãnh đạm ngồi yên?

18. Ví thử gặp việc binh tranh; Sao khỏi lo về bọn chúng.

19. Chi bằng sớm kịp mưu toan; Giúp cho cái nghĩa "lo trước." (4)

20. Ôi! Dê chó khó tin nhau; Cầm thú không thân được!

21. Dê Hán bị nuốt ngay; Kim Liêu vồ heo Tống. *(5)*

22. Còn như ta mở cửa rước giặc vào, lịch sự cúi đầu;

Kẻ kia sẽ trân tráo dụng phục binh, ăn năn sao kịp?

23. Xin quý vị: tắm gội gió lành; Sống thời bình trị.

24. Hoặc là quan tước chốn triều đình, sống nơi thong thả;

Hoặc là hàng trung nhân khoa mục, chữ nghĩa đã từng.

25. Hoặc là viên tử ấm tử, đã được chút giai ân;

Hoặc là thí sinh khóa sinh, cũng dự phần thánh trạch.

26. Cho đến: phú gia vật lực, đều đem của cải giúp vua;

Tổng lý hương hào, cũng rải ân vua khắp chốn.

27. Có lời hay phải giữ: Châu công phương thả ưng chi; (6)

Thấy việc nghĩa không làm: Khổng tử viết vô dõng giã. *(7)*

28. Cố thực hiện trong tiết hàn thu; dùng vững vàng phong cách cỏ cứng.

29. Chỉnh đốn lực lượng của ta; Cắt hết cánh lông chúng nó.

30. Khiến Tây tặc không cửa bước vào; mà Dương di chỗ nào tới được. *(8)*

Bảo Tuyện hạ ngục (10) mà con em Bác sĩ phất cờ.

31. Lý Cương bãi triều (9) mà nho sinh Thái học úp trống;

32. Huống chi: công việc dính đến an nguy; tính toan quan hệ còn mất.

33. Trời đất chẳng tha; xưa nay đều giận.

34. Phàm người có lòng trung nghĩa, sống là tự hứa;

Nếu vì lợi ích nước nhà, chết thế không từ.

35. Nay tuy trái mệnh mà làm, cũng biết thế là đắc tội;

Sau mà lỗi lầm ít thấy, còn e liệt thánh tấu công.

36. Không thể nói suông; Chống được ngoại địch.

37. Còn như: Mưu tính sắp đặt thế nào; Để riêng về sau sẽ nói.

Bá cáo đồng minh, nguyện tin minh giám.

Chú thích:

(1) Chung Quân: người Tế Nam đời Hán, tự Tử Vân, lúc nhỏ hiếu học, giỏi biện luận. Mười tám tuổi dâng thư lên Hán Vũ đế, được làm Cấp sự trung, thăng làm Giám nghị Đại phu theo sứ bộ sang Nam Việt, thuyết phục Nam Việt vương nội thuộc nhà Hán. Nam Việt vương nghe theo. Tướng Nam Việt là Lữ Gia sau khi can vua mãi không được, mới truyền hịch đi mọi nơi, rồi cùng các đại thần đem cấm binh giết vua và sứ nhà Hán. Chung Quân cũng bị hại, lúc đó chừng hơn hai mươi tuổi.

(2) Tổ Địch : người Phạm Dương đời Tống, tự là Sĩ Trí, tính chất hào hiệp, làm Thứ sử Dự Châu. Vào thời Nguyên Đế, các dân tộc Nhung Địch nổi lên chiếm cứ vùng phía bắc Trường Giang, Tổ Địch tự thống lãnh binh sĩ Bắc phạt, được vua phong làm Phấn Uy tướng quân. Khi đem quân qua sông, ông tự chặt mái chèo mà thề: "nếu chuyến này không đem thái bình lại cho Trung Nguyên, thì sẽ như mái chèo này." Sau đó ông phá được Thạch Lặc, khôi phục giải đất từ Hoàng Hà về nam. Lúc làm quan, ông đối xử rất tốt với dân nên khi mất, sĩ tử ở Dự Châu thương tiếc đưa đám ông như đưa đám cha mẹ.

(3) Năm Đinh Tỵ nói đây là năm 1857.

(4) Tiên ưu chi nghĩa hay cái nghĩa "lo trước" là chữ lấy trong bài Nhạc dương lâu ký của ông Phạm Trọng Yêm: "Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc" có nghĩa "lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ." Ông Phạm Trọng Yêm người Ngô Huyện đời Tống, tự là Hy Văn, đỗ tiến sĩ, quan Bí các hiệu lý, tài cao chí viễn, thường lấy thiên hạ làm nhiệm vụ của mình. Thọ 64 tuổi, húy là Văn Chính.

(5) Ý ám chỉ dân tộc Hán đã bị rợ Ngũ Hồ ở phương bắc chinh phục, cũng như Tống đã bị các nước Liêu, Kim đánh chiếm.

(6) Châu Công phương thả ưng chi là một câu trong sách Mạnh tử (câu 4, chương Đằng Văn công thượng) có nghĩa : ỏôông Châu Công xưa từng đánh dẹp các rợ Nhung Địch ở miền Tây Bắc nước Tàu ; nay đánh Tây tặc, Dương di nghĩa cũng tương tự như thế.

(7) Kiến nghĩa bất vi vô dõng giã là một câu trong sách Luận ngữ (câu 24, thiên Vi Chánh đệ nhị) có nghĩa : "Thấy việc nghĩa mà chẳng làm, ấy là người chẳng có khí dũng." Việc nghĩa là việc đáng làm để giúp người, như việc Tổ Địch thề chiến thắng giặc đem thái bình cho Trung Nguyên.

(8) Tây tặc là giặc Tây, Dương di là mọi Biển, cả hai từ đều chỉ người Pháp lúc bấy giờ.

(9) Lý Cương (1083-1140): người Thiệu Vũ đời Tống, tự Bá Kỷ, đỗ Tiến sĩ đời Chính Hòa, đầu đời Tĩnh Khang làm Thị lang bộ Binh, rồi Giám sát Ngự sử. Khi người Kim đến xâm lăng, ông là người chủ chiến. Khi Cao Tông tức vị về Nam, gọi ông làm Thủ tướng, sửa sang nội trị biên phòng, chỉnh đốn quân đội, mà Cao Tông được yên ổn. Ông chuẩn bị khôi phục đất cũ nhưng bị bọn Huỳnh Tiệm Thiện ganh ghét ngăn trở nên sau hai tháng ông phải "bãi triều." Ông thọ được 56 tuổi, thụy là Trung Định. Thơ văn của ông mạnh mẽ, sâu sắc, thanh nhã, hoành tráng, thích nói chuyện Phật pháp. Hiện còn một số thi văn hành thế: Dịch truyện, Luận ngữ tường thuyết, Lương Khê tập...

(10) Bảo Tuyên: (chưa khảo được).

(Bản sao lục, phiên âm, dịch nghĩa và chú thích của Đoàn Khoách)

"Tôi Biết Sợ"

Phần I. Từ Sợ Hãi Tới Mơ Ước

NGUYỄN HỮU CHI,
Tiến Sĩ Tâm Lý Chính Trị Học (profnchi@hotmail.com)

Bản tính tôi rất nhút nhát, nên đôi khi tôi thấy hổ thẹn trong lòng. Nhưng gần đây, tôi cảm thấy an ủi được một phần nào khi nghe nói có một nhân sĩ Bắc Hà hùng dũng tuyên bố một câu đáng để đời: *"Tôi còn sống đến ngày nay vì tôi biết sợ"* (Nguyễn Tuân). Tôi rất thông cảm ông này, vì ngày nào cũng phải nghe câu ca *"thề phanh thây uống máu quân thù"* thì quả thật là khiếp đảm. Thế mà người đời lại nỡ lên án những người chỉ mơ ước một đời sống giản dị, dù phải sống trong cảnh nghèo nàn với bát cơm độn khoai lang và cuộng rau muống luộc. Tiếc thay, khen-chê là chuyện thường tình ở trên cõi đời ô trọc này. Ta thường chê những người sợ chết là *"hèn"*, vì những người *"hèn"* này không chịu hy sinh đời sống của họ để bảo vệ quyền lợi của ta. Trái lại, ta ca tụng những người *"hùng"* vì những người này sẵn sàng chết thế mạng cho ta. Bây giờ, chúng ta đã *"an cư lạc nghiệp"* trong các nước thanh bình và giầu có, chúng ta không cần một người nào phải hy sinh cho chúng ta nữa. Do đó, chúng ta có thể nhìn vào vấn đề *"sợ hãi"* một cách khách quan hơn, nhất là không cần phải phán xét những hành động *"hùng"* hay *"hèn."*

1. "Sợ Vì Điên" Và "Điên Vì Sợ"

Thông thường chúng ta *sợ* mỗi khi chúng ta phải đương đầu với một mối nguy hại cho bản thân chúng ta hoặc những người thân thích của chúng ta. Tình trạng càng nguy hiểm và cấp bách bao nhiêu, thì chúng ta càng sợ bấy nhiêu. Chúng ta sợ hãi vì nhiều lý do thông thường, dễ hiểu. Ngoài ra, còn có một vài người sợ hãi vì những lý do bất thường, ít ai hiểu nổi. Những nỗi sợ hãi bất thường này (phobic disorders) bắt nguồn từ một trạng thái tâm thần rối loạn, như sợ chỗ đông người (aggrophobia), sợ bị tù túng trong một nơi chật hẹp (claustrophobia), sợ bị người khác ám hại mình (paranoia), hoặc sợ hãi một cách quá đáng những sinh vật nhỏ bé, kể cả khi những sinh vật vô hại này đã bị đập chết, v.v.. Những nỗi sợ hãi tâm thần này (*"sợ vì điên"*) đã được nhiều bác sĩ tâm thần giải thích [1], nên tôi thấy không cần phải đề cập tới.

Ở đây, tôi chỉ cố tìm hiểu những nỗi lo sợ thông thường hàng ngày trong số những người mà tôi tạm coi là *"tỉnh."* Tôi nói vậy thôi, chứ thực ra làm sao tôi biết chắc được *"người nào tỉnh," "người nào điên,"* ngoại trừ trường hợp điên cuồng loạn một cách lộ liễu, như xé quần xé áo, hoặc chửi bới om sòm, v.v.. Cũng may có hai ông bác sĩ tâm thần tên là H. J. Kaplan và B. J. Sadock đã đưa ra một bảng liệt kê hơn một trăm dấu hiệu khác nhau về bệnh điên để các bác sĩ khác có thể dựa vào đó để phân loại người *"điên"* và người *"tỉnh"* [2]. Sau khi đọc kỹ bảng liệt kê này, tôi thấy tất cả mọi người mà tôi biết — người Việt Nam cũng như người Âu, Mỹ — đều có ít hay nhiều dấu hiệu *"điên"* trong đời sống hàng ngày. Vì thế, tôi không ngạc nhiên khi đọc một bài báo cho biết rằng có tới 3% lính Mỹ bị khủng hoảng tâm thần sau một năm trời chiến đấu ở Irak, tuy rằng cuộc chiến tranh ở Irak không nghĩa lý gì khi so với cuộc chiến tranh ở Việt Nam (theo tôi ước tính, trung bình mỗi năm, tỷ số lính Mỹ bị tử thương ở Irak không bằng một phần ba tỷ số lính Mỹ bị tử thương ở Việt Nam).

Còn người Việt Nam chúng ta — kể cả phe thắng trận cũng như phe bại trận — đã sống trong sợ hãi, chết trong máu lửa, gần nửa thế kỷ. Vì thế, tỷ lệ *"điên"* có lẽ còn cao hơn 3%. Rất nhiều người trong số chúng ta chỉ hơi *"mát"* một chút, hoặc *"điên ngấm điên ngầm"* vì chúng ta còn đủ tỉnh táo để kiềm chế những hành động bất bình thường ở những nơi công cộng. Thực ra, sống trong cảnh *"mất nước nhà tan,"* chỉ những người vô lương tri mới dám tự coi mình là người hoàn toàn *"tỉnh"* mà thôi. Nhưng xét cho cùng, những người vô lương tri này tưởng rằng mình *"tỉnh"* nhưng thực ra đã rơi vào trong tình trạng *"vong ngã"*

(*neurotic alienation*) vì đã mất hết khả năng duy trì dây liên hệ tình cảm với tất cả mọi người trong xã hội; hội chứng này có thể đưa ta tới những hành động bạo tàn, không khác gì những hành động diệt chủng ở Đức dưới thời Hitler [3].

Nhân tiện đây, tôi xin trình bày vài nhận xét về *"chiến tranh," "sợ hãi"* và *"khủng hoảng tinh thần" (điên).* Xin các bạn độc giả bỏ qua và thứ lỗi nếu thấy những nhận xét sau đây không hợp với bản tính *"kiêu hùng"* của các bạn. (Chú ý: Nếu không "bỏ qua" được, thì xin liên lạc với tôi ở địa chỉ profnchi@hotmail.com)

(1) Cuộc chiến tranh càng ***tàn bạo*** *bao nhiêu, thì càng có nhiều* ***anh hùng tử sĩ*** *bấy nhiêu, và mức độ* ***sợ hãi*** *trong đám người sống sót càng lên cao bấy nhiêu.*

(2) Mức độ ***sợ hãi*** *càng gia tăng bao nhiêu, thì tỷ số* ***điên*** *càng lên cao bấy nhiêu.*

(3) Xã hội nào càng ca tụng truyền thống ***kiêu hùng*** *bao nhiêu, thì xã hội đó càng quyết tâm* ***uống máu quân thù*** *bấy nhiêu.*

(4) Xã hội nào càng quyết tâm ***uống máu quân thù*** *bao nhiêu, thì xã hội đó càng có nhiều* ***anh hùng, tử sĩ*** *bấy nhiêu.* **(Chú thích:** Trong một trận chiến, nếu ta quyết tâm *"uống máu quân thù,"* thì địch cũng phải quyết tâm *"bảo vệ máu"* của họ; thế là cả hai bên đều chết như rạ. Số tử xuất còn cao hơn nữa nếu cả hai bên đều quyết tâm *"uống máu"* lẫn nhau).

Sau đây là hai nhận xét đúc kết từ những nhận xét đã trình bày ở trên.

(5) Tỷ số ***điên*** *trong xã hội có truyền thống* ***kiêu hùng*** *cao hơn tỷ số* ***điên*** *trong xã hội không hám danh* ***kiêu hùng.***

(6) Trong một cuộc chiến, tỷ số **điên** trong đám người thích **uống máu quân thù** cao hơn tỷ số điên trong đám người không thích **uống máu quân thù.**

2. Sợ Quá Thì Núp Trong Lòng Mẹ

Khi nói đến sợ hãi thì mọi người đều biết cảm giác sợ hãi như thế nào, vì không một ai có thể tránh khỏi đôi lúc sợ hãi trong cuộc đời của mình. Ngay lúc chào đời, chúng ta đã cất tiếng khóc sợ hãi vì bỗng nhiên phải rời khỏi một nơi ***cực*** kỳ an ***lạc***, không khác gì cặp vợ chồng A-Dong và E-Và bị đuổi ra khỏi *Vườn Địa Đàng*. Lúc đó, bộ óc sơ sinh của đứa trẻ chưa đủ phát triển để ghi nhận được dây phút sợ hãi này [4]. Tuy nhiên, theo sự nhận xét của Bs. Michael Fordham, nỗi khiếp đảm lúc ra đời được ghi sâu trong tiềm thức của chúng ta, và được coi như là *"mẫu hình lo sợ" ("prototypic anxiety")* vì nó tiếp tục ám ảnh suốt cả cuộc đời chúng ta. Sau khi chúng ta trưởng thành, nỗi ám ảnh lo sợ này khiến chúng ta suy tư về những chuyện *"hoang đường" ("fantasy")* liên quan tới vấn đề *"sinh đẻ và tái sinh"* [5]. **(Chú Thích:** Các độc giả nào tin vào giáo thuyết "Tái Sinh" ("Resurrection") hoặc "Luân Hồi" ("Re-birth") chắc không hài lòng với lối suy luận của Gs. Fordham. Thực ra, rất nhiều chuyên viên về khoa tâm lý và hoặc tâm thần — nhất là những người theo môn phái của Carl Jung — đều nghĩ rằng tất cả mọi giáo thuyết về các đấng thần linh và các vấn đề siêu hình bắt nguồn từ những ám ảnh đã nằm sẵn trong tiềm thức của tất cả mọi người từ thời thượng cổ đến giờ [6]).

Sau khi chúng ta lớn lên, biết nhận xét và suy nghĩ, chúng ta mới ghi nhớ được những cảnh sợ hãi mà chúng ta đã gặp phải trong đời. Là người Việt Nam có truyền thống *"oai hùng"* cùng với *"bốn ngàn năm văn hiến,"* chúng ta đã phải sống trong cảnh sợ hãi triền miên vì chiến tranh, vì giam cầm, vì những hành động vô nhân đạo, thiếu *"văn hiến."* Chúng ta đã trải qua giờ phút hãi hùng khi phải chạy khỏi vùng máu lửa để đến những nơi tương đối an toàn hơn, ít máu lửa hơn, ít bạo tàn hơn. Làm sao chúng ta có thể quên được những cảnh hãi hùng đó? Vì thế, tôi cho rằng người nào khuyên chúng ta *"Hãy quên quá khứ đi"* là những người không có *khả năng thông cảm* (*empathy*). **Chúng ta có thể tha thứ những kẻ đã phạm tội ác trong quá khứ, nhưng chúng ta không thể quên được, và cũng không nên quên, những hành động vô nhân đạo mà chúng ta đã là nạn nhân hơn 30 hay 40 năm trước đây.** Carl Jung cũng như Freud — tuy đối nghịch với nhau [7] — cũng đều coi mọi cố gắng để *"quên những cảnh kinh hoàng trong quá khứ"* là một hành động *dồn ép vào tiềm thức* (*repression*), và sự dồn ép tâm lý này nếu không được hóa giải sẽ đưa đến tình trạng *khủng hoảng tinh thần* (*neurosis*). Nếu vậy, những người tìm cách quên những cảnh kinh hoàng trong đời họ là những người *"mát"* rồi hay sao? Tôi xin dành cho các bác sĩ tâm thần trả lời câu hỏi này.

Tổ tiên loài người cũng đã phải trải qua nhiều phút hãi hùng vì phải sống trong một môi trường tàn bạo đầy thiên tai và thú dữ. Con người phải tiếp tục sống trong sợ hãi hàng triệu năm đã qua. Theo Carl Jung [8], những cảm giác sợ hãi đó — cùng với cảm giác kinh hoàng lúc rời lòng mẹ —

là kinh nghiệm chung của con người, nên đã được ghi sâu trong ***tiềm thức tập thể*** của tất cả mọi người (*collective unconscious*). Nỗi lo sợ khi phải đứng trước hiểm nghèo đương nhiên tạo ra sự mơ ước được sống trong cảnh yên lành. Những mơ ước này cũng là thành phần quan trọng nằm trong *tiềm thức tập thể* mà Carl Jung gọi là ***ảo hình*** (*"imagos"*) — có khi Carl Jung còn gọi là ***ấn tượng*** (*"archeptypes"*), hoặc ***biểu tượng*** (*"symbols"*), hoặc ***hình ảnh*** (*"images"*).

Theo lý thuyết *phân tách tâm lý* của Carl Jung, *tiềm thức tập thể* tàng trữ một số *ảo hình* khác nhau và đối nghịch nhau. Vài *ảo hình* thường được nhắc tới như sau đây:

* *ảo hình "Người Mẹ"* tượng trưng người mẹ yêu thương, hoặc người mẹ độc ác (*"mẹ ghẻ"*);

* *ảo hình "Người Hùng", "Siêu Nhân"* (*"Hero", "Superman"*) tượng trưng sức mạnh xây dựng, hoặc sức mạnh tàn phá;

* *ảo hình "Thần Linh"* toàn thiện (*"God", "Spirit"*), và ngược lại *ảo hình "Ma Quỷ"* toàn ác (*"Demon"*).

Những *ảo hình* này là kết tinh tất cả kinh nghiệm sống của con người, và được di truyền từ đời này sang đời khác, trong mỗi chủng tộc, hay trong cả nhân loại, không phân biệt phong tục cá biệt của vùng nào [9].

Ngoài *tiềm thức tập thể*, Carl Jung còn phân định ra ***tiềm thức cá nhân*** (*personal unconscious*), ***thực ngã*** (*ego*), và ***bản ngã*** (*self*). *Tiềm thức cá nhân* chứa đựng những *mặc cảm* (*complex*), những mẩu kinh nghiệm sống trong đời mỗi người, những hình ảnh, hoặc những cảm xúc đặc biệt, v.v. Những dữ kiện tâm lý này đã bị dồn xuống *tiềm thức cá nhân* vì chúng ta không còn nhớ, hoặc chúng ta muốn quên đi vì một lý do tâm lý đặc biệt nào đó. *Tri thức* chứa đựng những suy tư, những cảm xúc, hoặc những dữ kiện mà ta đã tiếp nhận được từ cảnh vật xung quanh ta. *Thực ngã* giữ vai trò quan trọng trong đời sống chúng ta. Bình thường, *thực ngã* dựa vào *tri thức* để hướng dẫn chúng ta sống theo thực tế, khiến chúng ta có một lối nhìn thực tiễn và duy lý khi ta tiếp xúc với cảnh vật xung quanh ta. Nhưng có những lúc đời sống của chúng ta quá khó khăn, chúng ta bị đẩy vào trạng thái hoang mang và lo sợ, làm cho chúng ta không muốn nhìn vào thực tế phũ phàng. Phản ứng gần như tự nhiên của con người trước cảnh hãi hùng là vùi đầu vào trong mơ ước viển vông nào đó, thường là mơ ước được an vui trong một khung cảnh thanh bình và trù phú.

Nói theo kiểu "Jungian", trong những lúc chúng ta lo sợ, *thực ngã* (tức là con người) cố dựa vào *tri thức* (dữ kiện thiết thực) để tìm ra một giải pháp thích ứng trong khi đương đầu với mối nguy hiểm. Nếu không tìm ra được giải pháp nào thỏa đáng, *thực ngã* tiến sâu vào *tiềm thức* để tìm mọi cách chấn an nỗi lo sợ. Đó là tình trạng *tiềm thức* lấn áp *tri thức* để xâm nhập vào *thực ngã*. Vì thế, khi chúng ta đứng trước một cảnh hiểm nghèo, chúng ta có khuynh hướng hành động theo *tiềm thức* hơn là theo các điều kiện thực tế. Nói một cách khác, khi chúng ta khiếp sợ, một số *ảo hình* (đã nằm sẵn trong *tiềm thức*) xâm nhập vào *thực ngã*, rồi điều khiển tác phong của chúng ta. Như Gs. Hélène Kiener đã viết: *"Những **ảo hình** là cơ sức tạo thành linh hồn con người. Những cơ sức này có thể bị huy động bất kỳ lúc nào, thí dụ trong một cuộc **xung đột*** [tâm lý], [hoặc] *trong lúc chúng ta **quá xúc cảm,*** [hoặc] *trong khi một **vấn đề quan trọng cho đời sống chúng ta phát hiện ra một cách gay gắt.**"* (những chữ nét đậm, hoặc ở trong ngoặc [...] do tôi thêm vào cho rõ nghĩa). [10]

Một trong những *ảo hình* mà Carl Jung đã nhắc tới nhiều lần là *ảo hình "Người Mẹ"*. Ảo hình này đóng một vai trò quan trọng trong đời sống mọi người, ngay từ lúc cất tiếng khóc chào đời [11]. Khi con người lâm vào cảnh sợ hãi, *ảo hình "Người Mẹ"* (có thể cùng với một số *ảo hình* khác) xâm lấn *bản ngã*, và được *bản ngã* tô điểm thêm bằng những chi tiết cụ thể phản ảnh thực tế. Do đó, *ảo hình "Người Mẹ"* thể hiện ra ngoài dưới nhiều hình dạng khác nhau, tùy theo văn hóa đương thời của mỗi dân tộc. *Ảo hình "Người Mẹ"* có thể gợi trong đầu chúng ta lòng tin tưởng vào một nữ thần có khả năng *"cứu khổ, cứu nạn,"* chẳng hạn như *"Đức Mẹ Maria,"* hoặc *"Đức Phật Bà Quan Âm,"* hoặc *"Bà Cô Tổ"* v.v... mà chúng ta thường cầu khẩn khi gặp một tình trạng khiếp đảm. *Ảo hình "Người Mẹ"* cũng có thể làm chúng ta mơ ước một nơi yên lành, hoặc thêm nhớ thời thơ ấu (*"Quê Mẹ"*), nhất là những giây phút được *"Người Mẹ"* ôm ấp trong lòng — tôi gọi những mơ ước này là mơ ước ***"Trở Về Vườn Địa Đàng,"*** hoặc mơ ước ***"Lạc Vào Cõi Thiên Thai."***

Ảo hình "Người Mẹ" cũng là nguồn cảm hứng của những văn nhân hướng lòng về những mơ ước cảnh thái hòa [12]. Thí dụ như câu chuyện *"Thiên Thai,"* với những nàng tiên xinh đẹp ngày đêm ca hát khúc Nghê Thường, và sẵn sàng mang *"hai trái đào thơm"* ra đón tiếp những chàng Từ Thức, Lưu, Nguyễn chán cảnh vật lộn nơi trần

tục, rồi đi lang thang, bị lạc lối không biết đường về. Khúc Nghê Thường êm dịu không khác gì tiếng mẹ ru con làm đứa con hết lo sợ để yên tâm ngủ một giấc ngủ êm đềm trong lòng *"Người Mẹ."* Còn *"hai trái đào thơm"* rõ ràng tượng trưng hình ảnh ***một*** người mẹ mang mạch sống của mình để nuôi nấng đứa con thơ. *Ảo hình "Người Mẹ"* quả là dịu hiền và hiền hòa. Vì thế, trong thời máu lửa, những thanh niên *"trốn việc quan"* vì không thích *"trấn thủ lưu đồn,"* hoặc chán cảnh *"quân dịch"* hay *"nghĩa vụ quân sự"* đều mơ ước được lọt vào cảnh Thiên Thai đầy thơ mộng! Ước mơ này là nguồn cảm hứng của hai nhạc sĩ nổi tiếng trong thời chiến khi sáng tác bản nhạc ***Thiên Thai*** (Văn Cao) và bản nhạc ***Tiếng Sáo Thiên Thai*** (Phạm Duy). Hai bản nhạc này rất được dân chúng ngưỡng mộ vì nó làm chúng ta thoáng quên thực tế đầy lo sợ, và cho chúng ta vài phút thảnh thơi, mơ ước cảnh thanh bình, yên ấm.

Ở bên Anh, sau khi Thế Chiến I nghiền nát một triệu thanh niên trong tuổi biết yêu và thèm yêu, thì có câu chuyện hoang đường về một chàng thanh niên đi lạc vào vùng Shangri-La nằm giữa một thung lũng thanh bình kỳ lạ, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian [13]. Cũng như Từ Thức, chàng Conway trong câu chuyện này đã tìm thấy sự an vui tuyệt vời ở Shangri-La, nhưng rồi sau đó lại bỏ về nơi trần tục, để rồi lại hối tiếc, và cuối cùng thì mất tích trong khi tìm đường trở lại vùng tiên cảnh. Những người sống trong lo âu và sợ hãi đều cảm thấy tiếc cho số phận những chàng Từ Thức và Conway! (**Chú Thích**: Sự trùng hợp giữa chuyện ***Thiên Thai*** và chuyện ***Lost Horizon*** cho ta thấy lý thuyết của Carl Jung về *tiềm thức tập thể* và ảo hình *"Người Mẹ"* đã được chứng minh một cách rõ ràng. Tôi dám chắc nếu chúng ta chịu khó tìm kiếm trong văn hóa khắp năm châu, chúng ta cũng có thể thu lượm được những mẩu chuyện thần thoại tương tự).

Đặc biệt trong văn hóa Việt Nam, trải qua những giai đoạn lịch sử khó khăn và đầy lo sợ, *"Người Mẹ"* nói chung, và *"người đàn bà"* nói riêng luôn luôn được người Việt Nam ca tụng, và coi như là một nguồn an ủi vô biên, một nơi trú ẩn hoàn hảo. Trong cảnh gươm đao thời Trịnh-Nguyễn phân tranh, thì có Thúy Kiều bán mình để cứu cha khỏi cảnh tù tội; rồi lại còn có thiếu phụ Nam Xương ôm con chờ ngày người chồng được giải ngũ, trở về đoàn tụ với gia đình. Trong thời kinh tế khủng hoảng, khi nạn thất nghiệp tràn lan làm nhiều người lo sợ, thì có Lê Văn Trương, Khái Hưng, Nhất Linh v.v.. đua nhau ca tụng *"Người Mẹ"* đã cứu vớt những người hoạn nạn qua những tác phẩm, ***Tôi Là Mẹ***, ***Nửa Chừng Xuân***, ***Anh Phải Sống*** v.v... Trong thời chiến tranh gần đây, sự sợ hãi đã lên tới mức kinh hoàng khủng khiếp, vượt quá khả năng cứu vớt của *"Người Mẹ,"* nên *"Người Mẹ"* chỉ còn biết ngồi khóc chồng, khóc con trong những bài "não ca" của các nhạc sĩ nổi danh như Phạm Duy, Trịnh Công Sơn. (**Chú Thích**: Một nét đặc thù của nền văn hóa Việt Nam là chúng ta luôn luôn ca tụng *"Người Mẹ."* Trong khi đó, *"Người Cha"* lại không được văn nhân, thi sĩ đoái hoài tới. Theo lối suy luận kiểu Jungian, *"Người Cha"* tượng trưng sức mạnh nghiêm khắc, nên hình ảnh *"Người Cha"* không bao giờ trở nên một nguồn an ủi mầu nhiệm như hình ảnh *"Người Mẹ"* trong những giai đoạn lịch sử đẫm máu của nước ta).

Hiện nay ở Việt Nam có nhiều người sống trong cảnh cơ hàn, rồi mơ ước được di cư tới các nước giầu có mà họ thường so sánh với *"Thiên Đàng."* Đó là những mơ ước được vào cõi Thiên Thai của người cùng vận, lo sợ cho bữa ăn ngày mai. Những mơ ước này quả là đáng thương, chứ không đáng chê. Chỉ những người đã tới *"Thiên Đàng"* và đã sống chật vật ở *"Thiên Đàng"* mới thấy sự so sánh đó thiệt là quá hàm hồ. Nhiều Việt kiều đã phải sống trong lo âu vì cạnh tranh nghề nghiệp, vì công ăn việc làm bấp bênh, nên đã thấy rõ thực trạng của vùng mệnh danh là *"Thiên Đàng."* Nhiều Việt kiều chán chường với cảnh vật hiện tại, nên mơ ước được trở về *"Quê Mẹ."* Tuy *"Quê Mẹ"* khi xưa chỉ là một vùng bùn lầy nước đọng, nhưng nay đã được họ mang trí tưởng tượng ra tô điểm thành một vùng thiên nhiên đầy tình người. Có nhiều người đã trở về *"Quê Mẹ"* để rồi thất vọng, vì *"Quê Mẹ"* không giống như *"Quê Mẹ"* ngày xưa mà họ đã mơ tưởng. Tuy vậy, người đã *"trở về"* vẫn thỉnh thoảng còn cảm thấy bùi ngùi mỗi khi nghe những câu ca *"Quê nhà tôi chiều khi nắng êm đềm..."*, hoặc *"Trường làng tôi ..."*, vì họ vẫn còn mong ước được tìm thấy quá khứ đầm ấm như họ đã mơ.

3. Sợ Quá Bèn Núp Sau Lưng Người Hùng

Như đã trình bày ở trên, sợ hãi làm cho chúng ta nhìn đời qua ống kính của *tiềm thức* hơn là *tri thức*. Nếu chúng ta biết kiềm chế nỗi lo sợ trong mức độ vừa phải nào đó, trạng thái lo sợ có tính cách xây dựng vì nó khuyến khích khả năng cảm

xúc và sáng tạo của chúng ta trong khi tìm cách thích hợp với thời thế. Tuy nhiên, nếu chúng ta rơi vào trong tình trạng lo sợ quá đáng, *tiềm thức* có thể hoàn toàn lấn át *tri thức*, làm cho chúng ta mất hết tỉnh táo rồi đâm ra suy nghĩ và hành động một cách rất là bất bình thường, nhiều khi rất là *"khó hiểu."* Cũng may trong đời sống hàng ngày, ít khi chúng ta rơi vào cảnh ngộ đó, nhưng lo sợ vẫn có thể thúc đẩy chúng ta hành động vội vàng, thiếu suy nghĩ chín chắn.

Một trong những thí dụ điển hình gần nhất với chúng ta là phản ứng của mọi người sau vụ khủng bố ngày 9 tháng 11 ở Mỹ. Vụ khủng bố khiếp đảm này làm xúc động toàn thể dân Mỹ — từ chính quyền đến thứ dân. Các viên chức lo việc an ninh và phòng thủ nhìn chỗ nào cũng thấy địch thủ lăm le tấn công. Đặc biệt Tổng Thống Bush tuy chưa nắm chắc được tình hình chính trị quốc tế đã vội vã coi Irak, Iran, và Bắc Hàn cấu kết với nhau thành một khối chống Mỹ, mà ông gọi là *"Trục Quỷ Quyệt"* (*"Axis of Evils"*). Điều này hoàn toàn không đúng vì cả ba nước này không theo đuổi chính sách tấn công nước Mỹ. Saddam Hussein không trực tiếp hay gián tiếp tài trợ các vụ khủng bố 9-11, và nước Irak chỉ trở thành nơi thu hút lực lượng khủng bố quốc tế sau khi T.T. Bush đánh tan lực lượng quân sự của Saddem Hussein. Ta cũng nên biết sau khi Mỹ tấn công Irak, hai nước Iran và Bắc Hàn mới tiếp tục chương trình nghiên cứu và sản xuất bom nguyên tử mà họ đã chịu tạm ngưng trước kia.

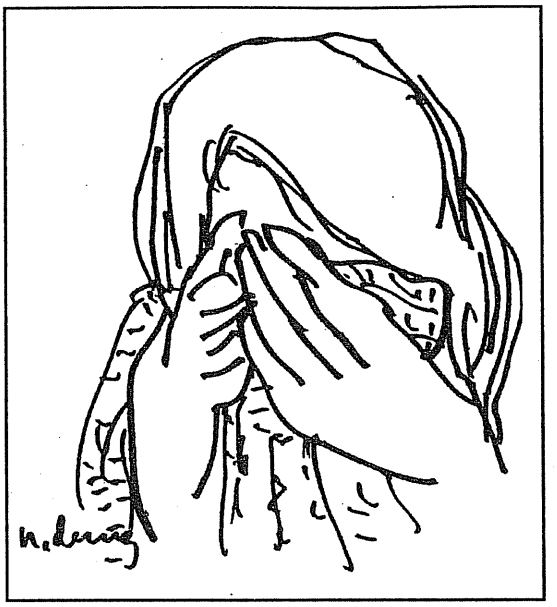

Hơn nữa, T.T. Bush và các cơ quan tình báo nhất định cho rằng Saddam Hussein đã sản xuất và tàng trữ những vũ khí tận diệt tập thể (weapons of mass destruction), và có thể cung cấp những vũ khí đó cho các nhóm khủng bố chống đối quyền lợi của Mỹ trên thế giới. Đó là lý do T.T. Bush quyết định tấn công Irak mặc dầu cuộc khám xét của phái đoàn Liên Hiệp Quốc tại Irak chưa tìm thấy một chứng cớ cụ thể nào về vấn đề này. Sau khi quân đội Mỹ đã tiếp thu tất cả cơ sở quân sự cũng như kỹ nghệ ở Irak, thế mà vẫn không tìm thấy một vết tích gì chứng tỏ Saddam Husseein đã thiết lập một chương trình sản xuất các loại vũ khí vi trùng hay hơi ngạt. Nói tóm lại, quyết định mở một chiến tuyến ở Irak quả dựa trên những lý do không chính đáng. Chính quyền Mỹ và T.T. Bush đã quá hốt hoảng nên không còn sáng suốt khi phải làm một quyết định đòi hỏi sự hy sinh của hàng ngàn lính Mỹ và hàng trăm ngàn tín đồ Hồi Giáo ở Trung Đông.

Câu hỏi quan trọng đáng nêu ra ở đây là tại sao T.T. Bush đã quyết định mang quân đi đánh lung tung (từ Irak cho tới mấy hòn đảo ở phía nam Phi Luật Tân) trong khi cuộc bình định ở Afghanistan vẫn chưa chấm dứt, và tập đoàn lãnh đạo Al Queda vẫn còn hoành hành ở khắp vùng Trung Đông. *Tại sao lại vội vã như vậy*? Muốn trả lời câu hỏi này, ta phải tìm hiểu động cơ tâm lý của ba nhân vật chính trong vụ này: T.T. Bush, nhân dân Mỹ, và nhóm tín đồ Hồi Giáo quá khích.

(a) T.T. Bush

Dựa trên lý thuyết của Carl Jung, ta có thể cho rằng T.T. Bush đã quá lo sợ cho đất nước, nên ông đã nhìn thế giới bên ngoài qua ống kính *tiềm thức* hơn là *tri thức*. Nói một cách cụ thể hơn, những sự nhận xét và hành động của ông đã bị điều khiển bởi một số *ảo hình* nằm trong *tiềm thức*, đặc biệt hai *ảo hình* đáng để ý tới là *ảo hình "Người Hùng"* và *ảo hình "Ma Quỷ."*

Trước hết, T.T. Bush quen thói hành động theo lối *"Người Hùng Texas"* nên không để ý tới giới hạn của quyền lực, dù là quyền lực trong tay người lãnh đạo một siêu cường quốc độc nhất trên thế giới. Vì lý do đó, T.T. Bush dễ bị lôi cuốn bởi *ảo hình "Người Hùng"* khi tâm thần bị xáo động. Ảo hình này làm ông tưởng mình là một *"vị siêu nhân"* có đủ khả năng thiên phú, có thể cáng đáng trách nhiệm *"Cảnh Sát Thế Giới"* mà không cần đến ai hỗ trợ. Về tác phong bề ngoài, ta đã

từng thấy vị tổng thống này có những điệu bộ rất *"hùng"* trên màn ảnh TV. Ông rất oai phong khi đáp máy bay chiến đấu xuống tàu hàng không mẫu hạm Mỹ; rồi với vẻ mặt kiêu hùng, ông tuyên bố ông đã toàn thắng ở Irak. Hình ảnh ông Bush lúc đó thật là oai phong lẫm liệt, không khác gì *"Superman"* trên màn ảnh Hollywood. Thực ra, lúc đó cuộc chiến tranh Irak mới thực sự bắt đầu vào giai đoạn gây cấn.

Ngoài ra, T.T. Bush cũng bị ám ảnh bởi *ảo hình "Ác Quỷ"* nên những nhận xét thời cuộc của ông đượm mầu giáo chiến. Ông dùng chữ *"crusade"* để chỉ những cuộc hành quân chống khủng bố ở Trung Đông, làm cho mọi người liên tưởng tới những cuộc viễn chinh Thập Tự Giáo (Crusaders) thời Trung Cổ với nhiệm vụ linh thiêng là đánh đuổi dân Hồi Giáo ra khỏi Thánh Địa Jerusalem. Hơn nữa, những nước nào xưa nay chống đối chính sách ngoại giao của Mỹ (như Irak, Iran, Bắc Hàn) cũng được ông xếp vào hàng *"Quỷ Quyệt"* luôn (*"Axis of Evils"*). Với lối nhìn đời một cách trắng đen như vậy (*Thiên Thần* tiêu diệt *Ác Quỷ*), ta không ngạc nhiên khi thấy ông coi nước nào không hợp tác với Mỹ trong cuộc chiến tranh Irak là kẻ thù của Mỹ, hoặc ít ra cũng không phải là bạn của Mỹ. Canada không chịu mang quân sang Irak nên bị ông Bush giận lắm, bèn lên án Canada là nơi chứa chấp quân khủng bố tấn công Mỹ, tuy rằng toàn thể cán bộ không tặc trong vụ 9/11 đều được luật pháp Mỹ cho phép cư ngụ và học lái máy bay ngay trong nước Mỹ.

(b) Nhân Dân Mỹ

Dân chúng Mỹ là nạn nhân một cuộc khủng bố tàn bạo cũng rất xúc động. Nhưng rồi sau đó, họ cảm thấy yên lòng hơn vì họ nghĩ theo *tiềm thức* nên cho rằng họ được che chở bởi một vị *"Lãnh Đạo Anh Minh"* (*ảo hình "Philosopher-King"*) và có khả năng một *"Siêu Nhân"* (*ảo hình "Superman"*). Vì vậy, những tháng tiếp sau vụ 9/11 — nhất là trong lúc Mỹ vừa mới đánh tan lực lượng chính quy của Saddam Hussein — người ta chưa từng bao giờ thấy một vị tổng thống được dân Mỹ yêu mến và tin tưởng như vậy. Nước Pháp cực lực khuyên cản nước Mỹ nên thủng thẳng, đừng vội tấn công Saddam Hussein, thì bị dân Mỹ coi như kẻ thù của nước Mỹ vì Pháp đã không phục tòng vị *"Lãnh Đạo Anh Minh"* của họ. Để trừng phạt hành động *"phạm thượng"* này, những hàng nhập cảng từ Pháp vào Mỹ — như những bình rượu thơm ngon, hoặc những thỏi *phó-mát* nặng mùi — không được những người Mỹ ưa chuộng như trước nữa. Rồi lại còn có một ông chủ tiệm ăn sang trọng ở New York căm thù nước Pháp đến nỗi ông ta lôi hết những chai rượu Pháp quý giá ra đổ xuống cống để cho bà con lối xóm có dịp hả cơn phẫn nộ. Ngay đến món khoai chiên mà dân Mỹ gọi là *"French Fries"* (*"Khoai Chiên Pháp"*) cũng bị mấy ông nghị sĩ Mỹ đổi tên vì không muốn món ăn đặc biệt của nước Mỹ mang danh hiệu nước Pháp.

Những hành động thiếu duy lý này cũng dễ hiểu vì dân Mỹ và chính quyền Mỹ đã bị xúc động quá vì sợ hãi — sợ hãi đưa tới tức giận, tức giận đưa tới trả thù, trả thù không được thì theo chiến lược *"giận cá chém thớt"* mà các nhà tâm lý học gọi là ***"hành động theo nghi thức"*** (*ritualistic behaviour*).

(c) Phe Đối Lập

Còn phe đối lập ở Mỹ cũng lo sợ không kém, và lối suy nghĩ của họ cũng không khá hơn phe chính quyền. Sau vụ 9/11, mọi người (kể cả ông John Kerry) hồ hởi ủng hộ T.T. Bush khi vị *"Lãnh Đạo Anh Minh"* này quyết định mang quân đi tiễu trừ Saddam Hussein. Đến khi họ thấy hàng ngày quân nhân Mỹ bị giết đều đều, và phí tổn chiến tranh lên tới hơn tỉ Mỹ kim mỗi tuần, phe đối lập lại càng lo sợ hơn nữa, nên chỉ muốn rút quân về càng sớm càng hay để thực hiện mơ ước *"Tung Cánh Chim Tìm Về Tổ Ấm"* tương tự như mơ ước *"Vườn Địa Đàng."* Đây cũng một chính sách thiếu chín chắn vì bắt nguồn từ sự sợ hãi quá đáng — hoặc sợ chết, hoặc sợ mất danh dự vì thua. Người sợ chết thì muốn rút lui trước khi dấn thân vào chỗ chết. Người sợ thua thì muốn *"rút lui trong danh dự,"* tức là *"thua non."* Nguyên tắc *"rút lui trong danh dự"* nghe rất chướng tai vì không bịp được ai, nhưng cũng có vẻ duy lý theo lối lý luận kiểu "thí dỗ con nít" như sau:

* *nếu ta rút lui trước khi ta thua, thì địch không có dịp giết ta và thắng ta;*

* *nếu địch không thắng ta, thì ta đâu có thua;*

* *nếu ta không thua, thì ta đâu có bị mất danh dự.*

Tiếc thay, cuộc chiến tranh chống khủng bố ở Trung Đông và Đông Nam Á (Nam Dương, Phi Luật Tân, Mã Lai, Thái Lan) không giống như chiến tranh ở Việt Nam. Hiện nay, chiến tranh ở Irak đã trở thành một thứ thánh chiến đối với nhóm Hồi Giáo quá khích sống rải rắc khắp năm châu. Do đó, cuộc chiến tranh này khác với chiến tranh Việt nam vì không bị giới hạn bởi biên giới, văn hóa, ngôn ngữ. Do đó, Mỹ không thể rút quân về

mà không gây ra nhiều hậu quả tai hại khó mà lường được (nhất là những giếng dầu hỏa lại nằm trong vùng Hồi Giáo). Tuy rằng tấn công Irak là một quyết định vội vã và thiếu suy tính kỹ càng, nhưng trận chiến chưa ngã ngũ ra sao mà đã phải rút lui, thì không khác gì mang dầu hỏa đổ thêm vào lòng cuồng tín của những tín đồ sẵn sàng hy sinh cho đạo pháp.

(d) Phe Hồi Giáo Qua Khích

Những tín đồ Hồi Giáo quá khích cũng không tránh khỏi nỗi lo sợ. Họ sợ tôn giáo và văn hóa của họ sẽ bị tiêu diệt bởi những dân *"ngoại đạo"* (*"infidels"*). Sự sợ hãi quá đáng này đã đưa họ tới chính sách phi lý dựa trên cuồng vọng: tự coi mình có khả năng *"Siêu Nhân"* bảo vệ đạo pháp, và coi những kẻ ngoại đạo như đám *"Ác Quỷ"* cần phải tiêu diệt. Vì thế, họ nghĩ rằng họ có thể đánh bại các cường quốc trên thế giới bằng chiến lược *"châu chấu đá voi,"* tức là gây ra những cuộc khủng bố lẻ tẻ trong các thành phố lớn, hoặc các trung tâm kỹ nghệ, thương mại. Vũ khí của họ là những tín đồ cuồng tín sẵn sàng ôm bom nhào vào địch để chết cùng với địch, rồi sau đó sẽ được "Bẩy Cô Gái Trinh" đón tiếp ở cổng Thiên Đàng.

Trước khi chê bai lòng mơ ước *"Bẩy Cô Gái Trinh"* là một thứ cuồng dâm ngu xuẩn, ta phải trở lại lý thuyết Carl Jung thì mới hiểu nổi tâm trạng những tên Kinh Kha tân thời này. Trước hết, tên khủng bố cũng là con người, cũng phải hành động theo bản năng tự tồn của con người, nên hắn cũng rất sợ hãi khi nghĩ tới quả bom sẽ nổ tung trong lòng ngực của hắn. Tuy kinh hãi cùng cực như vậy, hắn vẫn đeo bom tiến tới mục tiêu *"như một người mất hồn"* (theo lời nhận xét của một nhân chứng đăng trên báo chí Mỹ). Thực ra, hắn không *"mất hồn,"* nhưng hắn đã mất hết mọi tiếp xúc với thực tại vì hắn đã hoàn toàn bị chi phối bởi *tiềm thức*. Các *ảo hình* từ tiềm thức bắt đầu xuất hiện, và làm cho hắn không ý thức được những chuyện chết chóc sẽ xảy ra cho hắn. Có lẽ hắn chú tâm đến Thượng Đế. Có lẽ hắn tin sắp được Thượng Đế ban thưởng nên hắn để tâm vào những hình ảnh vui tươi, những mơ ước đầy lạc thú dồn dập trong đầu hắn. Là một tín đồ cuồng tín, tất nhiên là hắn mơ ước được lên *"Thiên Đàng"* — một phần thưởng đích đáng cho một tín đồ "tử vi đạo." Để quyến dũ hơn, hình ảnh *"Thiên Đàng"* phải được tô điểm theo mầu sắc địa phương, để cuối cùng trở thành hình ảnh *"Bẩy Cô Gái Trinh"* chạy ra tiếp đón một tín đồ anh dũng. Hình ảnh này rất phù hợp với văn hóa Hồi Giáo với trọng tâm đặt vào (i) phong tục đa thê, (ii) truyền thống *"trọng nam khinh nữ,"* và (iii) quan niệm *"chữ trinh đáng giá ngàn vàng."*

Ta cũng nên biết, *ảo hình "Địa Đàng"* hoặc *"Thiên Đàng"* là một biến thể của *ảo hình "Người Mẹ."* Đối với một thanh niên Hồi giáo đã được giáo huấn trong văn hóa cổ truyền, hình ảnh *"Người Mẹ"* trong đời sống hàng ngày chỉ là một người đàn bà bí ẩn (khăn chùm kín mặt) lẫn lộn trong một số đàn bà khác cũng bí ẩn không kém. Những *"Người Mẹ"* này có một nhiệm vụ thiêng liêng duy nhất là hầu hạ người chồng và cùng nhau nuôi tất cả mọi đứa con của chồng. Nói tóm lại, *"Bẩy Cô Gái Trinh"* là hình ảnh những *"Người Mẹ"* sống trong hậu cung (Harem), đầy tình thương và sẵn sàng đón nhận vào lòng đứa con lạc lõng, bơ vơ, và sợ hãi. Nếu chúng ta chấp nhận lối suy luận theo kiểu "Jugian" như đã trình bày ở đây, tôi chắc chúng ta sẽ không còn chê cười thanh niên Hồi Giáo là loại người cuồng dâm, không ngại tự sát và phạm tội cố sát để được ân ái với *"bẩy cô gái trinh"!*

4. Cứ Bình Tĩnh Mà Run

Lo sợ chưa chắc đã phải là một điều xấu mà ta không cần phải tránh (nhưng tránh làm sao được?). Tuy vậy ta đừng có *"sợ quá hóa khùng."* Vụ chiến tranh Irak cho ta thấy rằng lo sợ thường làm cho ta mất bình tĩnh, và thúc đẩy ta làm những hành động thiếu suy xét chín chắn. Vì thế, ta càng lo sợ bao nhiêu, ta càng phải bình tĩnh bấy nhiêu. Làm như vậy, mới còn giữ được minh mẫn (do *tri thức*) để huy động khả năng sáng tạo (do *tiềm thức*) để tìm cách đối phó với những yếu tố đã làm cho ta lo sợ. Hơn nữa, ta cũng không cần phải trốn tránh sợ hãi, và cũng không nên lên án sự sợ hãi. **Đừng nghĩ rằng "chỉ có người hèn nhát mới sợ"** (vấn đề *"hèn nhát"* và *"can đảm"* sẽ được đề cập tới trong số báo sau). Dù sao đi chăng nữa, cảm giác sợ hãi gắn liền với thân phận con người. Chỉ những người tự dối lòng mình vì lý do thầm kín nào đó mới dám nói rằng *"tôi không biết sợ."* Thế mà lại còn có nhiều người tìm đủ mọi cách giấu giếm sự sợ hãi đang dày vò lòng mình, chỉ vì sợ bị mọi người biết rằng mình đang run sợ. Thiệt là quá khổ: chưa hết cái sợ này lại còn đèo thêm cái sợ khác. Có biết đâu **chính những người tưởng rằng mình không sợ mới tạo ra những cảnh sợ hãi làm cho thiên hạ điêu linh** (vấn đề này sẽ được đề cập tới trong số báo sau).

Thực ra, nhiều bước tiến bộ của loài người bắt nguồn từ cảm giác sợ hãi, vì sợ hãi đã thúc đẩy con người tìm mọi cách giải quyết những vấn đề gây ra sợ hãi. Như đã trình bày ở trên, ở trong trạng thái sợ hãi, ta suy tư theo *tiềm thức*, nhưng *tiềm thức* lại là nguồn cảm hứng nghệ thuật, và cũng là nơi phát xuất ra những sáng kiến tân kỳ rất cần thiết trong các cuộc nghiên cứu khoa học và kỹ thuật. Như Carl Jung đã viết: *"Nhiều nghệ sĩ, triết gia, kể cả khoa học gia đạt được một số tư tưởng cao siêu đều là nhờ cảm hứng, những cảm hứng này phát xuất bất thình lình từ tiềm thức mà ra. Cái đặc tính mà người ta thường gọi là thiên tài chính là khả năng đào sâu tới mạch* [tiềm thức] *đầy thứ chất liệu* [cảm hứng], *và biến chế chất liệu* [cảm hứng] *đó thành triết lý, văn chương, âm nhạc, hoặc phát minh khoa học."* (những chữ trong ngoặc [...] do tôi thêm cho rõ nghĩa). [14]

Ta cứ thử xét lại thời kỳ Chiến Tranh Lạnh thì sẽ thấy ngay. Trong giai đoạn lịch sử này, các cường quốc đều lo sợ bị đối thủ tiêu diệt. Vì thế, Mỹ và Liên Sô đã phải thi đua võ trang để phòng ngừa sự tấn công bất ngờ của địch. Mục đích của chính sách thi đua võ trang là làm cho địch khiếp sợ đến mức không còn dám nghĩ đến chuyện thôn tính hoàn cầu. Chính sách này dựa trên khiếp đảm cùng cực mà tôi xin phép được trình bày một cách nôm na như sau [15]:

Địch tưới bom nguyên tử lên đầu ta (first strike), ta sẽ mang bom nguyên tử tưới lên đầu địch (counter strike). Kết quả là địch và ta sẽ cùng chết, và toàn thể nhân loại cũng chết theo luôn. Vậy, nếu địch không muốn cả ta lẫn địch cùng bị tiêu diệt trong một nháy mắt, thì địch không dám tấn công ta.

Với chiến lược khiếp đảm này, cả Mỹ lẫn Liên Sô đều sợ bị tận diệt, nhờ vậy thế giới mới được sống trong hòa bình từ Đệ Nhị Thế Chiến đến giờ. (**Chú thích**: Chiến lược *"tưới bom nguyên tử lên đầu nhau"* cũng tương tự như chiến lược *"ôm bom đi nổ xứ người"* do nhóm Hồi Giáo quá khích sáng tác ra. Cũng may, chiến lược *"ôm bom đi nổ xứ người"* chỉ làm mọi người ghê tởm, chứ không làm thế giới khiếp đảm, vì sự thiệt hại do vài ký thuốc nổ gây ra rất là hạn hẹp khi so với một quả bom hạch nhân có sức tàn phá hàng triệu tấn thuốc nổ).

Ngoài ra, nhờ cuộc thi đua võ trang này, nhân loại mới được hưởng những tiến bộ kỹ thuật ngày nay. Thí dụ như những hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử, tuy là một loại vũ khí tận diệt nhân loại, nhưng nó đã cho chúng ta những vệ tinh nhân tạo để cho chúng ta liên lạc với nhau dễ dàng hơn trước (TV, điện thoại, v.v.). Thực ra, chúng ta cũng không cần phải nhìn lên trời mới thấy những tiện nghi do của cuộc thi đua võ trang mang tới cho chúng ta. Vào trong bếp mỗi nhà, chúng ta sẽ thấy ngay lò microwave do các kỹ sư Bộ Quốc Phòng Mỹ đã phát minh ra trong khi tìm cách cải tiến máy radar dùng để phát giác âm mưu đánh lén của địch thủ. Kỹ nghệ chiến tranh còn tạo ra rất nhiều tiện nghi khác nữa, làm sao mà kể hết ra đây được!

Nhìn một cách tổng quát hơn, chúng ta đều thấy rằng thi đua võ trang bắt nguồn từ sợ hãi, và đã tạo ra kỹ nghệ chiến tranh. Kỹ nghệ chiến tranh ở Mỹ đã giúp chế độ tư bản Mỹ phát triển mạnh mẽ. Trái lại, kỹ nghệ chiến tranh ở Liên Sô đã làm tan nát chế độ này. Lý do chính là Liên Sô đã quá lo sợ cho sự sống còn của chế độ, trong khi khả năng tài chánh lại quá eo hẹp. Ngân sách quốc phòng của Liên Sô nuốt một phần lớn tài nguyên cần thiết để xây dựng đất nước, làm cho mọi người (từ thành phần lãnh đạo tới thường dân) đều mất hết tin tưởng vào chế độ kinh tế quốc doanh và độc tài đảng trị. Cuối cùng, tất cả chế độ cộng sản nằm trong vùng Đông Âu lần lượt trở thành chế độ tư bản. Thật là oái ăm: chỉ vì tập đoàn lãnh đạo Liên Sô đã ***quá sợ hãi*** cho sự sống còn của chế độ, nên cuối cùng chế độ Liên Sô đã bị triệt tiêu. Đó là một điều nghịch lý (paradox) trong cuộc Chiến Tranh Lạnh mà tôi xin tóm tắt như sau:

* *Càng lo sợ cho chế độ bao nhiêu, thì càng phải tiêu tiền vào phòng thủ bấy nhiêu.*

* *Càng tiêu tiền vào phòng thủ bao nhiêu, thì chế độ càng sớm tan rã bấy nhiêu.*

Điều nghịch lý này hiện đang ám ảnh chính quyền Mỹ. Vì quá sợ khủng bố, chính quyền Mỹ phải đổ hàng trăm tỉ vào chiến tranh Irak. Rút lui cũng kẹt, mà ở lại để đánh tới thắng thì tốn phí tài nguyên và nhân lực. Kết quả là công quỹ bị thiếu hụt, không còn đủ tiền để tài trợ những chương trình cần thiết cho dân (giáo dục, y tế, cứu tế xã hội, bảo vệ môi trường, v.v.). Trong khi đó thì nạn thất nghiệp gia tăng, cán cân thương mại thiếu hụt đều đều làm cho đồng Mỹ Kim bắt đầu xuống giá... Nếu Tổng Thống Bush dốc toàn nhân lực và tài lực vào chiến tranh chống khủng bố (thế kẹt không rút ra được), thì liệu dân Mỹ còn chịu đựng được đến bao lâu? Nếu không khéo léo, ông Bush có thể sa vào tình trạng *"sợ quá*

hóa thất bại."

Đối với chúng ta, trong khi đương đầu với những nỗi lo sợ hàng ngày, lẽ dĩ nhiên chúng ta không muốn rơi vào tình trạng *"sợ quá hóa rồ,"* hoặc *"sợ quá hóa thất bại."* Vì vậy, tôi xin trình bày vài nguyên tắc hành động trong cảnh sợ hãi như sau:

(1) Nếu lo sợ thì phải đề phòng.

(2) Nếu lo sợ nhưng không có khả năng đề phòng, thì không nên lo sợ. Đó là những nỗi *"lo sợ vô ích"* như trường hợp *"sợ trời sụp,"* hoặc *"sợ sau khi chết con cháu không cúng giỗ"* v.v..

(3) Nếu lo sợ và có khả năng đề phòng nhưng không đề phòng. Đó là những nỗi lo sợ không đáng đề phòng, nôm na gọi là trường hợp *"lo sợ vớ vẩn, vẩn vơ"* không khác gì một nhạc sĩ lãng mạn thốt ra một câu lo sợ: *"Em ơi, nếu mộng không thành thì sao."*

(4) Mức độ lo sợ phải tương xứng với mức độ đề phòng. Thí dụ như người nghèo không sợ mất của, nên không cần phải mua két sắt bảo vệ tiền bạc. Hơn nữa, đề phòng không đúng mức lo sợ có thể đưa tới những tai hại không đoán trước được, kết quả chỉ làm tăng trưởng mức lo sợ. Trái lại, đề phòng quá mức lo sợ vì lo xa quá đáng chỉ làm hao tổn thì giờ, tiền bạc, và nguy hại đến sức khoẻ (đau bao tử chẳng hạn).

(5) Mức độ đề phòng tương xứng với khả năng. Người bần cùng không có khả năng đề phòng, nên không nghĩ đến đề phòng dù ở trong tình trạng rất nguy hiểm đến tính mạng. Đó là trường hợp *"thí mạng cùi."*

Muốn áp dụng nguyên tắc xử thế trên, người lo sợ phải bình tĩnh mới có đủ sáng suốt để biết ước lượng mức độ lo sợ và tìm kiếm phương thức đề phòng tương xứng. Viết đến đây làm tôi nhớ một ông bạn đã khuyên tôi: *"Cứ bình tĩnh mà run."* Chắc ông này muốn ám chỉ *"phải bình tĩnh để tìm cách hóa giải nỗi sợ hãi."* Thực ra có hiểu rõ sự sợ hãi, thì ta mới biết đương đầu với sợ hãi, hầu tránh được những phản ứng hồ đồ phi lý. Ngoài ra, còn nhiều câu hỏi đáng được nêu ra, chẳng hạn như: *"Tại sao ta sợ?"*, *"Các người can đảm đã làm thế nào để cho đỡ sợ?"*, *"Các chế độ độc tài đã dùng phương pháp gì để làm cho toàn dân phải run sợ?* Những câu hỏi này tôi sẽ lần lượt trình bầy trong các số báo tới. (Tôi chỉ *sợ* ông Chủ Bút khó tính không cho phép tôi tiếp tục thổ lộ hết nỗi ***sợ hãi*** đã nằm sẵn trong đầu tôi).

Tài Liệu Tham Khảo Và Chú Thích

[1] I. M. Marks, **Fear and Phobias** (nxb: Heinemann ở London, 1969); R. Pasnau, **Diagnosis and Treatment of Anxiety Disorders** (nxb: Ameraican Psychiatric Press, Washington D.C., 1983).

[2] H. J. Kaplan và B. J. Sadock, "Typtical Signs and Symptoms of Psychiatric Illness"trong **Comprehensive Textbook of Psychiatry/V** do H.I. Kaplan, và B.J. Sadock biên soạn (nxb: Williams & Wilkins ở Baltimore, 1985), trang 499-501.

[3] Về vấn đề "vong ngã", xin đọc hai cuốn sách nổi tiếng của E. Fromm, **Escape from Freedom** (nxb: Rinehart, New York, 1941) và **The Sane Society** (nxb: Rinehart, New York, 1955).

[4] Theo giáo sư R. A. Spitz, đứa bé lúc mới ra đời chưa đủ khả năng nhận xét, cho tới ba tháng sau mới lơ mơ nhận ra được những sự vật xung quanh mình. Những hình ảnh lơ mơ trong đầu đứa trẻ được Spitz gọi là "pre-objects". **The First Year of Life** (nxb: International University Press, New York, 1965).

[5] Như Gs. M. Fordham đã viết, "Birth violently interrupts the protected quatic life of the infant. It is widely held that the event gives rise to prototypic anxiety reflected later in birth and rebirth themes of archetypical fantasy." **Children as Individuals** (nxb: Hodder and Stoughton, London, 1969), trang 112.

[6] Lý thuyết phân tách tâm lý của Carl Jung rất phong phú. Đặc biệt về vấn đề tín ngưỡng từ Đông sang Tây, xin đọc vài cuốn sách sau đây: C. Jung, **Psychology of Religion** (nxb: Yale University Press, New Haven, 1938); C. Jung, **Psychology of Western Religion** (nxb: Princeton University Press, Princeton, N. J. 1984); R. Hostie, **Du Mythe à la Religion dans la psychologie analytique de Carl Jung** (nxb: Desclée de Brouwer, Paris, 1968); R. N. Bella, "Father and Son in Christianity and Confucianism" trong cuốn **Personality and Religion: The Role of Religion in Personality Development** do W. A. Sadler Jr. biên soạn (nxb: Harper & Row, New York, 1970); R. Aziz, **Carl Jung's Psychology of Religion and Synchronicity** (nxb: State University Of New York Press, Albany, 1990); H. G. Coward, **Jung and Eastern Thought** (nxb: State University Of New York Press, Albany, 1985); W. G. Rollins, **Jung and the Bible** (nxb: J. Knox Press, Atlanta, 1983).

[7] Thuyết phân tách tâm lý (analytical psychology) của Carl Jung khác hẳn lý thuyết phân tâm (psychoanalysis) của Freud. Xin đọc Jef Dehing, "Deux modes de pensée, Freud et Jung" đăng trong cuốn tựa đề là **Carl Gustav Jung** do Michael Cazenave biên soạn (nxb: Les Cahiers de l'Herne, Paris, 1984) trang 19-31.

[8] Sách về lý thuyết Carl Jung rất nhiều do ông viết ra (hàng ngàn trang) hoặc các môn đồ của phái "Jungian" phát triển ra (cũng đến hàng trăm cuốn). Một trong những sách đáng nên đọc vì tương đối dễ hiểu là cuốn **Analytical Psychology, Its theory and Practice** do Carl Jung viết (nxb: Pantheon Books, Random House, New York,1968), đặc biệt tr. 1-113 ; và **Man and His Symbols**

(nxb: Doubleday, New York, 1964), đặc biệt Phần 1-3, tr. 1-229 (tác giả là Carl Jung và năm môn đồ của ông). Ngoài ra, Bs. Michael Fordham áp dụng lý thuyết của Carl Jung để tìm hiểu tâm lý trẻ em trong cuốn **Children as Individuals** (op.cit.) cũng đáng nên đọc qua. Về vấn đề chẩn bệnh tâm thần, quyển ngắn gọn nhất là cuốn do Bs. Murray Stein biên soạn (editor), **Jungian Analysis** (nxb: Open Court, The Reality of the Psychic Series, London, 1982).

[9] Nhiều môn phái tâm lý học không chấp nhận quan niệm tâm lý di truyền, rồi cho rằng Carl Jung đã đưa ra một lý thuyết ủng hộ chế độ Đức Quốc Xã. Sau này, nhiều nhà tâm lý học, như Gs. Edmund D. Cohen, đã minh oan cho C. Jung, và chứng minh rằng Carl Jung đã viết nhiều bài đả kích lý thuyết kỳ thị chủng tộc, và lên án nhóm người theo Hitler. Edmond G. Cohen, **C. J. Jung and the Scientific Attitude** (nxb: Philosophy Library, New York, 1975), trang 99-111.

[10] Hélène Kiener, "Les archétypes sont les forces formatrices de l'âme humaine, forces qui peuvent être activées à tout moment, par exemple à l'occasion d'un conflict, lorsque nous somes en proie à une vive émotion, lorsqu'un problème important de notre vie se pose pour nous de facon particulièrement aigue.") *Chương* "Le Problème religieux dans l'oeuvre de Jung", *trong cuốn* **Carl Gustav Jung** *(op. cit.), trang 250.*

[11] "Psychological Aspects of the Mother Archetype" trong cuốn **The Collected Works of Carl Jung** *(nxb: Princeton University Press, Princeton, 1953-1959), tập 9i, đoạn 158.*

[12] Sibylle Birkhauser-Oeri, **The Mother, Archetypal Image in Fairy Tales**, *do Marie-Louise Von Franz biên soạn, và do Michael Mitchell dịch từ tiếng Đức (nxb: Inner ity Book, Toronto, 1988). Có rất nhiều sách viết về ảnh hưởng của tiềm thức (ảo hình) trong văn chương và nghệ thuật. Cuốn sách đáng nên đọc là cuốn* **A Jungian Approach to Literature** *của Bettina L. Knapp (nxb: Southern Illinois University Carbondale, Illinois, 1984). Bạn nào đã từng biết cổ tích Pháp về Tristan và Iseut sẽ rõ biết thêm về lý thuyết phân tách tâm lý trong cuốn* **La Subversion de l'Âme** *(nxb: Seghers, Paris, 1981) do Michael Cazenave sáng tác.*

[13] James Hamilton, **Lost Horizon** *(nxb: Macmillan, New York, 1933).*

[14] Carl Jung, "Many artists, philosophers, and even scientists owe some of their best ideas to inspirations that appear suddenly from the unconscious. The ability to reach a rich vein of such material and to translate it effectively into philosophy, literature, music, or scientific discovery is one of the hallmarks of what is commonly called genius". *Chương* "Approaching the Unconscious", *trong cuốn* **Man and His Symbols** *(op.cit.), tr. 38.*

[15] Có rất nhiều sách viết về vấn đề hai cường quốc mang bom ra hù nhau. Tôi thấy đọc một trong 3 cuốn sách sau cũng đủ để biết về vấn đề này: Robert Powell, **Nuclear Deterrence Theory: The Search for Credibility** *(nxb: Cambridge University Press, Cambridge, 1990); Wolfgant Heisenberg,* **Strategic Stability and Nuclear Deterrence in East-West Relations** *(nxb: Institute for East-West Security Studies, Boulder, Colorado, 1989); Steven E. Miller,* **Strategy and Nuclear Deterrence: an International Security Reader** *(nxb: Princeton University Press, Princeton, New Jersey, 1984).*

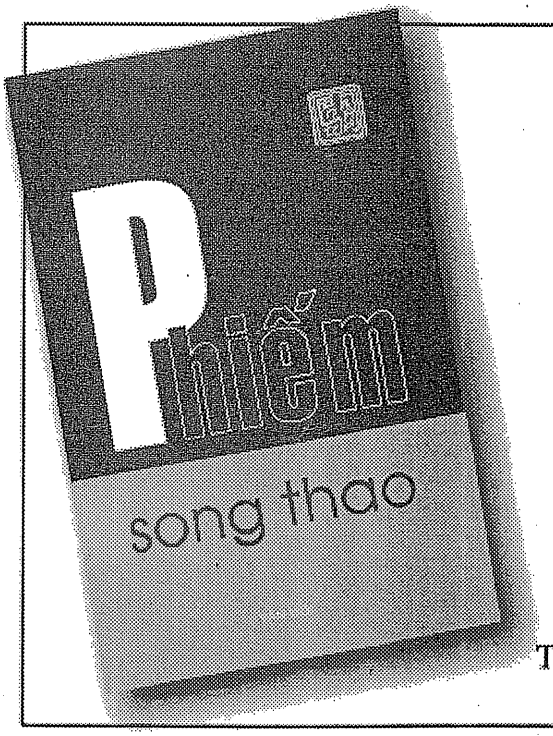

Đã phát hành:

Phiếm

của SONG THAO

40 chuyện phiếm, 380 trang.

Ấn phí 15 Mỹ kim

VĂN MỚI xuất bản

P.O. BOX 287

Gardena, CA 90248

Tel: (310) 366-6867 - Fax: (310) 366-6967

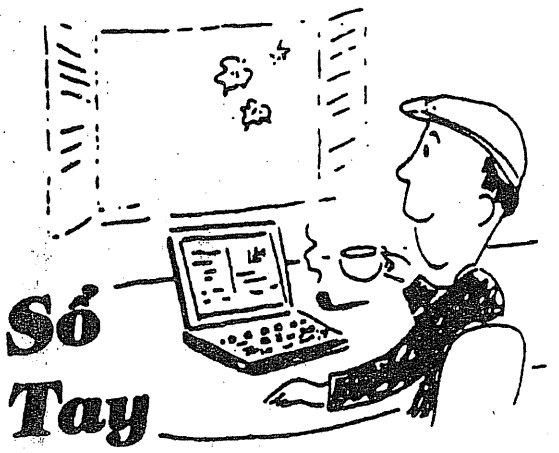

NGÔ NHÂN DỤNG

THẤP TẠ

Cuối tháng Mười Một, nhiều người làm văn nghệ ở Quận Cam và ở San Jose đã họp mặt, được nghe thi sĩ Tô Thùy Yên nói chuyện, nhân dịp cuốn thơ *Thấp Tạ* của ông mới ra đời.

"Thấp Tạ" nghĩa là gì? Nhiều người thắc mắc muốn hỏi. Đó là tên một bài thơ và tên cả tập thơ. Nhưng hai chữ Thấp Tạ nghĩa là gì? Thi sĩ Tô Thùy Yên không trả lời.

Nhưng có một người đã trả lời giúp thi sĩ, một người chúng ta không ngờ cũng phát biểu ý kiến về "thơ" và ông ta cũng nói trong dịp cuối tuần đó, nói ở tận Âu châu, tại thành phố Berlin, Đức Quốc. Đó là ông Jean Claude Trichet - Chủ Tịch Ngân Hàng Trung Ương của Khối Liên Hiệp Âu Châu. Ông Prichet lúc đó đang đi dự phiên họp của các bộ trưởng tài chánh và ngân hàng trung ương 20 nước - gọi là G-20.

Cái hội nghị G-20 này lạ lắm. Có một vấn đề đang làm cả thế giới băn khoăn là giá đồng đô la Mỹ đang xuống, nhưng bản thông cáo sau cùng của hội nghị không nói một câu nào đến chuyện ổn định giá đô la như mọi người trông đợi. Một ngày trước khi hội nghị họp thì ông Allan Greenspan - Chủ Tịch Hệ Thống Dự Trữ Liên Bang, tức Ngân Hàng Trung Ương Mỹ- đã "cho nổ một trái bom." Ông báo động sẽ tới lúc các nhà đầu tư quốc tế bỏ chạy không mua các chứng khoán của Mỹ nữa vì đồng đô la xuống giá mãi. Mà chuyện đó đang xảy ra thật. Khi người ngoại quốc không mua các trái khoán và cổ phần của Mỹ thì họ cũng không cần đi mua đô la Mỹ, sẽ làm đô la Mỹ càng xuống hơn. Trước khi ông Greespan phát biểu ở Frankfurt, thành phố này là nơi trụ sở của Ngân Hàng Trung Ương Âu Châu, thì trong tuần lễ trước đó ông Trichet cũng nói đến chuyện đồng euro mà 11 nước Âu Châu đang dùng chung lên giá cao kỷ lục so với đô la Mỹ. Ông nói rằng đồng euro lên giá quá cao và quá nhanh. Đó là một hiện tượng "tàn bạo và không được hoan nghênh" (brutal and not welcome.) Thế rồi có người hỏi lại ông Trichet ông muốn nói gì trong mấy chữ đó? Ông Trichet trả lời: "Hãy đọc câu đó như là đọc thơ vậy, tự nó đã nói đủ ý nghĩa rồi!" Tức là quý vị nghe câu chuyện đồng euro lên giá "tàn bạo và không hoan hỉ," cũng nên giữ thái độ như khi quý vị nghe những câu thơ Tô Thùy Yên.

Nhưng Thấp Tạ nghĩa là gì? Bà vợ của thi sĩ, tức là chị Huỳnh Diệu Bích, cũng không giải thích cho tôi hai chữ Thấp Tạ. Bà chỉ đọc hai câu trong bài thơ được đề tặng cho bà:

"Thấp tạ càn khôn một vô tích
Thấp tạ nhân quần một luyến thương."

Nếu như nghe vậy mà quý vị chưa thỏa mãn, thì xin trích dẫn thêm vài câu nữa trong bài Thấp Tạ, ngay trước hai câu thơ trên:

"Một mai nàng ra bãi vô định
Nhìn sông đổi lòng, nhìn núi chuyển chân.
Mây bay bay như những vẫy biệt...
Nàng đứng cho tàn một nén nhang."

Thi sĩ nói đến một đến nhang, tiếp theo là hai câu thơ bắt đầu bằng hai chữ Thấp Tạ. Tôi nghĩ rằng như vậy thì tự các câu thơ đó đã nói đủ. Nếu giải thích thêm nữa sẽ thành vô lễ với độc giả và tác giả. Và sẽ bị ông Jean-Claude Trichet chê cười là chẳng hiểu thơ là cái gì cả.

Một tập thơ, một bài thơ mới đem trình làng cũng giống như là làm bữa ăn đầy tháng cho một đứa con mới sinh. Có ai đi tới dự tiệc mừng mà lại đặt câu hỏi, "Thưa cháu bé là cháu trai hay cháu gái vậy?" Bố mẹ em bé chắc phải trợn mắt lên mà đáp: "Cứ nhìn kỹ thì biết! Nếu nhìn cũng không biết thì mở ra mà coi, hỏi gì nữa?" Cái ý so sánh một cuốn sách mới ra với một em bé sơ sinh là thi sĩ Nguyễn Chí Thiện nói. Ông có mặt chiều Thứ Bảy đó ở phòng sinh hoạt Nhật Báo Người Việt để bắt tay Tô Thùy Yên. Hai nhà thơ đều đã ở những nhà tù do cùng một chế độ quản thúc, nhưng họ có những kinh nghiệm và cảm xúc khác nhau. Các thi sĩ thật sự không ông nào giống bà nào cả. Nguyễn Chí Thiện nói riêng với tôi rằng đến dự một buổi ra mắt sách cũng giống như đi ăn tiệc mừng một em bé đầy tháng. Chúng ta chỉ chú ý tới những gì đẹp nhất của em bé, những tay chân mạnh mẽ, bụ bẫm, mắt sáng, môi son, chứ

không ai nên nhìn vào những chỗ mình không vừa ý cả. Trước năm 1975 trong thời gian Nguyễn Chí Thiện một mình chiến đấu âm thầm ở trong nhà tù miền Bắc thì Tô Thùy Yên sống giữa cuộc chiến tranh thật ở miền Nam Việt Nam, với súng đạn và chết chóc:

"Nhớ xưa thiên địa dấy binh lửa
Xứ xứ rần lên, người giết người..."

Hoặc là:

"Làng đã cháy, im lìm bất trắc...
Người nhớ người mà cũng sợ người.
Trời ơi những xác thây la liệt
Con ai, chồng ai, anh em ai?"

Những câu thơ đó là những tưởng niệm về cuộc nội chiến, 20, 30 năm sau khi chiến tranh đã chấm dứt. Cũng như những câu:

"Đêm trước, đại quân vừa hạ trại.
Chiều nay, lều cháy, xác thây phơi."

Đọc hai câu này thì thấy Tô Thùy Yên rất cổ kính, rất nhiều ảnh hưởng của Đường thi. Vì phải nhớ đến những câu thơ cổ như của Đặng Trần Côn:

"Kim triêu, Hán há Bạch Đăng thành.
Minh nhật, Hồ khuy Thanh Hải khúc."
(Nay Hán xuống Bạch thành đóng lại.
Mai Hồ về Thanh Hải dòm qua.")

Rồi sau đó lại còn câu:

"Em về giồng dưới qua bưng gió,
Dạ bời bời, nỗi sậy niềm mây."

Nghe như những lời ca dao vùng sông Tiền, sông Hậu. Nếu Đỗ Phủ sống qua thời đại này với Tô Thùy Yên chắc cũng nhìn thấy cảnh:

"Xa giá càn dân lấy lối chạy.
Trẻ giữa đường đứng khóc một mình.
Sau cùng có người lính chấp kích
Ra trước ngọ môn mà quyên sinh."

Tô Thùy Yên đã ghi lại những hồi tưởng về chiến tranh. Một phần tư thế kỷ sau khi chiến tranh chấm dứt. Nếu quý vị nghĩ đến làm một cái gì để đánh dấu 30 năm kể từ 1975 thì đọc tập thơ mới của Tô Thùy Yên cũng là một cách. Để thắp, tạ. Như thi sĩ viết:

"Thôi, ráng giữ gìn chút nước mắt,
Mai sau nhờ đó nhận ra nhau.
Sẽ mưa, trời sẽ mưa châu ngọc.
Ta sẽ về qua bãi lệ rào."

Những người Việt Nam dưới lớp tuổi 30, 40 chắc không cảm động vì những lời nhắn gọi "mai sau nhờ đó nhận ra nhau." Cũng không thể chia sẻ niềm hy vọng bùi ngùi "Sẽ mưa, trời sẽ mưa châu ngọc." Không cảm động thì cũng không thể rớt nước mắt hy vọng.

Trong buổi ra mắt sách đó Tô Thùy Yên đã nhận xét rằng ngôn ngữ là tinh hoa của một dân tộc. Nếu trải qua một thế hệ mà dân tộc nào không sản xuất được một tác phẩm văn nghệ đáng kể thì dân tộc đó không còn sức sống. Trong 30 năm qua kể ra người Việt Nam ở khắp 10 phương cũng đã sản xuất được nhiều tác phẩm đáng kể. Trong đó có những bài thơ của Tô Thùy Yên. Sự kiện có hàng trăm người họp mặt với nhau, các thi sĩ Du Tử Lê, Nguyễn Chí Thiện, Nhã Ca, Trần Dạ Từ đã tới để chào đón một thi sĩ khác cũng chứng tỏ tiếng Việt Nam và dòng giống Việt Nam còn đầy sức sống. Các thi sĩ có mấy khi nói chuyện thơ với nhau đâu?

Trong tuần lễ đó, *Nhật Báo New York Times* đăng những lời phát biểu của tám thi sĩ người Mỹ về thơ của nước Mỹ này. Tờ báo đặt câu hỏi là trong 25 năm qua, ông, bà thấy bài thơ nào hoặc tập thơ nào đáng đọc, đáng nhớ nhất đối với chính mình. Và nhiều người đã hưởng ứng, góp ý. Có lẽ Thi sĩ Khế Iêm và Tạp Chí Thơ cũng nên tổ chức một diễn đàn để các thi sĩ nói tiếng Việt Nam phát biểu về một câu hỏi tương tự. Một dân tộc, một cộng đồng mà không yêu tiếng nói của mình nữa thì chết. Dù biết tiếng nói đang chết trên các tờ báo viết bừa bãi, ta cũng cứ làm thơ đi chứ!

"Nếu như hoa biết chiều nay rụng
Âu cũng vui mà nở sáng nay."

Đọc những câu thơ như vậy mà không đem lòng yêu mến tiếng Việt Nam sao được?

INTERNET: LẠI THÊM CẤM ĐOÁN

Lâu lâu lại thấy chế độ cộng sản ở trong nước tỏ ra có quan tâm đến trẻ em. Trên báo *Công An Nhân Dân* loan tin về lệnh cấm trẻ em dưới 14 tuổi không được vào mạng lưới tại các cửa hàng internet, nếu không có người lớn đi kèm. Đó là một ý kiến hay Lệnh này được ban ra từ một "Thông tư liên tịch" giữa các bộ Công An, Văn hóa, Bưu chính, vân vân, đang được dự thảo. Nhưng tại sao nhà nước cộng sản lại đem chuyện internet ra nói?

Báo Công an nhấn mạnh tới chuyện "Cấm trẻ em dưới 14 tuổi" thôi. Nhưng bên cạnh đó cái Thông tư kể trên còn cấm nhiều thứ khác, phải nói cấm đủ thứ, để nhà nước cộng sản kiểm soát thông tin và đàn áp những ý kiến khác với ý kiến đảng Cộng Sản. Bình thường, ở các nước có pháp luật, người ta không cần làm thêm luật lệ cấm làm trên Internet về những chuyện đã bị cấm trong

các luật lệ khác rồi. Chẳng hạn, nếu luật lệ đã cấm mọi người không được mạ lỵ công khai người khác thì dù mạ lỵ trên báo chí, đài truyền hình, hay Internet đều bị cấm như nhau cả. Nếu đã cấm vi phạm thuần phong mỹ tục thì dù vi phạm bằng lời nói, hành động, làm phim hay dùng Internet đều bị cấm cả. Nhưng chế độ cộng sản ở nước ta vốn có thói quen không coi pháp luật là trọng, đã quen chỉ coi mệnh lệnh của đảng và nhà nước mới đáng kể. Cái gì đảng cũng phải ra lệnh mới yên tâm.

Thí dụ, khi họ cấm không được "lợi dụng Internet để chống lại nhà nước, gây rối an ninh trật tự..." Làm những việc gì thì gọi là chống lại nhà nước? Thế nào thì bị coi là gây rối an ninh trật tự?"

Chỉ cần dịch một bài "Dân chủ là cái gì" cũng có thể bị bỏ tù, thì còn có cái gì không bị coi là chống lại chế độ? Vì thông tư về Internet còn nói rõ không được tổ chức diễn đàn trên Internet để hướng dẫn, lôi kéo, kích động người khác làm những việc như những việc trên. Cuối cùng thì muốn cấm ai cũng được, muốn cấm cái gì cũng được. Ngoài các lệnh cấm đoán, thông tư trên còn ra lệnh các người sử dụng Internet khi thấy ai vi phạm các lệnh cấm của nhà nước cộng sản thì "phải nhanh chóng thông báo" cho nhà nước biết còn đi bắt! Tức là trở lại chế độ bắt toàn dân làm chỉ điểm!

Cái thông tư trên sẽ có tác dụng là thắt chặt dây thòng lọng kiểm soát việc dùng Internet ở nước ta. Giới sử dụng Internet nhiều nhất là sinh viên, học sinh muốn học hỏi, muốn kết bạn. Nhà không có máy vi tính, ở trường cũng không có, vào quán Internet là một cách cho giới trẻ có thể tiếp xúc với cả thế giới bên ngoài.

Cả thế giới đang khuyến khích thế hệ trẻ tập dùng Internet. Nhiều quốc gia ấn định chỉ tiêu năm nào thì tất cả các công dân đều có khả năng vào được internet! Vì trong thế kỷ 21 này Internet sẽ là phương tiện thông tin và học hỏi chính. Bây giờ những người viết báo như ký giả này có thể đi khắp thế giới mà vẫn làm việc được, là nhờ mạng lưới Internet. Tuần trước chúng tôi ở Orlando, Florida, trong hành lang khách sạn có năm sáu cái máy vi tính cho khách tự do dùng để vào Internet. Một bà mẹ dẫn con đi nghỉ, đứng bên đứa bé năm sáu tuổi, cùng vào mạng lưới với nhau. Một quốc gia không mở mang mạng lưới Internet thì kinh tế sẽ chậm tiến. Thanh thiếu niên không quen sử dụng Internet thì cũng như ngày xưa không biết chữ. Kiến thức sẽ hẹp hơn, suy nghĩ sẽ chậm hơn.

ĐẢNG KHÔNG LO VIỆC GIÁO DỤC

Nhưng thực sự chế độ cộng sản ở nước ta có quan tâm đến vấn đề làm sao cho trẻ em biết đọc biết viết, biết làm bốn phép tính cộng trừ nhân chia hay không?

Tháng Mười 2004 ở Sài Gòn có một cuộc hội thảo về "Tình hình Giáo dục." Trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* có tin riêng ở quận Cần Giờ và riêng ở cấp Trung học cơ sở trong niên học 2003-2004 đã có 200 học sinh bỏ học. Không có tiền đi học sao được? Học sinh trung học ở trường công lập nước ta cũng phải đóng tiền, nhiều nơi cả tiểu học cũng phải đóng. Không tiền thì không được học. Trước năm 1975 ở miền Nam các trường trung tiểu học, và cả đại học nữa, đều được miễn phí. Nếu không có nền giáo dục miễn phí đó thì chính bản thân người viết này chắc cũng không được học hết bậc trung học. Khi lên đại học, cũng miễn phí, nếu không được chế độ y tế cho tất cả sinh viên chữa chạy thì người viết này cũng không thoát khỏi bệnh lao phổi. Hiện nay ở nước ta chế độ giáo dục đã đảo ngược lại tất cả những tiến bộ đã đạt được trong thời Việt Nam Cộng Hòa. Học trò thì phải đóng tiền. Thầy giáo, cô giáo thì lương không đủ sống, phải mánh mung kiếm thêm, có khi phải bòn rút của học trò làm mất cả tư cách. Trường học trở thành cái chợ và những ổ tham nhũng. Trong khi đó, theo báo cáo của một Thứ trưởng Bộ tài chánh, trong mười năm qua bộ Giáo dục và Đào tạo ở Việt Nam có 200,000 mỹ kim gửi trong ngân hàng và cho vay lấy tiền lời!

Ngay việc giáo dục miễn phí mà chế độ cộng sản cũng không thiết tha xây dựng, thì đối với họ việc đào tạo cho thanh thiếu niên hết "nạn mù chữ Internet" là một chuyện xa vời! Họ đặt ra bao nhiêu điều cấm, chỉ vì đối với họ internet là một mối đe dọa cho quyền lực của đảng chứ không phải một cơ hội cho quốc gia tiến bộ!

Nhưng hiện nay cả thế giới biết rằng Internet là chìa khóa mở vào tương lai. Kiềm chế người dân sử dụng Internet bây giờ tức là đóng cửa không cho dân tộc tiến tới. Trong khi đó ở các nước như Hàn quốc, Đài Loan, người ta đặt mục tiêu là tất các các học sinh phải có máy vi tính và biết dùng Internet. Chế độ cộng sản chỉ lo bảo vệ các độc quyền của những lãnh tụ cao cấp, còn nhân dân và các đảng viên tầm thường thì không cần đi học. Chuyện gì cũng đã có "các cụ" suy

nghĩ, quyết định hộ, đi học để làm gì! Nếu còn chế độ độc quyền của đảng Cộng Sản thì nước ta còn không tiến được, không biết bao giờ người dân Việt mới theo kịp các lân bang!

ĐỘC QUYỀN. TÙY TIỆN. VÔ TRÁCH NHIỆM

Trong một cuộc bàn luận về tai nạn lưu thông ở quốc hội Hà Nội ông Nguyễn Đình Lộc, cựu bộ trưởng Tư pháp thú nhận là người ta có thể mua bằng lái xe dễ như chơi; muốn có bảng số xe vừa ý cũng chỉ cần 50 triệu đồng Việt Nam. Tình trạng này còn kéo dài thì chuyện "tai nạn tiếp tục xẩy ra là chuyên bình thường." Ông Lộc nêu ra ba lý do tại sao ở Việt Nam lại nhiều tai nạn xe cộ. Thứ nhất là người lái xe không biết luật, thứ hai là xe chạy không tốt, và thứ ba là bằng cấp lung tung. Ba đặc tính đó, "không biết, không tốt, lung tung," có thể mô tả toàn diện chế độ cộng sản trong xã hội Việt Nam bây giờ.

Hiện nay người Việt Nam đang ngồi trên cái cỗ xe đang chạy là guồng máy cai trị của đảng Cộng Sản. Đúng là "xe cộ không tốt." Người lái xe là mấy ông bà trong Trung ương đảng và Bộ Chính trị. Họ không biết phải làm cái gì, dù chỉ muốn bộ máy cai trị bớt tham nhũng đi. Họ cứ nói "chống tham nhũng" mãi mà chẳng thấy bọn tham nhũng rụng một sợi lông nào cả. Đó là "không biết." Và công việc quản lý đất nước thì trống đánh suôi kèn thổi ngược, phe ông Võ Nguyên Giáp đánh phe ông Lê Đức Anh; trên bảo giờ dưới cũng không nghe, quả thật là nó "lung tung." Không biết, không tốt, lung tung, ba đặc tính đó phổ cập khắp chốn. Muốn nói về kế hoạch giáo dục, chương trình kinh tế hay phong trào chống tham nhũng, vân vân, đều được cả.

Ông Phan Văn Khải đang trồng một cái cây, gọi tên là cây "chống tham nhũng." Ông trồng nó trong chậu, như cây kiểng. Vì đảng Cộng Sản muốn kiểm soát không cho rễ cây "chống tham nhũng" lan ra ngoài, như cây tre lan ra thành bụi tre, rồi bụi tre lan ra thành cả hàng rào tre, thành cả rừng tre. Không, đảng Cộng Sản muốn cái cây này là của đảng! Lâu lâu ông Khải cùng các lãnh tụ đảng lại ra vườn sờ nắm cây "chống tham nhũng," lâu lâu lại kéo nó lên coi gốc rễ nó lớn được tới đâu rồi. Mấy chục năm nay vẫn như vậy, cái cây tham nhũng oèo uột không bao giờ lớn lên được! Trái lại, loài "cây tham nhũng" thì vẫn mọc lên khắp nơi, lan rộng như loài "cây cứt lợn" mà ngày xưa Phan Khôi cho biết dân ta còn gọi là "Cỏ cụ Hồ!" Nạn tham nhũng lan khắp nước như cỏ dại, trong khi cây "chống tham nhũng" thì vẫn trồng trong cái chậu để lâu lâu đảng đem chụp hình cho dân coi!

Cả guồng máy đảng là nơi nuôi dưỡng tham nhũng, bây giờ mấy ổng lại tính dùng chính cái guồng máy đó để chống tham nhũng, tức là bắt nó tự chống nó! Làm sao chống được?

Một tờ báo ở Sài Gòn dám viết về bản báo cáo của Ngân hàng Thế giới, các chuyên gia ngân hàng này phân tích rằng có ba yếu tố tạo ra tham nhũng: Quyền lực độc đoán, quyền hành tùy tiện, và những người có quyền lại không có trách nhiệm tương xứng. Nếu đảng Cộng Sản Việt Nam biết soi gương tự nhìn vào cái mặt mình thì phải thấy là chế độ cộng sản bao gồm cả ba cái nguyên nhân đó.

Độc quyền. Đây là đặc tính của chủ nghĩa Lê Nin. Hiện giờ đảng Cộng Sản vẫn chiếm độc quyền cai trị nước Việt Nam, họ ghi hẳn trong hiến pháp như vậy.

Tùy tiện. Quyền hành của các quan chức cộng sản thường không được quy định giới hạn, đây là thói quen đã bám rễ trong hành động cũng như trong tâm lý. Từ ông Nông Đức Mạnh, ông Phan Văn Khải đến các ông công an khu vực, ông nào muốn làm gì thì làm rồi giải thích lúc nào cũng đúng luật, nếu có lầm lỗi cùng lắm là được xử lý nội bộ.

Vô trách nhiệm. Các lãnh tụ không chịu trách nhiệm với đảng viên, đảng không chịu trách nhiệm với dân. Nhưng quyền hạn thì không ai kiểm soát được, các cơ quan từ quốc hội đến các thứ thanh tra, kiểm soát chỉ dùng làm phông cảnh mà thôi.

Độc quyền. Tùy tiện. Vô trách nhiệm. Những yếu tố đó đã tạo ra những đặc tính "Không biết, không tốt, và lung tung."

KHÓ ĐÁ TRÊN SÂN NHÀ

Tháng qua trên mấy tờ báo ở Sài Gòn đã đăng những ý kiến của ông Nguyễn Hòa Bình, người bộ Công an có bổn phận điều tra các tội liên quan đến tham nhũng. Ông Bình nêu ra bảy đặc tính và bảy hiện tượng về tham nhũng, đọc lên thấy như một bản kết tội đảng Cộng Sản. Nhưng những lời ông Bình do nhà báo thuật lại nghe rất trừu tượng. Đó cũng là một phương pháp đánh lừa người nghe, là đem biến các chuyện cụ thể thành những vấn đề triết học. Như Pasternak nói, đáng lẽ bàn chuyện thiếu củi sưởi mùa đông thì người ta bảo "có vấn đề nhiên liệu!" Nhưng ông Bình đã nói nhiều điều đúng sự thật.

Những đặc tính của tham nhũng ở Việt Nam là gì? Ông Nguyễn Hòa Bình nói: Mức độ tham nhũng hiện nay nghiêm trọng hơn người ta thú nhận. Khi ông nói "Tính phổ biến của tham nhũng rất cao," thì ta phải hiểu là gì? Những người tham

những ở địa vị cao trong đảng; tình trạng lan ra rất rộng, đủ mọi ngành, mọi cấp. Khi ông nói "Chủ thể tham nhũng có địa vị xã hội ngày càng cao" thì ta phải hiểu là "Ngày nay cả các quan tham nhũng ở trên cao nhất cũng bị lộ không bưng bít được nữa."

Khi nói đến những hiện tượng tham nhũng ("Hiện tượng" là một danh từ triết học!) ông Bình cũng dùng những chữ Nho như là, "tỷ lệ phát hiện thấp, 5 phần trăm; tỷ lệ ẩn cao 95 phần trăm." Đọc xong ta phải hiểu là cứ 100 tên tham nhũng may ra được nói đến năm tên. Nhưng con số đó còn hơi lạc quan. Nạn tham nhũng lan tràn như vậy mà ông Uông Chu Lưu ở bộ Tư pháp mới cho biết rằng từ đầu năm 2004 tới tháng Mười chỉ bắt được có chín vụ tham nhũng thôi! Nếu đó là năm phần trăm thì hóa ra cả nước chỉ có 180 người tham nhũng.

Nhưng ông Nguyễn Hòa Bình cũng nêu ra được những chi tiết cụ thể chứng tỏ ông thành thật. Thí dụ: Chỉ có ở trung ương bắt tham nhũng, các địa phương thì lơ là. Điều này dễ hiểu: tại địa phương tất cả guồng máy cai trị của đảng là một câu lạc bộ của các tay tham nhũng; cái gì họ cũng có ăn đều chia sòng với nhau, làm sao họ lại đi bắt lẫn nhau được? Ông Bình thú nhận: Trong những dịp trong đảng có bầu cử, có đại hội, thì phong trào bắt tham nhũng xuống. Tại sao? Đây là một sự thật: Anh đi bắt tham nhũng thì chó nó bầu cho anh lên chức! Toàn đảng được xây dựng trên một mạng lưới tham nhũng. Từ dưới lên trên do tham nhũng gắn bó với nhau, hùn vốn khai thác guồng máy công quyền để hưởng lợi. Chống tham nhũng thì ai bầu cho khi chính các người bỏ phiếu họ được sống phè phỡn chỉ nhờ tham nhũng?

Một phát kiến quan trọng mà ông Bình còn cho biết là: "Có biểu hiện đấu tranh chống tham nhũng thường là ở 'sân đối phương;' còn ở 'sân nhà' đấu tranh rất thấp. Cấp bộ về đánh ở cấp tỉnh, tỉnh đánh ở huyện hay tỉnh này đánh tỉnh kia thì được." Thế nhưng "tỉnh mà lại tính đánh doanh nghiệp ở tại tỉnh mình" thì không được! Hiện tượng này không có gì khó hiểu. Ai cũng có thể đoán biết: Những người chống tham nhũng khi đi bắt tham nhũng ở "sân người" thì giỏi, vì họ ở mạng lưới khác; còn ở sân mình thì chẳng ai lại tự bắt đồng đảng của mình, nên không có kết quả. Điều này chỉ chứng tỏ là cả guồng máy cai trị ở mỗi địa phương, mỗi ngành, mỗi cơ quan đều là những "câu lạc bộ tham nhũng" ăn chia, ăn chịu với nhau cả. Họ không thể nào đánh, giết lẫn nhau được!

Cuối cùng thì cả cái đảng Cộng Sản là một "câu lạc bộ tham nhũng" vĩ đại. Khi bảo họ đi bắt tham nhũng lúc nào họ cũng đang "đánh ở sân nhà" cả! Đó là lý do tại sao phong trào chống tham nhũng cả nước vô hiệu quả.

Chỉ có một cách để bài trừ tham nhũng, là phải tách đảng ra khỏi chính quyền. Người dân Việt Nam phải có quyền bầu cử tự do, những người không ở trong đảng Cộng Sản phải được tự do ứng cử. Khi chế độ phân quyền được thực hiện thì mới có quyền nọ kiểm soát quyền kia, cơ quan ngoài đảng Cộng Sản có quyền kiểm soát đảng Cộng Sản!

Ông Phan Văn Khải chỉ cần đọc báo là hiểu được rằng muốn trừ tham nhũng thì phải trừ tận gốc, là trừ bỏ độc quyền cai trị của đảng Cộng Sản Việt Nam. Có như vậy mới xóa bỏ được ba yếu tố gây ra tham nhũng mà tờ báo ở Sài Gòn đã dẫn ra từ các nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới. Độc quyền. Tùy tiện. Vô trách nhiệm. Còn độc quyền cai trị thì không thoát khỏi ba cái nạn đó, không thoát khỏi đại họa tham nhũng!

RIÊNG VÀ CHUNG

Trong lúc ông Yasir Arafat đang hấp hối, có những tin tức về các món tiền công quỹ mà ông kiểm soát, chỉ một mình ông biết tất cả bao nhiêu, gửi ở đâu. Con số được nhắc tới khi một tỷ mỹ kim, khi ba tỷ. Nhưng không ai nghi ngờ ông Yasir Arafat gian lận tiền bạc để lo cho bản thân. Ông sống thanh đạm trong một căn phòng ít đồ đạc, trong tủ chỉ có mấy bộ đồng phục, và sống độc thân gần như suốt đời, cho đến khi kết hôn với một đồng chí và thư ký riêng. Nhưng đến lúc ông chết, chính quyền Palestine của ông Arafat vẫn bị mang tiếng là đầy tham nhũng. Ông sống đơn giản, khắc kỷ, nhưng lại dùng quyền hành để ban phát các đặc quyền cho những người chung quanh: người thì được độc quyền bán xăng ở một thành phố nào đó, người thì chiếm độc quyền phát giấy phép xuất cảng sang Israel, vân vân.

Nhưng việc quản lý một quốc gia, dù Palestine chưa được trở thành một quốc gia, không thể dùng lối ban ân phát huệ, mà phải dùng những thủ tục, luật lệ công khai. Ông Arafat không làm như vậy. Ông ban phát quyền hành như là những hành động riêng tư, chứ không theo phép tắc chung. Lẫn lộn giữa công và tư là một tật xấu, gây ra bao nhiêu thói xấu khác, một hệ quả là tham nhũng. Chính quyền cộng sản ở Việt Nam thì khác chính quyền Palestine. Họ tự phong vai trò lãnh đạo, toàn quyền trên số phận của dân tộc Việt Nam. Nhưng họ vẫn không bao giờ đặt quy tắc phân biệt giữa công và tư, nhất là không tôn trọng nguyên tắc phải tránh "quyền lợi công và tư xung khắc." Quan niệm này, nói vắn gọn

trong tiếng Anh là "conflict of interests" không phải là điều gì mới mẻ đối với phong tục, tập quán Việt Nam và văn hóa Á Đông.

Rất nhiều vụ tham nhũng ở bất cứ nơi nào có thể tránh được nếu người ta áp dụng nghiêm ngặt quy tắc tránh quyền lợi công, tư xung khắc. Chúng ta đã đọc lời chẩn đoán của ông Nguyễn Hòa Bình, một chỉ huy công an ở Hà Nội, nói rằng những vụ bắt tham nhũng ở Việt Nam không thành công được khi một cơ quan hay một địa phương tự điều tra những đơn vị hay cá nhân trong cơ quan hoặc địa phương của chính họ. Hiện tượng "đánh ở sân nhà" khác ở "sân người" này không có gì khó hiểu cả, không cần phải điều tra hàng chục năm mới phát hiện ra được. Chỉ cần áp dụng ngay từ đầu quy tắc "phải đề phòng quyền lợi công, tư xung khắc," là không còn lo vướng căn bệnh đó nữa.

Những người lãnh tụ đảng Cộng Sản Việt Nam không thiếu hiểu biết và suy nghĩ đến nỗi không biết rằng muốn giảm tham nhũng lạm quyền thì phải tránh quyền lợi công, tư xung khắc. Nhưng họ vẫn để cho tình trạng quyền lợi công, tư xung khắc xẩy ra, vì đó là phương thuật chủ yếu để họ đoàn kết ngõ hầu nắm quyền cai trị nước Việt Nam. Họ không thể bảo đảm lòng trung thành của các cán bộ nếu không nuôi dưỡng cho cấp dưới tham nhũng.

Nhưng trong đảng Cộng Sản Việt Nam cũng có những người có lòng Chánh Trực, tại sao họ không biết thúc đẩy sự thay đổi, đặt quy tắc gạt bỏ mọi trường hợp có quyền lợi công, tư xung khắc?

Khó khăn chính bắt nguồn từ quan niệm về chính quyền. Các lãnh tụ cộng sản vẫn quen thói nghĩ rằng việc chung của đất nước cũng là việc riêng của đảng. Họ được đào luyện trong hệ thống tư tưởng Lê Nin, coi nhà nước là một công cụ của đảng, để đảng "làm cách mạng!" Từ quan niệm đó, các đảng viên cộng sản coi việc chung cũng như là việc của riêng mình, quản lý việc nước như quản lý gia đình. Đó là một quan niệm thời phong kiến còn sót lại, đi ngược với tư tưởng "pháp trị."

Hàn Phi Tử là một nhà tư tưởng phương Đông đặt ra vấn đề "quyền lợi công, tư xung khắc" từ gần ba thế kỷ trước Thiên chúa giáng sinh. Trong thiên 19, Sức Tà (Tỏ vẽ sự gian tà) sách Hàn Phi Tử viết: "Đạo của bậc vua chúa là phải phân biệt rõ ràng việc chung với việc riêng, nêu cao những pháp chế mà bỏ cái ơn riêng ban cho mọi người."

Hàn Phi tử nêu ra những thí dụ: Giữ chữ tín với bạn bè, không vì muốn được thưởng mà bỏ, không vì sợ bị phạt mà bỏ; đó là việc riêng của nhà vua, của mọi người. Nhưng "Khi chỉ thi hành cái nghĩa riêng đó thì sinh loạn, khi cái nghĩa công do pháp chế ấn định được thi hành thì đất nước an trị. Cho nên việc công và việc riêng phải phân biệt."

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã hô hào chống tham nhũng từ mấy chục năm nay, nhưng cho tới giờ vẫn chưa dám nêu quy tắc cấm các quan chức không được để quyền lợi công, tư xung khắc. Vì vậy, trong những lời chẩn đoán của ông, Nguyễn Hòa Bình nhận xét: "Quyết tâm chống tham nhũng chung chung thì cao, nhưng đi vào những trường hợp cụ thể thì lại chần chừ, thiếu quyết tâm." Điều này cũng không có gì khó hiểu. Nó cũng chẳng khác gì sự phân biệt "sân nhà" và "sân người." Vì "quyết tâm chung chung" thì chỉ cần nói xuông, chỉ hô khẩu hiệu cho to là đủ. Còn đi vào các trường hợp cụ thể, nói đến vợ lớn, vợ nhỏ của ai, con cháu ông nào đang làm ăn cái gì, ở đâu, nhờ cậy thế lực nào, thì không ai còn dám đụng tới nữa. Vì chính những người phải đi bắt tham nhũng cũng nằm trong hệ thống tham nhũng với nhau cả! Tất cả cái guồng máy lãnh đạo đảng là một câu lạc bộ tham nhũng. Họ tự coi công ty mình đã trúng thầu cai quản cái đất nước Việt Nam! Không bị ai kiểm soát cả, họ coi việc nước cũng là việc riêng của công ty Cộng Sản. Mỗi khi một cán bộ cao hay thấp bị bắt về tham nhũng, thì các cán bộ khác coi đó cũng là một chuyện trong nhà, con em lầm lỗi thì cha anh lo dậy bảo. Đánh nhẹ vài roi, bắt quỳ gối, bắt xin lỗi bề trên xong thì thôi, dù sao cũng là "con cháu trong nhà cả!"

Đảng Cộng Sản đang cai trị nước Việt Nam như một ông vua thời xưa.Nhưng là một ông vua tối tăm, một hôn quân. Hàn Phi Tử viết: "Ông vua sáng ở trên thì bọn bầy tôi sẽ bỏ cái bụng riêng tư để làm theo cái nghĩa chung. Ông vua loạn ở trên thì bọn bầy tôi sẽ bỏ cái nghĩa chung mà làm cho cái bụng riêng tư."

Đảng Cộng Sản không những đang đóng vai hôn quân, mà còn tệ hơn nữa. Đó là một "hôn quân tập thể," tức là không cá nhân nào chịu trách nhiệm! Cả cái Bộ Chính trị và cái Trung ương đảng ông nào cũng có thể là ông vua hết. Nhưng khi hỏi tới lỗi lầm thì ai chịu trách nhiệm, lúc đó không ông nào có trách nhiệm. Lỗi là của "chúng ta," tức là của 80 triệu người Việt Nam!

Mà điều đó có lẽ đúng. Cả dân tộc Việt Nam phải thế nào thì mới để cho tình trạng đó diễn ra từ nửa thế kỷ nay, và cứ thế chịu đựng mãi được! Lỗi tại "chúng ta" mọi đàng.

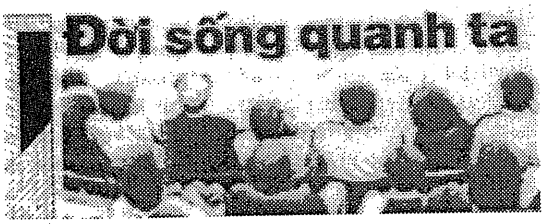

MUA NHẠC TRƯỚC RỒI MỚI MUA CÀ PHÊ STARBUCKS

THANH THẢO

Trong thương trường nếu không tiến ắt phải lùi. Vì lý do này đa số công ty kinh doanh nghĩ ra nhiều sáng kiến tăng lợi nhuận bằng đủ cách. Có khi những cách tăng lợi nhuận dễ nhận đoán. Cũng có khi cách tăng lợi nhuận không liên quan gì đến sản phẩm hoặc dịch vụ chính của công ty. Trường hợp cạnh tranh ngoạn mục của công ty Starbucks, gồm các tiệm bán lẻ cà phê nổi tiếng trên thế giới là một điển hình.

Xuất xứ từ Seattle, tiểu bang Washington miền Tây Bắc Hoa Kỳ, các tiệm cà phê Starbucks dần lan đến toàn nước Mỹ và sang nhiều nơi khác để trở thành một tên tiệm cà phê được chuộng trên toàn thế giới.

Khách hàng của tiệm cà phê Starbucks chịu chi khoảng $5 Mỹ kim một ly cà phê pha theo lối sinh tố lạnh đủ mùi vị cà phê khác nhau. Họ đến Starbucks không phải chỉ thuần túy để uống cà phê mà là để thay đổi không khí. Họ đến để tâm sự với bạn bè, để làm bài tập trong thời gian chờ giờ lớp bắt đầu, để dành chút giờ ngồi ngẫm lại việc làm hoặc thoát ly trong một lúc sự bận bịu của đời sống hàng ngày.

Starbucks đã thành công trong sáng kiến tạo một môi trường mới lạ thu hút và giữ chân khách hàng chứ không hoàn toàn chỉ là tiệm bán cà phê.

Số khách hàng của Starbucks đâu phải nhỏ. Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành giữa tháng 11, 2004, hàng tuần Starbucks được đến 35 triệu khách hàng chiếu cố lận. Ở vào lứa tuổi trung niên, có gia đình gồm con chuẩn bị thành niên, hoặc là những người độc thân tại chỗ, khách hàng của Starbucks là nguồn khách có sẵn tiền và có tinh thần cởi mở, sẵn sàng thử những sản phẩm mới lạ nếu được giới thiệu đúng cách. Đó là điều ban giám đốc và điều hành công ty Starbucks nhận định sau khi thử bán nhạc, vâng đĩa nhạc, tại các chi nhánh công ty.

Khi đĩa nhạc của cố ca nhạc sĩ Charles Ray mang tựa đề ***Genius Love Company*** được tung ra thị trường vào mùa Hè năm nay đĩa nhạc này trở thành đĩa platinum trong thời gian ngắn kỷ lục. Công ty sản xuất đĩa nhạc đã vui mừng trong kinh ngạc vì Starbucks được chọn là công ty hợp tác phát hành khi biết tất cả các chi nhánh của Starbucks đã bán được tới 1/3 tổng số đĩa nhạc bán ra, nhiều hơn tất cả mọi công ty chuyên bán lẻ nhạc nào khác.

Việc Starbucks mạnh dạn nhận hợp tác phát hành nhạc của nhạc sĩ Charles Ray cũng không phải là một sự trùng hợp may mắn, mà là lối kinh doanh có tính toán của ban giám đốc và điều hành công ty. Họ quyết định sau khi quan sát số đĩa nhạc bán được tại các cửa tiệm nhờ những đĩa nhạc này được phát trong tiệm và được khách hàng hỏi mua.

Thừa thắng xông lên, hiện nay Starbucks đang áp dụng một lối bán đĩa nhạc mới theo thị hiếu của giới tiêu thụ.

Số là nhiều đĩa nhạc chỉ có vài bản thật thịnh hành, phần còn lại không phải là những bài được chuộng mà nhiều khách hàng của Starbucks không thuộc thành phần nhuần nhuyễn với máy vi tính và không thích ngồi hàng giờ trước máy để tìm nhạc.

Đáp ứng nhu cầu khách hàng, Starbucks giới thiệu những quầy nghe thử nhạc và chọn nhạc để in xuống đĩa riêng cho khách hàng tại 45 chi nhánh tại Seattle và tại Austin, tiểu bang Texas trước khi được áp dụng toàn quốc.

Riêng tại California hiện nay hai chi nhánh Starbucks tại Santa Monica và Berkeley có dịch vụ mua nhạc theo lối này.

Tại các thí điểm quầy nhạc kể trên, khách hàng của Starbucks có thể ngồi một mình hoặc hẹn bạn bè cùng nghe thử rồi chọn mua từng bài nhạc sau khi nghe thử. Mỗi bài chỉ có 99 xu. Khi đã chọn đủ số bài để in vào đĩa nhạc riêng, người mua chỉ việc ngồi nhâm nhi cà phê đợi cỡ 10 phút là sẽ có ngay một đĩa nhạc theo ý mình mà còn lưu được bao nhiêu kỷ niệm riêng trong kỳ mua nhạc đặc biệt này. Đúng là một kinh nghiệm đáng nhớ!

Sở dĩ các công ty sản xuất nhạc chịu hợp tác với Starbucks vì đây là một hình thức kinh doanh lưỡng lợi nhất là đối với những nghệ sĩ chưa thành danh. Trong khi đó tuy lợi tức từ việc bán nhạc chỉ chiếm 1% tổng lợi tức của công ty Starbucks nhưng nhờ có dịch vụ bán nhạc này mà Starbucks đã tăng được tổng số lợi tức từ việc bán cà phê.

Tính đến trọn chín tháng đầu năm nay lợi tức của công ty Starbucks đã tăng tới 44%. Với tổng số bán $288 triệu Mỹ kim trên số vốn $3.8 tỉ Mỹ kim, tỉ lệ lời của Starbucks đã tăng đến 28% so với năm trước. Starbucks hiện được kể là công ty thành công hạng 25 trên danh sách 50 công ty thành công nhất trong năm 2004 của tạp chí *BusinessWeek*.

Nhiều công ty chuyên bán dịch vụ in nhạc xuống máy vi tính như WindowsMedia.com, iTunes vân vân đang lo ngại sự bành trướng của công ty Starbucks theo đà bán nhạc hiện nay. Vì với sẵn trên 3,000 chi nhánh hiện có dịch vụ lên mạng điện toán không cần dây, gọi là wireless Internet, Starbucks có khả năng trở thành trung tâm mua in nhạc xuống của khách hàng uống cà phê hiện tại và thu hút thêm lượng khách mới đáng kể trong tương lai.

Đối với lo ngại trên ban giám đốc và điều hành công ty Starbucks cho biết họ không chủ tâm cạnh tranh trực tiếp với các công ty bán nhạc khác nhưng nếu Starbucks làm được điều này thì cũng không sao. Sự phát triển của công ty Starbucks là điều chắc chắn, còn bán cà phê hoặc bán đĩa nhạc hay bất cứ sản phẩm, dịch vụ nào khác chỉ là phương tiện dẫn đến sự phát triển buộc phải xảy ra đó mà thôi!

Điệu này quí vị độc giả đã sẵn thích cà phê Starbucks có thể chờ thêm những sản phẩm mới được công ty này giới thiệu trong tương lai. Phương cách cạnh tranh của Starbucks sẽ còn nhiều chiêu ngoạn mục, chờ hồi sau sẽ rõ!

TỐI CAO PHÁP VIỆN HOA KỲ PHÁN XÉT VIỆC BÁN RƯỢU TRÊN INTERNET

Gần đến dịp nghỉ lễ cuối năm nhiều người bắt đầu chuẩn bị mua sắm những sản phẩm và thực phẩm cần thiết trong nhà. Sau dịp lễ Tạ Ơn sẽ là thời điểm bắt đầu của hàng loạt tiệc mừng Giáng Sinh rồi Tân niên Dương Lịch. Và trong những dịp hội họp kể trên, bia rượu là những thức uống hầu như không thể thiếu.

Từ mấy năm nay nhiều người đã chọn mạng điện toán làm phương tiện mua sắm những thức cần dùng vào dịp cuối năm, kể cả rượu chát. Tuy vậy, cho đến nay cư dân của 24 tiểu bang Hoa Kỳ không thể mua rượu gửi trực tiếp từ ngoài tiểu bang qua mạng điện toán vì luật cấm của các tiểu bang này. Trừ khi Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ phán quyết luật tiểu bang vi hiến vào đầu tháng 12 năm nay.

Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 29 tháng 11, 2004 vào ngày 7 tháng 12 sắp tới đây Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ sẽ nghe phần điều trần của luật sư đại diện hai vụ kiện, một tại California và một tại New York về tính vi hiến của luật cấm người tiêu thụ mua rượu trực tiếp ngoài tiểu bang của 24 tiểu bang toàn quốc Hoa Kỳ. Những vụ kiện gay go này sẽ mang phía nguyên cáo gồm những nhà sản xuất rượu và những vị trí bán rượu lẻ trên mạng điện toán cùng giới tiêu thụ đối đầu với phía bị cáo gồm các nhà bán rượu sỉ và hàng chục Bộ Trưởng Tư Pháp các tiểu bang.

Theo phía nguyên cáo, trong đó có nhà sản xuất rượu Terry Speizer tại California, chính quyền liên bang chứ không phải tiểu bang mới có quyền kiểm soát việc mua bán rượu giữa các tiểu bang toàn quốc.

Trong khi đó phía bị cáo lại cho rằng Tu Chính Án thứ 21 của Hiến Pháp Hoa Kỳ hủy bỏ lệnh cấm rượu từ năm 1933 cho đến nay đã cho phép chính quyền các tiểu bang gần như toàn quyền kiểm soát việc bán rượu trong tiểu bang mình.

Tuy mối mâu thuẫn về quyền hạn kiểm soát rượu giữa hai cấp liên bang Hoa Kỳ và các tiểu bang đã có từ lâu nhưng đến nay mâu thuẫn này mới trở nên vấn đề quan trọng cần giải quyết vì sự phát triển quá nhanh của mạng điện toán toàn cầu và sự bành trướng của ngành sản xuất rượu, nhất là sự thành lập của nhiều công ty sản xuất rượu thuộc cỡ nhỏ.

Theo các nhà quan sát, Tối Cao Pháp Viện Liên Bang có lẽ sẽ có phán quyết bênh vực phía nguyên cáo.

Lý do chính vì phần biện hộ của phía bị cáo không đủ sức thuyết phục. Vào năm 1933 không có bao nhiêu công ty sản xuất rượu trên nước Mỹ có ý định bán rượu trực tiếp cho người tiêu thụ. Nhưng từ năm 1933 đến nay số công ty sản xuất rượu đã tăng trưởng gấp nhiều lần thời Tu Chính Án thứ 21 được ban hành. Luật kiểm soát rượu của các tiểu bang hiện nay tạo sự thiên vị cho các nhà sản xuất rượu trong tiểu bang, và đây chính là điều đi ngược lại ý nghĩa cấm kỳ thị của Tu Chính Án thứ 21.

Thêm vào đó những Tòa dưới đã phán rằng có rất nhiều cách không mang tính kỳ thị nhằm bảo vệ quyền lợi thương mại của các tiểu bang.

Đó là chưa kể hủy bỏ luật cấm mua bán rượu trực tiếp giữa các tiểu bang còn mang lợi ích thiết thực đáng kể cho các nhà sản xuất rượu cỡ nhỏ

và người tiêu thụ.

Kết quả nghiên cứu của Ủy Ban Giao Hoán Liên Bang (Federal Trade Commission) năm 2003 cho thấy sự mua bán trực tiếp giữa người tiêu thụ và các công ty sản xuất rượu trên mạng điện toán sẽ mang lợi cho người tiêu thụ một cách đáng kể vì nhiều lý do.

Lý do chính là giá rượu. Vì không cần phải qua trung gian và không phải tốn chi phí mở tiệm bán lẻ, những nhà sản xuất rượu có thể giảm giá bán cho người tiêu thụ từ 8% đến 21%.

Lý do đáng kể khác là sự chọn lựa. Hiện nay toàn nước Mỹ có đến 3,700 nhà sản xuất rượu mà đa số không thể bán cho giới tiêu thụ ở ngoài tiểu bang vì nhiều công ty phân phối rượu thấy không có lợi tài chính bao nhiêu nên không nhận phân phối rượu từ các nhà sản xuất nhỏ.

Tại tiểu bang California chẳng hạn, chỉ có 13.4% của 800 công ty sản xuất rượu bán được sản phẩm của họ trên 50 tiểu bang toàn quốc.

Phía bị cáo, những Bộ Trưởng Tư Pháp tiểu bang và giới phân phối rượu sỉ cho rằng mở cửa biên giới tiểu bang, cho phép các công ty sản xuất bán rượu trực tiếp cho người tiêu thụ ngoài tiểu bang, sẽ gây thiệt hại về thuế mãi thương cho các tiểu bang và tạo điều kiện mua rượu dễ dàng cho giới vị thành niên.

Tuy lo ngại thất thu về thuế mua bán là điều đúng, theo kinh nghiệm của lãnh vực mua bán sách và xe hơi trên mạng điện toán toàn cầu, nhưng giới bán rượu lẻ đã tự nguyện đóng thuế mãi thương cho chính quyền tiểu bang nơi người tiêu thụ cư ngụ.

Bằng chứng là 26 tiểu bang hiện cho phép mua bán rượu trực tiếp ngoài tiểu bang đã thu được thuế bằng cách buộc các công ty sản xuất xin giấy phép bán rượu từng tiểu bang để nộp thuế định kỳ. Ủy Ban Giao Hoán Liên Bang cho biết chính quyền các tiểu bang này không gặp trở ngại đáng kể nào trong việc thu thuế mãi thương.

Vấn đề còn lại là sự tạo điều kiện cho giới vị thành niên uống rượu. Điều này thật sự không phải là điểm chính của vấn đề.

Theo cuộc nghiên cứu năm 2004 của Hàn Lâm Viện Khoa Học Quốc Gia (National Academy of Science), giới vị thành niên tìm cách mua lậu hoặc được giới thiệu uống rượu tại những cuộc hội họp, tại các buổi họp mặt với bạn bè, và do người lạ quyến rũ chứ không phải tự họ đi mua rượu lậu. Vả lại đã gọi là mua "lậu" rượu ai lại muốn cho biết địa chỉ bao giờ?

Về vấn đề này, giới nguyên cáo cũng đề nghị cách giải quyết. Nhằm tránh tạo điều kiện mua rượu dễ dàng cho người vị thành niên chính quyền các tiểu bang có thể buộc người ký nhận rượu giao trực tiếp phải là người trên tuổi hợp pháp được uống rượu. Tuy đây không phải là cách hoàn hảo để giải quyết vấn đề nhưng xét ra cũng khá hợp lý.

Vì thế chỉ mong Tối Cao Pháp Viện Liên Bang nhận thấy lợi ích của việc mua bán rượu trực tiếp qua mạng lưới điện toán toàn cầu. Ngày luật cấm của 24 tiểu bang còn lại tại Mỹ bị hủy vì tính vi hiến sẽ là ngày người tiêu thụ có sự lựa chọn rộng rãi hơn với giá ít tốn kém hơn.

Với người thích rượu điều này vui cũng không khác gì được quà cuối năm vậy!

ĐÀN GÀ VÀ BẦU CỬ TỔNG THỐNG 2004

TRẦN QUÁN NIỆM

Cứ bốn năm một lần, đám dân đen được o bế hết sức. Dịp đó là mùa tranh cử Tổng Thống xứ Hoa Kỳ. Cũng như những vị Tổng Thống khác, Bush lìa bỏ địa vị cao sang trong ngôi đền linh thiêng của quốc gia là tòa Bạch Ốc để đến tận hang cùng ngõ hẻm xin từng lá phiếu của người dân.

Nhìn vào thống kê thì rõ: Bush thăm viếng 34 tiểu bang, TNS Kerry 41 tiểu bang. Trong những ngày cuối, cả hai viếng thăm vài ba tiểu bang một ngày, di chuyển trên 2,000 miles cũng trong ngày đó. Riêng tại Ohio, tiểu bang mang tính cách quyết định, Kerry ghé thăm 38 lần. Bush cũng không chịu kém. Nhiều tiểu bang mà số phiếu cử tri đoàn mang tính cách quyết định (swing states) cho ngôi vị Tổng Thống, cả hai viếng thăm nhiều lần, mỗi lần một địa điểm khác nhau, hầu giáp mặt người dân, may ra họ "thương tình, bỏ cho một lá phiếu."

Tuy không có cảnh ca bài *con cá nó sống vì nước, con sống nhờ lòng thương của ông bà*, nhưng tinh thần thì đại loại cũng vậy. Công tác xin phiếu, kiếm phiếu được che đậy dưới những danh từ hoa mỹ, tinh vi hơn, kêu hơn, như vận động tranh cử, thăm viếng, đọc diễn văn, tranh luận giữa hai ứng cử viên, kể cả mang đời tư nhau ra bêu xấu, như lính kiểng (Bush), say rượu lái xe (Bush), trốn quân dịch (Clinton), hay đánh bóng đời quân ngũ (Kerry làm sĩ quan Hải quân cấp bậc cắc ké - Trung úy- chỉ huy bốn hay năm tên lính quèn trong có bốn tháng phù du tại Việt Nam, mà làm như là bậc tướng lãnh, cầm cả vạn quân trong

tay, đánh những trận chiến quyết định không bằng).

Hai ứng cử viên đến tận nơi gặp người dân, ngay cả những nơi hẻo lánh. Điển hình là tác giả bài này, sống nơi thôn dã quê mùa, thế mà cũng được diện kiến long nhan. Dân chúng tập trung tại một sân banh lớn, đúng giờ, máy bay từ trời cao xà xuống, Bush bằng xương bằng thịt bước ra, miệng tươi như hoa, vẫy tay chào dân. Đám mật vụ to kềnh càng, nhốn nháo chạy theo bao quanh Ngài để bảo vệ, nhưng Bush lừ mắt, khiến các anh chàng "cốt đột" này dãn ra một chút, sửa lại nét mặt cho bớt hầm hè trong khi vẫn quan sát Bush bắt tay dân chúng, bế con nít lấy điểm. Sau đó Bush bước lên khán đài dựng tạm trên bãi cỏ, nói đôi lời trong tiếng vỗ tay reo hò cổ võ như sấm nổ, máy ảnh chớp lia.

Chỉ khoảng 15 phút, Bush lại lên trực thăng để kịp bay đi địa điểm khác. Thiên hạ ra về, hân hoan vô kể. Rõ là "*Một ngày ngồi tựa thuyền rồng. Còn hơn suốt kiếp ở trong thuyền chài.*"

Chưa hết, tác giả chỉ gửi ủng hộ Bush 25 đô la còm, thế mà, thư cảm ơn với chữ ký của Bush và hình ảnh hai vợ chồng tươi cười. được gửi tới tận nhà. Lời lẽ nhún nhường, cảm tạ nồng nhiệt, thân mật gọi tên (first name) cứ như là bạn bè thân thiết từ kiếp nào. Bà xã cảm động quá, tính lộng kiếng treo, khiến tác giả phải cảnh cáo: "Đừng tưởng bở, thư này do đám quân hầu (có ăn lương) gửi ra hàng loạt, cả triệu cái một lúc, chứ không phải gửi cho mình bà thôi đâu." Bả nghe nói, võ mộng, mặt buồn so như quả bóng xì hơi, thở ra "Ông nói thế, chắc phải 'lộng kiếng' thật." Chắc chắn có cả triệu người quanh bà đang khoái chí tử vì thấy mình oai quá, Tổng Thống phải cầu lụy mình. Xứ dân chủ có khác, làm dân sướng thật.

Ngày bầu cử, Bush và Kerry, đều hồi hộp, không hiểu mình được đám dân đen ăn no vác nặng tầm thường kia ủng hộ thế nào đây vì số phận mình, vùng hào quang trong bốn năm tới của mình, éo le thay, lại do chúng ban phát. Phũ phàng thật.

Kết quả loan ra, Bush thở phào mừng rỡ, Kerry tiu nghỉu đau buồn. Dân chúng bỏ phiếu xong ra về và trở lại đời sống tầm thường như cũ. Thoát nạn, bây giờ Bush lại trở về ngôi vị cao sang tột đỉnh, dân đen dễ gì đến gần.

Đọc đến đây chắc hẳn độc giả tự hỏi, đàn gà đâu? Xin thưa, tác giả ví von đấy mà. Không tin quí vị thử nghiệm câu ca dao sau đây, xem có đúng như vậy không.

Phượng Hoàng đậu chốn cheo leo
Sa chân lỡ bước phải theo đàn gà
Bây giờ tai khỏi nạn qua
Thay lông đổi cánh lại ra Phượng Hoàng.

Đàn gà chính là đám dân đen chúng ta, và Phượng Hoàng chính là Bush vậy.

Mua quan bán tước đời nay

Đóng 25 đô cho quĩ tranh cử của Phượng Hoàng Bush thì nhận được thư cảm ơn lập tức, nhưng nếu tưởng bở mơ ước kiếm tấm vé tới dự Lễ Đăng Quang của Bush thì còn lâu, xin mời đi chỗ khác chơi.

Như vậy những người được mời dự Lễ Đăng Quang và tham dự tiệc mừng Khiêu Vũ tối đó là những ai?

Không nói thì chúng ta cũng biết sẽ có các vị lãnh đạo các quốc gia trên thế giới, các chức sắc cao cấp ngành ngoại giao nhiều nước, các vị thẩm phán trong Tối Cao Pháp Viện, các nhân vật thâm niên của Thượng và Hạ Nghị Viện, các tài tử tăm tiếng v.v... Còn những người khác là những người lắm bạc nhiều tiền muốn mua chút hư danh.

Sau đây là những con số khiến đám dân đen hãi hùng.

Với tiền chi một triệu đô, hai vợ chồng quí khách sẽ có phản lực cơ riêng đón về Thủ Đô. Nơi tạm trú sẽ là khách sạn sang trọng hạng nhất thế giới là Jefferson Hotel ở Wahington DC. Trong chuyến đi năm ngày này, xe limousine túc trực 24/24 giờ. Hai vợ chồng được tặng hai đồng hồ vàng Rolex, cũng như vòng cổ và vòng tay nạm kim cương. Dĩ nhiên là bắt buộc phải có vé mời tham dự Lễ Đăng Quang và đại tiệc Khiêu Vũ buổi tối rồi.

Chi ra $250,000 thì có phản lực cơ riêng đưa đón, uống Champage Krug và sơi trứng cá caviar beluga. Y phục dự dạ hội sẽ do thợ may nổi tiếng vẽ kiểu và cắt may, người hầu 24/24. Tạm trú tại khách sạn Mandarin Oriental.

Chi $150,000 thì đi máy bay thương mại hạng nhất (first class), có thợ đấm bóp (massage) 24 giờ một ngày, gọi lúc nào cũng có, được tặng cà vạt và khăn choàng lụa đặc biệt, và hai ngày cuối tuần free tại khách sạn Ritz Cartlton từ nay cho đến năm 2009.

Đại để, đó là sơ sơ các tiếp đón xa xỉ tối đa dành cho người có tiền, nhưng thiếu danh. Họ muốn có dịp gặp Tổng Thống, được tiếp đãi riêng, chụp hình mang về nổ với bà con và lưu lại cho con cháu ghi vào gia phả lấy chút danh thơm. Giá thấp hơn một chút cũng xỉu xỉu cả trăm ngàn đô.

Có ai ngại ngùng không? Vivian Deuschi, giám đốc tiếp tân tại khách sạn Ritz-Calton tiết lộ: *"Đối với người giầu thì vài trăm ngàn đô nhằm nhò gì. Điện thoại reo không ngớt để đặt chỗ."*

Trở lại cuộc bầu cử năm 2000, những tay giầu sụ đóng góp cho quĩ tranh cử trên $100,000 đã nhận được những đặc ân của tổng thống, kể cả những chức tước "hàm," như đại sứ các quốc gia, hoặc ở trong Khối Giám Đốc tại các Công Ty hay hiệp hội danh tiếng. Năm 2000 tổng số người đóng góp trên $100,000 cho Bush là 246. Tất cả đều được trả ơn bằng cách ngủ đêm tại Bạch Cung hay tại trại nghỉ mát Camp Davis, dự tiệc quốc khách với các nhà lãnh đạo trên thế giới, tháp tùng Bush trong các chuyến công du ngoại quốc, dự Thế Vận Hội, và nhiều dịp khác.

Nhưng họ cho biết, bỏ ra vài trăm ngàn điều chính yếu là mong được tiếp xúc thân mật với Bush, được ông biết tên, biết mặt. Thế là đủ.

Trên một phần ba số người này đã được ban cho các chức vị hờ như đại sứ tại các quốc gia nhỏ và kém quan trọng như Bahamas, Belgium, Belize, Urugay, Slovakia v.v. tổng cộng 25 quốc gia cả thẩy. Ba cơ quan lớn là Bộ Thương Mại, Bộ Lao Động và Bộ Nội An (Home Land Security) cũng được ban phát cho các người "tiền rừng bạc bể" đóng góp ủng hộ Bush hết mình, đó là Donald L. Evans, Elaine Chao, và Tom Ridge (cựu thống đốc tiểu bang Pennsylvania) trong chức vụ Tổng Trưởng.

Không phải chuyện mua quan bán tước mới xẩy ra ở triều đại Bush, mà đã xẩy ra từ ngàn xưa, trên khắp các quốc gia tự cổ tới kim. Clinton cũng tương tự, đã bổ nhiệm chức đại sứ cho năm người ủng hộ ông trên $100,000.

"Nhiều người vẫn thường làm không có nghĩa là đúng," ông Larry Noble, giám đốc nhóm Những Người Dân Theo Dõi Chính Quyền đau khổ than thở như vậy. Nhưng thử hỏi, Tổng Thống ngoài việc ban phát danh vọng cho các người hết lòng ủng hộ mình, thì có cách nào khác đâu. Bush hoặc Kerry được những người giàu có ủng bộ tiền bạc (số tiền tổng cộng lên tới vài trăm triệu đô la) để tiêu pha trong việc tranh cử, khi đắc cử phải trả ơn các anh chàng Lã Bất Vi buôn vua tân thời này chứ (1).

(1) Sự tích Lã Bất Vi (LBV) buôn vua:

Thời Đông Chu Liệt Quốc, LBV là một lái buôn rất giầu có. Một hôm Lã Bất Vi hỏi thân phụ: "Nghề nào buôn bán có lời nhất?" Ông bố trả lời: "Buôn vua." LBV ngẫm nghĩ thấy có lý nên quyết thực hiện ý đồ để đạt giầu sang và danh vọng. Khi sang nước Triệu gặp Dị Nhân (bố nuôi của vua Tần Thủy Hoàng sau này) thấy Dị Nhân khôi ngô, lại biết Dị Nhân là vương tôn nước Tần bị gửi làm con tin bên nước Triệu, LBV đem trăm nén vàng đút lót để làm quen với Dị Nhân, hiến kế Dị Nhân xin về nước làm con nuôi một ái phi của vua Tần đã già yếu bịnh hoạn. Dị Nhân sẽ ở địa vị được nối ngôi vua Tần. LBV có người thiếp tên là Triệu Cơ xinh đẹp tuyệt trần, đang có bầu hai tháng. LBV dâng cho Dị Nhân làm vợ. Quả nhiên, vua Tần là Chiêu Tương Vương qua đời, Dị Nhân nối ngôi. LBV đầu độc Dị Nhân chết, rồi đưa đứa con do Triệu Cơ sinh ra là Tử Sơ (con LBV, không phải con Dị Nhân) lên ngôi vua, chính là Tần Thủy Hoàng. Tần Thủy Hoàng phong Triệu Cơ làm Hoàng Thái Hậu, Lã Bất Vi là Tể Tướng, quyền uy, danh vọng, giầu sang tột đỉnh.

Chuyện Nước Pháp

TỪ NGUYÊN

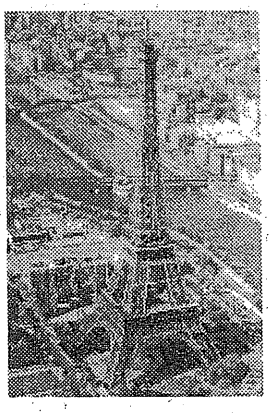

Năm nào cũng vậy, sáng ngày 11.11, tổng thống Pháp đặt vòng hoa trước đài chiến sĩ trận vong tại Khải hoàn môn với sự hiện diện của cựu chiến binh với những lá cờ của các đơn vị. Đây là lễ kỷ niệm cuộc đình chiến xảy ra đầu thế kỷ trước... thời thế giới chiến tranh thứ nhất 1914-1918.

Với 70 triệu quân của 19 nước tham chiến, cuộc chiến chấm dứt vào tháng 11 năm 1918 được coi là «thảm khốc» với 15 triệu người chết, hằng triệu người bị thương. Trên thế giới, ngày nay chỉ có một mình nước Pháp kỷ niệm lễ đình chiến này, một điều dân chúng hồ hởi vì được nghỉ, chỉ thắc mắc không hiểu tại sao thôi. Có lẽ vì cuộc thương thảo đình chiến kết thúc trong bìa rừng của thành phố Compiègne trên đất Pháp?

Trong số các nước tham chiến có Hoa Kỳ, Anh Cát Lợi... Ngày 6.4.1917, Thượng Viện Mỹ với 82 phiếu thuận, sáu phiếu chống và Hạ Viện với 373 phiếu thuận và 50 phiếu chống, chuẩn y lời khai chiến của tổng thống Woodrow Wilson chống

lại quân Đức.

Tăm triệu dân Pháp bị động viên từ 1914-1918, tuổi trung bình là 18, còn sống tới năm 1995 là 4 000 cựu chiến binh, năm 1998 còn 1 000, năm 2000 còn 142, năm 2002 còn 68, và năm ngoái 36 người. Dân chúng gọi những người lính này là *les poilus*, vì rằng sống cả tháng trong hầm, chịu đựng mưa tuyết đói khát bùn lầy, họ không có thì giờ để tắm rửa, cạo râu.

Năm nay không có ai trong số 15 người lính còn sống tham dự buổi lễ. Cư ngụ trong 14 vùng khác nhau, 15 người này tuổi từ 105 đến 109 nhắc lại những kỷ niệm chiến trường với dân chúng qua đài truyền hình. Niên trưởng là cụ Maurice Floquet, 110 tuổi, đang sống với hai con gái, hai bà này năm nay cũng đã 76 và 78 tuổi.

Đây là cuộc chiến thảm khốc nhất trong lịch sử vì Pháp đã có 1,4 triệu bỏ mạng sa trường và hơn 4 triệu bị thương. Có lẽ vì vậy mà con cháu phải nghỉ lễ để nhớ đời? Không xong rồi, 20 năm sau, năm 1940, Đức lại xâm lăng nước Pháp.

PHÁP KIỀU DI TẢN TỪ PHI CHÂU

Chuyện của Pháp còn là chuyện chạy loạn – từ Côte d'Ivoire, Phi châu. Cả ngàn kiều dân Pháp phải bỏ lại tất cả để được di tản về xứ sau ba bốn ngày sống trong sự đe dọa bố ráp cướp giựt của dân địa phương. Dẫn đầu là nhóm thanh niên *Jeunes Patriotes* với sự đồng tình của chính quyền. Cái cảnh của một thời ở Congo, khi người Bỉ bị đuổi ra khỏi thành phố Stanleyville năm 1968 hay chính người Pháp khi bị đuổi ra khỏi Algérie. Chuyện gì đã xảy ra đưa đến tình cảnh này ?

Đầu tháng 11, máy bay của quân đội phía nam Côte d'Ivoire tấn công đối phương bỏ bom làm thiệt mạng chín người lính Pháp và 22 bị thương tại thành Bouaké, nơi quân Pháp (trong lực lượng của Liên Hiệp Quốc) trú đóng. Quân của tổng thống Laurent Gbagbo giải thích rằng họ bỏ bom nhầm. Hay tin này, tổng thống Pháp phản ứng tức khắc. Ông ra lệnh phá hủy hai chiếc phản lực chiến đấu Sukhoi-25 của Côte d'Ivoire vừa đáp xuống phi trường ở Yamoussoukro và năm trực thăng tấn công MI24, nghĩa là triệt hạ tất cả không lực của phe tổng thống Gbagbo.

Bạo lực đưa tới bạo động. Nhóm thanh niên loan truyền người Pháp làm đảo chánh lật đổ tổng thống Côte d'Ivoire, xúi giục dân chúng nổi dậy chống phá kiều dân Pháp lập nghiệp trên xứ này. Nhiều người đang đêm phải chạy trốn tới khu vực do quân Pháp kiểm soát. Trước tình cảnh đó, chính phủ Pháp trưng dụng máy bay Air France đưa về Pháp. Kiều dân Pháp tại Côte d'Ivoire có chừng 14 000 trong số đó 12 000 tại Abidjan. Các nước khác cũng đã di tản kiều dân về nước.

Tại sao 4 000 quân Pháp có mặt tại Côte d'Ivoire? Để làm trái độn giữa hai phe nam, bắc chống đối nhau từ tháng 9 năm 2002. Bắt đầu tháng 4 năm nay, có thêm 6 000 lính mũ xanh của chiến dịch LHQ tại Côte d'Ivoire (Onuci) gồm quân từ các nước Bangladesh, Bénin, Ghana, Maroc, Togo và Sénegal, tăng cường. Quân Onuci hoạt động dưới quyền tư lệnh của một ông tướng người Sénégal.

Dưới mắt người Pháp, hành động của tổng thống Gbagbo vi phạm lệnh ngưng bắn và khiêu khích quân Pháp. Tổng thống Pháp yêu cầu triệu tập Hội đồng Bảo An LHQ để có biện pháp trừng phạt Côte d'Ivoire, phong tỏa việc tiếp vận súng ống cho quân của tổng thống Gbagbo.

Đại diện của Abidjan tại LHQ lên tiếng chỉ trích tổng thống Pháp đã đi quá giới hạn, vi phạm quyền nội trị của Côte d'Ivoire và bác bỏ đề nghị của tổng thống Pháp. Hành động của tổng thống Pháp cũng bị dư luận trong nước dị nghị. Nhật báo *Le Figaro* đặt câu hỏi: Liệu Pháp muốn chiếm đóng cựu thuộc địa, áp đặt nền dân chủ kiểu như Mỹ đang làm tại Iraq, hay chúng ta chỉ thi hành thỏa hiệp ngưng bắn như quân Liên Hiệp Quốc làm tại đảo Cyprus từ 30 năm nay? Hay là chỉ muốn bảo vệ quyền lợi của nước Pháp trên đất này?

Sở dĩ vấn đề không rõ ràng vì chính sách ngoại giao không hề được đem ra tranh luận: Quốc phòng và ngoại giao vốn là hai lĩnh vực thuộc thẩm quyền chuyên quyết của tổng thống Cộng hòa Pháp!

Như là chuyện tiếp đón để chữa bệnh cho Yasser Arafat, chủ tịch Palestine là sáng kiến của tổng thống Chirac. Jacques Chirac ra lệnh săn sóc cho đến khi ông ta từ trần. Ngày 11.11, cả chính phủ quốc hội tiễn đưa linh cữu của ông Arafat lên máy bay của Pháp chở về Le Caire... Dư luận về chuyện này cũng không đồng nhất. Có người khen tổng thống Pháp làm vậy là phải, có kẻ chê là quá lố!

PARIS ỨNG VIÊN TỔ CHỨC TVH 2012

Chuyện tám năm tới nhưng lo từ bây giờ. Paris là ứng viên tổ chức Thế vận hội năm 2012, tranh đua với bốn thành phố lớn khác là Nữu Ước, Mạc Tư Khoa, Luân Đôn và Madrid và chọn ngày 11.11 để nộp hồ sơ ứng cử, bốn ngày trước ngày hết hạn 15.11.2004. Chuyện nộp đơn cũng khá ly

kỳ, xin thuật lại như sau:

Bốn giờ sáng ngày 11, không kèn không trống, một chiếc xe thùng của một nhà in ngoại ô Paris lên đường, chạy về thành phố Lausanne, Thụy Sĩ. Xe chở một thùng được xếp vào loại «bí mật quốc gia» để giao cho người của ủy ban thế vận quốc tế (CIO). Vì chỉ ủy ban này mới có quyền biết những gì ứng cử viên đề nghị để bảo đảm cho việc tổ chức các cuộc tranh tài trong tám năm tới.

Tới Lausanne lúc 12 giờ, ủy ban đã ký giấy tiếp nhận thùng hồ sơ. Trong thùng là 20 hộp màu đỏ, bên ngoài ghi chữ Paris 2012, ville candidate và tiếp theo, in chữ nổi «L'Amour des Jeux» mỗi hộp là 646 trang chưa kể những phụ đính, đồ bản... Theo ủy ban Pháp thì lần này hồ sơ có thay đổi so với hồ sơ tháng 5.2004, lúc đó Pháp được xếp hạng cao hơn Madrid. Ví dụ như là mỗi bộ môn tranh tài tại một chỗ và 50 000 phòng ở khách sạn sẽ được dành để tiếp đón du khách với giá tiền của năm 2004.

Tháp Eiffel được mời gọi vận động cho Paris. Từ ngày 11.11, ngang mình tháp Eiffel có tấm bảng lớn: *Paris 2012* và *Ville Candidate* cho đến ngày 6.7.2005 là ngày ủy ban thế vận quốc tế công bố quyết định. Không được là thành phố tổ chức, khỏi phải nói, dẹp tiệm luôn; được, chắc chắn Tháp Eiffel sẽ được giao phó nhiệm vụ khác, như mang trên mình đồng hồ đếm từ ngày đó cho tới tháng tám năm 2012.

EURO VẪN CỨ LÊN ?

Trong khi đó, đồng euro cứ lên. Liệu Pháp và Âu châu có chịu nổi một đồng euro cứ lên cao mãi so với đô la Mỹ? Đầu tuần, euro vượt quá mức bình thường để lên đến 1.2987 đô la, nghĩa là gần 1.3. Dường như không có gì ngăn cản để giữ euro ở mức thấp, cho dù tình hình kinh tế của Mỹ nói chung khá hơn. Từ tháng 10, đô la mất giá 10% và từ năm 2000, mất giá đến 36%. Các nhà xuất cảng kêu trời: thu được 1$ tính đổ đồng chỉ còn 75 xu !

Chuyện tổng thống Bush được tái cử càng làm cho đô la xuống thấp nữa. Lý do: Những nhà đầu tư lo ngại rằng số chi sẽ còn trội hơn trước đây. Tình hình đã đến mức báo động chưa, câu trả lời chưa được đồng nhất ở Âu châu. Trong khi tổng thống Chirac tỏ vẻ quan ngại về giá đô la xuống thấp và kêu gọi Liên Hiệp Âu Châu suy nghĩ đến hậu quả, thủ tướng Đức Gerhard Schroeder trong cùng ngày cho rằng tình hình «chưa có gì là ghê khiếp,»theo *Le Monde*. Ông ta còn nói rằng các nhà xuất cảng Đức vẫn còn hoạt động một cách thuận lợi nên chưa cần phải có biện pháp đối phó.

Như vậy thì cũng còn lâu mới có một biện pháp chung của LHÂC để giữ cho euro không lên nữa. Sự thực thì ưu tư lớn nhất của các nước là giá dầu hỏa, giá dầu lại tính giá theo đô la nên không có gì phải lo lắng. Pháp xuất cảng trong khu vực euro tới 50,5% trong khi xuất cảng sang Mỹ chỉ 6,9%.

VÀ ĐÂY, NGƯỜI ĐẸP NHẤT THẾ GIỚI

Vào những tháng cuối năm truyền hình thường cho chiếu những chương trình giải trí câu khách. Sau khi chọn lựa những bài hát hay nhất thế giới, những người nhào lộn tài giỏi hay chịu đựng những con vật kinh tởm dai dẳng nhất thế giới, truyền hình Pháp vừa phát một chương trình được báo chí (Pháp) ca ngợi là hấp dẫn nhất (thế giới) và cả gia đình đều coi được: *La plus belle femme du monde* (Người đàn bà đẹp nhất thế giới).

Ai thế nhỉ? Người đó không phải xa lạ, nếu bạn thỉnh thoảng có coi truyền hình...

Đây chưa phải là chương trình hoa hậu nước Pháp, chuyện đó, chắc các bạn còn nhớ, diễn ra vào ngày cuối năm. Trước khi biết người đó là ai, tôi trình bày cung cách mà những người sản xuất chương trình này đã theo để chọn được người đẹp.

Không phải cho tên vào một cái hộp, rồi lần lượt mời người bốc ra như *tombola* mỗi lần chúng ta đi dự dạ hội gây quỹ làm việc nghĩa đâu. Một danh sách 100 bà được chọn sơ khởi vì đã xuất hiện nhiều lần nhất trên truyền thông thế giới. Tiếp theo công ty thăm dò dư luận Ipsos tham khảo ý kiến của 1002 người Pháp, từ 15 tuổi trở lên, có thể gọi là đại diện cho các tầng lớp dân chúng Pháp.

Từ đó là có người đẹp nhất thế giới, chuyện không có chi là phức tạp cho lắm. Đa số những người được chọn vui vẻ nhận lời trừ một vài người than phiền : Tại sao tôi lại đứng sau...người đó ? Chương trình truyền hình giới thiệu 50 người được chọn từ người thứ 50 (vẫn đẹp như thường) cho đến người số 1. Viết đã dài dòng, tôi xin kê ra từ số 8 trở lên :

8. Catherine Deneuve 7. Carole Bouquet 6. Claire Chazal 5. Sophie Marceau 4. Julia Roberts 3. Corinne Touzet 2.Isabelle Adjani và 1. Monica Belluci.

Monica Belluci thiệt đúng là :

Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang...

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

CHÔM

Những năm sau 1975, Sài Gòn có một từ bột phát rất phổ thông: "Chà đồ nhôm." Nghe ra cũng... lao động ra gì. Rất hợp với chế độ mới, chế độ chỉ biết có mồ hôi. Nhưng thực ra, trong cái tâm thức chống đối của toàn dân thời đó, "chà đồ nhôm" chỉ có nghĩa là... chôm đồ nhà! Đồ trong nhà mình mắc mớ gì phải chôm? Mình không chôm nhưng thời thế cùng mằng nó chôm. Cái thời mà nhân dân chỉ có mỗi một việc là lo làm sao cho mỗi ngày cái dạ dầy của cả nhà đừng có óc ách... hô khẩu hiệu. Để làm cho tạm yên cái dạ dầy luôn luôn muốn nổi loạn, người ta... lao động bằng cách ngó quanh khắp nhà coi có cái gì có thể mang ra chợ trời được không. Chợ trời hồi đó, gần xịt. Bước ra đường là chợ. Xó xỉnh nào cũng có những người buôn bán như chụp giật. Mang ra bán bất cứ thứ gì cũng có người mua. Sự đắt hàng làm trống trải những căn nhà lớn cũng như nhỏ. Nhà nhỏ tô hô trước, nhà lớn tô hô sau. Một doanh gia thành công, tiền bạc rủng rỉnh mà cũng nát tan với cảnh... *gặp thời thế thế thời phải thế.* Đó là ông Thưởng, một nhân vật trong bài tùy bút *Mây Hồng* của nhà văn Trúc Chi. Dù giầu có, ông cũng sa sút đến mức phải... chà đồ nhôm khá kỹ. *"Gia đình anh cũng có lúc phải bán nhiều thứ, kể cả nữ trang của chị Thưởng..."* Nhà văn Dương Nghiễm Mậu cũng... chà như ai. Trong bài *Con Đường Dương Nghiễm Mậu,* Mại Thảo đã kể lại một lần gặp gỡ họ Dương sau ngày Sài Gòn đổi chủ: *"Một lần khác, gặp trên hè đường Tự Do, xế cửa nhà sách Xuân Thu. Mậu, một cây dù Tú Xương, tay kia xách một túi giấy, nói ở trong là một cái chăn len, đồ dùng quý nhất còn lại trong nhà, và Mậu đang trên đường ra chợ trời Tôn Thất Đạm bán lấy ít tiền đem về cho vợ mua gạo. Kể chuyện khốn quẫn mà cười thật vui, nét mặt sinh hoạt, ánh mắt riễu cợt. Sau 1975, tôi đã nhìn thấy ở nghệ sĩ ta một số bản lãnh chói lòa. Những phong thái trầm tĩnh, những bản ngã dũng liệt, trong nghịch cảnh mới như một đường kiếm tuốt ra khỏi vỏ, mới lấp lánh hiện hình. Nhưng tươi tắn, vững vàng và trong sự trẻ trung đặc biệt, gần như không có tuổi, thì là Dương Nghiễm Mậu thôi."* Không có gì...

Chuyện như thế này. Buổi giao thời, nhà cầm quyền mới chỉ thích có độc một món mít tinh. Từ hai giờ sáng, trống lớn trống con giục giã, loa phóng thanh hét inh ỏi đánh thức mọi người dậy đi mít tinh. Hết dịp này đến dịp khác. Lúc nào cũng có cái cớ để... xếp hàng. Nam phụ lão ấu, tuổi nào ra tuổi đó, cứ theo cờ đỏ lầm lũi lê bước. Tiết mục bắt buộc phải có trong các buổi mít tinh là màn hô khẩu hiệu. Cán bộ giơ tay, giơ răng hô:

"Đả đảo đế quốc Mỹ!"

Toàn dân giơ tay hùa theo:

"Đả đảo! Đả đảo!"

"Hoan hô cách mạng thành công!"

"Hoan hô! Hoan hô!"

"Không có gì quý hơn độc lập tự do!"

Từng đó cánh tay... ngụy, quần áo xốc xếch, giơ lên. Từng đó cái mồm... ngụy hồ hởi ngoác lên:

"Không có gì! Không có gì!"

Rồi cười với nhau. Còn gì nữa đâu! Chôm đồ nhà rộ lên thành... mốt. Chôm đồ người cũng rộ lên... ăn theo. Nạn nhân là... tôi!

Lãnh được gói thuốc tây một ký do người thân bên Pháp gửi về cho, tôi vội cột chặt vào cái giỏ xe đạp phía trước tay lái, dắt xe ra khỏi Bưu Điện Bình Thạnh. Nhẩy lên xe, chân đạp, lòng vui. Cũng sống được một tháng. Đang... dệt mộng êm ả thì bánh xe sau như hứng cả một cơn bão. Theo phản xạ tự nhiên, tôi quay đầu lại coi. Chưa thấy ất giáp gì thì tay lái như bị cả một cơn giông lôi đi. Chiếc xe mất thăng bằng vứt tôi nằm sóng xoài xuống mặt đường. Cố nhìn vào chiếc giỏ xe, nơi nằm một trời tương lai, gói thuốc tây nằm gọn ghẽ trong chiếc túi vải đã bị cuốn đi. Thẫn thờ nhìn theo chiếc xe *Honda 67* đang rú ga vọt mạnh phía trước, tôi thấy hai thanh niên rạp người trên xe. Không thấy chiếc túi quý giá của mình đâu, nhưng tôi biết nó cũng đang rạp người theo dân... chôm!

Chuyến xe lửa Saigon-Nha Trang đông nghẹt người. Chỗ ngồi, đừng có mơ! Tới chỗ đứng cũng phải chen lấn hung hãn mới có. Hành lý tôi chẳng có gì, chỉ một cái túi nhỏ ôm sát trước người. Suốt chặng đường dài cứ đứng như vậy tay ôm chiếc túi chỉ có bộ quần áo, mấy thứ đồ lặt vặt cần thiết

và chiếc áo mưa. Chiếc áo mưa hai lớp, vải mềm, lớp trong mầu ngà, lớp ngoài mầu xanh, tôi mua từ Hương Cảng đem về từ thời... xưa, ló ra khỏi một góc túi. Đầu đã cảnh giác, cánh tay giữ cái túi như giữ mả tổ, thế mà chỉ vài lần tầu lắc, ngoảnh nhìn thì chiếc áo mưa như có chân nhẩy từ tay này đến tay khác, mất hút nơi cuối toa. Nhìn quanh, mặt người nào người nấy hiền lành như vừa từ trong chùa bước ra. Nỗi đau chưa thấm vì trong lòng đang còn mối lo. Chỉ khi cuộc vượt biên thất bại, vội vã quay trở về, lòng đau như cắt, mắt vẫn cứ liếc quanh toa xe lửa qui hồi cố hương, mong nhìn được chiếc áo mưa mà vào thời buổi cách mạng, có bán cả thân mình cũng chẳng cách gì có được. Đành khóc theo mệnh nước!

Chuyện như thế này. Nhà thơ Bùi Giáng đi lang thang vào chợ trời, dừng chân bên hàng bán đồ phụ tùng xe đạp. Một đám bộ đội đứng bu quanh. Ông thản nhiên lấy một cái ghi đông xe đạp, cắp vào nách, quay lưng bỏ đi tỉnh bơ. Bà bán hàng vội vã đuổi theo, miệng hét inh ỏi. Ông dừng chân, quay đầu lại, tỉnh bơ phán: " Mất có mỗi cái ghi đông xe đạp mà la lối um sùm! Sao mất cả một nước mà ngậm câm tất cả, chẳng la lên một tiếng nào vậy? Lạ thật!"

Chôm, như vậy, có nhiều cấp bậc. Lớn chôm theo lớn, nhỏ chôm theo nhỏ. Con người, nhân chi sơ tính... chôm chĩa. Hình như ai cũng có máu chôm. Cứ thích cái của người ta. Đi ngang qua hàng rào nhà người ta, thấy trái bám đầy cây, phải cố chọc đỡ ít trái. Vào vườn trái cây bằng cách vạch bụi chui rào, vội tót lên cây vừa ăn cho đã vừa gói mang về, lấm la lấm lét sợ chủ vườn trông thấy. Thấy ví tiền của cha mẹ nằm hớ hênh, mượn đỡ ít đồng ăn quà. Mấy ai có một tuổi thơ không... chôm? Tổ chức *Theft Talk* phỏng vấn 13.213 trẻ em lớp 7 và lớp 8 về chuyện chôm chĩa trong năm vừa qua, 18% các em lớp 7 nhận là tay có... chất nhám. Các em lớp 8 còn siêu hơn, 26% thú nhận có chôm chĩa trong năm qua. Càng lớn, máu chôm hình như càng đậm đặc. Ông dân biểu Svend Robinson, thuộc đảng Tân Dân Chủ NDP của Canada, đã ngồi trên chiếc ghế êm ấm trong Quốc Hội Canada từ 25 năm qua. Vậy mà tay vẫn nhúng chàm. Ông chôm một chiếc nhẫn hột xoàn khi tham dự một cuộc bán đấu giá. Để làm chi? Để tặng bạn trai. Ông vẫn thường không giấu giếm chuyện đồng tính của mình. Năm 1982, ông Claude Charron, một thành viên của nội các chính phủ thuộc đảng *Québécois*, lúc đó mới 35 tuổi, là một ngôi sao đang lên của đảng. Sao đã... vụt tắt khi ông chôm một chiếc áo khoác trong cửa hàng *Eaton*! Bẩy năm sau, năm 1989, ông Lorne Nystrom, cũng một dân biểu thuộc đảng NDP, đã vô tiệm tạp hóa chôm một chai thuốc chùi mắt kính, trị giá đúng 7 đô 79 xu!

Một hoàng gia bên Âu Châu cũng có một phu nhân mặt hoa da phấn chỉ thích vào các cửa tiệm chôm những đồ lặt vặt đút vào túi. Hoàng gia này đã phải cử một người hầu đi theo với nhiệm vụ nói trước với các cửa tiệm cứ để mặc cho bà được tự do chôm chĩa tưởng như không có ai biết, rồi sau đó người hầu lẳng lặng trả tiền.

Nếu chỉ kể ra các trường hợp chôm chĩa của hoàng gia và các nhà chính trị, e có sự bất công. Dân đen cũng có quyền chôm chĩa chứ! Bà Lucy Magda, 61 tuổi, đã 34 năm làm kế toán trưởng cho nhật báo *St Catharines Standard* ở Ontario. Bà là người quen của chủ báo nên rất được tin cẩn. Vậy mà bà thụt két. Bà cứ rỉ rả mỗi ngày rỉa ít ngàn đô. Khi bị phát giác bà đã chôm tổng cộng 2 triệu 200 ngàn đô! Số tiền khổng lồ này, bà mang đi *shopping*. Mua sắm thả cửa. Nhà thì chỉ là một căn nhà nhỏ xoàng xĩnh nhưng khi sự việc đổ bể, nhà bị khám xét, Cảnh Sát đã tìm thấy trong nhà vài trăm đôi giầy, nhiều nữ trang và rất nhiều quần áo loại đắt tiền. Chuyện lạ là hầu như tất cả đều mới toanh chưa xài đến, và giầy dép, quần áo phần lớn là không đúng số của bà!

Họ chôm không phải vì lý do kinh tế. Mà vì... bệnh! Bệnh chôm vặt, tiếng Hồng Mao kêu là *kleptomania*. Thế nào là bệnh chôm vặt? Trước hết họ không cuỗm món đồ đó vì họ cần. Có nhiều người lấy đồ xong, đi ra trót lọt rồi, sau đó quay lại để trả món đồ vào đúng vị trí cũ. Nếu cuỗm cái mình cần xài tới thì lại thuộc một diện khác, diện... *shoplifting*, Cảnh Sát có chính nghĩa để điệu về bót cho ra tòa. Dân chôm vặt chính hiệu con nai vàng ra tay chỉ vì muốn hưởng cái cảm giác ăn cắp đồ của người khác. Bệnh này có những triệu chứng như sau: trước khi ra tay chôm lòng họ càng lúc càng khoái chí hơn về hành động họ sắp làm; trong khi chôm, họ cảm thấy rất thích thú, thoải mái; và khi đã hoàn tất... cảm hứng, họ tỉnh bơ không cảm thấy áy náy, hối hận hay tội lỗi gì cả.

Một bà già 91 tuổi ở Tokyo, Nhật Bổn, vừa bị bắt quả tang đang thò tay vào bóp của một khách hàng đang mua sắm trong một tiệm bán quần áo. Một nhân viên trong tiệm nhìn thấy bà rút từ bóp của bà khách hàng này ra một phong bì. ông ta

liền chặn lại và kêu Cảnh sát. Bị đưa về bót, bà khai là bà không thể tự kiềm chế được ý muốn lấy đồ của người khác. Trong ba năm qua, bà đã bị bắt 11 lần vì tội khơi khơi cầm nhầm, khi thì móc ví, khi thì đỡ nhẹ hàng trong các cửa tiệm.

Năm ngoái, tại một khu thương xá gần nhà tôi, thương xá *Place Versailles*, một nhà giáo cỡ bự, đương kim Chủ Tịch Nghiệp Đoàn Giáo Giới Montréal, đã bị bắt quả tang lấy một đôi găng tay trong cửa hàng *La Baie*. Bà giáo... gian này, cũng như những chính khách không được... chính kể trên, tất cả đều phải từ chức tuy khi ra tòa họ chỉ bị tuyên xử những hình phạt rất nhẹ. Như trường hợp dân biểu Svend Robinson, ông chỉ bị phạt làm việc cộng đồng 100 giờ, theo dõi trong một năm và bắt buộc phải theo một lớp hướng dẫn tâm lý.

Các quan tòa thường giơ cao đánh khẽ những trường hợp này vì *kleptomania* đã được coi như một căn bệnh tâm thần: bệnh rối loạn xung động (*impulse disorder*). Bệnh nhân của loại bệnh đặc biệt này thường không kiềm chế được những xung động đẩy tới việc chôm chĩa đồ của người khác không phải vì đó là những thứ đồ họ cần hoặc đồ có giá trị tiền bạc. Lúc nào họ lên cơn chôm chĩa là như có một con ma trong người thôi thúc họ hành động mà họ không thể nào cưỡng chế lại được. Con ma này chắc là một loại ma ga lăng vì... khách hàng của nó phần đông là phụ nữ. Các bà cỡ 36 tuổi thường hay mắc bệnh này và bệnh hoành hành trung bình trong 16 năm.

Nguyên nhân nào làm cho người ta dính vào căn bệnh đáng... mắc cở này? Khoa học chưa có câu trả lời dứt khoát. Có giả thuyết, dựa trên những chứng cớ gián tiếp, cho là bệnh này có liên quan đến việc sản xuất bất thường chất *serotonin* trong não. Người ta đã thử cho người bệnh *kleptomania* dùng thuốc *Prozac*, một loại thuốc trị bệnh trầm cảm có khả năng làm tăng thêm số lượng *serotonin* và thấy có hiệu quả. Những người bị *stress* sau khi bị những mất mát lớn lao trong đời dễ làm mồi cho bệnh *kleptomania*. Người ta đã thử nhiều phương pháp tâm lý trị liệu để cho anh *kleptomania* đi chỗ khác chơi nhưng chưa kết luận được là phương pháp nào là phương pháp tốt nhất.

Đời tôi có duyên với... chôm chĩa. Trong thời gian nằm ấp trong trại Cải tạo Long Thành, chôm chĩa cũng tìm đến tôi mặc dù thành phần bị nhốt trong đó, bình thường ra không thể chôm chĩa được. Đó là nơi... ngụ cư của các nhân vật xếp sòng trong các ngành hành pháp, tư pháp và lập pháp cũ.Vậy mà tôi có mấy xâu lạp xưởng mang đi phòng thân, tiếc chưa dám ăn, để lâu ngày nổi mốc, phải mang ra phơi nắng. Buổi trưa một ngày Chủ Nhật, không phải đi lao động, tôi ngồi ngoài hàng hiên, trải tờ giấy báo, đặt mấy xâu lạp xưởng lên trên đón nắng. Trưa hè, gió hiu hiu, tôi ngủ gục lúc nào không biết. Khi giật mình tỉnh giấc thì mấy xâu lạp xưởng đã... ô voa mình từ lúc nào. Nhìn quanh, sân vẫn vắng lặng. Tiếc đến điếng người nhưng nghĩ lại thấy buồn nhiều hơn. Anh em cùng chung cảnh khổ, cái đói đã chôm đi mất chút lương tri của một con người trí thức. Biết giận ai, trách ai? Có trách chăng được là trách những con người đã hành hạ những con người mà họ không coi như đồng bào. Họ đã chôm mất của chúng tôi cái tư cách mà thường ra chúng tôi chẳng cần nghĩ tới nó cũng phải tiềm ẩn trong mỗi người.

Chuyện khi tôi từ trại cải tạo về thì chẳng liên quan gì đến tư cách cả. Nó đúng là... *kleptomania!* Trước khi đứt phim, gia đình tôi có nuôi một người làm, sau phải cho nghỉ. Khổ nỗi là cô nhỏ thuộc loại người có tình có nghĩa. Đã cho nghỉ rồi mà lâu lâu lại tới thăm. Mỗi lần thăm thì lê la ở cả ngày. Khi về nhất định phải chôm cho bằng được một thứ gì mới... an tâm dù đó chỉ là những thứ chẳng ra gì, chỉ có thể bỏ thùng rác! Tuy vậy cả gia đình vẫn phải... báo động đỏ mỗi khi cô nhỏ tới thăm. Cẩn tắc vẫn hơn. Lũ con tôi thích chơi trò canh gác kiểu Cảnh sát này lắm. Cho hắn chừa cái tính xấu này đi! Một lần , cả gia đình nhất định canh chừng cẩn mật không cho cô nhỏ bỏ túi được một... cọng rác xem thử ra sao. Chỉ là một sự thách đố cho vui! Lũ con tôi hào hứng thi hành nhiệm vụ một cách tuyệt vời. Gần tới giờ về, cô nhỏ cứ loanh quanh đứng ngồi không yên. Chúng tôi nhìn nhau cười thú vị. Cuối cùng, cô nhỏ cũng phải ra về tay không nhưng mặt mũi không có vẻ gì khó chịu lắm. Trước khi về, cô có vào nhà vệ sinh. Ngày hôm sau, cả nhà tôi mới chưng hửng ra. Chiếc quần lót phơi trong nhà vệ sinh đã không cánh mà bay!

10/2004

SỢ

Sợ là điều cần thiết cho cuộc sống. Bởi vì nếu không biết sợ thì rất dễ bị toi mạng. Này nhé, không sợ lửa thấy lửa cứ nhào vô thì... *barbecue* mấy hồi, không sợ tai nạn cứ phăng phăng qua đường bất chấp đèn xanh đèn đỏ thì có ngày nằm xe ò e chạy thẳng vào nhà... xác, không *care* anh

thần chết lái xe phom phom chẳng cần nhìn đồng hồ tốc độ xem có đi một đường nhà thương... hỏa tốc không!

Sợ cần thiết như vậy nên ai cũng thích sợ. Nhỏ nghe chuyện ma sợ muốn co vòi mà cứ ưa trùm chăn nghe. Con ma nó ra làm sao? Nó lông lá, răng nhọn hoắt, mắt tóe lửa, lưỡi thè ra cả thước đỏ lòm lòm, tay chân đầy móng vuốt... Chân dung con ma như vậy là do miệng truyền miệng. Thấy ma thì chưa ai thấy. Ma là loài chuyên môn đi tầu ngầm, làm những chuyện đứng tim mà chẳng bao giờ xuất hiện. Nó bàng bạc trong gió, trong hơi thở nhưng dễ sợ phát khiếp. Chỉ khi một thiếu nữ, nghe lời ngọt ngào, bị những chuyện quỷ quái, lúc đó mới thấy ma... tẩu vi thượng sách!

Nhưng ma nhiều khi cũng êm đềm lắm. Như những nàng ma của Bồ Tùng Linh. Cứ ngọt xớt.

Nói láo mà chơi nghe láo chơi
Giàn dưa lún phún hạt mưa rơi
Chuyện đời ý hẳn không buồn nhắc
Thơ thẩn nghe ma nói mấy lời.

Có những ông nghe ma tỉ tê mà nhà cửa, ruộng vườn, tiền bạc... đi về âm phủ hết. Nhưng đó là ma sống. Ma thì phải chết. Bồ Tùng Linh về với ma từ khuya rồi. Nhưng ma của Bồ Tùng Linh vẫn còn nói. Dù sao thì những nàng ma trắng tươi chuyên trăng gió với các bạch diện thư sinh cũng thuộc loại xưa rồi. Thư sinh bây giờ kiếm đâu ra! Ma biến hình thành ma của Nguyễn Ngọc Ngạn. Gần với người hơn.

Mỗi năm có một ngày ma rong ruổi khắp đường phố. Đó là ngày *Halloween* mà dân ở Việt Nam gọi là ngày Lễ Ma. Loại ma này toàn thứ hảo ngọt nên chỉ biết ngửa tay xin kẹo. Ma kẹo chỉ dọa được con nít. Ký giả Jay Stone của hãng tin *Canwest News Service* kể lại chuyện *halloween* khi anh còn là một đứa bé bốn tuổi. Năm đó, bố mẹ anh mua cho anh một chiếc mặt nạ Con Ma Trong Nhà Hát bằng cao su. Đó là một cái sọ người trắng hếu, nhe răng, có hai lỗ ở mắt để nhìn. Anh "diện" chiếc mặt nạ hăng mùi cao su đi xin kẹo. Nơi anh đặt chân tới đầu tiên là một tiệm bán thịt ở dưới phố Toronto. Một cậu bé cũng khoảng bốn tuổi, trông thấy con ma dễ sợ quá, hét toáng lên. Mẹ của Jay vội bắt anh tháo chiếc mặt nạ ra. Cậu bé vẫn chưa thôi khóc. Bà mẹ vội cất dấu chiếc mặt nạ trong ví nhưng cậu bé, dường như biết con ma vẫn còn đâu đó, nên vẫn cứ thút thít tiếp. Ma ám ảnh đến như vậy! Chuyện đó cũng xưa rồi. Trẻ em ngày nay... anh hùng hơn nhiều. Sợ chi!

Phụ trang *Youth Zone* của nhật báo *The Gazette* ở Montréal, nhân lễ *Halloween* năm nay, đã thử hỏi 160 em học sinh từ 10 đến 17 tuổi xem chúng sợ gì nhất. Ma chỉ chiếm một vị trí khiêm nhường trong nỗi sợ của trẻ em. Nỗi sợ lớn lao nhất là cái chết của những người thân, nhất là cha mẹ. Em Tina, 10 tuổi, diễn tả như sau: "Em sợ nhất là cha mẹ chết, để lại trong tim em một khoảng trống không ai có thể thay thế được." Sợ phải nói trước đám đông, sợ thi cử, sợ biển, sợ bóng tối, sợ cháy, sợ chó, sợ bị bắt cóc là những cái sợ thiết thân. Nhiều em người lớn hơn, sợ dư luận, sợ thành kiến, sợ kẻ nhi dâm... Thời sự hơn, có em sợ đi máy bay vì đã coi trên màn ảnh nhỏ vụ 9/11. Một em duy nhất, chắc sau này sẽ thành chính khách, sợ Bush tái đắc cử. Em Mona, 15 tuổi, đã nói: "Điều duy nhất em sợ là Bush ngồi lại bốn năm nữa!" Một em có tên là Phuong, 16 tuổi đã trả lời: "Em sống ở một đất nước xa lạ cùng với dì em, em không còn được sống với cha mẹ nữa. Em sợ một ngày nào đó người ta sẽ đuổi em về lại xứ sở của em. Em sẽ mất tất cả. Bây giờ em sợ nhất điều đó. Em phải làm sao để điều đó đừng xảy ra?" Tuy không có chi tiết gì về em Phuong này, nhưng tôi vẫn nghĩ em là Phương hay Phượng của Việt Nam, mang nỗi sợ thương tâm của giòng giống Việt!

Cũng trong cuộc phỏng vấn này, đứng ngay sau nỗi sợ chết, là sợ nhện. Con nhện ở bên đây không được đất. Những hình ảnh mạng nhện, con nhện được liên kết với ma quái trong ngày *Halloween*, đã cho nhện... lên chức! Còn nhện ở Việt nam, bạn của trẻ em, có chi mà sợ. Tôi nhớ những ngày nhỏ, nhà nào mà chẳng có nhện, trần nhà nào mà chẳng nhện giăng tứ phía, chúng tôi bắt nhện chơi. Có những chị nhện ôm cả bọc trứng trắng xóa, xé rách ra, nhện con lũ lượt chạy ra tứ phía. Nhện vàng sa xuống vai còn thích nữa vì nó mang lại điều may nhất là những ngày sửa soạn thi cử. Được nhện vàng thăm viếng, niềm hy vọng được đẩy lên cao hơn. Cao tồng ngồng mà còn... dấm đài liền được cha mẹ chữa theo mẹo, nướng nhện cho ăn mà vẫn há miệng nuốt như thường. Có chết thằng tây nào đâu!

Sợ, họa chăng sợ chuột con mới sinh ra. Những chú chuột đỏ hon hỏn, mắt vẫn nhắm tít, quờ quạng trong ổ, sờ tay vào thấy mềm nhũn ghê ghê. Trẻ con sợ, đã đành, người lớn cũng nhiều người... té đái. Ông chú tôi, hồi đó dễ chừng đã đang ở tuổi... hăm, sợ chuột con một cây. Có lần, mấy bà cô nghịch tinh của tôi bắt chuột con dí

vào ông chú tôi đang ngồi đọc sách. Ông vùng dậy, mặt tái tím, chạy bán sống bán chết, không biết trời trăng gì cả. Từ trong sân nhà, ông chạy bổ ra đường, chạy loạn xạ bất kể xe cộ. May mà xe kịp tránh ông. Lần về Việt nam cách đây hai năm, tôi đến thăm ông, tuổi đã quá bát tuần, nhớ chuyện xưa, hỏi đùa ông bây giờ còn sợ chuột con không? Ông la lối bảo đừng có hỏi nữa! Áng chừng ngài vẫn còn... run!

Ngoài chuột, tiết mục sợ khác là sợ sâu, nhất là sâu róm, to bằng cả ngón tay, mình đầy lông, đụng vào là ngứa can hết nổi. Lại còn đỉa, tiết mục gớm ghê nhất. Đỉa đánh đu trên bắp chân, hì hục hút máu, thân trương phềnh lên, chẳng có nỗi sợ nào hơn! Trong kỳ Thế Vận Hội 2004 tại Nhã Điển, Hy Lạp vừa qua, các ký giả quốc tế đã khám phá ra là dân Hy Lạp cũng chơi với đỉa. Trong các tiệm bán thuốc cổ truyền, họ có những chiếc lọ nuôi đỉa để bán. Người ta mua đỉa làm chi? Bà Maria Seferoglou, 39 tuổi, bán hàng cho tiệm thuốc Behar, cho biết là khách hàng mua đỉa cho nó hút máu để chữa bệnh cao máu hay cho nó hút chất độc ra khỏi máu! Giá mỗi con đỉa là 4,5 *euro,* khoảng 7,2 Gia kim.

Trong chương trình truyền hình *Fear Factor*, phát hình thường xuyên trên màn ảnh nhỏ, các... dân chơi có nhiều cơ may bị ăn bọ cạp, sâu, trùng... Trong một buổi phát hình, tôi thấy cảnh các cô gái, mặt hoa da phấn, thi nhau tọng côn trùng vào miệng cho nhanh. Họ trét hỗn hợp đủ thứ sâu bọ, côn trùng thành một mảng bầy nhầy màu xanh vàng lên kính trước một chiếc xe hơi. Chúng ngọ nguậy, lổn nhổn bò trông đến buồn nôn. Vậy mà những chiếc miệng xinh xắn phải lùa những thứ lầy nhầy này vào, ngậm chạy tới chỗ để một chiếc chậu trên bàn cân, nhả vào chậu, rồi vội vàng chạy đi... liếm tiếp. Trong thời gian hạn định, ai chuyển được trọng lượng chất lầy nhầy này nhiều nhất thì thắng cuộc. Nhìn những chiếc chậu ngo ngoe những thứ dễ sợ, thấy những chiếc miệng nhếch nhác còn dính chất vàng xanh, tôi đã rùng mình ghê tởm.

Ghê tởm, đó không phải chỉ là một cảm giác sợ khơi khơi đâu. Nó có nhiệm vụ cả đấy. Nếu nỗi sợ bảo vệ con người chống lại những hiểm nguy, như bị những thú vật to lớn, nguy hiểm ăn thịt thì sự ghê tởm bảo vệ con người chống khỏi bị những con vật nhỏ nhít hành hạ. Đó là các loại vi trùng, vi khuẩn, loài ký sinh luôn luôn muốn bày tiệc trên thân xác chúng ta. Một nhóm các nhà khảo cứu của Viện Vệ Sinh và Y Khoa Nhiệt Đới ở Luân Đôn đã làm một cuộc khảo sát về tác dụng của sự ghê tởm của con người. Cuộc khảo sát được thực hiện tại sáu quốc gia và một phi trường quốc tế để tìm ra cái gì làm con người ghê tởm. Từ đầu năm 2004, cuộc khảo sát được phổ biến rộng hơn bằng cách đưa lên mạng của đài BBC. Tới nay, đã có 80 ngàn người thuộc 172 quốc gia vào xem và trả lời. Họ được hỏi như thế nào? Đại khái là họ được xem chiếu trên màn hình, cùng một lúc, hai hình ảnh tương đồng với nhau, trong đó một hình ảnh như bị bệnh tật đe dọa, hình kia thì không. Chẳng hạn như hai chiếc khăn tắm giống nhau, một có dây vết màu xanh, một có màu vàng nâu; hoặc hai hình của cùng một người, một bình thường khỏe mạnh, một trông vàng vọt bệnh hoạn. Người tham dự khảo sát, mỗi khi bấm lên một cặp hình, sẽ cho điểm từ 1 (không ghê tởm) đến 5 (rất ghê tởm). Kết quả y chang như dự kiến của những nhà khảo cứu. Con người ai cũng ghê tởm những thứ bệnh hoạn, dơ dáy. Đàn bà... tởm hơn đàn ông. Việc so sánh đàn ông đàn bà này không phải vì... kỳ thị đâu mà có khoa học đàng hoàng. Bởi vì đàn bà mang một gánh nặng di truyền gấp đôi, vừa chuyển những *genes* cho thế hệ sau vừa nuôi nấng thế hệ này để chúng có thể tồn tại và sinh sản. Do đó, đàn bà có khả năng lớn hơn đàn ông trong việc phát hiện những mầm mống của bệnh tật trong môi trường. Câu hỏi chót của cuộc khảo sát là: nếu phải dùng chung một bàn chải đánh răng thì bạn không muốn chung với ai nhất? Bị chê nhất là ông phát thư, rồi tới ông chủ nơi làm việc, ông xướng ngôn thời tiết trên TV, anh chị em, bạn thân và, chót hết, vợ chồng! Càng thân cận càng ít bị chê. Điều này có ý nghĩa gì? Những người gần gũi chúng ta nhất thường cùng chúng ta chung đụng một loại vi khuẩn nên ít truyền bệnh cho chúng ta hơn. Ghê tởm sợ sệt, đó là một bản năng phòng tránh bệnh của con người, từ ngàn xưa tới nay!

Sợ, nó hành hạ con người ra sao? Sợ run lên bần bật, sợ dựng tóc gáy, sợ co người lại, sợ... té đái. Thông thường nhất là sợ toát mồ hôi. Khi ta sợ, hệ thần kinh tự trị giao cảm (*casympathetic autonomic nervous system)* bộc phát mạnh và chất *epinephrine* từ nang thượng thận tiết ra nhiều. Hai anh này kích thích tuyến mồ hôi, nhất là ở lòng bàn tay bàn chân và ở nách. Mồ hôi ra nhiều và bốc hơi do nhiệt lượng của thân thể làm cho chúng ta lạnh. Ngoài ra, khi hệ thần kinh giao cảm kích thích thì điện trở ngoài da cũng thay đổi. Hai hiện tượng này cộng với hiện tượng tự nhiên là khi nói dối con người bao giờ cũng sợ

làm người ta mới chế ra đo điện trở ngoài da để dò nói dối. Đeo máy này vào, nói dối là lộ liền!

Làm phim toát mồ hôi lạnh là một chiêu ăn khách của các nhà sản xuất phim. Cũng ký giả Jay Stone đã sắp hạng mười phim dễ sợ nhất trong thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21. Theo bảng sắp hạng này thì phim *Psycho* (1960) của ông vua kinh dị Alfred Hitchcock cầm đèn đỏ. Trên đó là chín phim có thứ tự như sau: *Night of the Living Dead* (1968), *The Silence of the Lambs* (1991), *The Exorcist* (1973), *Dead of Night* (1942), *Halloween* (1978), *Poltergeist* (1982), *The Ring* (2002), *Nosferatu the Vampyre* (1979) và *Seven* (1995).

Đứng hạng 10, nhưng được nhắc nhở đến nhiều nhất vẫn là *Psycho*. Không hiểu tại sao khán giả lại mặn với phim này đến vậy. Mới đây, nhân cái chết của Janet Leigh, nữ tài tử chính trong phim, *Psycho* lại được nhắc nhở tới. Và cái màn rùng rợn nhất trong phim, màn giết người khi đang tắm vòi hoa sen, lại được nhắc tới. Đây là một màn... toát mồ hôi đã được dựng lại cho du khách coi trong phim trường *Universal Studio* ở Hollywood. Tôi đã hai lần tới đây, hai lần được coi lại cảnh toát mồ hôi này nên không toát mồ hôi được nữa! Nhưng nữ tài tử Janet Leigh đã không dám tắm vòi hoa sen trong suốt thời gian từ khi đóng cảnh này đến ngày nhắm mắt lìa trần tại Beverley Hills trong bàn tay của ông chồng Robert Brand và hai cô con gái, cũng là hai tài tử, Jamie Lee Curtis và Kelly Curtis.

Sống trong tình cảnh... toát mồ hôi là cô Annie Pellerin, 28 tuổi, nạn nhân sống sót duy nhất trong vụ án mạng tại một cửa tiệm Harvey's trong khu rất đông người Việt Côte des Neiges ở Montréal. Chuyện xảy ra vào rạng sáng ngày 28 tháng 10 năm 1996. Ba tên cướp gồm Trần Sỹ Tuấn và hai tên khác mới 15 tuổi không được tiết lộ danh tánh đã xông vào nhà hàng giết chết hai nhân viên nam. Riêng cô Pellerin, lúc đó 19 tuổi, bị cắt cổ, đâm hai nhát vào ngực và đập sáu nhát bằng mặt bằng của chiếc búa. Chúng tưởng cô đã chết nên bỏ đi sau khi lấy được 1800 Gia kim. Chúng tưởng tất cả các nạn nhân đều đã chết nên không có chứng cớ gì. Ai ngờ, thiên bất dung gian, cô Pellerin còn sống và đã nhận ra Tuấn là nhân viên cũ của nhà hàng. Tuấn bị kết án 25 năm tù. Cô Pellerin sống trong nỗi sợ thiết thân: sợ Tuấn trả thù. Tuấn đã có lần vượt ngục nhưng không thành. Nỗi sợ của cô Pellerin lại nặng thêm. Cô sống trong sợ hãi như vậy cho đến một ngày cuối tháng 10 vừa qua, Tuấn đã treo cổ tự tử trong nhà tù. Cô Pellerin là người đầu tiên được nhà tù thông báo. Họ đã cất đi cho cô nỗi sợ một đời!

Phó sản của sợ là... nhát! Người nhát thường ít xông xáo, hay né tránh, an phận thủ thường nên luôn luôn bị thiệt thòi trong công việc, lúng túng trước đám đông và chậm chạp trong hôn nhân. Thống Kê Canada gọi là "căn bệnh của sự lỡ cơ hội" và cho biết có hai triệu dân Canada từ 15 tuổi trở lên bị "bệnh" này. Tuổi từ 15 tới 20 có 4,7 %, trên tuổi này là 3,1 %. Bệnh này do sợ hãi quá độ khi đối diện với người khác hay trong nơi làm việc. Dĩ nhiên, trước người khác phải, nỗi bất an còn tăng thêm nhiều nữa. Theo tâm lý gia Scott Patten của Viện Đại Học Calgary thì bệnh làm người ta rối trí hoặc hoảng sợ đến toát mồ hôi, khô miệng, tim đập dồn dập, khó thở. Hậu quả là không có công ăn việc làm hoặc làm những việc có lương thấp hay... dễ chịu nhất là ăn tiền xã hội! Bệnh tưởng như... hết thuốc chữa nhưng với những liều thuốc chống trầm cảm và bằng trị liệu tâm lý, người ta có thể dễ dàng đưa người bệnh trở về cuộc sống thường. Nhưng vì là thứ bệnh mà như không phải bệnh, những người nhát thường... nhác! Không chịu đi chữa trị. Chỉ có 37% chịu đi chữa và chỉ sau khi họ nấn ná bằng mọi cách hoãn binh trung bình trong 14 năm!

Nói tới tâm lý là đụng tới con tim. Đụng tới con tim là... nhói buốt. Cái sợ trong trường tình cố chi lạ? Dọ dẫm bước chân vào con đường tình cảm, con người ta thường nhu mì một cách bất thường. Tình yêu dễ làm chúng ta ngợp. Nhân vật Phi trong truyện ngắn *Sợ* của Xuân Diệu, viết từ năm 1938, đã ngộp trong tình yêu. "*Sợ, phải rồi! Phi sợ! Chính cái cảm giác mù mờ trong bấy lâu, bây giờ Phi mới thấy. Đó là một sự thực mà người ta không nên quên: tình yêu nhiều làm cho ta sợ. Có phải không, tình yêu đã to lớn, mênh mông, thì có khác gì một sông to, một biển cả đâu! Người ta ngợp vì thấy tình nhiều, bởi vì bao giờ cái nhiều cũng làm ta tự thấy mình ít; ta không kịp ngó, ta cảm xúc không hết, ta thấy cái nhiều tràn ta, ngập ta, lụt đến quá cổ ta! Ta sợ khi nhiều trời, nhất là nhiều sắc xanh rờn rợn của không gian; huống chi nhiều ái tình, một thứ không gian và thời gian vô hình ảnh. Nếu gió mát làm ta ngợp sợ, thì sự quá êm đềm, quá thiết tha, quá yêu mến lại xui ta sợ sệt đến bao nhiêu. Có ai thấy những đứa trẻ con xin bánh không? Nếu cho nó một cái, nó sẽ xin mười; cho nó năm mươi cái, nó sẽ ngạc nhiên; và nếu đưa cho nó cả một thùng bánh to, nó sẽ rợn rùng và sợ người cho nó.*"

Trong tình yêu đã ngợp , đã sợ. Bước vào tình yêu còn sợ phát khiếp! Thôi đừng nhắc tới những

ngày mon men chuyện lứa đôi đó! Sợ lắm!

11/2004

ĐÀN ÔNG

Ba đồng một chục đàn ông
Ta bỏ vào lồng ta xách đi chơi
Chẳng dè quai đứt lồng rơi
Chúng bò lổm ngổm mỗi nơi mỗi thằng.

Đàn ông đâu mà rẻ vậy? Thừa mứa! Kể ra cũng đúng. Nếu hiểu đàn ông là những cái máy sản xuất tinh trùng thì quá thừa. Bởi vì, trong mỗi lần giao hợp, một người đàn ông xổ ra một số lượng tinh trùng đủ để thụ tinh cho tất cả phụ nữ châu Âu! Như vậy thì thế giới chỉ cần một vài gã đàn ông là đủ. Làm chi mà để những... cái máy này lềnh khênh khắp nơi, tốn cơm tốn gạo. Cho các anh đàn ông đi về với ông Adam hết coi bộ được việc. Có thực như vậy không? Đã có nhiều sinh vật khác cạn tàu ráo máng như vậy rồi. Như một loại thằn lằn ở California chỉ có rặt một giống cái. Kết quả khá kỳ lạ. Một nửa "dân số" của loại thằn lằn này có xu hướng trở thành con đực bằng cách cố giao phối với chị em của chúng!

Đàn ông đâu chỉ là cái máy tạo ra mấy con lăng quăng tí hon phải dùng kính hiển vi mới nhìn thấy được. Họ... lớn lao hơn nhiều!

Hai anh đàn ông nói chuyện với nhau:

"Nếu tớ là Adam thì thế giới này sẽ khác hẳn!"

"Vì sao vậy?"

"Vì tớ vốn rất ghét ăn táo!"

Adam là ân nhân của toàn thể phụ nữ. Vì ông đã dễ dãi gật đầu khi được Thượng Đế hỏi xin một cái xương sườn để Ngài tạo ra đàn bà. Trong dịch vụ này, Thượng Đế có hơi ăn gian. Bởi vì Ngài đã biết khi cái xương sườn này nhúc nhích thì Adam... lãnh thẹo. Trước khi rút xương sườn của Adam, Thượng Đế đã đánh thuốc mê cho Adam rồi thở dài:

"Tội nghiệp con, đây là lần cuối cùng con được ngủ yên!"

Bao nhiêu đời sau Adam, anh Adam nhí Hoàng Lộc, bị những cuộc tình hành cho nhỏ xác, bị rầy rà quá lẽ với cái giống đàn bà, vẫn còn kì kèo... đòi nợ.

em lắc đầu? em chẳng của tôi sao?
giùm tới hỏi Chúa Trời kia khắc biết
dẫu phải lắc lơ xa hàng mấy kiếp
tôi dễ chi quên đã mất cái xương sườn
.....
lầm lẫn yêu thương đứt nửa đời rồi
tôi đã trần thân với đớn đau khổ nhọc
cái xương sườn xưa tôi quyết đòi cho được
em chối từ ư? em có quyền gì?

Đòi lại cái xương sườn? Chuyện tào lao! Bởi vì đàn ông đã lời chán. Cho đi có mỗi cái xương sườn mà lấy về được nguyên một người đàn bà, ngoài 36 cái xương sườn còn nhiều thứ khác. Nhiều ông tham lam còn đòi về không phải một mà... hơn một người đàn bà! Như cha ông chúng ta xưa chẳng hạn! Vua thì không nói làm gì, cả ngàn cung nữ là chuyện bình thường. Nhiều xương sườn quá không biết chọn lựa cái nào qua đêm, bèn phải nhờ tới chú dê dắt đường chỉ lối. Quan thì "ngồi" đâu nàng hầu ở đó. Dân thì cũng rứa. Năm thê bẩy thiếp. Mà còn có coi đàn bà ra cái gì đâu! Ra đường, "chàng" xách ô đi trước, "nàng" riu ríu theo sau cách xa cả chục bước. Giống như mấy anh Kuwait!

Nhà nghiên cứu nhân chủng học Barbara Walters thực hiện một cuộc khảo sát tỉ mỉ về vai trò của giới tính ở Kuwait trong nhiều năm, trước khi cuộc chiến vùng Vịnh nổ ra. Bà nhận thấy rằng, theo phong tục, phụ nữ thường đi sau chồng khoảng ba thước. Chiến tranh vùng Vịnh làm gián đoạn cuộc nghiên cứu của bà Barbara. Khi cuộc chiến chấm dứt và an ninh được vãn hồi, bà trở lại Kuwait và sửng sốt khi nhận thấy ngày nay, đàn ông nước này, khi ra đường, đi sau vợ cả chục thước.

Bà lại gần một phụ nữ và chúc mừng:

"Thật là một điều tuyệt vời! Xin cô vui lòng cho tôi và cả thế giới biết điều gì đã giúp phụ nữ nơi đây giành được sự đảo lộn vai trò ngoạn mục như thế này?"

Người phụ nữ đáp gọn:

"Mìn!"

Ở đây, anh mặt trời có một vai trò khá quan trọng. Anh là ánh sáng, tượng trưng cho dương, ngược lại với mặt trăng, chỉ đón nhận ánh sáng mặt trời, tượng trưng cho âm. Ban ngày, dương lên, đàn ông cũng lên dữ! Ban đêm, âm lên, đàn ông cũng... thay đổi tính tình.

Ban ngày quan lớn như thần
Ban đêm quan lớn tần mần như ma!

Còn đâu khoảng cách chục bước hay ba thước!

Người ta thường nói: hôn nhân như một cái lồng, ở trong thì muốn ra, ở ngoài lại muốn vào. Anh đàn ông nào cũng hí hoáy tìm một cái lồng để chui vào. Có người vào rồi lại ra. Nhưng chẳng bao lâu sau lại ngó ngang ngó dọc tìm một cái lồng khác để lại chui vào. Tại sao vậy? Theo tâm lý gia người Anh Andrew Postman thì có nhiều lý

do. Trước hết, mỗi người trong chúng ta có một nhịp sống theo chu trình tự nhiên gọi là đồng hồ sinh học. Đến một lúc nào đó, đồng hồ sinh học tự lên tiếng: "Đã đến lúc anh phải có vợ!" Nó lên tiếng mạnh lắm khiến cho anh đàn ông ăn không ngon, ngủ không yên, người hụt hẫng, tâm trí ngẩn ngơ, phải tìm được vợ mới yên. Chiếc đồng hồ sinh học này nơi mỗi người mỗi khác, nên có anh 20 tuổi đã vội cưới vợ, có anh tới tứ tuần vẫn cứ ung dung chẳng đi đâu mà vội. Thứ hai, cuộc sống lứa đôi rất cần thiết cho đàn ông. Có vợ thường sống lâu hơn vì duy trì được đời sống ổn định, đi vào nề nếp hơn. Lúc nào cũng có cái thắng rất tốt bên mình nên người đàn ông có vợ không sống thái quá như khi còn độc thân. Ngay chuyện chăn gối cũng đều đặn hơn chứ không "no dồn đói góp" rất có hại cho sức khỏe. Hoạt động tình dục đều đặn cũng làm giảm các cơn sốc, tránh được stress đồng thời giúp người đàn ông bớt băn khoăn hơn, tính tình dịu dàng hơn, làm tăng hoạt động của hệ miễn dịch và làm con người vui sống. Thứ ba, đàn ông thường chọn người vợ đồng điệu với mình. Andrew Postman giải thích rằng, đồng hồ sinh học trong mỗi người có một tần số giao động khác nhau. Khi gặp một tần số thích hợp giao thoa với nó thì đồng hồ lên tiếng đồng tình, làm cho hai người, nhất là người đàn ông, có cảm giác bình an, hạnh phúc. Cuối cùng, đàn ông tìm thấy ở nửa kia của họ điều mà anh ta thiếu. Thiếu đây là thiếu hụt về tâm lý. Chẳng hạn, anh nóng tính thích cô dịu dàng; anh vụng về cục cằn tìm tới cô tế nhị thông minh; anh tài hoa, lãng mạn thèm cô đảm đang, thực tế; anh mềm yếu ẻo lả thích cô có cá tính mạnh mẽ; anh có tính chồng chúa vợ tôi tìm tới người phụ nữ nhu nhược, luôn vâng lời, không cãi lại; anh thích săn sóc vợ thường đẹp đôi với những cô thích dựa dẫm, nhõng nhẽo... Các cụ xưa tổng kết lại bằng một câu ngắn gọn. Nồi nào úp vung nấy! Ngắn nhưng có mùi thực tế. Nó mang ý nghĩa môn đăng hộ đối, vụ vào gia đình và quần thể xã hội hơn là cá nhân.

Ngày nay, cá nhân là nhất. Nam nữ lựa chọn bạn trăm năm theo ý riêng của mình. Chẳng thèm để ý tới những ý kiến... râu ria. Các cô thích gì nơi đàn ông?

Một tăng sĩ hỏi một cô gái:

"Con mê anh ấy lắm phải không?"

"Dạ!"

Vị tăng sĩ giảng giải:

"Sở dĩ con còn rung động, còn tình cảm là vì con chỉ có cái nhìn tổng quát bề ngoài, nên con thấy chàng đẹp trai, lôi cuốn. Nếu con có cái nhìn phân giải, chỉ nhìn từng bộ phận, từng phần nhỏ của chàng, con sẽ thấy khác... Nào! Con hãy nhắm mắt và chỉ nghĩ tới một bộ phận nào đó của chàng thôi... Con có còn thấy mê chàng nữa không?"

Thiếu nữ gật đầu:

"Dạ, con vẫn còn rất mê anh ấy!"

Vị tăng sĩ tò mò:

"Con đã nghĩ tới bộ phận nào của chàng?"

"Dạ, con nghĩ tới cái bóp tiền của chàng!"

Cô bé này thiếu chính xác! Bộ phận phải là những cái gì dính vào người. Nhưng chắc cô này... thông minh. Đồng tiền liền khúc ruột, vậy chắc cô thích... khúc ruột!

Phụ nữ Nhật Bản lại cho rằng phần hấp dẫn nhất trên cơ thể đàn ông là... lưng. Một cuộc điều tra vừa được công bố ở Tokyo do Công Ty Dược Phẩm Janssen, chi nhánh của Johnson & Johnson, thực hiện cho thấy 59% các cô trong độ tuổi 20 nói rằng lưng đàn ông nhìn từ phía sau là bộ phận lôi cuốn nhất. Kế đó là vai được 19% và dáng đi được 17%.

Giáo sư Morris Gossling, Đại Học Newcastles (Anh), đã nghiên cứu trên một nhóm 90 phụ nữ và đưa ra kết quả: má là bộ phận họ thích nhất. Cuộc nghiên cứu tiến hành như sau: mỗi người được yêu cầu đánh giá độ hấp dẫn của 76 người đàn ông qua hình chụp. Kế đó họ được xem lại ảnh của vẫn những người đàn ông này nhưng chỉ chụp một góc nhỏ trên mặt, và cũng đánh giá trên độ hấp dẫn. Kết quả cho thấy thứ tự xếp loại giống nhau trong cả hai thí nghiệm!

Theo các nhà nghiên cứu tại Đại Học Western Australia thì phụ nữ mặn... đôi tai. Mối liên hệ giữa chất lượng tinh trùng và sự tương xứng của đôi tai là kết quả của những sự kiện xảy ra từ trong tử cung của người mẹ. Không cứ đôi tai, tất cả những bộ phận cặp đôi trên thân thể phát triển cùng lúc với tuyến sinh dục. Sự cân đối của những bộ phận này thường hấp dẫn phụ nữ. Một khuôn mặt cân đối như khuôn mặt của tài tử Mel Gibson rất... ăn khách. Sự mất cân đối của những bộ phận đôi có thể là kết quả của những khiếm khuyết xuất hiện trong quá trình phát triển bào thai như người mẹ ăn uống thiếu chất dinh dưỡng đến sinh bệnh chẳng hạn. Các nhà khoa học kiểm chứng giả thuyết này bằng cách đo sức nặng, chiều cao và độ dài của tai, vòng cổ tay, khuỷu tay, mắt cá chân, chiều dài và chiều rộng bàn chân của một nhóm nam giới từ 18 tới 35 tuổi. Bên trái và bên phải của mỗi người được đo riêng biệt. Với mỗi bộ phận, tỷ lệ bất cân xứng được tính bằng cách lấy kích cỡ bên trái trừ cho kích cỡ bên phải. Kết

hợp với ba con số khác (chiều dài tai, chiều dài ngón tay thứ tư và chiều dài bàn chân) các nhà khoa học tính ra tỷ lệ bất cân xứng. Kết quả này được so với chất lượng tinh trùng của mỗi người. Kết quả cho thấy có sự tương xứng giữa tỷ lệ bất cân xứng với số lượng và độ linh hoạt của tinh trùng. Càng lệch lạc, tinh trùng càng kém và ít linh hoạt. Như vậy, các bà thích một cơ thể cân xứng nơi người đàn ông đã vô hình trung đánh giá được... mầm sống nơi họ!

Nhiều phụ nữ lại thích sự hiển nhiên hơn: họ cho những chàng độc thân mà có con nhiều điểm hơn những anh chàng không vướng bận con cái. Một cuộc khảo sát trên một tạp chí Anh, thực hiện với 1000 phụ nữ tuổi từ 23 đến 45 cho thấy 65% phụ nữ cho rằng đàn ông đã có con có nhiều trách nhiệm và tình cảm hơn. Người đứng đầu cuộc khảo sát, bà Laura Hodgson còn cho biết là 45% phụ nữ có quan hệ tình dục ngay trong lần hò hẹn đầu tiên nếu trong cuộc nói chuyện họ thấy người đàn ông có tình cảm với đứa con của mình.

Đàn ông, cuối cùng, họ là gì? Nhà thơ Nguyễn Nam An đã tự họa chân dung:

thuở nhỏ trốn nhà coi kiếm hiệp
lớn theo chinh chiến chẳng vui gì
nay con chim nhí khi buồn hót
đâu đó hiên người khúc tình si

Chẳng cứ là con chim, đàn ông tương đồng với nhiều thứ. Thử đố vui để... chọc một phát:

Hỏi: Đàn ông và con tôm giống nhau ở điểm nào?

Đáp: Bạn có thể thưởng thức tất cả các bộ phận trừ cái đầu!

Hỏi: Đàn ông và con cá heo giống nhau ở điểm nào?

Đáp: Cả hai đều được coi là thông minh, nhưng chẳng ai chứng minh được điều này!

Hỏi: Đàn ông và cái *microwave* giống nhau ở điểm nào?

Đáp: Cả hai đều có thể bắt nóng trong 15 giây!

Hỏi: Tại sao phải cần tới một triệu con tinh trùng mới làm cho một cái trứng thụ thai được?

Đáp: Bởi vì tinh trùng là giống đực, chúng ngoan cố không chịu hỏi đường!

Đường nào rồi cũng dẫn tới đường... Lão Tử. Lão rồi Tử! Theo sự phát triển bình thường thì sự phát triển của cơ thể gần như hoàn chỉnh vào năm 25 tuổi. Sau tuổi này sẽ bắt đầu xuất hiện quá trình lão hóa. Quá trình này diễn ra rất chậm trong 20 năm kế tiếp và khá nhanh từ tuổi 45 trở đi. Trong suốt thời kỳ lão hóa này, thân thể thay đổi rất rõ ở da, tóc, hệ tim mạch và xương khớp... nhưng lại khó nhận thấy sự suy thoái ở hệ nội tiết sinh dục, bộ phận quan trọng duy trì nòi giống. Hệ này tiết ra rất nhiều loại hormone, trong đó có hormone sinh dục. Ở nam giới là testosterone và nữ giới là oestrogen. Thường trên 45 tuổi, các ông có cảm giác tệ hại, thường hay mệt mỏi, dễ bị kích động, lơ là chuyện chăn gối hoặc tập thể dục, khả năng làm việc sút kém... Hiện tượng này tương tự như sự mãn kinh ở phụ nữ, nên một số nhà khoa học gọi đó là "mãn kinh nam." Nguyên nhân là vì cơ thể không còn sản xuất đủ lượng testosterone cần thiết. Lúc này, bệnh tật mới có cơ hội hoạt động. Bệnh tim mạch, tiểu đường, cao máu, trầm cảm, bắp thịt mỏi yếu, mất cảm giác và loãng xương. Có một điều khác biệt là trong khi chứng mãn kinh ở phụ nữ xảy ra đột ngột và dễ nhận biết thì việc suy yếu nơi các ông lại bàng bạc mơ hồ. Tại sao như vậy? Vì nồng độ testosterone bắt đầu suy giảm sau tuổi 30, và tiếp tục giảm 10% sau mỗi thập niên, nên không có sự bùng phát triệu chứng như ở phụ nữ.

Các ông lại còn tự... lão hóa thêm với bia rượu, thuốc, lười tập thể dục... Kết quả là béo phì, bụng to, hay mệt mỏi, yếu sức, loãng xương, nhiều nguy cơ bị bệnh tim mạch, tiểu đường, giảm ham muốn tình dục... Toàn những thứ... khó nuốt!

Muốn tránh tình trạng... nản lòng chiến sĩ, đàn ông bây giờ chú ý khá nhiều đến sắc đẹp và vẻ cường tráng của thân thể. Các phòng tập mọc lên như nấm, các dụng cụ tập luyện càng ngày càng hữu hiệu, khách tập ra vào tấp nập. Họ soi gương còn nhiều hơn đàn bà! Nhà xã hội học Nicolas Herpin, ở Insee, tác giả sách *"Xã Hội Học Về Tiêu Thụ,"* giải thích khá chính xác về hiện tượng đàn ông làm đẹp này: "Tôi nhìn thấy ở đây hậu quả của sự tự chủ về kinh tế ngày càng mạnh của phụ nữ. Trong chừng mực mà phụ nữ không còn lệ thuộc tài chánh vào đàn ông, họ có khuynh hướng chọn lấy người đàn ông như đàn ông chọn phụ nữ. Do đó phụ nữ hiện tại cho phép mình cái quyền được đòi hỏi. Và đàn ông buộc phải đẹp để được chọn, từ đó đàn ông phải chú ý tới sắc đẹp của mình."

Ngao ngán chưa, giới mày râu? Thế giới hình như đang quay vòng để trở về chế độ mẫu hệ! Cũng giống như các em người dân tộc ở trên núi, sẽ tới ngày chị em phụ nữ mang heo gà bò trâu đi "bắt cái chồng"!

05/2004

Website: www.songthao.com

Quanh giải Nobel Văn Chương năm 2005

LÊ LÝ
Sưu tầm và trình bày tài liệu

I - Elfriede Jelinek - Người không ai ngờ đoạt giải văn chương Nobel

Elisabeth Beanca Halvorsen*

Người đoạt giải Nobel văn chương năm nay, Elfriede Jelinek, thứ Năm, 11 X 04 vừa qua, đã làm cho giới truyền thông quốc tế phải ngỡ ngàng. Chẳng ai mừng rỡ gì, vì Elfriede Jelinek là ai vậy kìa? Người đoạt giải này là một nhà văn nữ nước Áo, 57 tuổi, và là người phê bình xã hội về nhiều mặt. Bà đã bị giáo hội Công giáo ở quê hương bà khai trừ, bị bêu riếu trong những khẩu hiệu vận động bầu cử của phe cực hữu, và bị báo chí nước Áo ghét. Đồng thời bà được yêu mến vì cái can đảm và sự dấn thân của bà, và nhiều người ngưỡng mộ bà ở tài dùng chữ độc đáo, sự châm chích, và tài u mặc của bà.

Nữ ký giả Eva Brathom, Na Uy, viết là viện hàn lâm Thụy điển khoái cái trò "mằn mò cho ra một nhà thơ, hoặc một nhà viết kịch làng nhàng chẳng ai nghe đến tên tuổi gì." Pr Wstberg gọi Elfriede Jelinek là "một kẻ bi quan cùng cực."

Elfriede Jelinek trong nhiều năm qua đã nói là bà đã quá chán cái chuyện người ta cứ hiểu lầm bà là một kẻ bi quan. Cái giọng chỉ trích mà bà diễn tả bằng một thứ ngôn ngữ làm người ta phải chạy dài, lại bị đồng hoá với chính bản thân bà. Một trong những hậu quả là giáo hội Công giáo gần như là khai trừ bà, và Jurg Haiders, đảng trưởng đảng cực hữu (đảng Tự Do) đã phỉ báng bà trong những lần vận động bầu cử của ông. Báo chí Áo nói thẳng là họ ghét bà nhà văn này, chụp mũ bà như "kẻ thù số một của quốc gia" và đổ tội bà đã bôi bẩn Đất Nước của chính bà. Elfriede Jelinek đã lôi ra những bộ xương khô từ trong những chiếc tủ lịch sử Áo, cái lịch sử mà người ta không nên mà cũng chẳng "cần thiết" lục lọi ra mà làm chi. Trong những lần phỏng vấn riêng tư, Elfriede Jelinek tỏ cho thấy bà là một người rất cởi mở, thích tâm sự, chín chắn và thông minh hết mực, nhưng bà e ngại chuyện phải chường mặt ra nơi công cộng và bà cảm thấy giận thì giận mà thương thì thương, "eine Hassliebe," Đất Nước của bà. Elfriede Jelinek mừng vì được giải Nobel văn chương, nhưng bà cũng lo ngại là

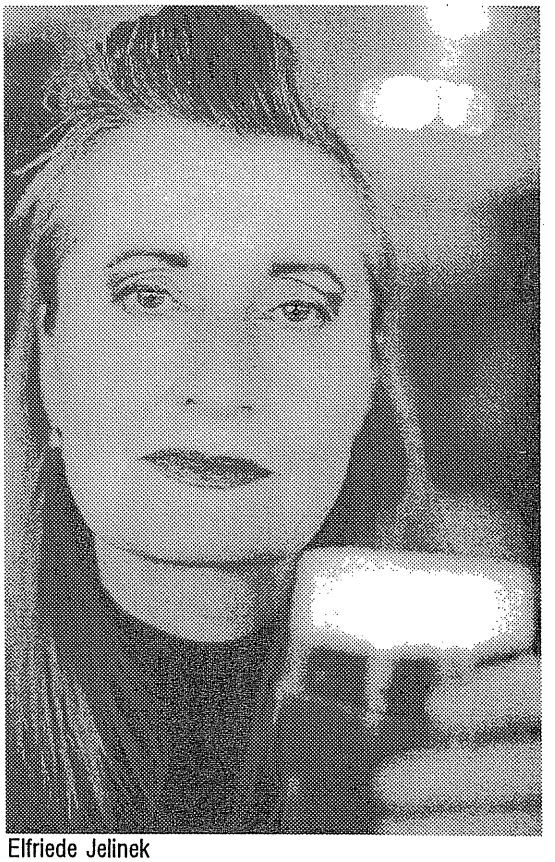

Elfriede Jelinek

sự được chú ý sẽ làm bà rất mệt đầu mệt óc. Cho nên không có gì ngạc nhiên khi bà muốn nhận giải riêng tư mình bà ở Stockhom ngày 10 tháng XI.

Cũng là chuyện dễ hiểu khi người Áo ghê tởm nhiều tác phẩm văn chương của bà. Bà làm tổn thương cái não trạng của đồng bào bà. Bà vạch cho ta thấy cái tâm tính của người Áo mà bà cho là thấm đẫm chủ nghĩa quốc xã cũ rích, thâm căn cố đế, phát xít cường quyền và kỳ thị chủng tộc xa lông. Bà tấn công từng cá nhân người Áo, và trong thời gian gần đây, tấn công luôn những công dân khác trên thế giới, trong đó đặc biệt những chính trị gia Mỹ. Chủ nghĩa tư bản phương Tây, những ý thức hệ và những hiện-tượng-đám-đông-theo-bè làm cho mọi người trên thế giới này trở nên bệnh hoạn và đểu cáng. Trong khi bom rơi trên I rắc mùa xuân 2003, Elfriede Jelinek viết

một vở kịch gây tranh luận "Xứ nai-con-Bambi." Tôi hiểu là cái tựa vở kịch ám chỉ những đôi mắt đen, buồn của người dân I rắc - đặc biệt trẻ em - và ám chỉ giới truyền thông đã bóp méo vê tròn I rắc thành một đất nước giống phim hoạt hình thương mại. Elfriede Jelinek diễn tả những khán giả TV xem cảnh chiến tranh mà như xem một chương trình giải trí; chính những kẻ ấy cũng là mối đe dọa như George Bush. Theo Joacim Lux thuộc kịch viện hàng đầu của Áo, kịch viện Burgtheater, Vienne, Elfriede Jelinek đúng ra là một người quan sát giới truyền thông hơn là người quan sát chiến tranh. Đối với Elfriede Jelinek, I rắc là "một bãi chơi cho giới truyền thông, là những kẻ mang vào mỗi nhà cái chết nguyên si, cái chết trực tiếp." Ai cũng có thể tham gia chơi trò nhà báo và lính tráng - "Cũng là những con người, ở những Xứ nai-con-Bambi Áo, Đức, hay bất cứ đâu." Lux viết về vở kịch về I rắc của Elfriede Jelinek như thế.

Nhưng trước hết Elfriede Jelinek là một hiện tượng ngôn ngữ. Lời phát biểu về lý do tại sao trao giải Nobel văn chương cho bà, đã trưng ra được những đặc tính sử dụng ngôn ngữ của bà: "Giòng suối nhạc reo của những tiếng nói và của những tiếng đáp lại." Bà là một người nhạc công đánh đờn dương cầm-orgel xuất thân trường lớp và bà gọi các tác phẩm của bà, bất cứ thể loại nào, là những "bản hợp tấu ngôn ngữ." Bà là một nghệ sĩ ngôn ngữ thuộc loại độc đáo, mới mẻ nhất. Chẳng có gì cấm kị hết, gì cũng nói được, vì ngôn ngữ - Elfriede Jelinek nói - không biết đến một dạng giới hạn nào. Bà dám thử nghiệm và phá vỡ mọi khuôn mẫu cứng nhắc. Bà dùng mọi thể loại, trộn những văn thể ngôn ngữ, viết kịch không cần có tính truyện, nhân vật hay lời đối thoại, theo lề thói xưa, và tết thực tại và hư cấu vào nhau. Đó là những lý do tại sao đọc Elfriede Jelinek ta thấy tác phẩm bà không bày ra sẵn, khó đọc, và đòi hỏi người đọc nỗ lực nhiều. Elfriede Jelinek không muốn người đọc nhận ra chính mình qua tác phẩm và có thiện cảm với tác phẩm, nhưng muốn làm sao khán giả, người đọc cảm thấy mình nhỏ bé bất lực, được mời gọi suy nghĩ. Bà thích khiêu khích. Không nhất thiết tạo nên tai tiếng, nhưng để làm cho người ta bừng tỉnh. Bà đòi hỏi nhiều từ phía người đọc, đạo diễn kịch, diễn viên, và người xem kịch.

Elfriede Jelinek, nhiều người đã biết tiếng bà từ lâu, và bà không phải là một nhà thơ quèn, một nhà soạn kịch làng nhàng. Bà là một hiện tượng đương thời, đã từ những năm đầu thập niên 80, có thế đứng đàng hoàng ở Đức, và bà đã tạo dấu ấn bà trong chính sách văn hóa và sinh hoạt xã hội của Áo trong 30 năm trở lại đây. Pháp đã khám phá ra bà cách đây 10 năm, khi vở kịch của bà, vở "Điều gì đã xảy ra sau khi nàng Nora bỏ chồng" (1979), có âm hao với vở "Căn nhà búp bê" của Henrik Ibsen, được công diễn đầu tiên tại hí viện quốc gia Pháp. Về nhiều phương diện Elfriede Jelinek đã chiếm được chỗ đứng của nhà văn Thomas Berhard như là một tác giả lớn, gây tranh luận của Áo, ở Pháp cũng như trong đời sống văn học và xã hội nói tiếng Đức. Dần dà Elfriede Jelinek được dịch ra một số tiếng, và người ta ở Mỹ, Nga càng ngày càng chú ý tới bà.

Số lượng tác phẩm của bà rất lớn, và xoay quanh những vấn đề xã hội đang xảy ra nóng hổi. Đề tài bà bao gồm từ chủ nghĩa bài Do Thái, phát xít cường quyền, chủ nghĩa tư bản, cho đến thể thao, sự điên cuồng chạy theo sắc đẹp, và đấu tranh cho phụ nữ. Bà đã nắm bắt những vấn đề nghiêm trọng, nhưng tôi không đồng ý là bà bi quan cùng cực, dù rằng chẳng có gì phải giấu giếm là bà viết để giải tỏa những nỗi ghét nhơ chất chứa quá nhiều trong lòng bà. Một sự ghét nhơ phát sinh do trải qua một thời trưởng thành khó khăn, và do hình ảnh mà bà tự tạo cho mình như một kẻ nhiều vấn đề, đáng khinh bỉ. Các cuốn tiểu thuyết của bà có vẻ ít bi quan hơn là, ví dụ, những vở kịch đầy u mặc, châm chọc, châm chích và những ngón chơi chữ.

Nhiều người những ngày gần đây còn nhận ra nơi bà là một người diễu đời. Bà lâu nay sở dĩ bị hiểu lầm chính là vì giới thưởng ngoạn chẳng hiểu sự châm chích và sự tự châm chích mình của bà. Elfriede Jelinek không viết bi kịch, nhưng gọi những vở kịch châm chích là hài kịch. Ngôn ngữ kịch thâm thúy, và những trạng huống trong kịch thì phi lý. Ví dụ vở kịch được dàn dựng thành công và gặt hái nhiều giải thưởng, vở "Das Werk" ("Sự Việc"), năm 2002, trong đó những mảnh thịt xương còn lại của ai đó trong số 155 du khách mất mạng trong tai nạn ghế treo tháng 11 năm 2001 ở phố trượt tuyết Kaprun của Áo, và xác của cả mấy trăm những kẻ lao động khổ sai đã chết trong khi xây dựng công trình thủy điện mà vào thời đó đã làm cho nước Áo tự cung cấp được điện, tất cả rơi ầm xuống sân khấu và tất cả bị vứt vào máy giặt. Vở kịch đầy những chi tiết bi thảm, nhưng cách diễn tả lại bắt tức cười. Khán giả cười, nhưng sau đó cảm thấy một sự ngượng ngùng. Tiếng cười bị nghẹn trong họng, vì Elfriede Jelinek soạn "hài kịch" mà chẳng vui nhộn tí nào.

Bà giở trò với khán giả, và nếu họ cảm thấy bị khiêu khích hoặc cảm thấy mình nhỏ bé, bất lực, thì Elfriede Jelinek đã thành công.

Những người đoạt giải Nobel văn chương không viết loại "văn dễ chịu," loại văn đi ngay vào lòng số lớn độc giả. Văn chương của họ phải đầy tính sáng tạo, độc đáo vượt xa trên mức trung bình, và tốt nhất là chúng tạo ra tranh luận. Căn cứ vào những định chuẩn nấy, viện hàn lâm Thụy Điển đã làm một sự chọn lựa đầy can đảm, kỳ tài. Sau khi đã đoạt hàng loạt giải thưởng ở châu Âu, bà chỉ còn thiếu mỗi một giải Nobel. Elfriede Jelinek là một hiện tượng, đúng nghĩa nhất của khái niệm này. Bà là một hiện tượng chính trị, hiện tượng đấu tranh một cách cực đoan cho quyền phụ nữ, và là một hiện tượng ngôn ngữ, có tầm cỡ, vang danh quốc tế. Đằng sau "cái-tôi-nghệ-sĩ" chẳng tin ma nào hết, thấp thoáng một người đàn bà dễ mến muốn tìm chỗ ẩn trốn khỏi những hỗn loạn của thế giới này, cái thế giới mà bà cảm thấy đang đầy đe dọa hơn bao giờ hết. Sau khi bà được đoạt giải Nobel văn chương, bà nói với báo chí Áo: "Thật lòng tôi ước muốn người khác đoạt giải này, một kẻ có khả năng, hơn tôi, tận hưởng những gì mà giải mang lại."

Nhật báo Aftenposten, 13/10 - 04.

** Tác giả đậu cao học văn chương với luận án: "Das Phinomen Elfriede Jelinek" ("Hiện tượng Elfriede Jelinek")*

II - Người đoạt giải Nobel văn chương bị chỉ trích vì ca tụng sự thô bạo của dâm dục

Claes Tande, linh mục Công giáo

Tôi mời bà Elisabeth Beanca Halvorsen bàn thêm về một phương diện nơi các tác phẩm của Elfriede Jalinek, mà Elisabeth Beanca Halvorsen không thấy bàn đến: Tình người trong tác phẩm của Elfriede Jalinek.

Elisabeth Beanca Halvorsen viết là "giáo hội Công giáo gần như là khai trừ," tôi cảm thấy tò mò muốn biết tại sao? Từ "khai trừ" ở đây không có nghĩa là "dứt phép thông công," đúng ra đó chỉ là, nói theo ngôn ngữ đời thường, "cương quyết tẩy chay." Nhưng tại sao Giáo hội bất bình đến như vậy? Chúng ta thông cảm được chuyện báo chí Áo và phe cực hữu đã cho Elfriede Jalinek là kẻ đã bôi lọ, làm ô danh cho Nước mình, và bà đã dùng những lời lẽ tởm lợm. Bà Elisabeth Beanca Halvorsen đã không nói là những linh mục tẩy chay bà có cùng lý do, hay có những lý do khác với hai nhóm trên hay không.

Nhưng cùng ngày, may thay, Vatican, với tờ L'Oservatore Romano (Người Quan sát từ La Mã), trong bài "Những Dấu chỉ của Tội," đã đưa ra lời phê bình. Tờ báo đã phê bình là tác phẩm của Elfriede Jalinek tuyên truyền những hình ảnh tiêu cực một chiều về tính dục con người, và nhận định thêm là văn của bà thuộc loại cực đoan nhất ở châu Âu hiện nay. Cái phong cách ngôn ngữ không ai bằng, nhưng "không phải là luôn luôn hoàn hảo," dễ tìm thấy trong văn của bà, nhưng cái văn phong ấy viết thế nào đến độ không giống ai và như đập vào mặt người ta. Ngôn ngữ của Elfriede Jalinek sắc bén đến chua cay, đầy những ảo ngôn, và những câu nói vậy mà không phải vậy (antiphrasis), nhưng cũng chẳng thiếu những chỗ t ıc tĩu vô vị. Trong những cảnh làm tình, là những cảnh loạn tình thô bạo, chẳng giúp gì cho sự giải phóng phụ nữ khỏi chủ nghĩa loạn tình. Tình dục một khi nhào trộn với bệnh lý, quyền lực, bạo lực, thì chẳng bao giờ diễn tả được sự kết hợp giữa người với người sao cho có sự âu yếm, phẩm cách đường đường của linh hồn, hoặc sự dâng hiến chân thực. Ở lãnh vực xã hội và chính trị, tờ báo trên cho là nhà văn Elfriede Jalinek có khuynh hướng chủ trương "chủ nghĩa hư vô tuyệt đối." Lời phê bình gay gắt của báo nhắm vào cuốn "Cô giáo dạy đờn dương cầm," cuốn mà người bình luận đã cho là 300 trang đầy những buông thả và đồi trụy. Sách này diễn tả sự con người thừa hưởng cái tính bản Ác vô phương cứu chữa, Ác hữu hình hay vô hình, là yếu tố chủ chốt trong mọi hình thức của loại tình yêu nặng sắc dục.

Nhật báo Aftenposten, 13/10-04.

III - Giận thì giận mà thương thì thương

Elisabeth Beanca Halvorsen*

Xin trả lời linh mục Claes Tande:

Trong nhiều lần vận động bầu cử, đảng cực hữu Tự do, trong những năm cuối thập niên 90, đã rêu rao bà Elfriede Jalinek như một kẻ đã bôi bẩn nghệ thuật và văn hóa. Tờ Kronen Zeitung trong nhiều năm đã tấn công bà vì lập trường thiên cộng của bà.

Giám mục tiến sĩ Andreas Lund đã viết thư gởi cho tờ Salzburger Nachrichten phản đối chuyện treo một chân dung cao bốn mét của bà nhân ngày đại hội văn hóa ở Salzburg trước tòa nhà đại hội. Giám mục này đã từ chối đi qua bức ảnh, vì tấm hình làm ông nhớ tới "thật mất nhân cách biết bao khi bà ấy nói về những kẻ theo đạo Kitô và thật xấu xa nhường nào khi bà cứ nói (xấu) Salzburg mà vẫn cứ ở lại miết Salzburg." Ảnh của Elfriede Jalinek biến mất một thời gian ngắn sau đó. Nghe nói rằng vì bị gió thổi, trong

khi những tấm bích chương khác cạnh đó vẫn không hề hấn gì.

Chỉ trích tôn giáo

Chung chung Elfriede Jalinek có một cái nhìn phê phán tôn giáo ở chỗ tôn giáo làm người ta cứ lo ngay ngáy, và tạo nên những sự khác biệt giữa người với nhau. Trong tiểu thuyết "Kinder der Toten" ("Những đứa con của Thần Chết") bà viết về giáo hội Công giáo như là một chế độ cũ mèn, cứng nhắc và cứ cổ vũ chuyện đè nén đàn bà.

Giám mục Salzburg kể trên trưng dẫn lại những nhà cầu của Elfriede Jalinek được dàn dựng ở hí viện Burgtheater. Những nhà cầu của một bãi giải lao là hậu cảnh cho vở "Raststatte oder Sie machen alle" (1994),"Bãi giải lao hay quí vị cùng nhau làm điều ấy." Hai phụ nữ tiểu tư sản đang cố tìm con thú trong chồng mình. Nhờ quảng cáo trên báo, hai bà hẹn gặp "gấu" và "tuần lộc[1]" ở một bãi giải lao cạnh xa lộ. Nhưng "gấu" và "tuần lộc" đổi sắc phục mà mặc quần áo của chồng hai bà, để hai cặp gặp nhau ở nhà cầu, gặp đúng người của mình. Thoải mái, sống sượng. Hành dục giữa thú và người cho thấy phi lý, phản tự nhiên, và thấp hèn, mặc dù hai con thú này khoác sắc phục nhung bóng. Elfriedẹ Jalinek gọi vở kịch là "một hài kịch nhỏ." Thường thường Elfriede Jalinek dùng hài kịch để mà châm chích và "Raststatte oder Sie machen alle" không phải là một ngoại lệ. Vở kịch này mang tính chất chỉ trích xã hội: Cái văn hóa chú trọng tiêu xài của tư bản đã làm bại hoại con người, con người tàn phá thiên nhiên và đàn ông đàn áp đàn bà.

Tình người ở đâu trong một xã hội như thế, và tình người chốn nào trong tác phẩm mà người ta bàn tán nhiều, cuốn "Die Klavierspielerin" ("Cô giáo dạy dương cầm")? Trong cuốn này, mẹ và con gái cấu xé nhau, chửi nhau là đồ đĩ ngựa, là đồ chó đẻ, và bà cô giáo này van xin người học trò mà bà đem lòng yêu đương trói bà và đập bà (khi hành dâm). Đương nhiên và cũng đúng thôi khi người ta cảm thấy chẳng thoải mái gì khi đọc tác phẩm "Cô giáo dạy dương cầm," vì bà đưa ra những con người lạnh lùng và bệnh hoạn. Và cũng tự nhiên như thế khi người ta thấy là lẹo với thú là một sự xâm phạm thô bỉ nhất thân xác người lẫn xác thú.

[1]Một giống nai ở Bắc Âu, to, nặng trên dưới 1 tấn, được gọi là "chúa sơn lâm".

Sự xâm phạm

Sự hành tình, đối với Elfriede Jalinek, là một sự thống trị, ép buộc và đau đớn. Bạo lực, sự xâm phạm bằng sức mạnh, và trò dâm bôn là những điều người ta thường thấy trong tác phẩm của Elfriede Jalinek. Điều đó không có nghĩa là bà chấp nhận bạo lực, sự xâm phạm và dâm bôn thô bạo. Những thứ đó chỉ là những phương tiện nghệ thuật: đó là sự lên tiếng phản kháng, sự phản ứng lại những phản ứng, sự đối đầu, và sự vạch cho thấy tình trạng của xã hội.

Nơi Elfriede Jalinek người ta cũng tìm thấy tình giữa người với người và một sự dấn thân hết mình cho con người. Cái ý hướng về tình người của nhà văn nữ này mà tôi muốn trình bày ở đây, đó là tình người với người pha lẫn với cái lòng người ghét người cũng mạnh mẽ như thế. Cái vạch ngăn chia giữa lòng thương yêu và sự ghét nhơ thì không lớn lắm, cũng chỉ mỏng manh như giữa tiếng cười và giọt lệ, bạo lực và những vuốt ve, đám cưới và ly dị, và giữa hài kịch và bi kịch.

Nhà luân lý Elfriede Jalinek muốn con người biết suy nghĩ với tinh thần sẵn sàng phê bình và hành động đúng đắn. Mục đích của bà là không nhằm đưa ra một thế giới viễn tưởng mà chẳng xa vời gì lắm (positivistic utopia), nhưng là diễn tả ngay cái thực tế mà bà đã nhìn ra nơi ngôn ngữ đang ngự trị trong xã hội ngày nay: Đó là một ngôn ngữ lươn lẹo, con buôn và sặc dâm bôn của những người có quyền lực và của chủ nghĩa tư bản, cả hai bị điều khiển bởi giới truyền thông, và cái giới truyền thông lại bị người người điều khiển. Các nhân vật nữ của Elfriede Jalinek cũng nói cái ngôn ngữ đàn ông, ngôn ngữ tấn công, vì tiếng nói của đàn bà vốn yếu ớt, vô hình vô dạng. Với loại ngôn ngữ tấn công này, chẳng có một khuôn mặt nhân vật nào trong các tác phẩm mà lại có thể dễ ưa cho được.

Khử trừ trò lươn lẹo (cynisme)

Elfriede Jalinek gọi chủ nghĩa tư bản là "một hệ thống khinh bỉ con người." Bà muốn trừ khử trò lươn lẹo và cái tính cứ chú trọng vào cá nhân mình quá, bằng cách đưa ra trước mặt chúng ta cái trò lươn lẹo của chính chúng ta và nhắc nhở cho chúng ta thấy những con người bình thường và những tình cảm của con người bình thường ấy bị bọn con buôn bóp méo vê tròn và làm cho bẩn thỉu đi, kể cả tình yêu lẫn tính dục. Elfriede Jalinek thường cho những kẻ chết, những kẻ yếu kém, những kẻ dễ bị thành nạn nhân, những kẻ thất bại mượn lời: đàn bà, những người lao động khổ sai, người Do Thái, dân hát rong Di gan, và dân Phi châu... Bà cũng quan tâm tới tất cả những vấn đề chủ nghĩa quốc xã nazi, và của chủ nghĩa kỳ thị, một trong những nguyên do, là để trả thù cho người cha Do Thái của bà và tất cả những nạn nhân khác của chủ nghĩa bài Do Thái, đồng

thời cũng để trả thù cho những nạn nhân của chủ nghĩa kỳ thị hôm nay.

"Cô giáo dạy dương cầm" là tác phẩm mang tính tự thuật nhiều nhất của Elfriede Jalinek. Linh mục Claes Tande trích lại lời của Vatican là "300 trang đầy buông thả và đồi trụy." Cuốn tiểu thuyết lại càng mang tính cá nhân và đầy bi thảm khi Elfriede Jalinek tự đồng hóa mình với cô giáo dạy dương cầm và nói rằng Elfriede Jalinek đã giết chết mẹ bà, Olga Jelinek, bởi đã viết cuốn truyện này. Tôi thực sự muốn tránh dùng những từ như "sự thô bạo của hành tình" và "đồi trụy." Đây không phải là một loại truyện dâm theo kiểu xưa, nhưng là một sự diễn tả không quanh co, không đội lốt, về cái tính dục đã bị bóp méo bấy nay. Đây là hậu quả của sự ngược đãi thể lý cũng như tâm lý diễn ra dài lâu trong đời bà.

Trong một trang nhà tiếng Đức trên mạng, một độc giả vô danh đã góp ý là kẻ nào hiểu "Cô giáo dạy dương cầm," cũng có thể hiểu được con người, vì cái bộ mặt trần phơi ra cho thấy những hàng cảm tình; cảm tình đẹp nhất cũng như xấu nhất. Tội tổ tông hay tội phá hủy môi trường sống cho thấy con người chẳng phải chỉ có tốt. Tính dục và thể xác là thiên nhiên, và con người đã xâm phạm vào cái thiên nhiên đó. Elfriede Jalinek dùng ngón văn chương để, với cái tình giận thì giận mà thương thì thương, tấn công chính mình và cái giống người sống với mình. Bà làm cho người ta kinh tởm để cho nhân loại có được một tình yêu bình thường. Đây là một trong nhiều lối hiểu tác phẩm của Elfriede Jalinek. Lối hiểu này dựa theo một cái nhìn sát thực (positivistic view) về con người.

Nhật báo Aftenposten, 1/11-04

Lê Lý *dịch,* bỏ một số câu trùng lặp, rườm rà.

IV - Thư gởi bà Elfriede Jalinek:

Thưa nhà văn Elfriede Jalinek kính mến,

Bà là một nhà văn làm cái chuyện văn chương. Khi đụng đến những đề tài tôn giáo (giáo hội Công giáo) thì bà ta nên coi giáo hội ấy với những hành xử vành ngoài ấy như chất liệu để làm cái việc văn chương. Bà cứ viết cho hay, vẽ cho đẹp (mỹ thuật) tác phẩm của mình (với những chất liệu ấy mà bà đã chọn); viết hay, vẽ đẹp vốn là yếu tính làm thành nhà văn, nhà thơ... Các nhà này chớ dại dột lập ngôn bằng cách phản ngôn giáo lý (thần học) của các tôn giáo, bao lâu chưa học hành, nghiên cứu đầy đủ, có trường lớp đàng hoàng lâu năm (không phải tự học, hoặc đọc dăm ba cuốn sách). Ví dụ như trong đạo Công giáo, hàng giáo sĩ bình thường cần phải học ít nhất 14 năm, và các thần học gia, để được gọi là thần học gia, phải được đào tạo, nghiên cứu, giảng dạy, và suy tư, viết sách, tất cả khoảng 30 năm trở lên. Thần học Công giáo (cốt tủy của đạo Công giáo) là cả một khối suy tư đồ sộ được gìn giữ, bồi đắp, và vẫn được tiếp tục suy tư bởi các thần học gia cả hai ngàn năm nay giữa một nền văn minh La - Hy dựa trên sự suy lý có hệ thống, (ấy là chưa nói có sự tác động, soi sáng của Chúa Thánh Thần). Tôi nhớ một cha giáo sư dạy môn luân lý ở Giáo Hoàng học viện Piô X, Đà Lạt (lâu quá, tôi quên mất tên), mỗi khi soạn giáo án, cha đều quì xuống. Cha là một học giả quốc tế về môn luân lý học.

Thôi thì cứ coi chuyện bà vung bút lạm bàn, thời cũng như Trịnh Công Sơn ngày xưa khi ông ngẫu hứng: "Chúa đã bỏ loài người; Phật đã bỏ loài người..." hay như Phạm Duy: "Đừng cho không gian đụng thời gian." Bảo đảm Trịnh Công Sơn khi đó chẳng biết gì nhiều về Chúa hơn là một thiếu niên Công giáo, và Phạm Duy chắc là biết không nhiều nhỏi gì về những khái niệm thời - không của các triết gia Tây Phương khi cụ nói đến cái thời - không *đụng* như thế. Nhưng lạ, mà nghe được quá đi chứ! Cho nên không lạ gì những bậc thức giả của viện hàn lâm Thụy Điển chỉ khen cái nét độc đáo của tài diễn tả văn chương của bà.

Ấy là chưa nói những kẻ cứ ghét cay ghét đắng đạo Công giáo khi nói, (mà chưa chắc đã đúng), những chuyện vành ngoài như Toà án Dị giáo thời Trung cổ, rồi chuyện các nhà truyền giáo Tây phương tiếp tay với đế quốc... mà không dùng thời giờ, tiền bạc mà nghiên cứu đạo Công giáo cho tường tận để mà ghét cho ra ghét. Bảo đảm bà Elfriede Jalinek, nếu bà làm như tôi nói bà sẽ quẳng các sách của bà (chỉ trích đạo Công giáo) vào lò sưởi ngay. Và các vị ghét đạo Công giáo kia sau khi học hành, nghiên cứu đạo Công giáo tới nơi tới chốn nhất định phải bái phục thôi, ít nhất về mặt tư tưởng. Những đại họa trên thế giới gần đây đều do những kẻ dở thầy dở thợ mà lại kiêu căng (Lénin, Stalin, Hitler, Mao Trạch Đông; HCM, Polpot, Saddham Hussein...).

Thôi bà ơi, cứ xem như cụ Nguyễn Du chúng tôi kia kìa: "Lời quê chắp nhặt dông dài. Mua vui cũng được một vài trống canh." Cụ Tiên Điền chúng tôi học hành, nghiên cứu cái ngành, cái *Đạo* của cụ cả đời người đó, thưa nhà văn Elfriede Jalinek! Và cụ đã "đau đớn lòng" một cách tuyệt Mỹ mà có Trên, có Dưới, có Trong, có Ngoài, dù chỉ vỏn vẹn trong hơn ba ngàn câu thơ. Cụ đã đạt được một mức nào đó cái Chân, Thiện, Mỹ mà nền văn minh nơi phần lục địa bà ở đã đề ra, và ước ao từ thượng cổ cho tới nay.

Kính thư,

Lê Lý

KHÔNG PHẢI LÀ MỘT CƠN MƠ

Nguyên tác: No, I Was Not Dreaming
Tác giả: PARI MANSOURI – *London 12/1988*
HÀ QUANG XƯƠNG *chuyển ngữ*

Có một chuyện thật là lạ xảy ra cho tôi trong đêm qua. Nó kỳ lạ đến độ vào buổi sáng hôm sau tôi không có đủ can đảm để kể lại cho chồng và hai con tôi nghe. Tôi biết là khi nghe xong chuyện tôi kể, với tính tình thực tế và nhậy cảm, chồng tôi sẽ lo lắng và có thể khuyên tôi nên đến một nhà tâm lý học để được chữa trị. Mặt khác, cô con gái và cậu con trai của tôi, với tính tình vô tư lự, sẽ có thể nói: "Chắc là mẹ lại nằm mơ phải không?"

Dù sao thì tôi cũng chắc chắn một trăm phần trăm là chuyện xảy ra không phải là một cơn mơ và tôi thấy cần kể lại cho mọi người nghe.

*

Đang ngủ thật say bỗng dưng tôi nghe thấy một tiếng động nhẹ trên cửa sổ. Lúc đầu tôi tưởng là có lẽ là gió nhưng khi lắng nghe kỹ thì tôi thấy rõ ràng là có ai đó đang gõ vào cánh cửa sổ nơi phòng ngủ của vợ chồng tôi. Tôi hơi sợ và bật chiếc đèn ngủ bên cạnh giường lên, đồng hồ lúc đó chỉ một giờ sáng. Tôi tính thúc nhẹ cho chồng tôi dậy nhưng lại không muốn quấy rầy chàng vì trong thời gian gần đây chàng hay bị đau bụng, và cơn đau nhiều khi làm chàng khó có thể có giấc ngủ ngon như lúc này.

Tôi nghĩ là không thể nào là trộm được bởi vì những tên trộm thường là hành động lén lút làm gì có chuyện gõ cửa sổ nhà vào lúc một giờ sáng để làm cho khổ chủ thức dậy! Tôi cũng nghĩ là khó có thể có ai mà gõ vào cửa sổ được vì phòng ngủ của vợ chồng tôi ở lầu hai. Có lẽ tiếng gõ đó là do tôi tưởng tượng chăng? Tuy vậy tiếng gõ nhẹ đó không ngừng lại mà cứ tiếp tục khiến cho tôi không còn cách nào khác hơn là trở dậy để tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra. Tôi khẽ mở cửa sổ, và dưới ánh trăng chan hòa tôi nhìn thấy một người thấp bé mặc một cái áo choàng mầu vàng trên đầu đội một cái mũ nhọn đỏ mà chỏm mũ có gắn một cái chuông. Ông ta ngồi trên ghế trước của một cái xe trượt tuyết do bốn con hươu kéo và có một người khác giống y hệt ông ta ngồi ở ghế sau.

Thoạt tiên tôi nghĩ là chắc là nhà thờ Công Giáo ở khu phố tôi đã sáng tạo ra một phương cách gây quỹ mới, vì vậy tôi nhỏ nhẹ nói: "Tôi sẽ vui lòng đóng góp nhưng tôi phải nói ngay là cách gây quỹ này có vẻ hơi lạ!" Nhưng người đàn ông áo vàng ngồi phía trước không nói gì chỉ nắm chặt lấy tay tôi và kéo tôi lên xe. Tôi cưỡng lại: "Chuyện gì vậy? Tại sao lại kéo tôi đi?" Ông ta trả lời một cách không thân thiện chút nào cả: "Bởi vì Ngài Santa Claus muốn gặp mặt cô!" Tôi chẳng tin một chút nào cả và gượng cười nói: "Ngài Santa Claus muốn gặp tôi để làm gì? Tôi đâu phải là người theo đạo Công Giáo?"

Ông ta nắm chặt tay tôi nữa và nói với giọng không vui: "Cô làm mất thì giờ quá! Lên xe nhanh lên!"

Cho đến lúc này thì tôi không thể nào kiềm chế được cơn giận nữa và nói: "Xin lỗi, các ông nghĩ các ông là ai vậy? Chúng ta đang sống trong một quốc gia dân chủ nơi mà mọi người không thể bị trưng tập một cách thô bạo và thiếu thân thiện như vậy. Các ông có giỡn không đấy?"

"Cô nhiều chuyện quá!" Người đàn ông mặc áo vàng ngồi ghế sau nói. "Đừng có lý luận với chúng tôi vô ích vì chúng tôi chỉ là những người cận vệ mà thôi! Muốn khiếu nại hoặc phàn nàn thì cô nên nói thẳng với Ngài Santa Claus!"

Khi tôi nghe thấy họ nói họ chỉ là người cận vệ thì tôi hiểu gay là mọi chống đối là vô ích. Họ có lý, bởi vì người cận vệ chỉ là người thừa hành, nhiệm vụ của họ thật rõ ràng: họ chỉ làm việc theo lệnh và cũng chẳng bao giờ dám hỏi ngược lại là lệnh có hợp lý hay không. Điều này cũng giải thích cho thái độ lạnh lùng không thân thiện của họ, vì cận vệ là cận vệ cho dù có làm việc cho Ông Già Noel thì cũng vậy thôi!

Tôi ngần ngại bước lên chiếc xe trượt tuyết và cố trấn tĩnh hỏi một cách lễ phép: "Các ông nói đúng! Tôi hiểu được nhiệm vụ của mấy ông nhưng tôi có thể biết được là cuộc họp với Ngài Santa Claus có lâu không? Nếu họp lâu quá thì tôi phải đánh thức chồng tôi dậy và báo cho chồng tôi

biết bởi vì tôi không muốn chồng tôi lo lắng?"

Người đàn ông ngồi trước trả lời một cách rất là tự tin: "Cô chẳng có gì phải lo cả, cuộc họp chỉ chừng một hay hai tiếng đồng hồ là cùng." Câu trả lời này làm tôi không hỏi thêm được gì nữa. Tôi băn khoăn lo lắng không biết là chuyện gì sẽ sắp xảy đến cho mình đến độ trời lạnh mà tôi cảm thấy mình như đang lên cơn sốt. Người đàn ông ngồi trước hầu như không cần biết đến những ưu tư của tôi, ông ta dùng roi quất nhẹ lên các con hươu kéo xe và chiếc xe từ từ bay lên không trung.

Đột nhiên tôi cảm thấy tri thức của mình trở nên khô cứng. Tại sao một cái xe trượt tuyết có thể bay lên trời mà không cần máy móc gì cả? Tôi đã đọc qua những chuyện thần thoại và biết rằng xe trượt tuyết của Ông Già Noel có thể đi vào bất cứ nơi nào, trên mặt đất hay trên trời, mà chỉ cần các con hươu kéo. Tuy vậy đây không phải là chuyện thần thoại và tôi cũng đâu nằm mơ! Tôi nghĩ là có lẽ đây lại là một phát minh mới của người Nhật. Họ biết cách xâm nhập vào thị trường của bất cứ quốc gia nào. Họ tự gợi hứng qua các phong tục tập quán của dân địa phương và sáng tạo ra những món đồ tân tiến phù hợp với sở thích của dân địa phương. Cũng chính là người Nhật đã giới thiệu cho dân Ba Tư của chúng tôi Nồi Cơm Điện Tiện Lợi và Cái Chăn Điện Ấm Áp Cho Mùa Đông. Như vậy thì cái xe trượt tuyết bay trên không này chắc cũng là sản phẩm do người Nhật chế tạo ra để đáp ứng cho nhu cầu của dân Công Giáo! Nếu thế thì người Nhật quả là thông minh tuyệt vời vì họ vẫn giữ nguyên được cái vỏ bề ngoài tầm thường của chiếc xe trượt tuyết nhưng bên trong xe đó họ đã trang bị được một siêu động cơ khiến cho nó có thể bay lên trời một cách nhẹ nhàng.

Khi đang miên man suy nghĩ như vậy thì tôi thấy là chiếc xe chở ba người chúng tôi đã bay lên trên các tầng mây cao nhất. Mặt trăng sáng rộ lên và chung quanh chúng tôi ngời ngời những ngôi sao lấp lánh. Khung cảnh đẹp tuyệt vời đến độ tôi ước muốn là mình sẽ không trở về mặt đất nữa, nhưng cùng lúc đó những kỷ niệm đẹp với chồng với con cũng thoáng qua tim tôi làm tôi quên ngay đi ước muốn đó và chỉ muốn trở về xum họp với gia đình.

Rồi tôi lại suy nghĩ mông lung là không biết gia đình tôi đã phạm tội gì mà tôi lại bị trưng tập như thế này. Tôi cố moi óc mà nghĩ không ra. Chắc chắn một điều là chúng tôi không thiếu thuế vì chồng tôi luôn luôn cẩn thận trả trước thuế một tháng. Không một ai trong gia đình chúng tôi, kể cả một vài người bạn thân, dính líu đến chính trị, gián điệp hay khủng bố. Tôi còn nhớ là mặc dù không theo đạo Công Giáo hàng năm chúng tôi vẫn gửi các thiệp Giáng Sinh cùng với các lời cầu chúc tốt đẹp nhất cho các bạn bè. Và Lễ Giáng Sinh năm nay chúng tôi còn dự tính sẽ trưng một cây Noel trong nhà sau khi con gái tôi đã thuyết phục tôi là: "Mẹ à, nếu chúng ta đã chia xẻ các lo buồn ưu tư của mọi quốc gia trên thế giới thì tại sao chúng ta không chia xẻ cả những ngày vui của họ. Đâu cần phải theo đạo mới bầy cây Noel!" Hay là bây giờ họ cấm người ngoại đạo gửi thiệp Giáng Sinh và trưng bầy cây Noel, vì vậy mà tôi bị Ngài Santa Claus gọi đến để quở trách?

Một lần nữa đang luẩn quẩn suy nghĩ thì tôi lại thấy chiếc xe trượt tuyết đã đáp xuống đất và chạy dọc trên một con đường có hai hàng cây mọc thẳng tắp. Rồi chiếc xe ngừng lại trước cửa một tòa lâu đài thật tráng lệ. Hộ tống bởi hai người tự nhận là cận vệ, tôi bước tới một hành lang có hai hàng người đội mũ chóp nhọn đỏ đứng dọc hai bên. Chúng tôi tiến đến một sảnh đường sáng trưng như ban ngày qua ánh sáng của những ngọn đèn pha lê trong suốt. Và ở cuối sảnh đường ngồi trên một chiếc ghế nạm vàng là Santa Claus. Ông ta mập mạp hồng hào trong bộ áo quần mầu đỏ và chiếc nón da trắng. Tôi sững sờ trước cảnh tráng lệ huy hoàng cùng sự có mặt của Santa Claus và bối rối không biết là mình sẽ làm gì và nói gì. Khi tiến gần đến chỗ ngồi của ông ta thì tôi cúi đầu liên tục giống như một người Nhật kính cẩn cúi chào khách. Không biết tôi đã cúi chào bao nhiêu lần cho đến khi hai người hộ tống tôi phải nhắc: " Chào thế là đủ rồi! Đứng thẳng lên để Ngài Santa Claus có thể nói chuyện với cô!"

Tôi vâng lời và ngửng đầu lên nhưng Santa Claus không nói một câu mà chỉ đưa con mắt to tròn nhìn tôi. Cuối cùng tôi lấy can đảm nói: "Không biết Ngài có thể vui lòng cho biết lý do tại sao lại trưng tập một người phụ nữ vô dụng như tôi đến đây không?"

Santa Claus đằng hắng lấy giọng và nói: "Trước hết Ta muốn cô yên tâm là việc cô được trưng tập đến đây không phải là vì cô có tội lỗi gì cả!"

Tôi thở dài nhẹ nhõm, thầm cám ơn Thượng đế và kính cẩn hỏi lại: "Như vậy thì Ngài có thể vui lòng cho biết tại sao lại phải trưng tập tôi vào nửa đêm khuya khoắt này?"

Santa Claus trả lời với vẻ ân cần: "Ta thành

thật xin lỗi là đã mời cô vào nửa đêm, nhưng mà Ta không còn cách nào hơn! Chỉ là để cô cho Ta biết ý kiến về một vấn đề. Nhưng mà trước hết cô có thể bỏ cái lối nói chuyện quá kính cẩn không? Ta thực sự là không thích cái lối đối thoại kiểu cách long trọng đó lắm!"

Tôi nghĩ là tôi đã nghe lầm, tôi không phải là người Công Giáo và chỉ là một người đàn bà Hồi Giáo người Ba Tư cư ngụ tạm tại Anh Quốc. Vậy thì không có một lý do gì mà Santa Claus, một huyền thoại đầy hào quang của người Công Giáo, lại có thể đi hỏi ý kiến một người ngoại đạo như tôi. Tôi run sợ trả lời: "Thưa Ngài, tôi không biết là tôi có được cái vinh dự đó không? Nhưng tôi xin mạo muội nhắc cho Ngài biết là tôi sinh trưởng ở Ba Tư, một quốc gia mà nền văn hóa cổ điển dù có được phong phú hóa bởi Đấng Christ – Sứ Giả của Tình Thương- tôi vẫn không phải là một tín đồ Công Giáo!"

"Ta hiểu chuyện đó chứ!" Santa Claus trả lời. "Nói thẳng với cô là Ta cần có ý kiến của những người không Công Giáo và vì vậy Ta đã yêu cầu rút tên người mà ta xin hỏi ý kiến từ danh sách của những người ngoại Đạo và tên cô đã được rút trúng."

"Thật là vô cùng vinh dự và may mắn khi tên tôi được chọn. Tôi xin cố gắng hết sức mình để giúp ý kiến cho Ngài" tôi trả lời.

Santa Claus có vẻ âu sầu khi nói: "Như cô đã biết, Ta thấy thế giới này đã thay đổi quá nhiều: đầy rẫy những nghèo đói, tội phạm, tàn ác... khiến cho không ai còn niềm tin vào Thượng Đế. Con người đối xử với nhau thiếu Tình Thương và Sự Tử Tế. Hình như ai cũng nghĩ cho riêng bản thân mình mà thôi. Hàng xóm láng giềng thì chẳng cần biết gì đến nhau.Tình bạn chân thành hình như đã biến mất. Lòng Tham Lam và Ích Kỷ hầu như đã ngự trị thế giới. Nhân loại bị ô nhiễm và đen tối đến độ ánh sáng Từ Tâm không còn chỗ để chen vào. Ta và các người phụ tá của Ta vô cùng thất vọng và không thấy có hào hứng gì khi tiếp tục Lễ Giáng Sinh nữa. **Ta muốn hỏi ý kiến cô, một người không phe phái với Công Giáo, là có Đúng hay Không khi Chúng Ta từ giã thế giới này và bỏ đi Lễ Giáng Sinh hàng năm?"**

Trái tim tôi hầu như thắt lại khi nghe câu hỏi và tôi sững sờ im lặng một hồi lâu khiến cho Santa Claus phải nhắc: "Ta đang chờ câu trả lời của cô!"

Tôi trả lời một cách buồn bã: "Câu hỏi của Ngài hơi lạ. Nó giống như là hỏi có Đúng hay Không khi lấy đi tất cả các ước muốn và mơ mộng của con người. Và đời sống của nhân loại có nghĩa gì đâu khi không còn một ước muốn mơ mộng? Tôi xuất thân từ một quốc gia mà qua hàng bao thế kỷ dù cho họ có phải chịu đựng những thời tiết khắc nghiệt của mùa Đông họ vẫn hy vọng là là Thần Amu Noruz sẽ xuất hiện để mang lại những tia nắng Xuân ấm áp. Làm sao tôi có thể đồng ý với Ngài về chuyện lấy mất đi những mơ ước và hy vọng của con người!

Trẻ em, đàn ông, đàn bà, các gia đình nghèo khổ có tội tình gì đâu mà bị lấy đi mất các mơ ước của họ? Một vài người như là bà láng giềng 80 tuổi của tôi, một người Công Giáo thuần thành, đã được bác sĩ nói là hết phương cứu chữa và năm nay có thể là mùa Giáng Sinh cuối của bà. Tôi mong là Ngài có thể biết được là dù cho sức khỏe tàn tạ dần bà ta vẫn mong Lễ Giáng Sinh đến để nhìn lại các con cháu quây quần.

Không! Tôi chẳng bao giờ đồng ý với đề nghị của Ngài cả. Làm sao có thể trút tội trên đầu mọi người như vậy. Họ cũng không có lý do gì để bị trừng phạt chỉ vì sự suy đồi của thế giới. Họ đâu có phải là người phá hủy Tình Thương và Sự Tử Tế. Tôi nghĩ là Ngài biết được là sự phá hủy đó bắt nguồn từ đâu. Làm sao mà Đúng được khi tước đi tất cả các Mơ Ước và Hy Vọng của Nhân Loại!"

Đến đây tôi xúc động nghẹn lời đến nỗi không nói thêm được điều gì nữa.

Nghe xong những lời tôi nói Santa Claus hình như đã mất đi vẻ âu sầu và ông ta quay lại hạ lệnh cho các người phụ tá của ông ta: "Chúng ta sẽ tiếp tục các lễ lạc trong Ngày Giáng Sinh. Hãy chuẩn bị chất đầy quà cáp lên các xe trượt tuyết và đeo các chuông lục lạc lên cổ các con hươu kéo xe."

*

Khi lên xe quay trở về nhà với hai cận vệ của Santa Claus tôi nhận thấy là con đường dẫn đến lâu đài, tất cả cây cối trong rừng và toàn thành phố hình như đã được thắp sáng choang bởi hàng ngàn bóng đèn đầy mầu sắc. Hình như ánh sáng rực rỡ đó đã mang lại nhịp sống cho những con đường tối tăm và làm cho những người cận vệ của Santa Claus cũng mất đi vẻ lạnh lùng và thiếu thân thiện.

Tôi trở về phòng qua lối cửa sổ, nhẹ nhàng lên giường và tắt đèn ngủ. Nằm im lặng bên cạnh chồng, tôi hình dung thấy thần Noruz đang chuyển những tia nắng ấm áp của Mùa Xuân xuyên qua đỉnh núi Alburz phủ đầy tuyết. Tôi cũng cảm thấy

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Nhà báo / nhà thơ Giang Hữu Tuyên

(gởi Sương và những linh hồn đang bay cao: anh G.H.T và Thúy Trúc)

Khi cánh cửa của đêm tối vừa hé ra
một người không cần một người bạn đường
không cần một tách trà một ly rượu đối ẩm
một người vừa lách nhanh như một cơn gió
không ai biết được điều gì trước đó
rồi thì... một chỗ nằm, một biệt lập với mọi xảy ra
ngoài kia: đời sống
vâng, chẳng còn gì nữa hết
không còn những vọng động
những dòng sông đã bay
những bàn tay không siết nổi những bàn tay
những đôi mắt rách bươm những sợi khóc
những mai sau rồi hẹn lại những mai sau
những ngày đang khép lại / những đêm đang rộng mở
hình dung nổi không
một người nằm đếm những vì sao vỡ
những hạt bụi cay
một vùng đất lạnh
một khép mắt trước khi trời vụt sáng
về đâu, về đâu hỡi địa cầu đang có em chao chọng
trời ơi, trời ơi, sao cuộc này không còn nhau để yêu mê?
sao chỉ còn em hai tay soải dài bấu vào hư không
người góa phụ son trẻ
hai đứa con vừa lên ba lên sáu của một Thúy Trúc xinh đẹp hưởng dương 30 tuổi
một người mẹ xanh xao ẩn nhẫn ngồi gói trọn niềm đau
để viết trước những tấm «card» sinh nhật mỗi năm cho đến ngày con khôn lớn
vậy thì lời nhắn gọi với trần gian:
cuộc đời liệu có còn điều gì quan trọng?
không... những giấc mơ cũng đành gác lại
giấc mơ thấy mình yêu đời và được đời yêu / hay yêu người và bị người ghét...
giấc mơ của những dự phóng này dự phóng nọ
giấc mơ làm thiên thần hay ác quỉ
và kể cả giấc mơ về một thần chết đen đúa hay trắng dã như không hề có thật
tất cả mọi giấc mơ cũng đã bị vắt cạn máu
để chết hoặc sẽ tái sinh
từ cái chết có thật của một người
từ những giọt nước mắt có thật ở những đôi mắt của chúng ta
và những bó hoa những bài thơ những điếu văn đã dành riêng cho người nằm xuống
và chỉ cho người nằm xuống mà thôi
thì cũng đủ hiểu
ông ta hay cô ta đã chết để thực sự được sống thật dài lâu trong mỗi người đang sống
mà có khi và cũng lắm khi có lắm người, lắm hình nhân
cầm bằng như đã... chết / đã chết trong một đời sống đang sống
vậy thôi... những vòng quay của những bánh xe lăn
những hốc hác đuổi lo của những ngày những tháng
những hỗn mang đố kỵ ganh ghét hiềm khích giữa chợ đời tạp nhạp
hãy bỏ hết
đã bỏ hết
kể cả những buổi mai nắng đẹp
những ngày trời mưa đi phát báo[1]
những bạn những bè những Toại những Toàn những Ký những Trúc...
những họp mặt ngắn ngủi những đấu hót la cà ở quán ăn Xe Lửa...
những vợ những con những tình nhân không trọn hay những mặc cả tình chung...
bỏ hết / hãy bỏ hết mà đi cho thanh thản những hàng cây lặng gió
nơi xa kia
hãy quên đi mình đã từng là nhà báo (đời)
hãy chỉ đếm sao và nếu cần thì chỉ nên giả bộ rên rỉ buồn / như những bọn thi sĩ ở trần gian bụi bặm...

[1] Tựa đề tập thơ của G.H.T

được sự tươi mát của những giòng nước suối đang róc rách chảy trong ánh sáng chan hòa của Mùa Xuân. Buồng phổi tôi hình như căng tròn hương thơm của đồng nội, của rừng núi. Tôi nằm đó lòng tràn đầy mộng mơ và hy vọng cho quê hương tôi. Và tôi nghe văng vẳng đâu đây tiếng cười dòn dã tràn ngập hạnh phúc của người đồng hương. Với tâm hồn lâng lâng tôi thiếp đi trong một giấc ngủ thật an lành.

Lập Đông 2004

Con Rắn Bò Quanh

NGUYỄN VĂN THÀ

Ôi kinh điển nào chẳng là bia chú đoạn trường:
Nơi đây nhân loại cùng quẩn không yên nghỉ.
Phật vô ngã có trăm tay...
Ngươi tay trói có trăm hồn,
Phanh xé thảm, khó tụ hồi sở trụ.
(Tô Thùy Yên, Soi Mệnh, trong *Thấp Tạ*.)

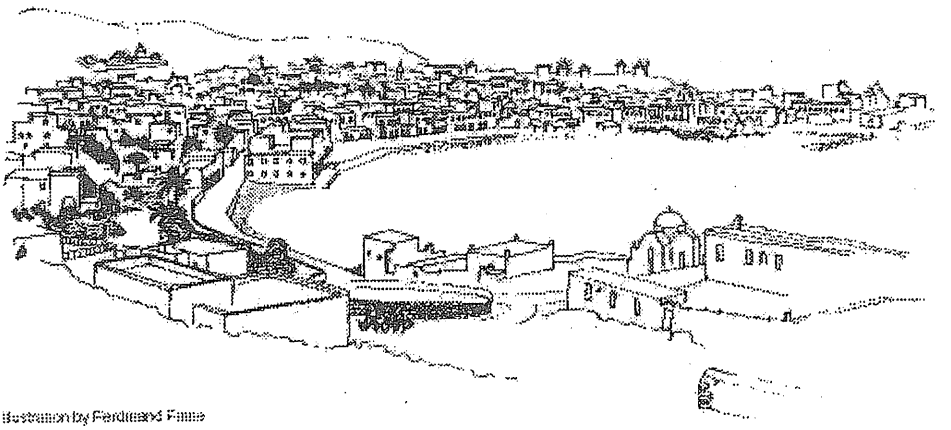

Illustration by Ferdinand Finne

Trình, nhân lần triển lãm tranh thành công về nghệ thuật cũng như về tài chánh, được dịp nói chuyện với nhà danh họa Ferdinand Finne, người đã từng giang hồ kỳ thú khắp quần đảo Cyclades, Hy Lạp, anh quyết định theo đến đó một chuyến. Nhưng Trình tính chỉ đến một số đảo chính như Syros, Tynos, Naxos, Melos nơi mà 204 năm trước tượng Venus từ Milo được một nông dân phát hiện, và đảo Andros, nhưng trước hết sẽ đến đảo Andros, nơi Nam, bạn tri kỷ, may được tàu Hi Lạp vớt, đang định cư ở đó.

Nam đã xin định cư luôn tại Hy Lạp, chứ không xin định cư ở Mỹ mà với lý lịch sĩ quan quân y sư đoàn dù, chuyên ngành giải phẫu, chỉnh hình quân lực VNCH, anh sẽ dễ dàng được nhận đi Mỹ, vì anh cho rằng Hi Lạp là "chiếc nôi của văn minh Âu châu, cũng là văn minh của đa phần thế giới hiện đại." "Vì mình mê những cây dẻ của nhà thơ nữ Sapfo[1]: Tôi lẩy bẩy vì hứng tình Như cây dẻ run lên Trước cơn gió núi." "Nắng vàng, biển xanh, những bãi biển không chỉ bãi cát trắng mà còn đen, đỏ, vàng hoàng thổ, vàng nghệ lung linh đến huyễn hoặc dưới mặt trời rộng lượng. Ở xứ này còn có vô số những giáo đường nho nhỏ, trắng tinh khôi, và những tiếng chuông trong veo tiếng lòng vui, những chùm cà chua đỏ mặt trời, những lát pho mát feta béo, thơm rau mùi, đất nắng cháy, những bộ ngực ấm, ấm khác thường vì được ướp nắng đỏ, đất nồng, những trang thơ ung dung tình dục; những hình tượng hãnh diện miền riêng. Và những tu sĩ phái Chính thống áo chùng đen, tóc búi như những vía người từ thời Byzant[2] còn lại giữa những thành quách, những phế tích..."

Địa chỉ cuối trong bức thư cuối của Nam gởi cho Trình là tu viện Panáchrantos, đảo Andros, nơi anh tình nguyện phụ trách trùng tu, làm danh mục những cuốn sách cũ da dê thuộc từ thời Trung cổ của tu viện. Trình không biết Nam còn ở đó hay đã trôi nổi phương nào, sống hay chết, nhưng Trình vẫn cứ đến, vì nếu không tìm được Nam, anh cũng đến đó tắm nắng, vì anh, như người Na Uy, đói nắng quanh năm; chỉ có nắng TV là nhiều.

Khi vừa xuống khỏi tàu ở lạch Gávrion, đảo Andros, Trình nhìn quanh như đang cố ý tìm ai. Một anh chàng hippy cùng chuyến, vỗ vai Trình cười:

- Ông bạn đang chờ người thân tới đón?

- Không. Tôi đang tìm xem có cây dẻ nào quanh đây không.

- Ông bạn nói gì?... Nếu kẹt, bạn có thể ngủ lều với tôi một đêm, rồi tính sau. Ngủ đêm trên bãi biển là một kỳ thú.

- Không, cảm ơn, tôi đang kiếm xem có một cây dẻ...

- À, thôi tùy bạn. *Bye.*

Nhưng quanh bến đổ, chẳng có cây dẻ nào, chỉ thấy đồi trọc chập chùng. Nhà nhà vôi trắng như những mảng tuyết chưa tan giữa mùa hạ nắng cháy trên những mảng đồi xa. Trong con phố nhỏ gần bến, những ngõ hẻm chạy loanh quanh, những cổng vòm cung thô sơ của một con phố co cụm xây theo thế phòng thủ hải tặc thủa xưa. Phía dưới chân phố là biển xanh đậm như quầng mắt tô xanh của những nữ thần nào đó trong huyền thoại còn trĩu nặng giấc ngủ tình xanh. Bãi biển cát đen màu thuốc súng; những vỏ sò ngời áo giáp, mũ chiến thành Troy. Những hình thể đá tạc vòm cung và hang động nước xói ngổn ngang chiến trường siêu nhân Titan. Những người đàn bà váy áo đen lam lũ quê mùa trên các nẻo đường, những người đàn ông cần cỗi chai sạn gió nắng tự ngàn xưa cho tới bây giờ. Vài hoa màu, đôi nhan sắc hiếm hoi không ngoi lên được cát lầy ngày qua. Dưới nắng, tất cả như như mủn ra và lún vào quá khứ; quá khứ bơ thờ, hiện tại không, huống hồ tương lai xa ngái. Nắng làm cho chuyển động, âm thanh lặn hết. Tất cả như bị chôn vùi trong hòm nắng hư vô. Tất cả bị ướp như những hóa thạch trong mộ kim cương. Ở đây, dưới nắng, mọi cọ quậy tranh chấp trở nên vô nghĩa. Nắng làm chứng lại quá khứ, và làm cho hiện tại thấy những cọ quậy của mình chỉ thêm mệt mỏi. Thời gian và lịch sử ở đây là những con lừa nhẫn nhục đi qua kiếp mình trên những con đường núi gập ghềnh mà tất định. Chỉ có các thần nhân núi thiêng Olympia mới dư sức, hoặc mới lạc quan gieo xuống ánh sáng vô số sợi vàng để làm cho cõi trần lung linh lễ hội. Đã có lúc con người hí hửng dựng tháp đúc chuông để thả tiếng vàng đáp lễ thần thánh, nhưng rồi mặt trời đỏ, mặt trời xanh, mặt trời đen, mặt trời trắng thay nhau dập vùi mặt trời nhỏ loài người chưa nên sắc, nên hình. May thay còn có những cơn gió như những cơn gió bấc đã làm run cây dẻ của nữ sĩ Sapfo thủa nào. Những cơn gió như thế làm cho cây thì thào thụ hưởng, cây nằm yên mà nuốt những luồng ân sủng hiếm hoi, nằm yên trong căn phòng dựng tường không khí trong xanh, xanh từ bầu trời dội xuống, xanh từ biển lớn hắt lên.

Và phước thay cho con người, trên đảo còn có rắn, có nhiều rắn; mùa hè chúng nằm ẩn dưới những miếng đá, trong những kẻ tường, nhưng mùa mưa đến, chúng tỉnh dậy hoạt động. Con người phải dè chừng cẩn thận trên con đường nhân gian ngắn quá ngắn, ngắn đến độ khó mà thấy những cử động của bước chân. Nhưng lại phải dè chừng mà bước. Sống là dè chừng với thời gian. Dè chừng làm nên đời sống. Dè chừng làm nên hiện tại. Thần thánh giàu có thời gian, mới ngang dọc mặc tình cõi này trời nọ.

Và cũng là giống rắn, chúng phóng mắt trực giác, lè lưỡi mẫn cảm, đưa răng bén nhạy liếm nhai vô số thảo mộc lành dữ từ lúc tạo dựng hỗn mang tới nay đang bày ra đó, đắng hiểm đắng lành, ngọt lành ngọt hiểm[3] và báo cho con người những thông điệp bình an dưới thế dám liều cứu nguy. Cho nên, chẳng lạ gì ở đảo Delos người ta thờ rắn trong đền thờ, và thờ trong nhà; và cũng rất thường ở đảo Rheneia, từ những kẽ đá, vệt tường nứt rắn ở thường nứt ra cánh hoa hình sao tím, nhụy vàng như lời ca tụng công đức rắn đã làm nên lẽ sống đời người: Sống là dè chừng. Với bóng câu cửa sổ.

Ngồi trên lưng lừa thuê để đến tu viện Panáchrantos được dăm cây số, Trình thấy những vườn chanh, thửa cam trĩu trái vàng dâng tặng; và hương hoa cảm tạ bay đầy thinh không. Trên triền đồi những mảng vườn ô liu, cây cong queo lực sĩ khổ luyện thách thức khô cằn. Bóng mát dưới chòm trắc bá uy nghi. Và não lòng chưa, mấy rặng tre xanh lao xao lời xứ Việt! Và đằng xa kia thấp thoáng tháp chuông giáo đường mái tròn hiền lành, lại còn tô màu trắng cội nguồn ngây thơ, cái ngây thơ của tâm hồn phó thác không toan tính vào lòng Mẹ[4], và không chĩa thẳng gay gắt lên trời như tháp chuông nhà thờ Tây Âu. Và rồi, khi đã đi khỏi hẳn trắc bá, tre xanh, vượt qua một con vực, Trình thấy toàn cơ ngơi của một tu viện to lớn hiện ra. Những mảng tường chống đất lỡ vẫn đưa lưng vạm vỡ chống đỡ. Nhưng lại gần hơn nữa, anh thấy một phần tu viện bị sập, cột trơ chống trời, kèo, xà mủn gãy, và còn có cả những tấm nệm rách. Cửa sổ có cái nhăn răng cười với tang thương, có khung bị những thanh gỗ tạp trám miệng. Đôi ba con chim liệng qua liệng lại đan thêm chiếc áo lãng quên. Nhưng ở giữa tu viện gần như tàn rụi ấy, ngôi nhà thờ trắng, với tháp chuông cũng trắng treo chiếc chuông vàng vẫn

còn đó, mới mẻ và thanh thản, chờ gởi đất trời sứ điệp vĩnh hằng. Trình còn thấy trên những vách dựng đứng của núi đá vôi cạnh tu viện những cửa hang của các vị ẩn tu thời xưa. Hình như không còn vị nào sống trên đó nữa vì không còn thấy những sợi dây thừng thòng xuống lấy thức ăn từ dưới tiếp tế lên như tả trong sách vở.

Nhưng trong khuôn viên tu viện lại có một tu sĩ trong tu phục đạo Chính thống màu đen, rộng thùng thình, đầu đội nón tu như cái xô đen úp, mắt đeo kiếng gọng nâu tròng đã mờ xước. Trông ông ta cục mịch, nhân hậu như một bác nhà quê. Ông đang loay hoay cho gà ăn, huầy huầy mấy con dê cứ lăm le những chậu hoa trồng trong thùng thiếc dầu hỏa, tưới những cây rau mùi, cây hương liệu trồng trong những bồn tắm phế thải. Ông chạy qua góc này, đi qua góc khác trong khu vườn giữa tu viện có nhiều tượng đúc, đi qua mỗi tượng thầy lại làm dấu thánh giá, và lúc nào cũng có một con chó mực và một con mèo đen chạy theo, có khi vừa làm dấu thánh giá vừa rà sang đài đang hát nhạc *rebétika* than vãn sang đài ca nhạc *bouzouki* vui nhộn hơn từ chiếc radio mang cạnh hông phía ngoài chiếc áo chùng, rồi lại kẹp vội kẹp vàng chùm tóc búi tó, xăm xăm đi tới nhà rửa ráy sơn màu xanh đậm, treo lủng lẳng những bó cây thuốc khô, những chùm tỏi.

Nhìn sau lưng, ông ta lăng xăng như một anh hề trong rạp xiếc.

Nhưng đó là thầy Evdokomos, tu sĩ duy nhất còn lại của tu viện và là thầy phụ trách mục vụ cho những họ đạo phụ cận.

Trình vẫn còn đứng xớ rớ trước cổng khuôn viên. Anh thấy thầy từ nhà rửa ráy đi ra, hình như thầy vừa mới tắm và đã thay tu phục mới, tươm tất sạch sẽ. Thầy loắt thoắt đi về phía cổng, và thấy Trình, thầy reo lên:

- A, Việt Nam!

Trình đỏ mặt, vận dụng mấy câu tiếng Hi Lạp mới học:

- Sao thầy biết con là người Việt Nam?

Thầy có vẻ như không hiểu câu hỏi, nhưng thầy giọng trầm lại, lần này bằng tiếng Anh:

- Việt Nam, một đất nước, xin lỗi, bi thảm đến độ khôi hài... Anh cũng giống cái anh Việt Nam có đến đây ở với tôi một thời gian.... Người Việt Nam các anh mới trông ai cũng giống nhau hết.

- Dạ thưa thầy ông ấy có phải tên Nam, cỡ tuổi như con? Anh ấy là bạn thân của con, con đang đi tìm anh ấy.

- Đúng rồi, anh ta người Việt Nam, tên Nam. Ở đây được nửa năm rồi bỏ đi. Mấy rặng tre ngoài kia là do anh ta xin giống ở thảo cầm viên Athènes đưa về trồng. Anh ta rất tận tụy trong công việc và khéo tay, và vì anh ta từng là một bác sĩ giải phẫu, nên đã dễ dàng thành công trong việc phục chế các cuốn sách cổ của tu viện. Anh ta tính ở lại đây với tôi luôn, tôi trong lòng có ý mừng thầm, vì xưa kia tu viện có tới hai trăm tu sĩ sống trong một tu viện lớn như thế này mà bây giờ, như anh thấy đó, chỉ còn mình tôi với Chúa, với những tượng thánh, và với con Kiki, con Mimi, cùng một lũ dê, đàn gà. Thế rồi một hôm, Nam bảo với tôi là anh ta cần tới đảo Milos một thời gian, vì sau khi đọc một bài báo nghiên cứu về tượng Venus từ Milo, anh sửng sốt và muốn về Milos để thăm một *Mademoiselle* de Rivière nào đó để tìm hiểu sự vụ. Anh ta còn nói anh, anh phải ra đi vì anh sợ những đôi mắt vĩnh cữu của những tượng-thánh-icon[6] đốt cháy những xao động của anh ta, và dẫn anh ta vào tinh thể. Anh ta sợ cái trơ trơ đến độ trơ tráo của tinh thể đời... đời này lẫn đời bên kia cõi sống... và gì nữa nhỉ, anh ta sợ hình nhân của anh ta sẽ không còn muốn in bóng nữa, dù là những chiếc bóng phù du, mà lại chui tọt vào hang nằm luôn trong đó.

- Con nghe thầy nói, mà cứ như thấy hiện thân của anh Nam đang nói. Mà thưa thầy, anh ấy có chui tọt vào hang không?

Thầy áng chừng không nghe câu hỏi, nhưng mắt thầy nháy nháy sáng:

- Anh ấy muốn mãi đi tìm bản tính sâu trầm, chân tâm trong lặng, khuyết tròn đều dứt, trí năng chẳng cần tìm mối manh, hợp tan đều quên, tai mắt chẳng còn dự vào hình ảnh cùng tiếng vang, hữu vô nắm được, đạo tục san bằng, sừng sững riêng mình, cao siêu một cõi. Anh ấy vẫn còn muốn lang thang khắp chốn, nơi mờ mịt lối về, đường đời khấp khểnh, nơi Đạo chính rối bời, gốc nguồn khôn tỏ, thật dối khó phân, vàng ròng lẫn với đồng thau, trăng sáng hiện cùng bụi bặm. Anh chưa về được quê hương. Và quê hương, trong khi cái quê hương đạo Chính Thống chúng tôi gọi là Quê Trời đích thực, Quê Hương của Nam lại là "quê-có-quê-chăng."[5] Anh mãi mãi đi tìm, không thể ngồi. Ngồi là chết luôn. Anh muốn đục tạc khuôn mặt nguyên xưa của chính anh. Cái từ "khuôn mặt nguyên xưa" này có một đặc ngữ anh nói mà tôi không nhớ rõ.

- Có lẽ là đặc ngữ "bản lai diện mục"?

- Anh nói sao?

- *Hon rai men moku*, phát âm theo tiếng Nhật.

Đây là một đặc ngữ sách Thiền hay dùng.

- Ừ, hình như là như vậy. Anh ta nói cái *hon rai men moku* phổ quát, trị bình thiên hạ là cái không hề có, mà than ôi, người ta cứ õng ẹo, lươn lẹo nặn ra đủ loại *hon rai men moku* sơn quét đủ màu đủ sắc hàng mã loè loẹt rồi cứ nhồi sọ, hô hào bá tánh cho đấy là kim cương của lòng, thánh vương cửa đời. Anh còn nói rằng, người ta tới giờ vẫn còn, thậm chí tinh vi, dùng thủ thuật nơi đền Delphi xưa: bơm khói á phiện qua các rãnh bí mật thông dưới nền vào đền, khiến các chị đồng hít phải lên cơn nói sảng, mà từ vua cho tới dân đen bao đời cứ ngỡ đó là nữ thần Delphi ban lời sấm, kể cả sấm đi giết người. Rồi anh ta lôi luôn một lô những Hecralit, Khổng Tử, Platon để nói với tôi, nói như bị say nắng.

- Là sao, thưa thầy?

- Anh biết không nắng xứ này dễ làm cho người ta lên cơn ảo tượng? Ông thánh Gioan lúc bị lưu đày nơi đảo Patmos gần đây, chắc cũng vì say nắng quá mới viết cuốn Khải Huyền đầy hình tượng quái đản, đầy sắc màu lạ lùng như nhạc Psychedelic của Jim Hendrix vậy. Nhưng tôi nghĩ anh Nam bị say nắng vì lịch sử, vì những dối trá, hợm hĩnh diễn ra trên xứ sở anh ta... chính trị, tôn giáo...

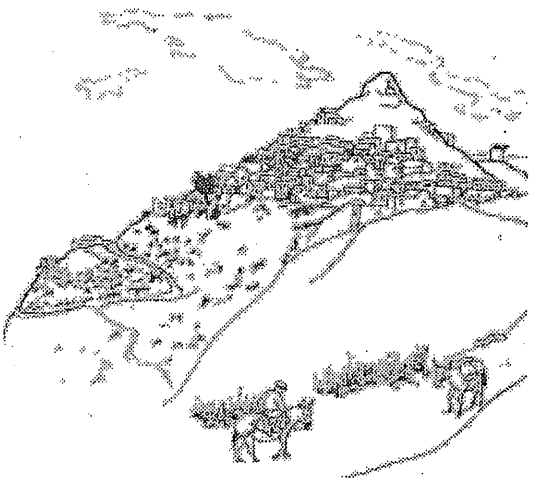

- Nhưng anh ta có hạnh phúc không, thưa thầy?

- Xem ra anh ta vui với công việc: chữa sách cho thư viện nhà dòng, giúp tôi trồng cây, và giật chuông. Anh ta giật chuông thật hay, theo bài bản riêng của anh ta. Anh nói những cung bậc, nhịp điệu ấy anh nghe từ những tiếng chuông nơi lịch sử nước anh, và từ cả những người đàn bà đã đi qua đời anh. Anh nói nước Việt Nam giống một người đàn bà hồng nhan bạc mệnh, một nàng Kiều, và tới nay nàng Kiều ấy còn buộc phải đón người cửa trước, rước người cửa sau, toàn những khách không phải được như Thúc Sinh...

Rồi cũng đến lúc thầy phải đi làm việc mục vụ; thầy lấy làm tiếc phải đi. Thầy mời Trình chơi với thầy dăm bữa. Nhưng Trình xin phép kiếu từ. Thầy đưa Trình một quãng, dù tới lúc chừng như chân đã ngại chân, thầy cũng đành đứng lại, mỉm cười, và theo thói quen, ban phép lành. Nhưng rồi thầy lại cất cao giọng, nói với:

- Trình cứ thử đến đảo Milos mà tìm. Hi vọng anh tìm ra anh Nam, vì đảo đó không lớn lắm, chỉ năm ngàn người ở. Anh ta chắc chắn còn sống; anh ta, một con người bất tử.

Và thầy ở đó, đứng trơ ra như cột đền Byzant tuế nguyệt.

Trình ra đi mà như người mất hồn:

- Thật lạ: Khi nghe thầy ấy nói, mình không còn phân biệt thầy nói tiếng Hi Lạp, tiếng Anh, hay tiếng Việt. Hay ngôn ngữ của tâm là một loại linh ngữ, một loại Esperanto của lòng?

Khi đến đảo Milos, Trình lần mò cũng tìm được biệt thự có cái tên Pháp: Villa d'Afrodite de Rivière. Đứng ngoài cổng, Trình thấy một cô gái Tây đẹp mê hồn đang đi quanh dưới bóng cây dẻ xanh xanh lá hạ, nhưng giữa nắng hạ gay gắt không biết sao cô ta lại đeo găng tay trắng tới tận nách và đôi tay cứ run lẩy bẩy.

- Thưa cô, cho tôi hỏi thăm đây có phải cô là tiểu thư Afrodite de Rivière?

Hỏi tới ba lần, cô gái vẫn không trả lời.

Trình mở đại cổng khép hờ đi vào, đến sát cô gái:

- Thưa cô...?

Cô gái vẫn không quay lại nhìn Trình, mà nhìn đăm đăm vào gốc cây dẻ, rên rỉ:

- Anh Nam ơi, anh đã lắng nghe và hát cho em những tiếng chuông diệu kỳ trong em, người mà anh yêu dấu, mà anh đắm say như Afrodite[7] của những ngày hoa đồng cỏ nội Libanon. Nhưng em đã điên khùng, đã làm khổ anh, anh Adonis của em, khi em cứ nhất định đòi giải phẫu đôi tay thật của em, của em, của em, mà anh cho là trắc tuyệt, để đòi gắn cho được đôi tay cẩm thạch trắng của tượng Venus từ Milo mà em nghĩ còn trác tuyệt hơn, đôi tay mà ông cố em, lúc làm lãnh sự ở Constantinople, đã trộm gỡ từ tượng ra...

- Cô nói sao, tôi không hiểu?

Cô gái lúc này mới quay lại như nhìn Trình:

- Ông cố em, nam tước de Rivière, cũng như một Rivière khác, Henri Rivière, một tên kẻ cướp đã làm nhục Đất Nước Việt Nam, làm nhục thủ đô Thăng Long của anh với những tráng khí Hoàng Diệu, ông cố nam tước lãnh sự ấy đã thủ đoạn mua cho được nàng Venus từ Milo, sau đó còn bẻ đôi tay của nàng, đưa về nhà mát của ông ở đảo Milos giấu. Bà cố em, một nhà điêu khắc có tài, lấy làm bất bình, nhưng ông cố đã phân bua: Ông làm thế là vì lợi ích cho nước Pháp; ông bẻ đôi tay đi là muốn cho bức tượng được cân bằng kỷ hà; và cái gì không trọn vẹn, những phế tích chẳng hạn, vẫn mãi mãi quyến rũ lòng người, vì con người vốn luôn luôn khát khao Chân, Thiện, Mỹ. Đúng như vậy: Chẳng bao lâu bức tượng Venus từ Milo cụt tay ấy đã chinh phục trọn vẹn mọi giới thưởng ngoạn, từ vua Louis XVIII trở đi. Ông cố mất, bà cố em thấy cũng không cần thiết phải công bố và trả lại đôi tay của Venus nữa. Bà truyền lại cho tới đời em.

Rồi cô lại quay mặt vào cây dẻ, khóc:

- Nam ơi, chính anh, anh bảo nhất định phải công bố. Còn em, em chẳng những em không chịu, còn đòi anh phải kiếm cách giải phẫu cắt đi đôi tay của em, của em, của em, để ráp cho được đôi tay cẩm thạch trắng từ tượng Venus từ Milo đó. Anh đã chiều em, anh đã khóc mà chiều em. Nhưng khi đã ráp được đôi tay đá trắng ấy rồi, em trở nên khập khểnh, mình không là mình, Venus chẳng ra Venus, hóa thân nữa vời, vong thân nửa mùa. Và anh, anh đành phải ra đi, vì cái cứng đầu tới mức điên khùng của em. Ôi, đôi tay giả này, mi đã làm hại đời ta; hay là chính ta đã giết chết đời ta!

Nước mắt cô chảy đầm đìa thành giòng xuống gốc cây dẻ, và lạ chưa, một con rắn hổ mang màu áo lính dù, to như một con trăn nhỏ, có hai vòng mắt như đang đeo kiếng, từ thân cây dẻ bò ra và căng mắt hứng lấy những giọt nước mắt người nữ. Cô gái lại khóc to:

- Anh ơi, anh hãy cho em về với anh, hãy cho em vào anh, dù em đang dở thế này.

Con rắn mở to tròng mắt và cô gái bước vào đôi mắt ấy, tan như những giọt nước mắt. Và rắn trườn nhanh và biến vào thân cây dẻ.

Ngay ngày hôm sau Trình quay trở lại tu viện Panáchrantos để kể lại cho thầy chuyến đi Milos kỳ lạ của mình.

Anh thấy tu viện anh mới thấy cách đây chưa đầy tuần lễ nay sao hoang phế bội phần. Anh đi vào sân trong không thấy một bóng người, kể cả con chó mực, con mèo đen, và bầy dê, đàn gà cũng biến đi đâu, mấy chậu hoa héo quắt, những khóm rau mùi, dược thảo khô queo, chỉ có những bó dược thảo, những chùm tỏi treo nơi chái nhà rửa ráy vẫn còn nguyên. Trình thử đi vào nhà rửa ráy và thấy có chiếc áo dòng vứt bừa trên nền, cả cái mũ tu sĩ nữa, như thể thầy vội vã đi đâu. Trình đành kêu lớn tên thầy, nhưng chẳng nghe trả lời, cũng chẳng nghe tiếng vang dội lại, như ở đây tất cả, kể cả âm thanh, vội vã ra đi mười phương, hay về một cõi nào. Trực lẩm bẩm: "Có lẽ thầy đi làm việc mục vụ đâu rồi." Rồi bỗng có tiếng "quác" phía vách núi ẩn sĩ, anh ngước lên và thấy một con chim ưng đang bay là là trên đó. Và lạ chưa, Trình còn thấy nơi chiếc hang ở giữa có một sợi gây trắng thòng xuống. Anh phóng mình, chạy như ma đuổi, nhảy như quỉ ám, qua những bụi gai, qua những đá tảng. Tới nơi, anh bươn bả trèo lên. Khi vừa chui đầu vào cửa động anh thấy một bức bích họa vẽ hình một tháp chuông nhà thờ hình tròn Hi Lạp, một tháp chuông vút nhọn gothic, và cả một tháp chuông nhà thờ củ hành kiểu Nga, Trình bật lên khóc, vì đấy chính là mẫu hình mà Nam ngày xưa đã vẽ làm thiệp giáng sinh gởi cho Trình mỗi độ Giáng sinh về, nhưng thay vì những hàng chuông vàng uốn lượn bay ngang trời báo tin vui như trong thiệp xưa, bây giờ nơi bức bích họa chuông và chuông nằm ngổn ngang như trong một kho đồng nát.

Dưới bích họa còn có một bộ xương rắn dài, tựa mẩu dây chuông sau khi đã giật xong tiếng đời mình, rơi xuống thây kệ. Và cạnh cuộn da rắn còn có một đôi kiếng gọng màu nâu, và đột nhiên cái tròng kiếng phải, cái tròng bụi bám ấy bỗng chớp chớp mấy cái áng chừng như sắp khóc thương ai.

Oslo, 29 X 04

Nhớ một chuyến đi Hi Lạp, hè 1993.
Kính gởi anh Phạm Phú Minh (PXĐ),
người thích du lịch.

Chú thích & phụ lục:

(1) Sapfo (630 tr.CN - 560 tr.CN), nữ thi sĩ Hi Lạp.

(2) Byzant, đúng ra là Bysants, tên Hi Lạp của Constantinople, thủ đô của đế quốc La mã Miền Đông (339 -1453), gọi theo tên hoàng đế La Mã Constantin, nay là Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ. Các hình thái nghệ thuật trong phần đế quốc này, trong thời kỳ này, được gọi là nghệ thuật Byzant, hay (gọi sai xét theo văn phạm tiếng Việt) là Byzantin (tĩnh từ tiếng Pháp).

(3) Ở vùng Epidavros, Hi Lạp, người ta coi rắn như là thần dược thảo, vì họ tin rằng rắn nếm các loại thảo mộc và rắn biết cây cỏ nào dùng làm thuốc được.

(4) Trong thời kỳ đầu của giáo hội đạo Kitô, người ta còn gọi Thiên Chúa là Mẹ.

(5) "bản tính...chăng": Tựa kinh Kim Cương Tam Muội, Trần Cảnh: Trần Thái Tông (1218 - 1277). Đỗ Văn Hỷ và Huệ Chi dịch, NVT thêm bớt đôi chỗ cho hợp bài văn. / "quê-có-quê-chăng" : hà hữu hương, chữ của Trang Tử.

(6) Icon: hình, sự diễn tả (tiếng Hi Lạp). Dần dà từ này dùng để chỉ một loại ảnh thánh vẽ bằng một lối vẽ đặc thù trong giáo hội Chính thống Đông phương (Đông Âu, Cận Đông, Trung Đông). Những thế kỷ đầu của đạo Kitô, vì bị cấm tạc, vẽ, dùng hình ảnh Chúa (theo như lệnh truyền của Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh Cựu Ước), các tín hữu Ki tô dùng nhẫn với ấn triện dùng biểu tượng đạo Ki tô: chim bồ câu, cá, tàu, đèn lia. Những biểu tượng như thế, xét theo thần học và chính trị, đều chấp nhận được. Nhưng nhu cầu ảnh tượng gia tăng, nên sau biểu tượng, ảnh chân dung ra đời, ví dụ, hình Đức Kitô mục tử. Các hầm mộ được trang trí bằng hình Chúa Cứu thế, các thánh tông đồ... Vào thế kỷ thứ 4, khi Ki tô giáo trở thành quốc giáo, nhu cầu dùng ảnh thánh để tô điểm các giáo đường gia tăng. Người ta còn khiêng ảnh thánh trong các đám rước để xua đuổi bệnh tật. Ảnh thánh càng lúc càng được đòi hỏi trong nhà thờ, và trong tư gia. Cho đến thế kỷ thứ 8. Những kẻ chống ảnh tượng lâu nay âm ỉ chống đối, nay thắng thế. Thờ ảnh tượng ấy là thờ ngẫu tượng. Vua Leon III ủng hộ. Thế là ảnh mảnh ghép (mosaic) bị loại khỏi lối vào các dinh thự và thay thế bằng thánh giá. Bốn năm sau, năm 726, nhà vua xuống chiếu loại mọi ảnh thánh (icon) khỏi sách vở, nhà thờ, dinh thự. Hình ảnh Chúa và các thánh bị cấm chỉ. Nhưng các thánh phụ như thánh Johannus Damascus lại cho rằng tượng thánh chỉ là dấu chỉ dẫn ta tới Thực Tại Thiêng Liêng. Ta tôn kính và cầu xin không phải cái món ảnh tượng, mà chính Đấng mà ảnh tượng đó tượng trưng. Nhưng con của vua Leon III vẫn tiếp tục chính sách đốt, xé, phá ảnh tượng. Đây không còn là chuyện vặt vãnh, nhưng là chuyện quan niệm về bản thể Đức Kitô như thế nào cho phải lẽ, về sự Chúa mặc lấy xác thể loài người, và ý nghĩa về sự Cứu rỗi. Chuyện sống chết, thiên đàng hay hỏa ngục chứ chẳng chơi. Thế là máu chảy, đoạ đày. Vào thời kỳ này nhiều ảnh thánh (icon) bị quăng xuống biển để mong một ngày nào đó tượng sẽ giạt vào. Theo truyền khẩu dân gian, nhiều ảnh đã thực sự giạt vào bờ biển, và những nơi ảnh thánh giạt vào, người ta dựng nhà thờ; rất nhiều nhà thờ dọc bờ biển Hi Lạp dựng nên vì lý do đó. Năm 843, ảnh thánh trăm hoa đua nở trở lại. Chuyện tranh chấp về phá, xé ảnh tượng kéo dài hơn thế kỷ, và làm cho đế quốc Byzant suy yếu nhiều về kinh tế, lẫn chính trị. (Ferdinand Finne)

(7) Afrodite, gọi theo tiếng Hi Lạp, nhưng tên La tinh là Venus, là nữ thần tình yêu và sắc đẹp. Homer cho rằng nàng là con của thần cai quản mọi thần Zeus và nàng Dione, con gái của thần biển cả Poseidon. Nhưng theo truyền thuyết lâu đời nàng Afrodite trồi lên từ bọt biển. Nàng có tên là Afrodite, gốc từ afros có nghĩa là "bọt biển." Có người còn gọi nàng là Cypris, theo tên đảo Cypros. Afrodite yêu nhiều dưới đất cũng như trên trời, với Hefaisos, thần lửa, với bạn tình Ares, thần cận chiến, Dionysos, thần rượu. Nhưng mối tình được biết tới nhiều nhất là tình giữa nàng với chàng Adonis đẹp trai. Nàng yêu say đắm Adonis, và lấy chàng, quên luôn chuyện nàng đường đường là thần cấp cao ngự ở núi thiêng Olympia. Nàng cải trang thành một cô gái mục đồng và giúp Adonis chăn dê. Cả hai đi săn trong rừng và trong những rặng trắc bá ở Libanon. Người ta đã tạc tượng nàng đủ kiểu, nhưng nổi tiếng nhất vẫn là những bức tượng nàng mà Praxiteles tạc bằng cẩm thạch trắng vào thế kỷ thứ 4 tr. CN. Riêng tượng Venus từ Milo, (đáng lẽ phải gọi là Afrodite từ Melos mới đúng,) đang được trưng bày ở trong bảo tàng viện Louvre. Một người nông dân, vào mùa xuân 1820, khi cày thảo đất gần phế tích của một kịch trường cổ, đã phát hiện ra tượng Venus từ Milo. Đấy có phải là bức tượng bản gốc mà Praxiletes đã tạc vào thế kỷ 4 trước CN ở Knidos vùng Karia, Tiểu Á, hay là tượng do Skopas người xứ Paros, những đỉnh cao nghệ thuật triều đại Fidias? Venus từ Milo được khẳng định như là siêu minh tinh tuyệt thế - primerisima super- vedette. Như vậy đã ổn chưa? Tạm ổn một thời gian, nhưng rồi dần dần nổi lên những nghi ngờ. Vào cuối thế kỷ 19 nhà khảo cổ tăm tiếng Adolph Furtwangler đã khảo sát tường tận những đường vân cẩm thạch, và xác định đấy là một sản phẩm làm muộn hơn thời biểu dự đoán từ 200 đến 300 năm, gần như là 100 năm tr. CN. Đấy là một sản phẩm hoàn toàn Hy Lạp, mà ai đó đã tạc nhại, làm cho người ta cứ ngỡ ấy là tác phẩm được tạc vào thế kỷ 5. tr. CN, ở Knidos. Nhà điêu khắc vô danh nào đó đã sao y chính bản tượng của Praxiletes. Từ phần eo vải vắt trễ tràng trở xuống, bán thân tượng trồi lên đẹp đẽ, cái đẹp toàn vẹn như được giải phẫu thẩm mỹ. Ngón nghệ thuật kỳ tài. Bình thản, trong sáng, vẹn toàn. Người nông dân đó chạy ngay đến với ông lãnh sự Pháp Brest. Ông này mang theo hai sĩ quan hải quân Vouthier và Dumont d'Urville, làm việc dưới tàu l'Estafelle lúc đó đang bỏ neo tình cờ ở cảng Melos. Hai sĩ quan này kể rằng khi tìm thấy tượng, tượng có đủ đầu mình tay chân. Theo lề thói trong thời đại Hy Lạp, thì tượng được tạc từng phần và sau đó ráp lại bằng những nẹp chì. Cứ thể theo lời kể đầu tiên thì Venus từ Milo nằm ở trong khung rào dậu, nhưng có thể nàng nằm trong đống xà bần gồm những mảnh cẩm thạch mà người ta tải đến đó để bỏ vào lò vôi cho rã thành bột. Và sau những tranh chấp với hoàng thân Morusi người Thổ Nhĩ Kỳ, một nhà sưu tầm, người đã đe dọa bác nhà quê và mua hớt tượng Venus từ Milo, tử tước de Marcellus người Pháp, người cầm đầu tàu l'Estafelle, nhân danh lãnh sự Pháp ở Constantinople, nam tước de Riviere, đã giành giật với hoàng thân và mua được tượng. Tượng được chở tới Pháp, tặng cho vua Louis XVIII. Tay của nàng cùng tìm được một lúc với tượng, sẽ được gởi sau. Nhưng tay của nàng đã biến mất hẳn đâu đó và có lẽ chẳng bao giờ kiếm lại được nữa. Hai mươi bảy năm sau, ông Brest mới tiết lộ: Chính tử tước Marcellus đã làm hư hại bức tượng khi tranh giành với thủ hạ của ông Morusi ở bến tàu, khi ông Morusi này tính đưa tượng xuống tàu. Lại nữa, bốn mươi năm sau, một người thủy thủ xuất hiện và tự xưng ông ta lính hải quân trên tàu kể trên, và nói rằng đúng là cánh tay trái của Venus từ Milo, khi được khám phá, vẫn còn nguyên, nhưng "viện bảo tàng Louvre đã vặn ra để tạo cho tượng có cái vẻ quân bình." / Tên bức tượng là do người Pháp đặt, nên có tên Pháp là Venus de Milo (đáng lẽ là Milos, nhưng đọc đúng tiếng Hi Lạp phải là Melos) - (Viết theo Nanna Linde Fjeld- Hauge, Antikkens Guder og Helter - Thần và Anh hùng Cổ đại, và Ferdinand Finne, Ringer i et Hav En krans av greske oyer - Những chiếc nhẫn trong biển Một vòng-hoa đảo.)

(8) Hãy mình là mình. (và) cứ thế mà vui.

Kỷ niệm về anh tôi:
Hoạ sĩ NGÔ MẠNH QUỲNH

NGÔ ĐÌNH CHÂU

Với những vị cao niên trên 50 tuổi chắc không xa lạ gì với cái tên Mạnh Quỳnh trên các nhật báo, tuần báo vào thập niên 40 như tuần báo *Trung Bắc Tân Văn, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Écho*, (Tiếng Vang) của ông Candelon và các nhật báo *Tin Mới, Đông Pháp, Tia Sáng, Liên Hiệp, Giang Sơn* v.v. xuất bản tại thủ đô Hà Nội. Và các sách báo do nhà xuất bản Đắc Lộ Thư Xã (Alexandre de Rhodes) như Kim Vân Kiều, Chinh Phụ Ngâm, Thơ Ngụ Ngôn La Fontaine, Lên Tám, Le Paysan Tonkinois, Qui Li Ve Du Ký, Làng Cũ Làng Mới Việt Nam, Những Bức Họa Đồng Quê, Truyện Trẻ Con, Hát Mà Chơi và nhất là Tạp Chí *Indochine* v. v. đều do họa sĩ Mạnh Quỳnh vẽ và phần khắc gỗ thì do anh Lều Thọ Dung, người Thổ Cao Bằng, anh khắc rất giỏi, nổi tiếng (trong thời gian từ 1942 đến 1945, Đồng Minh oanh tạc dữ dội, vật liệu làm bản kẽm không có, nên phải dùng bản khắc gỗ.)

Cũng vào năm 1944–45, tại phòng Thông Tin tại đường Tràng Tiền (rạp Chiếu Bóng Eden) có một phòng dành riêng cho họa sĩ Mạnh Quỳnh để trình bày những sinh hoạt trong tuần, được gọi là Tuần lễ Đông Dương (Semaine de l'Indochine). Phòng này chuyên trình bày về mọi sinh hoạt vui buồn của thành phố Hà Nội, những chuyện xảy ra trong cõi Đông Dương, và đả phá những hủ tục của người Việt trong thời phong kiến. Anh còn vẽ và được nhà Xuất bản Alexandre de Rhodes ấn hành tập truyện "Làng Việt Nam, Cũ Và Mới," nội dung là muốn cải cách và bỏ những hủ tục của cưới gả, khao vọng, ăn uống hội họp của những vị chức sắc trong làng. Anh muốn tổ chức một làng Việt Nam Mới có trường học, phòng đọc sách, phòng thông tin, ban an ninh để bảo vệ làng xóm, vườn trẻ, nhà trẻ, sân vận động, phong trào thể dục thể thao v.v... những tranh này đã được trưng bày tại các làng mạc thuộc tỉnh Hà Đông vào những năm 1944 và đầu năm 45 rất được nhiều người tán thưởng, đồng thời tổ chức cải cách điển hình ở làng Mộ Lao (làng của Bùi Hưng Gia, Bùi Đình Thản, Bùi Đình Miên, tiệm vàng Au Lion D'Argent ở phố Hàng Trống Hà Nội). Anh cũng vẽ chung quanh tường đình làng Mộ Lao những chuyện Ngụ Ngôn, hình ảnh phong trào Thể dục Thể thao và cải cách xóm làng, kỳ này có Đại tá Ducoroy, Giám đốc Thể dục Thể thao thuộc Phủ Toàn Quyền về thăm và gắn huy chương cho anh.

Ngược lại những năm 1934–35, họa sĩ Mạnh Quỳnh cộng tác với báo *Cậu Ấm Cô Chiêu* đã cho ra những loạt tranh Vá Vếu, Vìm, Vọm, Vẹm những tranh Kaoco rất được tuổi trẻ thời đó ưa thích.

Tiếp theo anh còn vẽ cho các sách truyện như: Sách Hồng, Lửa Hồng và Truyền Bá Quốc Ngữ do anh Nguyễn Giang con ông Nguyễn Văn Vĩnh là một thành viên sáng lập phong trào.

Họa sĩ Mạnh Quỳnh

Họa sĩ Mạnh Quỳnh sinh ngày 21 tháng 12 năm 1917 tại Hà Nội trong một gia đình trung lưu, thân phụ là công chức Sở Hỏa Xa Vân Nam, là người thứ hai trong gia đình gồm trên 10 anh chị em, trên Họa sĩ Mạnh Quỳnh còn người chị lớn mất năm 10 tuổi, dưới còn 13 anh chị em, nhưng cũng mất hết chỉ còn lại một người em gái và ba người em trai. Lúc nhỏ, học tại trường hàng Kèn, tôi chỉ còn nhớ anh thường nhắc tới thày giáo Phao và lên Trung học thì học tại trường Bưởi và sau khi đậu bằng thành chung thì thân phụ bắt anh học

tiếp để thi vào trường Hậu Bổ để theo nghiệp chú tôi ra làm tri huyện, nhưng anh tôi không chịu và nhất định đòi thi vào trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương. Vì lúc còn học Tiểu học, anh đã vẽ tranh khôi hài gửi đăng báo, tờ Cậu Ấm Cô Chiêu, trước còn đăng miễn phí, sau ông Chủ nhiệm, lâu ngày tôi không nhớ tên, hình như tên là Thái Thủy, đến gặp anh và đề nghị vẽ tiếp tục sẽ thanh toán nhuận bút, nên anh tiếp tục vẽ truyện Vá, Vếu, Vìm, Vọm, Vẹm cùng truyện Kaoco. Thấy anh tôi ham thích vẽ, nên ông chú tôi khuyên thân phụ tôi nên chiều ý và xin cho thi vào trường Mỹ Thuật Đông Dương. Tôi còn nhớ là anh học chung năm với chị Nguyễn Thị Kim điêu khắc gia, hoạ sĩ Trần Văn Cẩn, Tô Ngọc Vân, và Nguyễn Gia Trí v.v...

Anh tôi có một đời sống rất kỷ luật, ham thích thể thao, hàng ngày đều tập, mặc dù trời mùa đông ở miền Bắc rất lạnh, nhưng tập xong bao giờ anh cũng đi tắm và bao giờ cũng tắm nước lạnh. Anh lại không biết uống rượu, rất ghét cờ bạc, cũng không hút thuốc, cứ mỗi mùa hè anh lại lên Phú Thọ tập luyện võ với ông tri phủ Cung Đình Vận. Bản tính anh rất đôn hậu, trầm lặng ít nói và đã hứa với ai điều gì thì luôn giữ đúng lời hứa, luôn luôn đúng giờ giấc cho mọi công việc. Anh rất thích săn bắn, tôi còn nhớ hồi 1942 anh được phép mua súng săn, mà hồi đó Hà Nội chỉ được cấp 12 giấy phép súng thôi, song anh cũng được phép mua một cây, tôi còn nhớ hiệu súng Simplex, hai nòng do nhà sản xuất St Étienne của Pháp chế tạo, và anh còn mua một con ngựa để ngày nghỉ cưỡi đi về vùng quê săn bắn chim cò. Nhưng mẹ tôi thì khuyên anh không nên sát sinh, con vật nó cũng có mạng sống của nó, còn cha tôi thì khuyên anh không nên nuôi ngựa, vì ngày xưa các cụ vẫn thường nói "Nhất mã nhị nô," nuôi một con ngựa là phải nuôi hai người chăm lo cho nó, nào là cắt cỏ, tắm rửa hơn nữa lại phải thuê chuồng cho ngựa nên rất tốn kém, nên anh tôi cũng vâng lời cha mẹ tôi, anh bán khẩu súng săn, mua khẩu súng lục Rouleau hiệu St Étienne, và bán con ngựa. Anh mua chiếc xe đạp Course hiệu Métalopplan của Pháp, vành gỗ, vỏ ruột loại Boyeaux, cũng do nhà sản xuất St Étienne làm. Anh lại cũng thích nuôi loài vật, hồi năm 40 anh có nhờ người đi Phong Sa Ly ở Lào mua cho một con chó bông xù rất đẹp, nuôi được mấy tháng thì bị mất cắp, về sau anh lại mua một con chó săn loại "Chien de Chasse," tai xụ, bụng thon mình dài chân cao, đặt tên là Bobby và một con Berger. Anh rất thích nuôi mèo, tôi còn nhớ hồi ở Route Mandarin, đường xuống nhà thương Cống Vọng (Hospital René Robin) buổi chiều đang ngồi trước cửa chơi có một người đàn ông mang con mèo tam thể to và rất đẹp đến gạ bán, anh tôi hỏi giá và mua, anh luôn để nằm bên cạnh chỗ anh ngồi, cũng được hơn tuần lễ, thì cũng lại vào một buổi chiều tôi thấy anh chàng bán mèo đi qua, mải chơi tôi không để ý, thì anh tôi hỏi có thấy con mèo đâu không? Tôi trả lời không thấy và tôi nói chỉ thấy người bán con mèo vừa đi qua thôi, thế là cha tôi mới nói, chắc thằng cha bán mèo đến kêu nó đi rồi, tụi nó hẳn là nuôi mèo được dạy kỹ càng nghe theo lời chủ của nó, chắc lúc nó đi qua, nó ra hiệu hoặc kêu thì con mèo chạy theo nó rồi. Lại một lần nữa, anh làm chúng tôi cười muốn bể bụng, lúc ở Mộ Lao, anh ra chợ Hà Đông, thấy con mèo đen tuyền gọi là mèo mun, chẳng hiểu anh nghe tụi bán nó tán tỉnh sao, anh mang về, nói với tụi tôi rằng con mèo này là Miêu Vương, chuột thấy thì chạy hết. Nhưng ngôi nhà mà gia đình tôi ở thì chuột ôi là chuột, đêm đến là nó rúc inh ỏi, mà con mèo chẳng thấy bắt được chú chuột nào. Cho đến một hôm, vào buổi sáng tụi tôi thức dậy thấy "miêu vương" nằm quay lơ không cục cựa gì cả, xách lên thì thấy hậu môn con miêu vương bị cắn một lỗ toang hoác, thì ra là miêu vương nhà ta bị chú chuột cống lớn cắn mất hậu môn.

Tôi còn nhớ lúc còn nhỏ, anh vẽ thì tôi mài mực tàu cho anh, anh chuyên vẽ bằng bút lông mèo, mỗi khi thân phụ tôi qua Vân Nam thường mua về cho anh rất nhiều bút và thỏi mực tàu. Anh tôi đi mua những sách học vẽ cho trẻ em, bắt tôi và chú em tôi học vẽ, muốn tôi theo nghiệp của anh, nhưng tôi thì lại không thích vẽ, nên bị đánh đòn nhiều, trái lại chú em tôi lại thích vẽ, không ngờ sau này theo nghiệp anh tôi lại thành tài: họa sĩ Ngô Đình Chương. Sau này Chương làm theo ý nguyện của anh tôi, cộng tác với xưởng phim Hoạt họa Hà Nội và làm được mấy cuốn phim như Thạch Sanh và những phim truyện ngắn mà tôi lâu ngày không nhớ hết tên. Còn tôi thì chỉ thích cuộc đời phiêu bạt, giang hồ, nên khi tản cư vào Hà Đông anh tôi đã nói với thày Cao Đắc Tiếu, Hiệu Trưởng trường Con Trai Hà Đông cho tôi và em tôi gia nhập Hướng Đạo, thày Tiếu là Huynh trưởng Hướng Đạo, đạo Đống Đa, nên cho tôi nhập vào Hướng Đạo để rèn luyện tôi. Về sau khi tôi vào quân đội, năm 1951 tôi thấy anh thích súng, tôi xin giấy phép cho anh, dẫn anh ra

Chaffanjon ở đường Tràng Tiền mua tặng anh một khẩu súng lục hiệu Le Francais cỡ 6,35 anh rất thích.

Học tại trường Mỹ Thuật Đông Dương năm đầu anh phải học về cơ thể học, năm thứ hai trở đi thì học vẽ các cảnh vật và người, các năm sau thì học về sơn mài do thày Nam Sơn hướng dẫn và sau sáu năm học tại trường Mỹ Thuật Đông Dương thì thi ra trường và mỗi người phải làm một tác phẩm để dự thi chấm điểm.

Lúc anh ra trường, tác phẩm của anh là một tấm sơn mài vẽ cảnh Chùa Thày, làm dưới hình thức bình phong (Paravent), được chấm đậu. Hiện nay tấm bình phong này được một gia đình ở Hà Nội mua giữ làm kỷ niệm. Thực ra tấm bình phong Chùa Thầy này của gia đình tôi không bán, nhưng khi bắt đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đem cất giấu dưới một ao ở Kim Liên (ngoại thành Hà Nội) chẳng may có người mò vớt lên được và đem bán cho gia đình Bùi Hưng Gia tiệm vàng Au Lion d'Argent và hiện nay họ còn giữ, và tôi được biết cách đây mấy năm họ có mang triển lãm, họa sĩ Đinh Cường có biết.

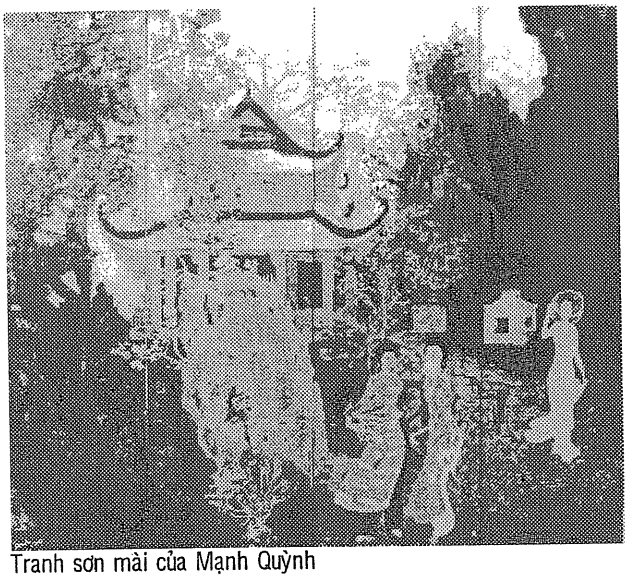
Tranh sơn mài của Mạnh Quỳnh

Sau khi ra trường Mỹ Thuật Đông Dương, anh tôi làm mấy năm sơn mài rồi thôi, vì làm sơn mài rất tốn thì giờ và công phu. Sơn phải mua từ Châu Yên Lập tỉnh Phú Thọ về, rồi pha chế thành đủ thứ sơn, nào là để nguyên là sơn sống, đánh ra thì thành sơn then và pha son, hồng hoàng vào thì là sơn son, mà son và hồng hoàng thì phải mua từ bên Tàu. Rồi nào là vàng bạc lá, nào là mạt cưa, nào là đất sét trắng, nào là vải mùng, nào là ván ép (contre plaqué), muốn làm một tác phẩm sơn mài phải qua rất nhiều công đoạn, khi hoàn thành thì có tới cả năm mới xong, chứ không phải sơn mài như hiện nay mà ta thấy. Với sơn mài thứ thiệt, ta có thể ngâm dưới nước cả năm, mười năm mà không hề bị vênh váo hay là tróc sơn. Thành thử sau mấy năm anh bỏ nghề sơn mài và chuyên vẽ tranh cùng sách báo mà thôi. Cũng trong thời gian này anh mở xưởng làm đồ chơi trẻ em, vật dụng làm toàn bằng tre, nứa và gỗ. Anh chú trọng làm những đồ chơi có tính chất giáo dục con em về thể thao, mở rộng kiến thức, thí dụ đồ chơi đá bóng thì anh lại có hai câu: *Sức khoẻ là vàng, Những người ốm yếu có làm nên chi,* hoặc đồ chơi chiếc ống nhòm thì anh lại đề câu: *Nhìn xa biết rộng* v.v... Các đồ chơi này rất được đồng bào ưa thích bán khắp cả ba miền Nam Trung Bắc.

Vốn bản tính yêu thích trẻ em và thích hoạt động xã hội, chú trọng về thanh thiếu niên, nên năm 1943 anh đã đứng ra tổ chức buổi đưa các thanh Thiếu niên đi thăm viếng các cơ sở tiểu công nghệ của ta tại làng Triều Khúc, Hà Đông do ông Hoàng Trọng Phu thành lập, được sự bảo trợ của báo Trung Bắc Tân Văn của cụ Nguyễn Văn Luận (thân phụ giáo sư Nguyễn Khắc Kham) và anh Nguyễn Doãn Vượng (hiện nay anh Nguyễn Doãn Vượng ở Canada) là Trị sự báo Trung Bắc Tân Văn yểm trợ cùng sự hỗ trợ của Tổng Đốc Hà Đông là ông Hồ Đắc Điềm.

Trong năm 1943, trong dịp đi Huế do ông Phạm Quỳnh mời vô, anh đã được triều kiến Vua Bảo Đại, sau đó về nhà được ít lâu thì anh tôi nhận được Sắc ban Hàn Lâm Đãi Chiếu do Thượng Thư Phạm Quỳnh ban và một huy chương Nam Long Bội Tinh do Đức Vua Bảo Đại ân thưởng. Nói về huy chương thì anh có rất nhiều, huy chương Thể dục Thể thao do Ducoroy tặng và các huy chương triển lãm tranh, sơn mài của mỗi kỳ hội chợ.

Trong thời gian này, anh tôi chuyên vẽ cho các nhà xuất bản và các báo chí, như nhà xuất bản Đời Nay ở phố hàng Cót, Hà Nội và nhà Xuất bản Đắc Lộ Thư Xã trực thuộc Phủ Toàn Quyền. Đến khi phi cơ đồng minh oanh tạc dữ dội, gia đình tôi tản cư về Hà Đông, anh tôi vẫn tiếp tục vẽ và mở xưởng in tay để in bích chương cho Phủ Toàn quyền, vì khi đó nhà in Ideo không

còn máy móc để in bích chương khổ lớn 0m80 x 1m20, nên anh tôi phải cho khắc gỗ và in tay năm màu.

Khi tản cư về Hà Đông gia đình tôi thuê một căn nhà trong làng Mộ Lao, nên sự giao thiệp hơi khó khăn, như trường hợp nữ văn sĩ Hilda Arnold đến tìm để nhờ vẽ tranh cho một cuốn sách, tìm hỏi mãi mới thấy nhà. Tổng Đốc Hồ Đắc Điềm thấy vậy bèn lấy một căn phòng trong viện Bảo tàng Hà Đông do ông Hoàng Trọng Phu lập, dành cho anh tôi một phòng để làm việc. Cho đến ngày hai trái bom nguyên tử dội xuống Hiroshima và Nagasaki, Nhật đầu hàng, Thế chiến 2 chấm dứt, gia đình tôi trở về Hà Nội, anh tôi vẫn tiếp tục công việc như cũ, phẳng lặng êm xuôi cho tới ngày toàn quốc kháng chiến.

Trước khi súng nổ vào ngày 19-12–1946 là ngày chính thức Việt Nam tuyên bố toàn quốc kháng chiến thì gia đình tôi đã tản cư về làng Trung Bộ, cách Hà Nội 29 cây số và đến khi Hội Văn Hóa Kháng Chiến thành lập thì ủy cho anh Thành Thế Vỹ về gặp anh tôi mời gia nhập và di chuyển lên Phú Thọ với Hội do Họa sĩ Tô Ngọc Vân phụ trách, sau đó dời lên Vĩnh Chân thuộc huyện Ấm Thượng, tại đây có đông đủ văn nghệ sĩ, họa sĩ gồm có Tô Ngọc Vân, Nguyễn Khang, Mạnh Quỳnh; kiến trúc sư gồm có Võ Đức Diên, Tạ Mỹ Duật; văn thi sĩ gồm có Phan Khôi, Đồ Phồn, Tô Hoài, Thanh Tịnh, Hoài Thanh, Thế Lữ, Tố Hữu; nhạc sĩ gồm có Phạm Văn Cẩn, Bùi Công Kỳ, Nguyễn Xuân Khoát, Văn Cao, Phạm Duy, Nguyễn Đình Thi (tác giả bản Diệt Phát Xít) v.v. Ở Vĩnh Chân một thời gian, đoàn Văn Hoá Kháng Chiến lại dời lên ATK (An Toàn Khu) theo ý của (cai thầu Văn nghệ) Tô Ngọc Vân, anh tôi không đi và ở lại Vĩnh Chân, Tô Ngọc Vân thấy vậy rất tức tối, nhưng anh tôi phớt lờ như không. Lúc đó Sở Bình Dân Học Vụ Liên Khu 10 do ông Vương Kim Toàn làm giám đốc bèn tìm đến gặp anh tôi bàn về vẽ và in sách cho Sở Bình Dân Học Vụ Liên Khu và cho cả toàn quốc theo ý ông Nguyễn Công Mỹ là Giám Đốc Bình Dân Học Vụ toàn quốc. Sách được Sở BDHV đặt in đầu tiên là cuốn Vần Quốc Ngữ tiếp theo là Lịch Sử Việt Nam và Địa Lý Việt Nam. Sách do anh tôi vẽ và khắc cùng chịu trách nhiệm in, lúc kháng chiến thì đâu có máy in, anh tôi phải tổ chức in tay, in mỗi thứ cả hai ba chục ngàn cuốn. Tổ chức in tay, khắc gỗ những tài liệu đó phải mất nhiều công phu, như là phải tìm mua gỗ, mà gỗ dùng để khắc chỉ có hai loại dùng được là gỗ Thừng Mực hay gọi là Lòng Mức, loại tốt thì phải dùng gỗ của cây thị ăn trái, vì các loại gỗ này nó dẻo, dai mới khắc được và giữ được nét khắc. Xong phải đi tìm mua mực in, loại mực dùng cho máy in là loại mực Lorieux của Pháp mới in được, vì in trên giấy gió, nếu mực xấu nó lem và hằn sang mặt sau. Các cơ quan của Liên Khu 10 tìm đến anh tôi như bộ Tài Chính nhờ anh vẽ giấy bạc và khắc để in, máy móc của nhà in Taupin của Pháp hồi đó bị tịch thu và giao cho Bộ Tài Chính sử dụng và cử thân phụ anh Lưu Quang Thuận làm giám đốc và anh Thuận làm quản lý, phòng Quân Dược Liên Khu 10 đặt in hộp đựng thuốc, Phòng Chính Trị Liên Khu, Ban Địch Vận đặt in các truyền đơn, Phòng Dân Quân đặt in bích chương và phòng Quân vụ đặt in Phiếu Quân Vụ, và làm tờ báo Lúa Vàng do anh Dương Quốc Chính chủ trương với sự cộng tác của anh Lưu Đức Sinh (Mặc Thu) làm Tổng Thư ký. Rồi các Bộ Canh Nông đặt in truyền đơn khuyến khích chăn nuôi và phòng ngừa bệnh toi gà; Bộ Quốc Phòng, Cục Quân Y phái anh Lê Đức Nguyệt tìm đến anh tôi để làm những dụng cụ như Bock, hộp Seringue, khay dựng dụng cụ y tế bằng sơn mài. Sau đó, Sở Bình Dân Học Vụ lại đề nghị với anh tôi thành lập đoàn Múa Rối để đi tuyên truyền khắp các tỉnh nhất là các tỉnh thuộc vùng Thượng Du Bắc Việt. Rồi đến khoảng giữa năm 1950, anh tôi rời bỏ Khu Việt Bắc để trở về thành. Khi trở về thành, anh tôi lại được các bạn bè cũ, các báo chí và các nhà xuất bản tìm đến để nhờ vẽ. Anh tôi tiếp tục vẽ tranh khôi hài cho nhật báo Tia Sáng do anh Ngô Vân, Chủ nhiệm và anh Phạm Trung Phổ là trị sự. Và cộng tác với các báo Liên Hiệp do ông tây lai tên hình như là Soubrier làm chủ, báo Giang Sơn của ông Hoàng Cơ Bình. Cùng các nhà xuất bản sách giáo khoa như nhà xuất bản Nguyễn Du ở phố hàng Điếu chuyên về sách giáo khoa và nhà xuất bản Nam Sơn ở đường hàng Giấy v.v...

Đồng thời anh tôi cũng lo xuất bản tranh truyện Thiếu Nhi như các loại Học mà chơi, Chơi mà Học v.v... thành lập Đoàn Múa Rối và trình diễn tại Nhà Hát Lớn vào khoảng năm 1951. Và mở lớp dạy vẽ tại Hoà Mã, anh mua một chiếc môtô hiệu Terrot để di chuyển tiện việc hướng dẫn học trò đi các vùng ngoại ô để vẽ, đến nay có một số học trò của anh như: Tiến sĩ Phạm Văn Hải, bình bút gia Bùi Bảo Trúc, nhà văn Nguyễn Hữu Hiệu, ca sĩ Thuý Nga vợ của nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ và bác sĩ Phùng Thụy Hà hiện nay ngụ tại Cali, anh Phạm Ngọc Khiêm ngụ tại Georgia v.v...

Tranh minh họa Mạnh Quỳnh

Anh luôn luôn có ý nghĩ muốn thiết lập một xưởng phim hoạt họa, nhưng vì mới hồi cư về không có tiền bạc, anh ngỏ ý này ra thì được người em họ là Phạm Như Bích bèn nói chuyện và giới thiệu với hai người bạn là Nhạc Sĩ Đoàn Chuẩn, con chủ hãng nước mắm Vạn Vân nổi tiếng ở Hải Phòng và anh Trần Văn Lịch để tổ chức lập xưởng phim Hoạt Họa. Công việc bắt đầu tiến hành thì một người trong đó là anh Lịch bị động viên nên công việc lại bất thành. Nghĩ lại tôi thấy anh có nhiều sáng kiến rất hay, nhưng không gặp thời, giá như gặp thời bây giờ và anh ở Hoa Kỳ này thì anh phát triển và thi thố tài năng của anh được, và biết đâu anh cũng sẽ nổi tiếng được gần như Walt Disney!

Khi hay tin tôi gia nhập quân đội, thân mẫu tôi cũng lo lắng, anh tôi cũng vậy, nhưng tôi đã nhập ngũ rồi thì gia đình cũng chịu, thực ra lúc ấy anh tôi cũng bực vì tính ngỗ ngược của tôi nên mặc không lo gì cả, mẹ tôi nói thì anh trả lời "Nó muốn như vậy thì kệ nó, Mẹ lo làm chi cái thằng ngỗ ngược ấy," tôi nhớ mãi câu nói này khi về mẹ tôi thuật lại cho nghe, chứ thực ra lúc ấy anh muốn tôi về thì anh nói với ông Nguyễn Hữu Trí, Thủ Hiến Bắc Việt là bạn đồng liêu với chú Phủ tôi một câu thì được về hoặc nói với Đại tá Thụ, Giám Đốc Nha Bảo Chính Đoàn thì cũng xong.

Từ năm 1975 chính quyền Hà Nội lại mời anh đi dạy vẽ lại và các cơ quan như Tổng Cục Du Lịch cũng mời cộng tác, Bộ Quốc Phòng mời huấn luyện cho các Giáo viên Nhà Trẻ của Bộ làm thủ công đồ chơi cho trẻ em. Ngày 30 tháng Tư đen 1975, chế độ Việt Nam Cộng Hoà bị Mỹ bỏ rơi, tôi bị kẹt lại, khi Việt Cộng lấn chiếm Miền nam chúng đến bắt tôi tại nhà và cho đi tù, mỹ danh gọi là đi Cải tạo. Đến năm 1990, tôi được trả tự do, thì anh tôi vô Miền Nam thăm tôi, sau bao nhiêu năm anh em mới gặp nhau, nhìn nhau nước mắt lưng tròng và anh ở chơi với tôi có ba ngày xong trở lại Hà Nội. Không ngờ chuyến gặp mặt đó là lần chót, ngày 2 tháng Tư – 1991 anh đột ngột từ trần. Chị dâu và các em tôi thuật lại rằng: Sáng ngày 2 thì hai chú em tôi là Ngô Đình Chương và Ngô Đình Tấn, đến mời anh đi ăn sáng, hỏi chị tôi thì chị nói anh thức khuya vẽ một bức tranh lụa lớn do Toà Đại Sứ Pháp đặt vẽ và cần gấp nên mới ngủ trễ, các chú lên đánh thức anh dậy đi. Khi hai em tôi vào thấy anh còn nằm, tưởng anh còn ngủ vén mùng lay đánh thức thì thấy chân lạnh ngắt, lúc đó mới tá hỏa la lên thì chị dâu tôi và mấy cháu chạy lại thì anh đã mất từ lúc nào mà cả nhà không ai hay. Đứa con út của anh tôi thuật lại rằng: Lúc 12 giờ khuya, cháu nó còn pha ly sữa cho anh uống cùng ăn mấy miếng bánh, rồi cháu đi ngủ trước, anh còn vẽ không hiểu anh ngủ lúc mấy giờ. Theo ước đoán thì anh tôi mất vào khoảng từ 1 giờ đến 3 giờ sáng ngày 2 tháng 4 – 1991 tức ngày 18 tháng 2 âm lịch, hưởng thọ 74 tuổi.

Anh tôi được tất cả chín người con, gồm sáu trai và ba gái.

Sau khi anh tôi mất, Toà Đại Sứ Pháp cho người mang tiền thanh toán và họ vẫn nhận bức tranh vẽ dở dang đó. Ngày đưa đám Tòa Đại Sứ Pháp cũng cử người mang hoa đến phúng điếu. Đám tang anh tôi được đông đảo bạn bè và người quen biết đến tiễn đưa. Khi được tin anh tôi mất, tôi muốn ra Hà Nội để tiễn đưa thì tôi lại lên cơn đau tim nằm bệnh viện nên không đi được. Và nói cho cùng có xin đi thì chính quyền địa phương cũng không chấp thuận cho phép rời khỏi địa phương. Sau khi đi tù về, anh em tôi có làm đơn bảo lãnh để cho tôi về Bắc thăm lại anh chị em và quê hương nhưng chúng không chấp thuận, thành thử từ năm 1955 cho đến ngày nay tôi không một lần về thăm nơi chôn nhau cắt rốn. Mặc dù nay tôi đã nhập quốc tịch Hoa Kỳ, nhưng xin Visa để về Việt Nam tất cả ba lần mà đều không được.

Đến nay, anh tôi đã mất được 11 năm, ngồi nhớ lại bao kỷ niệm xưa lúc anh còn sống, và nhìn lại những nét vẽ của anh, gợi lại biết bao vui buồn, nên tôi viết ít để dòng tưởng niệm về anh, người anh kính mến mà tôi đã học được ở anh những đức tính cần cho một con người.

Virginia, ngày 27 tháng 1 năm 2004.

MỘT KỲ ÁN TRONG VĂN HỌC THẾ GIỚI THẾ KỶ THỨ 20 GIẢI MỞ:

CÁI CHẾT CỦA SAINT-EXUPÉRY

NGUYỄNPHÚC BỬU-TẬP

Người Việt Nam ta ở tuổi trên dưới 70, lúc trẻ có học tiếng Pháp, chắc không ai xa lạ với hai tên ông Phạm Duy Khiêm và ông Bùi Xuân Bào. Ông Phạm Duy Khiêm tác giả cuốn *Légendes des Terres sereines* (Truyền Kỳ Mạn Tiên), thuật chuyện nàng 'thiếu phụ Nam Xương" và chuyện "ngày xưa có anh Trương Chi, mặt thì thật xấu, hát thì thật hay" bằng giọng văn tiếng Pháp trong và mát như nước suối Evian. Ông Bùi Xuân Bào đến sau, văn chương trau chuốt óng ả, viết bản luật án về Saint-Exupéry làm sống văn nhân nước Pháp suốt phần sau của thế kỷ thứ 20, trong giới người trẻ Việt Nam.

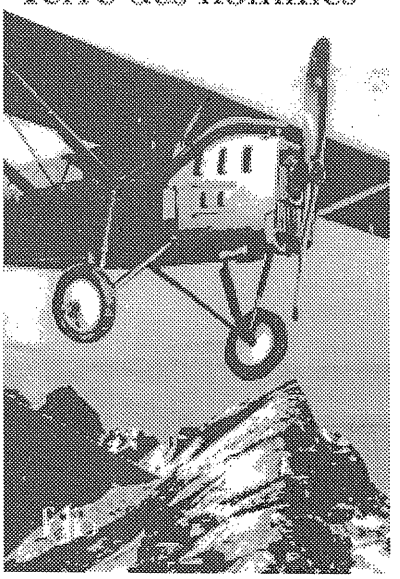

Giữa tháng Tư năm 2004 vừa qua, báo *The New York Times* ở Mỹ và *Le Monde* ở Paris thông tin là xác chiếc máy bay do sĩ quan không quân Antoine de Saint-Exupéry lái được vớt lên từ một nơi gần cửa biển Marseille, thuộc biển Méditerranée (Địa Trung Hải). Danh số (serial number) của máy bay đúng là con số sản xuất của chiếc máy bay mất tích ngày 31 tháng Bảy năm 1944. Như vậy một điều kỳ án trong văn học thế giới đã gây thắc mắc đúng nửa thế kỷ vừa được giải mở. Ta thử lược đọc lại chút tiểu sử của Saint-Exupéry.

Antoine de Saint-Exupéry (từ sau viết gọn St-Ex) sinh năm 1900 tại Lyon, nước Pháp, thuộc một gia đình quý tộc đã suy kém. Từ nhỏ ông thích phiêu lưu, muốn trở thành một thủy thủ. Sức học kém, ông thi trượt vào trường Sĩ quan Hải Quân (Ecole Navale). Chế độ thi cử nước Pháp rất khắc nghiệt, nhiều lúc trớ trêu, như đã đánh trượt văn hào André Gide khỏi kỳ thi Tú tài, và nữ sĩ Franćoise Sagan không qua nổi bằng Tú tài Hai, Bac Philo! Vừa đến tuổi quân dịch, St-Ex chọn binh chủng Không quân. Được bằng cấp lái phi cơ năm 22 tuổi. Thập niên '20 thế kỷ trước là thời kỳ thám hiểm các đường bay, bắt đầu là các chuyến bay bưu tín. Năm 1926, St-Ex xin gia nhập hãng Latécoère, tình nguyện vào toán phi công khai phá đường bay đem bưu kiện xuống Phi châu và vượt Đại Tây dương xuống Nam Mỹ. Vào thập niên '30, St-Ex chính thức trở thành phi công thám hiểm các đường bay mới của hãng hàng không quốc gia Air France và được chỉ định làm phát ngôn viên của hãng. Đồng thời ông cộng tác với báo *Paris Soir*, viết những bài phóng sự về các đường bay mới mở. Thế chiến thứ Hai chợt nổ, tuy đã nhiều lần bị thương trong các phi vụ thám hiểm trước, ông tình nguyện gia nhập đoàn phi công trinh sát, hoạt động thám hiểm hậu cần của địch quân Đức quốc xã. Nước Pháp thất trận. Ông trốn qua được Hoa Kỳ. Năm 1943, ông gia nhập Lực lượng Giải phóng Đồng minh ở Bắc Phi, lại trở thành phi công trinh sát. Phi vụ cuối cùng của ông vào ngày 31 tháng Bảy năm 1944. Phi công và phi cơ được báo cáo là mất tích.

Saint-Exupéry là một trong những người Pháp được dân chúng Pháp tôn thờ nhất, ngang hàng với Victor Hugo và Charles de Gaulle. Cuốn tiểu thuyết của ông *Le Petit Prince* (Tiểu Hoàng tử), viết dưới hình thức một bài thơ ngụ ngôn cho trẻ em, nhưng chứa đựng triết lý cao đẹp cho người lớn, được xem là tác phẩm bán chạy nhất trên thế giới cho đến ngày nay, sau cuốn *Thánh Kinh* và cuốn *Das Capital* (Tư Bản luận) của Karl Marx.

Ta hãy trở lại với ông Bùi Xuân Bào nói về trước tác văn nghệ của St-Ex và cái triết lý sâu đậm St-Ex để lại cho hậu thế. St-Ex đã gặp trong nghề phi công cái sức mạnh hành động mà ông tôn thờ và còn là một vấn đề mới lạ ông đem ra dùng để phục vụ văn học. Ông ca tụng sức hy sinh vô bờ của người lái phi vụ thám hiểm biết chắc mình phải liều mạng sống từng phút giây và khi làm vậy, con người thể hiện được bản lãnh tự

toại và thành đạt của chính mình. Trong tác phẩm đầu tay *Courrier Sud* (Bay thư về Nam), ông tả một người phi công trẻ Jacques Bernis bỏ mình trong sa mạc Rio de Ora. Tác phẩm kế theo *Vol de Nuit* (Bay đêm) mô tả công tác hiểm nghèo của những người đi do thám đường bay, hoạt động đơn độc, và phải thận trọng từng ly từng tấc để hoàn thành sứ mệnh. Trong tác phẩm *Terre des Hommes* (Bùi Giáng dịch tựa đề gọn và đẹp là "Cõi Người Ta") ông thuật lại công tác và suy tư của chính ông khi đi thám hiểm đường bay. Ông đã đã dùng chiếc phi cơ ông đang lái làm khí cụ để phân tích thế gian và thế nhân, và đo lường nhiệm vụ hỗ trợ giữa người với người trong sứ mệnh cao cả là chinh phục không gian.

Khi chiến tranh đi vào giai đoạn khốc liệt, nước Pháp trước gót dày đinh của quân Đức không còn mảy may hy vọng giải cứu, ông thuật lại hành động vô vọng của ông trong chuyến bay trinh thám cuối cùng vào tháng Năm 1942, trong tiểu thuyết *Pilote de Guerre* (Phi công chiến tranh). Pháp đầu hàng, ông trốn thoát được sang Hoa Kỳ. Sống trong cộng đồng người tỵ nạn, ông ngao ngán – cũng như trường hợp của nhà bác học Alexis Carrel – vì hành động nhỏ nhen tị hiềm... của người đồng hương Pháp kiều, St-Ex viết cuốn *Lettre à un Otage* (Thư viết cho một con tin), kêu gọi người Pháp đoàn kết. Ông Tây (danh từ người Việt gần gũi gọi người Pháp) luôn luôn như vậy chơi trò ăn xổi ở thì, cứ nhìn cách đối xử của họ đối với nhân dân Hoa Kỳ, từ đầu thế kỷ thứ 20 xả thân mấy phen cứu họ và họ đền ơn bằng cách đá giò lái tại Iraq ngày nay! Năm 1943, ở Hoa Kỳ, St-Ex lập được một kỳ công: ông viết xong tác phẩm kiệt xuất *Le Petit Prince*, đã được dịch ra mọi ngôn ngữ trên thế giới (người viết bài này chưa được đọc bản dịch tiếng Việt). Hình thức là một câu chuyện ngụ ngôn viết cho trẻ nhỏ, nhưng nội dung là một bài học nhẹ nhàng nhưng sâu đậm, chứng minh là điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống là hành động chân thiện, và cái giá trị tuyệt đối của hành động là biết yêu thương và cưu mang. Phải nói tới sau cùng một tác phẩm di cảo xuất bản năm 1952, sau khi ông mất, tiểu thuyết *Citadelle*, ghi nhận những ý nghĩ thâm sâu của ông, cho rằng giá trị tuyệt đối của nền văn minh nằm trọn trong cách con người quan niệm sự sống, và chỉ có sáng tạo mới đem lại ý nghĩa trọn vẹn cho đời người.

Sau Thế chiến thứ Hai, cái chết của St-Ex trở thành một kỳ thoại và tác giả trở thành một nhân vật truyền thuyết. Một phần lý do là vì người ta đem so sánh cái chết của ông với nhân vật thơ mộng ông đã sáng tạo trong *Le Petit Prince*, nhân vật này "đã gọn ghẽ tiêu tan trong mây khói." Tháng Tư năm 2004, truyền thông Tây phương loan tin đã tìm ra được xác chiếc máy bay, và nhất quyết chiếc máy bay này do phi công Saint-Exupéry lái.

Báo chí ăngloxắcxôn nhắc lại sự nghiệp văn học của St-Ex, như báo *Guardian* và *Daily Telegraph* ở Luân Đôn, như báo *Christian Science Monitor* ở Boston... không che đậy cảm tình sùng kính đối với văn nhân (ông mất dưới danh hiệu là một sĩ quan của Lực lượng Đồng minh), nhưng đọc kỹ ta nhận thấy là các nhà báo không giấu giếm được chút dư vị chua chát đối với các ông bạn Pháp-lang-sa đang ranh mãnh hãm hại người Hoa Kỳ là ân nhân của họ. Phóng viên Stacy Schiff trong báo *The New York Times* viết là con số "serial number" trong chiếc hộp đen "black box" tìm trong phi cơ đã làm tiêu tan thần thoại về "chuyến ra đi vào mây khói" của St-Ex, thần thoại đồng hóa St-Ex với nhân vật Le Petit Prince.

Thế nhưng thần thoại thật đã hoàn toàn tan biến chăng? Bản đúc kết các dữ kiện khoa học và pháp lý trên xác chiếc máy bay xác quyết là không thấy được bất cứ một dấu vết nào nhỏ hay lớn của một lần đạn do địch quân bắn vào làm rơi máy bay. Như vậy, giả thuyết cho rằng máy bay bị súng phòng không hay súng từ phi cơ địch bắn hạ phải loại dứt khoát ra khỏi vòng định đoán. Một giả thuyết tiếp theo là St-Ex tuổi đã khá lớn, và chỉ được huấn luyện thô sơ (theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ) về nghề phi công trinh thám, lại chưa quen với máy bay loại mới P38 của quân lực đồng minh, nên đã lỗi lầm phạm vào một động tác gây ra tai nạn. Jon Henley (báo *Guardian*) theo dõi kỹ cuộc điều tra cho rằng lý luận trên hợp với thực tế, vì phi cơ rơi từ cao xuống đáy biển theo một đường thẳng đứng, với tốc độ rất cao, và chuyên viên không thấy được dấu vết một đường bay lượn nào mà bất cứ một phi công nào khác lúc gặp tai nạn cũng cố gắng kìm hãm đường bay cho đến phút chót.

Từ dữ kiện này chỉ một bước đi đến giả thuyết chính phi công đã tìm cách tự vẫn, lái máy bay đâm thẳng xuống biển. Lý luận như vậy rất hợp với người Pháp, luôn luôn thơ mộng, ước mong sự thật là vậy, để thần thánh hóa truyền thuyết St-Ex.

Người Việt Nam ta, thế hệ quen biết St-Ex qua Bùi Xuân Bào, hiểu rõ là St-Ex suốt đời kinh nghiệm sống hành động, và đã đề ra cái triết lý sống động ca tụng hành động hướng thiện của con người, phải hiểu rõ sự thật không ở trong lập luận ăngloxắcxôn, và cũng không ở trong cách suy tư thần thánh của người Pháp, mà lại ở trong triết lý của St-Ex: sự thật gần ta *trong gang tấc*, nhưng xa ta *lại gấp mười quan san*, vì trong đời sống ngày nay ta cảm thông bằng tín hiệu điện cơ cách xa nhau ngàn dặm và di chuyển, vận chuyển bằng máy bay.

Về Lại Bến Sông

HỒ PHÚ BÔNG

Năm năm rồi thì phải, có thể hơn kém chút xíu, đi lễ nhà thờ, một ông Mỹ đen, to lớn cỡ gấp rưỡi tôi, đưa tay ra bắt tay tôi. Tôi định nói "how are you doing" thì ông Mỹ chào trước:

- Dạ, cháu chào chú.

Tôi chưng hửng. Tưởng lầm là ông Mỹ thiệt.

- Chào anh. Qua lâu chưa?

- Dạ, cháu mới qua được hai tháng.

Trai, Mỹ lai, giống như Mỹ thiệt. Cao lớn. Vạm vỡ. Tóc xoăn tít. Nếu Trai có thêm giọng nói ồm ồm nữa, ban đêm tối trời, tình cờ gặp ngoài đường, ắt hẳn phải hồn phi phách tán! Trái lại, giọng Trai thật trong và nhẹ. Tôi không hình dung được giọng Trai thuộc vùng nào ở Việt Nam. Bắc, Huế thì chắc chắn không phải. Nam Kỳ Lục Tỉnh cũng không. Nếu bình thường người ta chia giọng nói ở Việt Nam chỉ đơn giản là Bắc, Huế và Nam thì giọng Trai thuộc miền Trung. Tôi nghĩ có thể khoảng từ Đà Nẵng tới Nha Trang. Cuộc chiến khốc liệt, tàn bạo và dai dẳng đã đẩy xô mọi người chạy tán loạn, nên âm sắc pha tạp lung tung. Nhưng nghe cách sử dụng ngôn từ cũng hình dung được nếp sống đôi chút. Nghe giọng Trai, tôi nghĩ anh là lai nhưng "chắc cũng đàng hoàng." Trai có vợ, hai con và vợ đang mang thêm cái bầu. Gia đình Trai còn có thêm ông bà cụ, cha mẹ nuôi.

Chưa đọc "Unwanted" của Kiên Nguyễn nhưng tôi hình dung từ chữ unwanted là "tôi đâu có muốn thế!" cho nên chuyện con lai ở Việt Nam, nhất là sau năm 75, dưới cặp mắt căm thù Mỹ-Ngụy thì chắc chắn chỉ là loại cặn bã của xã hội. Thực tế, thì trước 75, con lai cũng bị xếp vào thành phần thấp nhất, nhưng không bị căm thù. Rồi những khuôn mặt mới vô Nam, đằng đằng sát khí sau 75, "đánh cho Mỹ cút," thì con lai bị đè xuống tận sình lầy. Mỹ thiệt thì đã cao bay xa chạy, nhưng loại con nít Mỹ lai nầy còn lại, thì bị thêm một tầng địa ngục!

Khi còn ở trại tị nạn Bataan, Philippine, thì vùng 2 là rắc rối nhất. Con lai quậy phá đủ chuyện. Trả thù đời! Khi có chương trình ODP diện con lai, thì từ tận sình lầy xã hội, bỗng chốc con lai được đưa lên hàng trân châu, bảo ngọc. Người ta đua nhau giành giựt. Mua bán. Thương thảo. Sang nhượng. Kỳ kèo. Chiều chuộng. O bế. Hình thành "phong trào con lai." Ai cũng mong con lai nhận họ là cha mẹ nuôi, anh chị em kết nghĩa. Rồi đến màn huấn luyện để con lai trả lời cho trôi chảy khi được phỏng vấn. Mấy quan chức đã ở trong cái chăn Xã Hội Chủ Nghĩa mấy chục năm nên biết rõ từng loại rận lớn, rận nhỏ cùng khắp, là người bén nhạy nhất chuyện con lai. Vừa quan, vừa tiền, mua đi bán lại, mấy ông phù phép cho cậu ấm, cô chiêu thành anh chị em của con lai dễ dàng. Tên họ thiệt với thành tích cách mạng bị vứt bỏ không thương tiếc. Họ mang những cái tên mới, vô cùng xa lạ, đôi lúc thật kỳ cục, của anh chị em con lai thứ thiệt. Những con người nhân danh đấu tranh cho giai cấp bị bóc lột, đã tự hào là từ giới bần cùng, đang tự hạ mình thêm

một bậc nữa: bậc anh chị em với con lai! Cái ân sâu, nghĩa nặng dưỡng dục con lai của người nuôi dưỡng đã bị mấy ông rủng rỉnh bạc tiền mua đứt!

Qua đến trại tị nạn thì âm mưu của những kẻ mua bán gần như đã thành công cho cậu ấm, cô chiêu đặt chân đến Mỹ. Con lai hiểu rõ điều đó, đâu có tình nghĩa gì, cũng chẳng ai nhìn con lai tôn trọng. Con lai là loại giang hồ, lang bạt. Loại đầu đường xó chợ. Quen nếp sống bụi đời, cho nên chuyện ghép phom*, bỏ phom, tố cáo, hăm he, xảy ra tùm lum. Thế nhưng vỏ quít dày thì có móng tay nhọn. Ở trại tỵ nạn, con lai muốn trả thù đời, đòi nộp đơn xin thay đổi tình trạng quan hệ cá nhân trong hồ sơ ODP, đôi lúc cũng kịp nghĩ lại. (Kể cũng lạ, Xã Hội Chủ Nghĩa thì không có "giai cấp" nhưng "thành phần" cùng đinh lại cưu mang nhau, còn "thành phần" thống trị thì "mồm loa mép dãi"! Người ta nhân danh đạo đức, kể cả thứ "đạo đức" sang nhượng, mua bán con người!) Cha mẹ có công nuôi dưỡng thứ thiệt thì nghèo khó, cùng đinh, lại bị hù dọa, răn đe tại quê nhà. Điều kiện "chung-chi" bao giờ cũng ràng buộc cho đến khi cậu ấm, cô chiêu đặt chân bình an lên đất Mỹ. Cho nên, khi buồn, con trai thì bê tha, say sưa, gây gổ. Đâm chém nhau rồi vô trại kỷ luật, làm anh hùng "thằng nầy cóc sợ thằng nào." Con gái thì lang bang, hết cặp người nầy đến cặp người khác. Mấy ông đi diện ODP, nhận tiền hàng tháng từ thân nhân ở Mỹ nên no cơm ấm cật. Rủ rê, cho tiền, dắt xuống suối vùng 5 làm bậy. Hình thành một thế giới mới của "chị em ta." Còn dân "ô đi ghe," nghèo rớt mồng tơi, thì lại đi lãnh làm công việc cộng đồng. An ninh. Trật tự. Lại phải đối đầu thêm khó khăn. Chuyện con lai tại trại tị nạn là như vậy, nên những người bình thường, dù không muốn xía vô chuyện người khác cũng chẳng mấy ai có cảm tình! Cái ấn tượng đó cũng có trong đầu tôi. Do đó, khi vừa gặp Trai, tôi ở vào thế thủ. Không muốn kết thân, cũng không muốn liên hệ nhiều. Mọi chuyện cư xử với nhau đều theo phép lịch sự. Từ từ.

Mãi mấy tháng sau, vợ chồng Trai cũng đi nhà thờ đều đặn, gặp tôi lúc nào cũng niềm nở. Khá thân tình. Vợ Trai cũng thuộc loại "nồi nào úp vung nấy" nhưng lễ phép, nói năng rất đàng hoàng. Khi tiếp xúc, tôi không thấy có điều chi ẩn giấu phía sau. Dân cùng đinh tuy nóng nảy nhưng chất phác. Ít khi ngụy tạo. Dù vậy, cũng có lời ong tiếng ve lọt đến tai tôi. Chuyện đời, chẳng có ai hoàn hảo. Được lòng người nầy, thì mất lòng người kia, là chuyện thường tình. Đôi lúc chuyện chẳng ăn nhằm gì đến ai cả nhưng cũng không thoát được sự soi mói, xét nét. Tôi cũng chẳng biết tin từ đâu đến, Trai hay rầy rà vợ con ở nhà. Nhậu nhẹt lung tung. Khi ông thần lưu linh nhập vô rồi thì Trai bạt mạng. Coi cảnh sát bằng vung! Không có bằng lái xe nhưng cứ lấy xe vợ, lái chạy ào ào. Bị cảnh sát bắt nhốt. Cho đến lúc nầy Trai vẫn chưa có bằng lái xe. Đi làm thì quá giang. Đi lễ thì vợ chở. Trai hận lắm nhưng cũng không cách nào vượt qua được cái bằng luật. Trai không biết đọc và viết tiếng Việt, đừng nói gì đến tiếng Anh. Cho nên vợ con Trai rất vất vả vì chuyện nầy. Gặp dèm pha từ bên ngoài, Trai đem về, giao trọn gói cho vợ con, nên nhân viên xã hội rất thường đến viếng thăm nhà. Cái xóm có gia đình Trai mướn trở nên ồn ào. Nghe chuyện không vui và nghĩ Trai cũng có chút tôn trọng tôi, nên tôi thử đến thăm nhà một lần cho biết.

Cả gia đình đón tôi thật niềm nở. Đây là lần đầu tiên tôi có dịp tiếp xúc riêng với họ. Ở nhà thờ thì cha mẹ Trai không bao giờ nói ra điều gì. Họ hoàn toàn im lặng. Tôi có đến bắt tay thì ông cũng chỉ gật gật cái đầu và dùng cả hai tay nắm tay tôi giựt giựt, giống như tôi cao tuổi hơn ông bà cụ. Khi ở nhà thờ, vợ chồng ông bà cứ giống như người bị bệnh câm, chẳng bao giờ tôi nghe họ nói. Bây giờ thì khác. Ông bà cụ nói rất nhiều, đặc biệt là ông, và có vẻ thoải mái lắm! Thoải mái đến nỗi, mỗi một câu ông cụ nói ra đều có hai tiếng chữi thề ĐM đi trước! Không hiểu có phải vì sợ thói quen hay không, nên khi ở nhà thờ ông không dám mở miệng (?). Tôi ngỡ ngàng nhưng cố che giấu sự khó chịu. Kể ra tôi che giấu cũng khéo nên ông bà cụ cứ thế mà tâm sự.

Biến cố 30-4. Ông đi thu lượm đồ đạc của người di tản bỏ lại, về làm của. Xã hội mới là xã hội của người nghèo, của giới vô sản. Vợ chồng ông là vô sản thứ thiệt nên cứ lo lượm đồ đạc người ta quăng, đem về nhà. "ĐM, bọn nhà giàu bỏ chạy, tui nghèo bỗng chốc trở thành vua," ông kể lại như vậy. Khi đi lượm của, ông bắt gặp một thằng nhóc đen, khoảng 8, 9 tuổi. Áo quần đang mặc không thuộc loại sang trọng nhưng cũng không phải thuộc loại bụi đời. Thằng nhóc chạy tới, chạy lui khóc lóc. Tuy nó đen nhưng ông cũng thấy được nét kinh hoàng trong mắt nó. Giữa nháo nhào, thằng nhóc kêu gào đến khản cả tiếng. Ông đón nó lại. Vỗ về. Nó bị lạc mất cha mẹ. Nó năn nỉ ông dắt đi tìm cha mẹ nó, nhưng chẳng tìm đâu ra. Phố nào cũng giống như phố nào, dưới mắt trẻ thơ. Cũng có thể nó ở một thành phố nào khác

chạy tới, nhưng trong cơn hỗn loạn nó không biết. Nó đói ông cho nó ăn. Nó khát ông cho nó uống. Ông đem nó về căn nhà góc phố bỏ trống vì gia chủ đã bỏ chạy, ở với vợ chồng ông. Cái thơ ngây trong hoảng loạn làm ông thương nó. Khi đang lúc con lai bị đẩy ra ngoài đường, vì mọi người đều sợ hãi tang chứng "đế quốc Mỹ" thì vợ chồng ông, thuộc loại "cùi không sợ lở," đem nó về nuôi.

Trai như con chó hoang tìm được chủ mới!

Thời gian đầu nó nhớ cha mẹ nên khóc hoài. Biếng ăn. Thờ thẩn. Con nít thường chóng quên nhưng với cái tuổi đã biết được chút chút như nó thì những hình ảnh êm đẹp dưới mái gia đình cũ rất khó quên. Nhưng dần dần nó cũng nguôi ngoai (không biết tôi có bị ám ảnh bởi chuyện kể hay không, nhưng tôi vẫn thấy nụ cười và đặc biệt trong ánh mắt màu tro-than của Trai, như vẫn ẩn chứa cái mênh mông buồn!)

Ông bà cũng không biết nó tên gì, hỏi thì nó phát âm giữa Lai và Trai nghe không rõ. Nó đẹp cũng giống như một viên ngọc trai và vì nó là con trai nữa, nên ông đặt là Trai cho tiện. Cái tên Trai bắt đầu từ đó. Căn cốt nó cũng tốt. Có thể cha mẹ trước của Trai không thuộc loại cùng đinh, nên Trai ăn nói rất đàng hoàng. Không chửi tục hay xấu ăn. Chuyện vệ sinh cá nhân rất nề nếp, không bậy bạ. "ĐM, vợ chồng tui phải học lại nó cách sinh hoạt, ăn ở trong nhà!" ông kể như vậy. Nhờ đó, ông đoán có lẽ gia đình cha mẹ Trai đàng hoàng, cũng có thể Trai là con ruột của mẹ nó chứ không phải là con xin nên mới được giáo dục tử tế như vậy.

Thời gian sau, Lê Trai chính thức là con trai của ông bà trong hộ khẩu. Chế độ mới là chế độ của người vô sản nhưng gia đình ông bà cũng bị mời ra khỏi căn nhà đang chiếm ngụ. Chế độ vô sản chuyên chính dành cho những người mới, có địa vị, giàu có, thế vào. Ông bà quay trở về góc chợ để ở.

Lo cho tương lai của Trai, vợ chồng ông dẫn Trai đến trường, xin học. Tuy nó nhỏ tuổi nhưng to con gấp bội so với những đứa cùng trang lứa. Lũ trẻ xúm nhau chọc ghẹo, xỉa xói. Chịu không được nên nó đánh lộn. Đám thầy cô giáo mới lạ, không bênh vực cho nó, đã đành, mà còn xỉ vả nó: "Bọn đế quốc nhà mày đến bây giờ vẫn còn đế quốc!" Cái giọng Bắc rặt 30-4 của bà giáo, Trai đâu có hiểu gì. Nó khóc và chạy về nhà. Người mang trách nhiệm đào tạo "con người mới Xã Hội Chủ Nghĩa" đã dạy cho nó bài học đầu như vậy! Tuy thế, vợ chồng ông vì sợ Trai thất học, nên bấm bụng, mấy lần dẫn Trai trở lại trường xin cho nó học, cũng đều bị từ chối với đủ mọi thứ lý do. Xã hội mới không có chỗ cho "tàn dư đế quốc"!

Trai lớn lên, không được học hành. Không chữ nghĩa. "ĐM, con tôi dốt là tại bọn chó đẻ nó đuổi không cho học" ông vẫn còn giận dữ khi kể lại. Được cái lớn xác nên Trai làm nghề khuân vác ở chợ rất giỏi. Túp lều nơi góc chợ của ông bà và Trai, bữa đói, bữa no, nhưng đùm bọc lấy nhau.

"Con dâu tôi nó đi bán vé số, cũng cùng dân xóm chợ với nhau. Nói nào hay, tui cũng đâu có biết trước..." bà xen vào câu chuyện có vẻ hãnh diện. Vợ Trai tiếp: "Con đi bán vé số cũng đâu có đủ sống, nên cứ la cà tới tiệc nhậu của mấy ổng. Mấy ổng "xỉn" lên mấy ổng mới mua nhiều vé số! Rồi có ông cho tiền con, dắt con đi ngủ. Nhờ vậy, đôi lúc con mới có chút tiền lo cho mấy đứa em con. Nhưng "ông bà" cũng thương, nên tai qua nạn khỏi. Dần dần mấy ông nhậu biết hết, cứ đòi ngủ với con mới cho tiền. Con nghĩ "tai

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

KHƠI TRĂNG VỀ

Tôi khoác nỗi buồn từ hương án
Sầu tháng năm đan mắc nhện giăng.

Với tay lên cành bưởi cỗi
Hương nhà bên hoa xưa trôi xa!
Khơi kỷ niệm lòng cay lên khóe
Thuở đất trời xanh suốt nụ hôn.

Ai qua bờ vực dòng sông dậy
Khơi trăng về hợp những mùa thương.

nạn" trước sau gì cũng phải xảy ra. Con sợ quá. Cứ nhờ mấy cô y tá trong xóm chỉ cách, bao giờ chắc ăn con mới dám! Sau đó con gặp anh Trai. Kể hết với ảnh. Thấy ảnh thương con thiệt tình. Ảnh nói ảnh sẽ cố gắng làm thêm để phụ giúp với con. Nhìn cái thân "bồ tượng" của ảnh, đôi lúc cũng run tay, run chưn, vì đói, làm con mủi lòng! Tụi con thương nhau thiệt nên về ở với nhau. Có đói cùng đói. Có no cùng no. Được cái ba má ảnh cũng thương con, lo cho con, nên tụi con mới thành vợ thành chồng." Vợ Trai kể một lèo, trút ra hết được tâm sự lâu nay, rồi lấy tay lau nước mắt.

Lúc nầy thì Trai mới tự nhận lỗi, là thường say rượu vào cuối tuần. Trai nói "Mình là đàn ông mà không thể lái xe thì coi làm sao được, nhưng không có cách nào con thi đậu được cái bằng luật! Buồn quá nên đôi lúc con có làm bậy!" Vợ Trai được dịp, kể ra bao nhiêu sự chịu đựng (mà hình như chưa được san sẻ với ai!). Thôi thì, đây cũng là dịp tốt để vợ Trai ta thán chồng mà không sợ gặp phản ứng. Vợ Trai hài tội đến đâu, Trai nhận lỗi đến đó. Thêm cái ông bà già của Trai luôn đứng về phía dâu nên không khí thoải mái, không căng thẳng và đôi lúc lại cười òa với nhau. Tôi biến thành một nhân chứng bất đắc dĩ, ghi nhận tâm sự của gia đình Trai. Trai thuộc loại ít nói và khi nói, đều biểu lộ sự thành thật. Không chút ngụy tạo. Tôi nghĩ Trai rất có hiếu với cha mẹ. Cái hiếu rõ ràng nhất là Trai từ chối mọi mối lái, tiền bạc khi có chương trình ODP con lai. Ông bà cụ Trai khuyên nên nhận tiền của nhà giàu, nhìn nhận họ là cha mẹ nuôi, để họ cùng đi với vợ con Trai, ông bà ở lại. Trai nhất định từ chối. Không chịu. Trai chỉ nói một câu đơn giản "hồi thiệt nghèo đói, thế mà hạnh phúc, thì lúc nầy không cần thêm bất cứ thứ gì nữa cả." Có một gia đình giàu khác đưa đề nghị, Trai làm đám cưới với con gái của họ, để gia đình họ cùng đi. Họ sẽ giao lại toàn bộ tài sản đang có cho vợ con và cha mẹ Trai. Trai cự tuyệt. Ông bà cụ Trai kể lại và rơm rớm nước mắt. Ông không dùng chữ "có hiếu" nhưng lại dùng "ĐM, nó có nghĩa lắm. Vợ chồng tui nhất định không đi, để nó có chút tiền bạc lo lắng chuyện giấy tờ, sắm sửa cho vợ con nó, còn thừa thì cho vợ chồng tui chút đỉnh, nhưng nó không chịu."

Trai phân trần với tôi:

- Chú nghĩ coi, làm sao được. Cái thân cầu bơ cầu bất của con thì sống ở đâu chẳng được, con chỉ cần tình thương thôi. Nghèo đói còn sống với nhau được mà!

Hai đứa con của Trai chơi ở bên ngoài, chạy vô, sà lại với tôi. Chúng ít đen hơn bố nhưng tóc thì cũng quăn tít. Lông mi dài và cong vuốt. Tôi xoa đầu chúng. Trai bước lại chỗ tôi, kéo chúng ra "đừng phá ông, để ông nói chuyện với ông bà nội." Tôi còn rất trẻ, chỉ hơn Trai khoảng năm, bảy tuổi, bỗng được lên chức "ông" ngang xương, nhưng tôi không buồn, vì đó là cách vợ chồng Trai bày tỏ sự kính trọng! Tôi gợi ý:

- Chuyện cũ coi như qua rồi. Đừng nhắc đến nữa. Mọi người sang đây ai cũng bắt đầu lại từ con số không. Đây có lẽ là sự công bằng nhất của mọi người khi mới đến. Từ đây vợ chồng Trai cứ chịu khó làm ăn. Mấy nhỏ thì giao cho ông bà nội ở nhà lo. Như vậy chẳng mấy chốc thì gia đình Trai sẽ dễ khấm khá hơn những gia đình khác. Đàng nào cũng lao động vất vả quen rồi. Cố gắng đi. Còn chuyện cái bằng lái thì tôi sẽ cố giúp cho. Tôi sẽ dạy Trai "khẩu quyết nhập tâm" kiểu phim chưởng , rồi hãy thi lại.

Trai nghe tôi dùng chữ "khẩu quyết nhập tâm" thì khoái thấy rõ:

- Con chịu chú rồi. Chữ nghĩa con không biết nhưng "khẩu quyết nhập tâm" thì chắc con sẽ thi đậu.

Tôi mất khoảng một tuần dạy "khẩu quyết' thì Trai nhớ rất tốt. Sự thật, những luật lệ thì Trai biết đã khá nhiều nhưng khi thi đọc không hiểu, cứ quẹt lung tung nên hỏng.

Khi đưa Trai đi thi, thì trong hồ sơ, Trai đã bị hỏng hơn chục lần! Gặp cô Mỹ còn trẻ măng, ngạc nhiên, mở lớn đôi mắt xanh biếc, liếc sơ qua, rồi nhìn Trai, phán một tràng, vì tưởng Trai là Mỹ thiệt. Cô nói với nụ cười thật dễ thương, cô không hiểu tại sao chỉ có cái bằng luật mà thi hoài không đậu. Trai ngơ ngẩn, không hiểu. Tôi chen vào:

- Ông nầy không phải là Mỹ thiệt. Ông là Mỹ lai Việt. Luật lệ thì ông biết, nhưng ông không đọc được tiếng Anh và cả tiếng Việt Nam nên sự thể mới như thế nầy.

Cô Mỹ tròn mắt ý muốn hỏi lại tôi "thiệt hả?" Tôi trả lời:

- Yes.

Rồi tôi gợi ý:

- Tôi có giấy chứng nhận làm thông dịch ở Tòa Án vậy cô có cho phép tôi làm thông dịch câu hỏi và câu trả lời cho ông Trai được không?

Cô Mỹ vô hỏi ông giám thị. Ông giám thị ra kiểm chứng. Tôi kể đến việc Trai bị cảnh

sát bắt giam trước kia và bị nhốt oan đến 15 ngày vì khi bị cảnh sát hỏi, chữ đáng trả trả lời là "yes" thì Trai nói "no". Chữ phải nói "no" thì Trai trả lời "yes". Cảnh sát cũng không biết đâu mà mò. Đợi đến khi tìm được người xác minh thì Trai mới được tha. Thế mà Trai cũng chẳng phàn nàn gì cảnh sát.

Sự chịu đựng trong suốt cả tuổi thơ đã dạy cho Trai sự cam phận với chức quyền.

Hôm đó Trai đậu được cái bằng luật. Trai mừng như người ta đậu được cái bằng hành nghề bác sĩ! Khi Trai đóng tiền, chụp ảnh, lăn tay, chờ nhận cái bằng luật, và lấy cái hẹn mới để thi bằng thực hành, tôi nói với Trai:

- Thi bằng lái thì dễ rồi phải không? Nhưng coi chừng người ta bảo quẹo trái thì quẹo phải. Thắng gấp thì đạp thêm ga...

Trai nhìn tôi thật hiền lành, cười cười:

- Được mà chú. Chút chút thì con hiểu được. Cái khó nhứt với con là cái bằng luật mà thôi.

Bẵng đi thời gian, vì công việc làm ăn, tôi phải thay đổi chỗ ở. Đi tiểu bang khác. Lu bu đủ thứ chuyện nên tôi không liên lạc bạn bè cũ. Khi có vacation, tôi nhường dịp Christmas cho bè bạn người Mỹ làm họ mừng lắm. Còn tôi, đợi dịp tết Việt Nam để thăm lại cảnh cũ, người xưa. Tìm lại chút hơi hám mùa xuân trong cộng đồng người Việt. Cũng muốn tạo chút bất ngờ cho bè bạn nên tôi không báo trước. Lấy xe rời phi trường tôi lái thẳng đến thăm gia đình Trai trước tiên.

Căn nhà trong dãy chung cư vẫn còn nguyên đó nhưng khung cảnh đã khác xưa. Cái chung cư nghèo, vùng ngoại ô, sao chiều nay thật buồn và tẻ lạnh. Cầm mấy gói quà nhỏ trong tay cho ba đứa con Trai, tôi bước ra khỏi xe, chân giẫm đạp lên xác lá khô vàng. Gõ cửa. Một người có mái tóc đen hé cửa nhìn ra. Tôi hỏi bằng tiếng Việt nhưng nghe lại một tràng tiếng Spanish trả lời. Tôi ngỡ ngàng. Hỏi về gia đình Trai, không ai biết. Lúc nầy tôi mới gọi phone cho mấy người quen.

Chiều hôm sau, một người bạn đưa tôi đến nghĩa trang. Khung cảnh nghĩa trang bao giờ cũng buồn. Nhưng tôi buồn hơn. Buồn đến lặng cả người, như khi vừa mới nghe tin Trai mất! Nghĩa trang nhà giàu thì đầy cây cảnh, hoa tươi, được cắt tỉa cẩn thận, khi nhìn vào thấy đẹp như một công viên nhưng đây là cái nghĩa trang nghèo vùng ngoại ô, không được ai chăm sóc. Rải rác, đây đó những đóa hoa bằng nhựa được đặt trên vài tấm bia mộ, như nằm chơ vơ trên mặt đất. Cây cỏ xác xơ. Vàng úa theo mùa đông. Đi lòng vòng một lúc, người bạn nói với tôi "đây rồi!" rồi ngồi xuống lấy tay cào cào lớp đất cát, lá vàng, trên bia mộ. Cái tên Lê Trai hiện ra. Lem luốc như đời sống của Trai. Cả cái nghĩa trang, tôi nghĩ, có lẽ chỉ có mình Trai là người Việt. Nhưng thật ra Trai là người Việt hay Mỹ(?). Không biết Trai có nghe và hiểu hết được những người ở dưới đó thăm hỏi không, khi họ gặp mặt? Họ có nhầm Trai là người Mỹ như những người đang sống ở trên nầy không? Người bạn nói với tôi:

- Nó còn trẻ quá. Mấy ai ngờ lại chết vì bệnh tim! Hôm đó sau khi đi làm về, Trai đang ngủ thì cả người bị co giựt rất mạnh, như bịnh kinh phong. Vợ Trai không biết việc gì, vì Trai chưa bao giờ có dấu hiệu gì lạ. Ôm lấy chồng, nhưng cũng không kiềm giữ nổi. Cả hai văng xuống đất. Gọi 911, khi xe đến thì Trai đã chết. Bệnh viện giải phẫu. Kết quả xét nghiệm cho biết Trai chết vì bệnh đột quỵ tim (heart attack), dạng sơ cứng động mạch vành (coronary artery disease), do di truyền. Bác sĩ cho biết, nếu biết được là có bệnh tim di truyền thì có thể bệnh nhân đã được hướng dẫn trước để ngăn ngừa. Nhưng trong hồ sơ sức khỏe của Trai không thấy ghi lịch sử bệnh di truyền của cha mẹ! Không có ai trả lời, và cũng chẳng cần thiết nữa. Trai đâu có biết cha mẹ mình là ai thì làm sao biết được bệnh di truyền. Có chăng, thì hồ sơ sức khỏe của mấy đứa con Trai giờ đây mới phải ghi thêm vào!

Sau khi Trai mất, cha mẹ Trai quyết định trở về lại Việt Nam. Buổi sáng, trước khi đưa ra phi trường, vợ con Trai tranh thủ đưa ông bà cụ ghé thăm mộ Trai lần cuối, để từ biệt. Bà cụ móc từ trong túi áo, lấy ra tấm hình của Trai, chụp khi làm hồ sơ ODP, đặt trên bia mộ. Bà cụ nghẹn ngào: "Thôi con ở lại." Mọi người òa khóc. Bé gái út, còn ẵm trên tay mẹ, cũng khóc.

Những dòng nước mắt như của một dòng sông. Ai là người đang trôi về lại bến?

Tôi hỏi người bạn:

- Vợ con Trai bây giờ ở đâu?

Người bạn lắc đầu.

Chúng tôi nghe rõ tiếng lạo xạo theo từng bước chân, đang giẫm đạp lên xác lá khô vàng trên con đường quay trở ra xe. Bầu trời mùa đông xám xịt. Những cành cây khẳng khiu như những cánh tay đang chới với giữa không gian.

Đang là mùa đông nơi xứ người, tìm đâu được mùa xuân trong lòng người xa xứ.

*Form, là mẫu đơn xin thay đổi tình trạng quan hệ cá nhân trong hồ sơ ODP.

HÌNH BÓNG

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Bướm trắng bay đi...
Bầy lan run rẩy mộng
(Nhịp cầu – Vũ Hoàng Chương)

Một đêm nào đi vào giấc ngủ tôi mơ thấy mình trở thành một đạo diễn phim ảnh. Đạo diễn quay ống kính soi ngược vào dĩ vãng của mình tìm kiếm những hình bóng đã mất trong quá khứ. Tôi thấy tôi ẩn hiện trong khung cảnh núi đồi của miền đất cao nguyên Lâm Viên. Đạo diễn thu ống kính lại gần. Căn nhà chúng tôi ở hiện ra, kéo lại, rõ nét. Căn nhà trên đường Đặng Thái Thân nằm ở đỉnh đèo Prenn thuộc thành phố Đà Lạt. Một căn nhà bằng đá, tường dầy, cửa sổ thụt sâu, mái nhọn, đứng một mình, chênh vênh nhìn xuống triền một đồi thông trùng điệp. "Zoom" qua cửa kính sâu vào vách đá trong căn phòng khách sàn gỗ đánh vec-ni là hình bóng cha tôi giơ cao cây kèn clarinet. Chung quanh ông trên tường những đóa phong lan treo cùng khắp. Đó là một bức tranh tĩnh. Cho đến khi đạo diễn bấm "play." Bố tôi xoay người đưa kèn về phía chậu lan Thanh Ngọc, môi dưới ông mím chặt, tiếng clarinet đanh thép cất lên. *Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng... Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào Nguyên... Kìa đường lên tiên... Kìa nguồn hương duyên...* Tôi kéo ống kính lùi xa để nhìn toàn cảnh. Tiếng kèn nhỏ đi rồi mất hút. *Theo gió tiếng đàn xao xuyến. Phím tơ lưu...* Trên lối đi trải sỏi người đàn ông dắt chiếc xe đạp cũ. Bên cạnh là một người đàn bà trẻ, da mặt căng và ửng hồng như một quả mận ở trại Hầm. Hai người chậm

chạp đi trên con đường dốc về phía căn biệt thự bỏ hoang mà tôi đặt tên Đỉnh Gió Hú. Chót cao một cây thông lớn ngang tầm với mái nhà là Ngoạn Mục Đài, thế giới tuổi thơ tôi. Trên đó đứa trẻ tay cầm súng cao su ngồi vắt vẻo giữa hai thanh ván đóng vào trạc ba của nhánh thông. Từ tầm cao nó nhìn qua mái nhà về phía tít xa trên lưng chừng một ngọn đồi đối diện là đường Trần Hưng Đạo có dinh cơ Bảo Đại dăm ba mái ngói đỏ tươi thấp thoáng trên nền thông xanh. Tiếng kèn clarinet của bố nó từ trong nhà vẳng ra và tiếng bước chân đi lạo xạo trên sỏi của hai người phía dưới chân. "Fast-forward" một khúc ngắn. Mảnh khác của dĩ vãng hiện ra. Một đêm trăng sáng vằng vặc. Từ cửa kính bể nát của căn nhà hoang Đỉnh Gió Hú chúng tôi nhìn xuống triền đồi thông dưới ánh trăng sương trắng như một dải sữa loãng. Bố tôi chĩa clarinet ra ngoài cửa kính phóng tiếng kèn sâu vào không gian tĩnh lặng của núi rừng Đà Lạt. Tiếng kèn cất cao điệp khúc sau của I Went To Your Wedding. *You came down the aisle... wearing a smile, a vision of loveliness... I uttered a sigh then whispered good bye, good bye, to my happiness... Your mother was crying... Your father was crying... and I was crying too...* Rồi lại một mảnh khác của dĩ vãng. Tôi bước rón rén trên sàn gỗ của Đỉnh Gió Hú. Tiếng dấp nước của ai ở nhà dưới bỗng ngưng bặt. Thằng bé linh cảm từ dưới nhà có đôi mắt nhìn lên. Nó khẽ nằm bò xuống dán mắt vào khe ván. Qua một kẽ hở rất nhỏ nó bắt gặp đôi mắt chị Dự ngước nhìn lên trần nhà. Đôi mắt to của chị. Đôi mắt ánh lên tia sợ hãi. Nó biết ngay là chị đang tắm! Quả tim nó đập dữ dội trong lồng ngực. Nó trườn qua một khe ván khác nhìn xuống... Tôi "zoom" ống kính. Và tỉnh dậy. Tôi lặng người trong bóng tối. Rồi mỉm cười. Đạo diễn đã bỏ rơi tôi đúng vào lúc tôi cần đến ông nhất.

Đó là mùa hạ của Đà Lạt năm 1957. Năm đó tôi ở tuổi mười sáu.

Kể từ cái "hôm ấy" tôi đã nhìn chị Dự bằng con mắt khác. Chị lớn hơn, gần gũi hơn, hiện thực hơn. Tôi không còn chú ý đến khuôn mặt và nước da rám căng như quả mận Đà Lạt của chị nữa. Mỗi lần chị theo anh Dự đi qua nhà tôi tầm mắt của tôi đã hạ xuống một chút xíu. Chị Dự mặc chiếc áo len màu rất đậm nhìn từ xa tôi không biết đó là màu xanh hay đen. Hai cánh áo len không bao giờ khép kín hẳn phía trước ngực nơi bầu vú của chị chỉ hơi phồng căng. Và bao giờ cũng vậy ở trong mắt tôi nơi chỗ phồng đó là một hình ảnh sống động khác của chị. Sau cái "hôm ấy" tôi có cảm tưởng chị đã nhìn thấy hết và biết hết mọi chuyện, chị thấu suốt ngay cả cái cách nhìn của tôi với chị và cả cái lòng rạo rực ở trong tôi nữa.

Trước cái "hôm ấy" chừng một tháng cha tôi dọn đến đó ở. Tôi có cả một mùa nghỉ hè rộng trước mặt để đi khám phá giang sơn mới đầy hấp dẫn. Đầu mùa hè năm ấy tôi vừa học xong lớp Đệ Ngũ của trường trung học Quang Trung Đà Lạt. Căn nhà mới của chúng tôi nằm trên một đồi thông của đèo Prenn trên quốc lộ 20 Sài Gòn-Đà Lạt. Ở đỉnh đèo ngay đầu đường Nguyễn Tri Phương dẫn vào trung tâm thị xã xe đò phải dừng lại trước một trạm kiểm soát. Sau cái trạm chừng vài trăm mét nơi một khúc đường cong lên dốc, cạnh căn nhà mang số 17 là một con đường nhỏ, cụt, trải sỏi có tên Đặng Thái Thân dẫn vào căn nhà mới của chúng tôi. Đó là một biệt thự khang trang duy nhất còn đứng vững trong một khu vực toàn những căn nhà bỏ hoang xây cất từ thời Pháp thuộc. Chủ nhân là những người Tây đã bỏ về nước từ nhiều năm trước đó, để lại những căn biệt thự hoang tàn ẩn hiện trong rừng thông. Trong ký ức thời niên thiếu của tôi toàn vùng này in dấu một vẻ đẹp vừa hoang vu lại vừa sang cả. Nhà chúng tôi ở là một căn nằm một mình trước một ngã ba. Tiếp tục đường sỏi lên dốc chừng vài trăm mét là Đỉnh Gió Hú đứng trên đỉnh đồi nhìn xuống từ phía thung lũng thông xanh ngút ngàn. Ở ngã ba có một con đường đất đi sâu xuống thung lũng. Một bữa xách súng cao su mạo hiểm vào con đường mòn này tôi khám phá một thế giới nằm chìm khuất trong rừng thông là khoảng gần chục căn biệt thự bỏ hoang. Phía bên kia con đường sỏi đối diện căn nhà đá đơn độc của chúng tôi là một dãy khoảng hai chục căn nhà tôn. Chính từ những căn nhà tôn lụp xụp ấy mà sự sống đã toát ra cho cả một vùng. Mỗi buổi chiều, trước màn đêm buông, khi làn sương tỏa lan núi đồi thì ở đó và từ đó xôn xao tiếng người gọi nhau, cả tiếng cãi vã. Trong mùi khói bếp thoảng qua không gian có lẫn cả mùi xào nấu. Cái sinh hoạt đời thường ấy từ những căn nhà tôn dóng sức sống vào căn nhà đá chúng tôi, trong đó thường là vắng lặng. Suốt mùa hè căn nhà rộng chỉ có ba bố con. Bố tôi, chị tôi và tôi. Ba cái bóng. Mẹ tôi và các anh tôi trong thời gian này sống ở Sài Gòn, thỉnh thoảng hoặc mới đùn đùn kéo lên mang theo cái bầu

không khí sinh động náo nhiệt của đô thành. Sau này mỗi lần nhớ tới cái sinh hoạt của ba bố con trong căn nhà đá ấy tôi không khỏi liên tưởng tới cảnh sống u buồn và lặng lẽ của ba bố con ông Lang Hàn trong tác phẩm Xóm Cầu Mới của Nhất Linh, trong đó nhân vật Triết là tôi (ôi sao nó giống tên tôi đến thế!). Và nhớ lại ở cái tuổi "ti-ni-giơ" của mình, tôi thấy tôi cũng mát mát hao hao giống Triết. Thay vì cầm vợt đi bắt bướm ma tôi xách súng cao su đi lang thang suốt ngày trong rừng thông tìm kiếm những căn nhà chứa đầy bóng tối và hồn hoang.

Một tuần lễ sau tôi "dọn nhà" thêm một lần nữa. Chỉ độc mình tôi. Nói dọn nhà cho to chuyện chứ đồ đạc mang theo chỉ có độc một cuốn vở học trò. Tôi dọn đến ở Đỉnh Gió Hú. Ôi! Wuthering Heights, mối tình đầu của tôi! Tôi mê căn nhà hoang này ngay trong phút đầu gặp gỡ. Căn nhà hoang trên đỉnh đồi lúc đó chưa có tên gọi. Mãi sau một hôm tôi tình cờ đọc bản thảo của bố tôi dịch cuốn truyện của Emily Bronte thì căn nhà mới có tên Đỉnh Gió Hú. Trời ơi! Tôi mê cái "view" của nó quá! "Spectacular!" Cố nhiên hồi đó dốt tiếng Anh tôi không thể thốt ra lời hay ho đó, chỉ biết đứng sững. Nhà gỗ to lớn hai từng. Cả trên dưới dễ có đến trên 10 phòng. Ấn tượng nhất là cái "hall." Một phòng rất rộng ở trên lầu nằm chìa hẳn ra ngoài vực sâu. Từ trong hall nhìn ra ngoài ba mặt kính rộng đã vỡ gần hết là panoramic 270 độ toàn cảnh núi đồi thông xanh ngút ngàn của cao nguyên Langbian. Tôi chọn một căn bé nhất ở trên gác đã có sẵn một cái bàn gỗ cũ kỹ nhưng còn đứng vững làm giang sơn mới của mình. Tôi bê một khúc thân cây thông về làm ghế. Thế là tôi có một chỗ viết lý tưởng. Chính ở trên cái bàn đó đã đẻ ra dòng văn đầu tiên của một "văn hào" là tôi. Nhưng giấc mộng văn hào tụt cấp rất nhanh thành cựu văn sĩ khi tôi thấy tác phẩm đầu tay của mình không thể kéo dài hơn đúng một hàng chữ. *Con đường nuốt tôi vào ruột một thế giới bí mật và kỳ quái...* Tôi rất hài lòng với cái động từ "nuốt" nhưng hai tĩnh từ "bí mật" và "kỳ quái" thì tôi cứ sửa tới sửa lui đến cả trăm lần mà vẫn không vừa ý... Chả là hồi ấy tôi quan niệm đã là văn hào thì câu văn đầu tiên phải tuyệt hảo ngay! Rốt cuộc sau một tuần lễ thấy mình có cố lắm thì dòng văn cũng không thể dài hơn một khúc kẹo kéo, nhà văn quyết định "retired." Lễ giải nghệ nghề văn của tôi có con mèo mun chứng kiến. Con mèo hoang đen sì không biết từ đâu lâu lâu xuất hiện lặng lẽ bên tôi như một bóng ma. Vào những lúc bất ngờ nhất cái tiếng "meo" của nó thường làm tôi giật nẩy mình. Nói đến ma tôi lại phải nói thêm là tôi chỉ dọn đến ở Đỉnh Gió Hú ban ngày thôi. Ban đêm có các tiền tôi cũng không dám ở lại! Ngay cả ban ngày bạn mặt mà mỗi lần một mình bước đi trên sàn gỗ ọp ẹp tôi còn rờn rợn như ở đằng sau gáy có cả trăm con mắt của hồn ma từ các ngóc ngách theo dõi tôi. Những con mắt xanh lè của những ông tây bà đầm... Tôi đếm kỹ Đỉnh Gió Hú có tất cả 11 buồng to nhỏ khác nhau và có đến bốn cái phòng tắm. Những bồn tắm men, những rô-bi-nê đồng, những vòi hoa sen, tất cả đã cũ nát han rỉ, nhưng cũng đủ gợi trong trí tôi ở cái tuổi mới lớn những con ma sexy thân hình lồ lộ và đẫm ướt của các bà đầm đã một thời nằm nhễ nhại trong cái bồn đài các ấy. Một sự tưởng tượng gợi dục và rất hãi!

Thế mà... mùa hạ năm ấy có hai người lại dám ngủ nhiều đêm trong Đỉnh Gió Hú. Hai kẻ "homeless" không nhà không cửa đã tìm đến căn nhà hoang làm nơi trú ngụ. Nhưng họ có nề hà gì ở nơi thiếu tiện nghi và đầy bóng ma như Đỉnh Gió Hú. Bởi vì họ là hai kẻ yêu nhau. Trong trí tưởng của tôi họ là Heathcliff, là Catherine của Wuthering Heights, đúng hai thế kỷ sau đầu thai vào anh chị Dự. Tông tích của hai người này với tôi thật là mù mờ. Hai người đến ở Đỉnh Gió Hú và lặng lẽ ra khỏi đó ba tuần lễ sau như hai hình bóng. Mãi mãi sau này tôi nghe đồn trong thành phố Đà Lạt vào thủa ấy có một cô nữ sinh đã bỏ nhà ra đi theo một vị thầy giáo lớn hơn cô gần hai mươi tuổi. Người ta còn đồn (chuyện này thì tôi cho là thất thiệt) là cô gái sau này tự tử ở thác Pongour. Hỏi ra thì vị thầy đó mang một tên khác, nhất định không phải tên Dự. Điều này càng khiến tôi hoang mang.

Trước khi Đỉnh Gió Hú của tôi bị xâm phạm bởi hai tay vô gia cư thì một đêm trăng rằm tôi thuyết phục được bố tôi mạo hiểm đi thăm căn nhà mới của tôi. Phải có hai người tôi mới dám đặt chân tới đó ban đêm. Hồi đó tôi đang thụ huấn bố tôi học thổi kèn clarinet. Tôi đã chơi được bản nhạc Hẹn Một Ngày Về của vị giáo sư kiêm nhạc sĩ Lê Hữu Mục. Bố tôi nói chơi kèn để thổi đúng nốt nhạc thì dễ. Luyện cho tiếng kèn hay mới khó. Theo ông tiếng kèn điêu luyện thì phải "tròn" và "đanh." Người mới tập, tiếng kèn nó bè bè, nghe biết ngay (ý ông cụ muốn phê bình tôi một cách kín đáo). Thú thật là tôi học mau chán. Thổi kèn được một chặp thì cái môi dưới của tôi nó rất mỏi. Khi đã mỏi rồi thì cái hơi tôi thổi nhất

định không chịu chui vào trong kèn, nó cứ theo đường mép mà phì ra ngoài, phì lẫn cả nước bọt, trông thật tởm! Đúng là số kiếp tôi cũng cố tập tành theo con đường nghệ sĩ của ông cụ chứ không phải là không thử. Tôi xách kèn clarinet dẫn bố tôi đến Đỉnh Gió Hú. Con đường sỏi vài trăm mét dẫn đến căn nhà hoang dưới ánh trăng bóng lá thông loáng thoáng dưới đường trông rất huyền ảo. Hai người yên lặng đi trên lối sỏi. Bố tôi không biết lúc ấy óc tôi đang làm việc lung lắm. Chả là vào thời điểm đó tôi vẫn còn là văn hào. *Con đường* (con đường đang đi này) *nuốt tôi vào ruột một thế giới bí mật và kỳ quái*...Óc tôi đang chộn rộn lựa chọn giữa những tĩnh từ... Đêm đó bố tôi rất là ấn tượng với căn nhà mới của tôi, cả cái tên gọi của nó nữa (mà tôi cứ lờ đi như thể chính tôi nghĩ ra). Lúc hai bố con đứng ở trong hall của Đỉnh Gió Hú ông giựt lấy cây kèn clarinet trong tay tôi. Ánh trăng vằng vặc chiếu qua cửa kính tỏa sáng gian phòng rộng nơi sàn gỗ quay cuồng những hình bóng ma. Hình bóng những ông tây bà đầm từng cặp từng cặp nhún người theo điệu nhạc luân vũ và tiếng clarinet vui tươi của bố tôi trong bản Dòng Sông Xanh cất lên. *Những cô em tươi môi... Ngồi giặt yếm yên vui... Đời là khúc nhạc... Đời là tiếng thơ*... Căn phòng sáng rực lên. Từ những chùm đèn pha lê trên trần cao ánh sáng lộng lẫy soi những chiếc váy lướt đi sột soạt. *Ôi ! Tóc em hoe như mây chiều... Rơi... Rơi... Vàng lòng người... Ôi ! Mắt em xanh như đêm dài... Để... Người... Quên kiếp mai*... Vẫn điệu valse quay cuồng Les beaux Jours nối tiếp theo Le Beau Danube Bleu. Tiếng kèn vẫn tươi thắm. *Les beaux jours sont si courts... Amoureusement... Garde moi... Près de toi... Tendrement... Dans tes yeux si profonds... Si pleins de douceur... Je lirai... Tout aufond... Mon bonheur*... Rồi tiếng kèn trầm xuống, lặng đi. Ông thổi cho một đám cưới vô hình. Ánh đèn pha lê tắt lịm. Ánh trăng tràn vào. *I went to your wedding... Although I was dreading... The thought of lossing you... The organ was playing... My poor heart kept saying: your dreams you dream are true*... Rồi qua mảnh kính vỡ của căn nhà hoang bố tôi thò cây clarinet ra phía ngoài phóng sâu vào không gian tĩnh lặng của Đà Lạt những tiếng kèn đanh thép và tha thiết. *You came down the aisle... wearing a smile... a vision of loveliness... The tears drop were falling... Because we were losing you*... Từ rất xa đưa về. Nghe như tiếng đáp lại của núi rừng... *Because we were losing you*...

Ở Đỉnh Gió Hú được một tuần thì một buổi chiều từ trên Ngoạn Mục Đài tôi thấy hai người đi ngang qua nhà tôi. Người đàn ông đứng tuổi đạp xe đạp đèo một người đàn bà trẻ. Đến gần nhà tôi, chỗ đường bắt đầu lên dốc và có trải nhiều sỏi, cả hai xuống xe. Người đàn ông dắt chiếc xe đạp. Hai người đi bộ lên con đường dốc. Chờ đến tối mịt tôi cũng không thấy họ trở ra. Như vậy là hai người phải ngủ qua đêm ở Đỉnh Gió Hú. Không thể khác. Đặng Thái Thân là con đường cụt và căn nhà hoang đó ở cuối đường. Sáng sau đến Đỉnh Gió Hú tôi điều tra xem có dấu tích của hai người ngủ ở đó không. Lần này tôi xông vào hết tất cả các phòng, mở toang hết ngăn tủ. Tôi tìm được một bọc vải rất lớn trong một closet thuộc một căn buồng tươm tất nhất nhưng trước đây tôi không chọn chỉ vì nó rộng quá. Khi xuống nhà ở ngay dưới hall lại có một thùng nước dấu sau cầu thang. Bên cạnh có hai cái khăn mặt và một cục xà-phòng. Như vậy là quá rõ ràng. Ban ngày Đỉnh Gió Hú thuộc về tôi. Ban đêm nó thuộc về hai người lạ.

Cho đến "hôm ấy." Trời ấm áp và có nắng to. Tôi đến Đỉnh Gió Hú vào lúc giữa trưa. Bình thường tôi đi thẳng cửa trước lên cầu thang gỗ để vào hall. Nhưng tôi khựng lại vì thấy một cái xe đạp gác ở cầu thang. Tôi đã tính quay về nhưng nghĩ sao tôi lại đi vòng phía sau. Tim tôi đập mạnh vì tôi vừa có ý nghĩ là sẽ lén lút quan sát hai người lạ xem họ làm cái trò trống gì trong Đỉnh Gió Hú "của tôi." Căn nhà xây trên sườn gần đỉnh đồi nên dù là hai từng một số phòng trên ở phía sau có thể vào thẳng không cần cầu thang. Tôi trèo cửa kính vỡ vào trong cái phòng nhỏ của tôi. Tôi đi rất chậm rãi và rón rén trên sàn gỗ. Vì là nhà bỏ hoang đã lâu nên lớp vec-ni đã bong, trơ những thanh ván mục, nhiều chỗ lộ những khe hở, ở những chỗ hở lớn tôi có thể nhìn xuyên qua sàn xuống từng dưới. Bước một bước tôi lại dừng lại nghe ngóng. Căn nhà tuyệt nhiên không một tiếng động. Cho đến lúc tôi bước đến gần hall thì có tiếng va chạm khẽ vào cái thùng nước ở từng dưới chân. Rồi có tiếng dấp nước nhè nhẹ. Tôi dón rén bước. Tiếng dấp nước ngừng. Đứng y một vị trí rất lâu tôi nghe tiếng dấp nước trở lại. Nhưng hễ tôi cất bước thì tiếng nước lại im. Và lần này im lâu lắm. Bỗng nhiên tôi có linh cảm từ dưới nhà có đôi mắt nhìn lên. Tôi khẽ nằm bò xuống dán mắt vào khe ván. Qua một kẽ hở rất nhỏ là một vệt sáng mỏng chữ nhật cắt xéo cặp mắt của người đàn bà trẻ mở to ngước nhìn trần

THƠ MA XUÂN ĐẠO

Lời giới thiệu: Ma Xuân Đạo sinh năm 1931 tại huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Di cư vào Nam năm 1954.
Trước 30.4.1975 là giáo sư Trung học tại Sài Gòn, biên tập viên Cục Vô Tuyến Truyền Thanh Việt Nam và biên tập viên nhật báo Chính Luận với bút hiệu Tửu Ma.
Đầu năm 1976 bị CSVN bắt giam và đưa đi lao động cải tạo tại trại K3 vì có tư tưởng chống đối chế độ. Ra khỏi trại tù năm 1982, trở về sống tại Sài Gòn trong điều kiện hết sức ngặt nghèo, từng qua nhiều công việc như coi kho, gác dan, chăn bò...
Năm 1999 đã quyết định tự hủy mình bằng thuốc ngủ nhưng được cứu thoát nhờ có người phát giác kịp. Hiện vẫn sống tại Sài Gòn trong cảnh trôi giạt không nhà, không thân thích, không có việc làm nhất định.
Ma Xuân Đạo làm thơ chữ Hán rồi dịch ra thơ Việt. Làm thơ đối với ông là một nhu cầu tự giải tỏa những uẩn ức dồn nén của một trí thức miền Nam ở lại quê hương miền Nam sau ngày 30.4.1975. Chính quyền cộng sản không tin dùng trí thức miền Nam. Ma Xuân Đạo đang sống trên chính quê hương mình mà vẫn mang tâm thức lưu đày, nặng mặc cảm lưu vong. "Tân Trung Tác" là những bài thơ được viết âm thầm lén lút dưới chế độ cộng sản, được tác giả ví như chế độ Tần Thủy Hoàng hà khắc đốt sách chôn học trò ngày xưa. Khi làm thơ, dù không cố tình, ông đã trở thành nhân chứng cho cả một thời đại đen tối của nước Việt Nam vậy.

Bài 1:

Những cảnh đời

(dịch từ nguyên tác chữ Hán *Sài đô thập nhị niên trung* = Sài Đô 12 năm qua)

Một kỷ qua rồi nhỉ
Như một giấc mơ mòng
Ván cờ thua chẳng gỡ
Tàn rồi mộng cuồng ngông
Dấu xưa giờ đã xóa
Bao nước chảy xuôi dòng
Bao cuộc đời đã lỡ
Cho vàng son nhuốm bùn
Kẻ mơ làm chim Việt
Thuyền lá vượt biển Đông
Nếu không vào bụng cá
Thì cũng vướng xiềng gông
Kẻ đất Tần ở lại
Nào phải chi kiêu hùng
Chẳng qua tìm cơ hội
Để vươn tới lụa nhung
Lụa nhung rồi ai hưởng?
Ai má phấn môi hồng
Thân mắc vòng lao lý
Chẳng ai người đợi trông
Kẻ trong tù vợ bỏ
Trở về cửa nhà không
Bạn bè đều cúi mặt
Con nhìn bố lạnh lùng
Không vá xe hè phố
Cũng vé số bán rong
Kẻ thân không hộ khẩu
Bị xua đuổi tới cùng
Đất trời tuy vẫn rộng
Chẳng còn chốn nào dung
Đành đêm nương mái chợ
Ngày lượm bọc ni lông
Kẻ sống chờ sung rụng
Hạnh phúc đong bằng thùng
Mồ hôi không phải đổ
Ngày tháng cứ thung dung
Thân dẫu là có ấm
Mà vẫn chẳng yên lòng
Bởi làm thân tằm gửi
Rất sợ những cơn giông
Giông xô cây rừng đổ
Kiếp tằm gửi cũng xong...
Nhìn cảnh đời thế đó
Muốn hỏi ai gốc từng
Mây dầu không che núi
Tiên cũng đã thất tung
Nhìn cảnh đời thế đó
Muốn tìm đến cửa Không
Cửa Không có người gác
Phật thở dài bên trong.

(1987)

Bài 2:

Không hộ khẩu

(Nguyên tác: *Vô hộ khẩu*)

Tôi chôn chân phố thị
Ai dấn bước bưng biền
Đất hiểm ai nuôi hận
Thành yên tôi lánh mình

Thành phố này quê tôi
Như nước này nước tôi
Nay vì đâu không gốc
Bị xua đuổi tới lui

Tôi vẫn mong hòa điệu
Trong một khúc ca chung
Để hồi sinh đất nước
Sau giông tố bão bùng

Giờ không còn đất sống
Giữa nước mình lưu vong
Hóa ra lời tôi hát
Bản du ca cuối cùng (*)

(*) "*Bản du ca cuối cùng của những người không còn đất sống*" là tên một cuốn tiểu thuyết của E.M. Remarque.

Bài 3:

Ném sách trong con say

(Nguyên tác *Túy trung phao thư*)

Có khổ nào không nhục
Có nghèo nào chẳng hèn
Ở nhà người cúi mặt
Dời mộ cha không tiền
Phiếu Mẫu chê tuổi luống
Mạnh Thường chán vận đen
Đi qua làm mặt lạ
Ngoảnh lại hóa người quen
Bảo Thúc chìm thiên cổ
Quỳnh Như mộng hão huyền
Trắng tay chưa trắng mắt
Đáy bể vẫn mò kim
Cày cuốc xưa không học
Bán buôn giờ chẳng chuyên
Ích gì trang sách nát
Nghiền ngẫm mãi ngày đêm
Đã khó bề nuôi miệng
Còn gây hệ lụy thêm
Sử kinh mà ném hết
Phú quý ắt xây nên
Tài trí đâu cần học
Có tiền có tuổi tên
Công khanh giương trước mắt
Thù sách ghét người hiền
Óc không đầy dúm chữ
Nhà vô số hoàng kim
Tài không bằng cánh muỗi
Tiếng vẫn cứ vang rền
Ném sách liền, ném liền!

(1990)

Hát xẩm Nghệ An
Bài Ca Năm Chữ

[Sau Xô Viết Nghệ Tĩnh]

Chàng ơi chàng ngồi lại
Nghe thiếp giải đôi câu
Kẻo lòng thiếp lo âu
Cứ bàng hoàng trong dạ
Thiếp cứ thường buồn bã

Vì trông thấy trò đời
Nhưng chẳng dám hở môi
E lạt tình chồng vợ
Sợ phai tình chồng vợ
Ta gặp thời vận lỡ

Khổ trăm đoạn tò vò
Như trước chẳng âu lo
Sau lắm điều cay đắng
Chàng ơi nghe thiếp dặn

Về luyện tập học hành
Đời thế giới cạnh tranh
Ích chi cho xã hội
Ích gì cho xã hội
Đừng nói lo không nỗi

Mình là kẻ bình dân
Đạo nghĩa nặng đòn cân
Ai là người vô dụng
Ai là người hữu dụng
Chàng xét trong công chúng.

nhà. Đôi mắt ánh lên một tia sợ hãi. Tôi biết ngay là người đàn bà đang tắm! Quả tim tôi đập dữ dội trong lồng ngực. Tôi trườn qua một khe ván khác nhìn xuống. Qua khe này vệt sáng chữ nhật nở rộng thêm chiều ngang cắt xéo một bầu vú trắng nọt nà ướt nước. Dướn thêm một khe ván vệt sáng lại đi quá đà, cắt ngang cặp đùi người đàn bà với chiếc quần lĩnh đen ướt nhẹp dính chặt vào làn da. Đúng lúc ấy ở phía sau tôi có tiếng một con mèo nhẩy xuống sàn và kêu lên một tiếng khẽ. Tôi trở lùi lại khe ván trước bắt gặp đôi mắt của người đàn bà dịu hẳn xuống.

Mấy bữa sau một buổi sáng tôi chạm trán với chị Dự lần đầu. Câu nói đầu tiên của chị là một lời trách: "Sao em ác thế?" Chị đặt con chim vào lòng bàn tay của chị. Bàn tay kia chị vuốt khẽ lưng con chim và ru nó vào cõi chết. Con chim nằm nghẹo đầu. Một giọt máu từ trong mỏ vấy vào lòng bàn tay. Năm ấy tôi đã bắn hạ không biết bao nhiêu con chim ở xung quanh nhà. Nhưng đây là lần đầu tôi chứng kiến một con chim dẫy chết. Bình thường hạ xong một con là trò chơi của tôi chấm dứt. Tôi không hề quan tâm đến số phận của nó. Con chim này bị trúng đạn mà không chết ngay. Bị thương nó đâm vào cửa kính của Đỉnh Gió Hú và rớt xuống chân chị Dự. Hôm đó lần đầu tiên tôi ý thức về sự độc ác và hơi hối hận. Nhưng tôi không thú nhận điều này với chị Dự. Kể từ hôm đó tôi được làm bạn với chị nhưng với một điều kiện là tôi không được bắn chim nữa. Chị hỏi tên tôi rồi chị nói: "Em kêu chị là Dự. Dự là tên của ảnh." Rồi chị Dự nói tiếp: "Bữa nào em lại chơi buổi tối gặp ảnh." Tôi gật. Sau bữa gặp chị tôi lén trở lại Đỉnh Gió Hú. Tôi đi ngã sau trèo vào căn phòng nhỏ qua cửa sổ kính vỡ. Tôi mở ngăn kéo lấy hết tập bản thảo của tôi mang về nhà. Nói là bản thảo cho oai chứ thật ra chỉ là cuốn vở học trò chứa toàn giấy trắng, có đúng một hàng chữ thì lại sửa chữa lung tung. Tôi giấu không cho anh chị Dự biết tôi là nhà văn. Lúc trèo qua cửa sổ tôi nhớ tới cái "hôm ấy." Lạ nhỉ? Trong lần gặp mới đây tuyệt nhiên chị không tỏ một vẻ gì khác lạ, nhưng sao tôi vẫn có cảm tưởng như là chị đã biết tỏng tôi nhìn trộm chị tắm.

Mấy hôm sau cơm chiều xong thì trời choạng tối. Tôi đến Đỉnh Gió Hú. Anh chị Dự đang ăn cơm ở trong bếp. Bếp ở từng dưới, cạnh cái cầu thang lên hall và cũng là cái chỗ tắm của chị Dự. Dưới hai ngọn đèn dầu tù mù tôi nhìn bữa ăn thanh đạm của dân vô gia cư. Bàn ăn là ba cái khúc thân cây. Ở trên để ba cái nồi nhỏ, nồi cơm, nồi canh và nồi... chắc là cá kho. Anh chị Dự ngồi trên hai thành cửa sổ cầm bát lùa cơm vào miệng, lâu lâu lại rời cửa sổ đến chỗ khúc cây gắp một miếng cá bỏ bát. Anh Dự hình như lớn tuổi hơn chị Dự nhiều. Dưới ánh đèn dầu gương mặt anh trông khắc khổ nhưng ngay lập tức được cái miệng cười thật tươi của anh xóa đi. Cái cười thật dễ mến khi anh nói chuyện. Anh hỏi chuyện học hành của tôi. Anh có vẻ biết rất nhiều. Ví dụ như anh nói tới những vị thầy giáo của tôi một cách thân ái như thể anh đã quen biết rõ họ, đến độ, nếu không vì chị Dự còn quá trẻ, tôi đã gọi anh Dự bằng thầy. Anh lại còn như có vẻ biết cả bố tôi nữa. Anh cứ hỏi tôi cái ông thổi kèn trong căn nhà đá có phải là bố tôi không. Còn tôi, tôi chỉ trả lời anh ậm ừ. Tôi bận nhìn chị Dự. Tối hôm đó chị không nói một lời nhưng qua ánh mắt chị tôi biết chị theo dõi câu chuyện. Tôi mê đôi mắt của chị từ đó. Ở trong con mắt của chị, từ trong lòng con ngươi, phản chiếu ánh ngọn đèn dầu, thỉnh thoảng lóe lên một tia vui có ngầm một vẻ gì rất trẻ thơ và nghịch ngợm. Tôi nhìn xuống đôi má ửng hồng của chị như hai quả mận chín căng, nhìn cái cổ trắng ngần, nhìn hai cánh áo len khép trước ngực chị, nhìn cái ngực phẳng lì ấy và tôi không thể nào hình dung tại sao ở ngay chỗ đó lại có bầu vú căng cứng nó lồ lộ ra trước mắt tôi mấy hôm trước.

Ăn xong, trong lúc chị Dự dọn dẹp ở dưới nhà, anh Dự cầm một ngọn đèn dầu, rủ tôi lên gác. Vào hall, anh đặt ngọn đèn dầu trên một bệ gỗ, móc túi lấy ra bao thuốc lá, dí điếu thuốc vào thông đèn châm hút rồi đứng cạnh cửa kính vỡ, thở khói ra ngoài. Đêm đó trời nhiều sao. Không nhớ bắt đầu bằng chuyện gì, tôi chỉ biết là qua những vì sao trên trời anh giải thích tôi nghe về thiên văn học, một đề tài hoàn toàn mới mẻ với tôi. Anh giải thích về sự vô tận của vũ trụ, về thuyết tương đối, tôi không thể nào nhớ hết được. Nhưng có một chuyện tôi nhớ. Trong lúc nói về ý niệm của thời gian, anh bảo là ngay trong lúc này, trong lúc anh và tôi đang nói chuyện đây, rất có thể là hàng triệu năm đã trôi qua mà cả hai người đều không hay biết. Anh giải thích tôi nghe lý thuyết "vũ trụ ngưng đọng" của anh. "Đây này!" – Anh nói – "Khi anh đưa cánh tay thế này này... thì đột nhiên vũ trụ ngưng đọng... anh đứng im, bất động, em cũng bất động, vạn vật đều bất động, gió ngừng bay...mây ngừng trôi... cho đến một triệu năm sau hay hơn nữa, vũ trụ hết ngưng đọng, lúc ấy cánh tay anh lại tiếp tục vươn ra, thế

gian không một ai biết là một triệu năm đã qua mà cứ tưởng như là một chớp mắt..." Câu chuyện của anh Dự đã đi vào giấc ngủ của tôi đêm hôm đó. Tôi mơ thấy một vũ trụ ngưng đọng. Chỉ khác là trong lúc tất cả nhân loại đều ngủ hết, chỉ có một mình tôi thức. Đi lang thang trong cái thế giới bất động ấy tôi đã làm nhiều điều bất chính. Chẳng hạn như tôi đã cởi áo quần của chị Dự... Tôi còn làm nhiều chuyện xằng bậy hơn nữa. Vào trường học tôi tụt quần những ông giáo tôi cho là hắc ám giữa lúc ông đang giảng bài và khoái chí tưởng tượng một triệu năm sau, nghĩa là chỉ một chớp mắt sau... vũ trụ thức dậy... Tỉnh dậy. Tôi vụt thấy đôi mắt của chị Dự tối hôm trước, tia mắt chứa đầy một niềm vui tinh nghịch như thể chị đã đọc suốt được giấc mơ của tôi. Từ đó trở đi tôi mê say thiên văn học. Nó quả có kích thích trí tưởng tượng của tôi!

Những ngày diễm ảo ngắn ngủi của tôi là những ngày cuối cùng của mùa hạ năm đó. Liên tiếp trong mấy hôm chúng tôi dắt tay nhau vượt qua nhiều ngọn đồi của Đà Lạt đi thám hiểm một vùng rộng lớn của đèo Prenn. Chị Dự nói với tôi anh Dự đi dậy học tư, chiều tối anh mới về. Còn chị nghỉ hè, giống như tôi. Chị thuộc thế giới Đệ Nhị Cấp. Trường Quang Trung của tôi năm ấy học sinh nam nữ còn học chung (sau này mới đổi thành trường nữ Bùi Thị Xuân), tôi nhìn những người lớn học Đệ Nhị Cấp như một thế giới xa cách. Có lần hai đứa tôi đi bộ dọc theo đèo Prenn đến cây số bốn thăm thác nước Datala. Đi xuôi dòng suối thác tôi chỉ cho chị Dự một cái vực sâu thẳm trông rất ghê hồn. Cái vực này nằm giữa hai vách đá dựng đứng và sâu thăm thẳm. Chính bố tôi năm đó đã chỉ cho tôi xem cái vực ấy trong một lần mấy bố con đi chơi thác Datala. Sau này đọc tác phẩm Giòng Sông Thanh Thủy của Nhất Linh đến đoạn tả anh chàng Ngọc ném xác Nghệ và Tứ xuống vực sâu, cái khe vực của thác Datala lại hiện ra rõ rệt trong óc tôi.

Ngày đi chơi sau cùng với chị Dự mới thật là một ngày đáng nhớ nhất. Sáng hôm đó tôi rủ chị Dự đi thám hiểm con đường mòn ở cạnh nhà tôi, con đường mà hồi mới dọn tới tôi đã đi bắn chim và khám phá nhiều căn nhà hoang. Thấy chị có vẻ không phấn khởi, tôi bịa: "Mấy căn nhà đó có nhiều ma lắm! Chính mắt em trông thấy..." Tôi thấy mắt chị sáng lên: "Thế hả? Thế thì phải đi xem..." Đến trước nhà tôi, tôi bảo chị Dự chờ tôi một phút. Tôi chạy vội vào nhà tìm khẩu súng cao su đút túi. Tôi thấy mình cần có vũ khí để bảo vệ chị Dự chống lại những con ma vô hình trong trí tưởng tôi. Nhưng tôi không nói cho chị biết vì tôi đã hứa với chị không bắn chim. Lúc hai người đi vào đường mòn, chị Dự hỏi tôi: "Cái ông già trồng hoa ở trước nhà em có phải là ba của em không?". Tôi nói ừ. Chị bảo: "Anh Dự nói ba của em là ông Nhất Linh" – "Nhất Linh nào?" – "Nhất Linh Tự Lực Văn Đoàn đó! Em không biết à?" – "Em biết sơ sơ thôi..." – "Khi nào em lên lớp Đệ Nhị học Tự Lực Văn Đoàn em sẽ biết..." Chúng tôi theo một con đường mòn xuống một triền dốc sâu đi khoảng chừng gần cây số tới một khúc suối thì đến khu vực có khoảng mười căn biệt thự. Lần này, chắc là vì có chị Dự bên cạnh, khung cảnh hiện trước mắt tôi đột nhiên khoác một vẻ khác hẳn. Những căn nhà trước đây trông ma quái và hoang dã nay như tươi mới, lại nhiễm một vẻ đẹp thật là diễm ảo. Chị Dự nắm lấy tay tôi và hình như chị cũng đang ngây người ngắm cái thế giới mới: những căn biệt thự tráng lệ nằm chìm khuất trong rừng sâu. Óc tôi lúc ấy lóe lên một khung cảnh êm đềm. Hai bố con tôi dắt tay nhau đi lên con đường dốc Yagut. Chúng tôi rẽ trái vào đường Trần Bình Trọng qua sân của một trường tiểu học đến một khu vực gồm toàn những căn nhà diễm lệ và sang trọng nhất của thành phố Đà Lạt, khu Bellevue. Con đường chúng tôi đi vòng vo nhiều từng trên đó là hàng chục những ngôi biệt thự kiến trúc không căn nào giống căn nào nằm cao thấp trên một triền đồi thông. Bố tôi bảo tôi mỗi lần đi vào khu vực này ông như sống lại những ngày xưa cũ ở một cái làng nhỏ bên Pháp. Ông còn bảo tôi thử lựa một căn mà tôi thích nhất. Tôi chỉ một căn biệt thự sơn màu trắng, ba từng, phía trước có vườn hoa rất đẹp. Ông nhìn một căn nhà nằm ẩn dưới hàng cây và nói với tôi ông chỉ thích những căn nhà một từng.

"Chạy! Chạy!" Chị Dự bỗng nắm chặt lấy tay tôi kêu to. Rồi vùng một cái chị kéo mạnh tay tôi chạy ngược lại con đường mòn. Ở xa có tiếng "Gâu! Gâu!" Từ một căn nhà hoang tôi thoáng thấy màu vàng của một con chó berger lớn vụt chạy ra. Tôi vùng lên chạy trước và đến lượt tôi kéo chị Dự. Chúng tôi chạy băng băng bất kể những bụi gai, những nhánh cây chĩa ra đường mòn. Ở đằng sau chúng tôi lẫn với tiếng chó sủa còn có tiếng quát tháo. Tiếng quát giọng ồm ồm nghe như từ miệng một ông Tây. Hai người chạy bạt mạng. Hồi lâu tiếng chó sủa nhỏ lần rồi mất hẳn. Chúng tôi chạy chậm dần rồi đến một thân cây thông đổ chắn ngang đường mòn chị Dự quỳ

xuống lả người đi. Tôi cũng thở dốc ngồi tựa thân cây cạnh chị. Thật ra quãng đường chạy không dài lắm nhưng vì lên dốc nên hai đứa đều mệt nhoài. Chị Dự nhắm mắt lại đưa tay lên chặn ngực, chị thở hắt mấy cái, rồi bỗng chị mở to cả hai mắt ra, ngước mặt lên nhìn tôi, ánh mắt chị lại lóe lên một tia vui tinh quái. Chị nghe ngóng lồng ngực mình một lát rồi nói: "Nghe nè... Tim nó đập dữ nè... Dữ nè...". Bất thần chị quay hẳn sang tôi chụp lấy bàn tay tôi đặt úp vào ngực chị. " Em thấy không... Nó đập nè..." Tôi rùng mình. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi tiếp xúc với phần thân thể thân mật nhất của một người đàn bà (thật ra thì chỉ đứng hàng thứ nhì thôi nhưng lúc đó óc tôi chỉ ngắn đến cái mức ấy). Qua làn vải chiếc áo cánh của chị tôi sờ thấy và cảm giác cái phồng lên mềm mại của bầu vú chị. Tôi không nghe thấy tiếng tim đập của chị như chị muốn tôi nghe thấy. Bên tai tôi tiếng dấp nước. Ánh nắng lọt qua khung cửa sổ chiếu sáng cái vai trần của chị. Đôi mắt chị dịu xuống theo với tiếng kêu của con mèo. Chị cúi xuống dấp khăn mặt vào thau nước chậm rãi lau hai bầu vú của chị, hai bầu vú trắng nõn và tròn cứng dưới ánh nắng. Rồi chị lấy một đầu ngón tay của mình rà xung quanh cái đầu nâu hồng của núm vú chị. "Sao, em có nghe tim chị đập không?" Tôi nghe tiếng tôi lạc đi: "Không nghe gì cả..." – "Đây nè..." Chị nói cùng lúc chị đè mạnh bàn tay chị trên lưng bàn tay tôi. Tự nhiên tay tôi bóp thêm và cảm nhận bầu vú chị Dự như cưỡng lại, nở ra. Chính giữa lòng bàn tay tôi cái đầu núm vú cứng của chị Dự đâm vào. Chị nhắm mắt lại và dướn người lên cao. Đôi môi tôi lướt qua má chị, mắt tôi sát gần trông rõ cả mấy đường gân đỏ trên má như vết nứt của một quả mận đã chín căng và hơi thở dồn của chị Dự phà lướt bên tai tôi.

Bỗng tôi buông tay khỏi ngực chị Dự. Tôi đứng lên nói: "Em không sợ chó berger. Em đã có cách trị nó." Chị Dự mở mắt ra. Lặng yên một lát rồi chị nhướng mắt lên hỏi: "Cách nào?" – "Cách này hay lắm. Chó to thế nào cũng trị được. Để em biểu diễn chị xem!" Tôi rút giây lưng. Hai tay tôi cầm hai đầu thắt lưng căng ra. Tôi quỳ xuống chống chân trước chân sau. "Đây này, mình phải căng cái thắt lưng trước mặt như thế này này. Con chó nào cao như con lúc nãy thì giây cũng phải đưa cao. Muốn cắn mình con chó phải ngoạm cái thắt lưng trước. Đúng lúc đó là mình phải hết sức bình sinh đá vào dưới cằm nó cho nó bật ngửa ra. Một cú là đủ chết nó rồi. Nhưng dùng cách này chị phải đi giầy. Đi chân đất hay đi guốc mà đá thì hỏng kiểu." Thấy chị Dự có vẻ khâm phục, tôi bèn rút súng cao su ra: "Con nào một cú đá chưa tởn thì mình bồi thêm một phát súng nữa!" – "Ghê nhỉ! Nhưng chị không có thắt lưng. Chị lại đi guốc... Ờ nhưng mà... em có cả hai thứ vũ khí đó sao hồi nãy em không dùng?" Tôi không biết là chị Dự nói sỏ tôi nên tôi vẫn cứ nói cứng: "Em cũng định thế đấy. Nhưng tại chị nhát quá. Chưa chi chị đã kéo em chạy trước..."

Les beaux jours sont si courts... Những ngày vui qua mau. Mấy ngày sau đó tôi bị một tai nạn phải nằm nhà thương. Tôi bị té xe đạp khi xe đổ dốc Lê Đại Hành gần đập Ông Đạo. Tỉnh dậy tôi thấy mình ở nhà thương có bố tôi bên cạnh. Cảnh binh đã đến nhà báo tin cho bố tôi hay. Ông vội vã đến nhà thương trên xe jeep của cảnh sát không kịp thay quần áo. Ông chỉ khoác vội cái áo choàng ra ngoài bộ pyjama. Tôi bị gẫy xương ở cổ tay trái phải nằm bệnh viện hai tuần. Bố tôi ra phố mua cho tôi bộ truyện Thủy Hử để tôi đọc trong thời gian nằm nhà thương. Khi tôi trở về nhà với cánh tay còn băng bột, tôi đến Đỉnh Gió Hú, ôm theo bộ truyện Thủy Hử cốt để khoe với chị Dự. Nhưng anh chị Dự đã dọn đi không để lại một dấu vết. Không hiểu tại sao lúc ấy tôi có ý nghĩ và ý nghĩ đó không sao xóa đi được trong suốt mùa hạ năm ấy là chị Dự phải để lại một cái gì đó cho tôi trước khi chị rời khỏi Đỉnh Gió Hú. Chẳng hạn một dòng chữ nguệch ngoạc nào đó chị để ở đâu đây trong căn nhà rộng mênh mông. Tôi để cả một tuần lễ moi hết cả mọi ngóc ngách của căn nhà hoang và sau cùng buồn rầu nhận thấy là chị đã rời Đỉnh Gió Hú không mang theo hình bóng tôi. Tôi mang tập bản thảo về lại căn phòng cũ trong Đỉnh Gió Hú và tiếp tục viết... lần này tôi viết cho chị. *Con đường nuốt tôi vào ruột một thế giới...* kéo dài thêm được một trang vở học trò. Rồi tôi bỏ ngang... cho đến tận bây giờ... non một nửa thế kỷ trôi qua... Buổi đi chơi đáng ghi nhớ của tôi với chị Dự ngày hôm đó không ngờ lại là kỷ niệm sau cùng của tôi với chị. Tôi không bao giờ gặp lại chị Dự nữa. Tôi tin rằng những lời đồn đãi về anh chị Dự chỉ đúng một phần. Không bao giờ tôi tin rằng cái người đàn bà đầy sức sống ấy, cái sức sống vui trẻ của chị vẫn lóe lên trong ánh mắt kia lại là người đàn bà đã tự tử ở thác Pongour.

CHUYỆN CÓ THỂ XẢY RA

HÒA ĐA

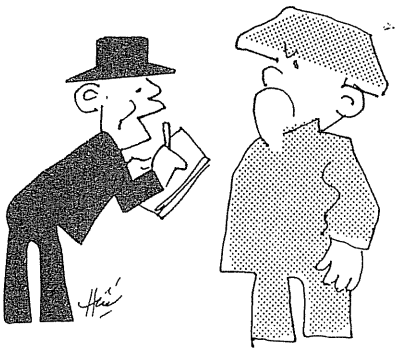

1.

Ông Tâm nằm trằn trọc, không ngủ được, mặc dù hồi đầu hôm, ông đã uống một viên thuốc ngủ.

Từ hơn một năm nay, Diễm, con gái duy nhất của ông, làm quen và đưa về giới thiệu với ông cậu Viên. Ông vừa ý lắm. Viên là một sinh viên Việt Nam, sang Mỹ học về ngành quản trị xí nghiệp. Ban đầu ông cũng biết Viên là sinh viên du học, nhưng Diễm chọn nó vì sau bao năm lớn lên ở Mỹ, tốt nghiệp đại học, Diễm vẫn không thể tìm được một bạn trai vừa ý. Có thể lối giáo dục của ông làm cho Diễm hơi khó tính trong việc chọn bạn. Thanh niên Việt Nam lớn lên ở Mỹ, Diễm cho là "Mỹ quá," mà bạn Mỹ chính cống thì đúng chỉ là bạn thôi, nó nói không cảm được... Mà với Viên, thú thật ông cũng có cảm tình. Cởi mở và thành thật là hai đức tính ông nhận ra ngay từ những ngày đầu gặp mặt cậu thanh niên này. Càng về sau, qua những lần nói chuyện trong những bữa cơm gia đình, ông lại càng quí trọng Viên hơn vì những suy nghĩ chín chắn của nó về Việt Nam, về dân tộc. Hai thằng anh của Diễm có vẻ cũng ưa Viên, luôn có những ý kiến đẹp về nó. Chỉ có Liên vợ ông là không có ý kiến gì vì bà đã mất cách dây gần mười lăm năm, lúc Diễm mới học lớp bảy.

2.

Gia đình ông vượt biên sau khi ông từ trại học tập cải tạo về không lâu. Nhà bị phường quản lý vài tuần sau khi ông trình diện học tập, Liên với cái thai bé Diễm trong bụng gần đến ngày sanh và hai con trai phải về sống tạm với người cô vì không muốn đi kinh tế mới. Bảy năm trong trại học tập cải tạo với bao đắng cay, nhọc nhằn, ông trở về với một thân tàn, bệnh hoạn và thương tật. Một vết thương nhỏ ở đầu gối không được chăm sóc, không thuốc men đã làm chân trái của ông bị liệt một khoảng thời gian dài. Nhờ chịu khó tập luyện, chân ông không bị tệ hại hơn, nhưng trở thành khập khiểng. Tuy không hẳn là phế nhân, nhưng ông không còn giúp được gì cho vợ trong việc kiếm sống, suốt ngày lang thang trong thành phố bán vé số, mà người phân phối là một trung sĩ trong đơn vị do ông chỉ huy ngày trước. "Ông thầy đừng lo, hễ tui còn cơm, thì ít ra ông cũng có cháo, trời sinh voi sinh cỏ mà ông. Ông không chết trong trại cải tạo thì sao lại chết trong vũng trâu nằm này chớ?"- anh ta thường nói vậy để an ủi ông. Liên thì buông giầm cầm chèo, bà xoay sở mọi đường để sống còn. Thời gian đó, cái gì cũng quốc doanh hết, từ nhu yếu phẩm hàng ngày tới vải vóc, tập vở, vỏ ruột xe đạp... nhưng cũng nhờ vậy mà Liên luôn có hàng để chạy. Cũng có lúc bà bị công an chụp được, bị nhốt vài hôm, nghe cán bộ lên lớp về cuộc sống lành mạnh mới của xã hội chủ nghĩa, không được theo lề thói làm ăn của bọn Mỹ ngụy cũ, phải lao động để tạo ra của cải vật chất, lao động là vinh quang... Cũng có lần, bà bị bắt và bị đưa đi kinh tế mới

với thằng con trai lớn (bà khai chỉ có một con), nhưng chỉ vài tuần sau thì trốn về vì bỏ hai đứa nhỏ ở nhà sao được? Lại mua chui, bán trốn. Chính sách ngăn sông cấm chợ làm cho công việc của bà khó khăn hơn, nhưng thoát được thì cũng bỏ công. Một lần, ngang trạm Cái Bè mà dân đi buôn chui như bà gọi là Ngã Ba Sơn Trạch (ngã ba sạch trơn), bà đi thoát hơn nửa tạ thịt heo nhờ lơ xe giấu. Lơ xe này cũng là một bạn đồng ngũ cũ của ông...

Cứ thế, cho đến ngày người trung sĩ phân phối giấy số nói với ông "ông thầy thu xếp gọn gàng, tới ngày N, giờ G, tui cho ông thầy biết sau, tụi mình dzọt, ông cứ mang theo bà thầy và mấy đứa nhỏ. Mọi việc để tui lo, chỉ có người nhà thôi, không sợ bể, xui lắm mới gặp tụi tuần duyên và biên phòng. Một xanh cỏ, hai đỏ ngực, ông thầy." Ông suy nghĩ lâu lắm... Ở lại thì ông chẳng làm được gì, mà tương lai của ba đứa con ông cũng không biết ra sao, trước mắt ông cũng đã thấy con đường vào đại học của mấy đứa con sĩ quan ngụy còn chông gai hơn đoạn đường chiến binh trong quân trường của ông ngày nào. Mà đoạn đường chiến binh, ông còn vượt qua, chớ đường vào đại học của mấy đứa nhỏ coi như khó bằng đường lên trời, nhưng nghĩa vụ lao động, thanh niên xung phong phá rừng, xẻ núi đắp đường thì bọn chúng được "ưu tiên" trúng tuyển. Còn Liên, vợ ông nữa, không lẽ cứ để cho bà ấy bương chãi nắng mưa nuôi chồng con. Tuy bà không nói, nhưng ông cũng nhìn thấy sự khô héo và mệt mỏi của vợ. Còn vượt biên thì... đói khát, hải tặc... một sống mười chết. Ông lắc đầu, không dám nghĩ tiếp... Không hiểu sao ngày xưa, trong quân ngũ, đối diện với cái chết trong đường tơ kẽ tóc, ông quyết định nhanh, gọn đến vậy, còn bây giờ... có lẽ vì mạng sống của những người thân yêu nhất làm ông ngại ngùng. Phần nữa ngày xưa ông quyết định dễ dàng vì ông được huấn luyện để làm người chỉ huy và sau mười năm trong quân ngũ, với cấp bậc đại úy, ông có kinh nghiệm và kiến thức để quyết định. Bây giờ thì mọi việc chỉ còn trông vào số mạng và ơn Bề Trên che chở. Bàn luận với Liên, bà cũng đồng ý đi, bà nói "dù ở xứ người có cực nhọc đến đâu cũng không thể tệ hại hơn ở đây. Sống trên chính đất nước đã độc lập của mình mà còn bị phân biệt đối xử. Của thừa mứa họ đổ cho heo gà ăn còn hơn cho đám dân ngụy. Còn tương lai các con nữa..." bà quyết định nhanh và gọn như ông ngày xưa trong quân ngũ, dù bà cũng biết rõ những hiểm nguy đang chờ đợi trên đường vượt biên.

Tháng Hai năm Tám Ba, gia đình ông theo người bạn tốt bụng vượt biên. Tàu vượt biên chỉ gồm ba gia đình, chừng hai mươi người vừa già vừa trẻ. May mắn tàu không bị hải tặc nhưng chỉ đến ngày thứ bảy thì chân vịt bị gảy... bềnh bồng trên biển đến mười ngày sau thì được tàu dầu Brazil vớt và đưa vào trại tỵ nạn ở Mã Lai. Khi được cứu, tàu hết lương thực từ hơn ba ngày rồi, nước uống cũng cạn, chỉ còn đủ thấm môi cho trẻ con và người già và những người kiệt sức.

3

Hai tháng sau, gia đình ông được một gia đình của một cựu chiến binh Hoa kỳ bảo trợ định cư ở vùng Đông Bắc Hoa kỳ và sáu tháng sau, gia đình ông chuyển sang sinh sống ở Nam Cali. Ông may mắn tìm được một chân phân phối báo cho những tờ báo Việt ngữ ở đây. Vợ ông tìm được một chỗ làm tương đối khá trong một công ty lớn, có đủ bảo hiểm sức khỏe cho cả gia đình, các con ông trở lại trường học. Diễm được nhận vào một trường tiểu học gần nhà, hai anh nó học lớp bảy và tám. Gia đình ông bắt đầu lại một cuộc sống mới, tuy có ít nhiều khó khăn, nhưng tràn dầy hy vọng vào tương lai. Mấy đứa con đều chăm và học giỏi. Năm năm sau, bà Liên qua đời trong một tai nạn giao thông, lúc đó Diễm mới mười ba tuổi. Bà Liên mất, thằng con trai lớn vừa xong trung học, phải vừa học nghề, vừa đi làm cho một cửa tiệm rửa xe, để phụ giúp ông phần nào về tài chánh. Cha con nương nhau mà sống cho đến ngày thằng Vũ, con trai kế của ông và con Diễm tốt nghiệp đại học. Cũng may, tụi nhỏ học giỏi, cộng thêm với tình trạng tài chánh của gia đình ông, nên năm nào tụi nó cũng được học bổng và trợ cấp, ông gần như không tốn gì để lo cho hai đứa nó, ngoài cơm ăn, áo mặc, mà những cái này, bên này không ai thiếu. Nhiều khi ngồi nhớ lại ngày cũ, chuyện xưa, ông không khỏi ngậm ngùi tự hỏi: tại sao ngày trước những người chiến thắng lại tàn nhẫn với người đồng chủng của mình đến thế và ngày nay những người dị chủng này lại bao dung cho người khác đến thế. Có hay không cái đạo đức của một nước luôn tự hào mình có hơn bốn ngàn năm văn hiến?

Bây giờ các con ông đã có công ăn việc làm, cuộc sống cũng dễ thở hơn, hai thằng con trai lớn đã lập gia đình, đã ra riêng, nhà cũng ở gần ông, sớm hôm thăm viếng. Ông sống với con Diễm,

nhà chỉ có hai cha con. Mọi chi phí trong nhà ba đứa con ông chia nhau lo hết, tiền ông kiếm được chỉ để ông tiêu vặt và bỏ vào quỹ hưu bổng riêng của ông từ hơn mười lăm năm nay Hai suôi gia của ông, một là HO, một là công chức cũ của miền Nam ngày trước, thỉnh thoảng gặp nhau, kể chuyện ngày xưa ở Việt Nam, khi thì chuyện trong quân ngũ, khi thì nhắc chuyện làng xưa, xóm cũ, mỗi người nghe người khác kể chuyện mà thấy sao như giống chuyện của mình. Ông cũng còn làm công việc của mình, cũng là có dịp ra ngoài cho hết ngày giờ và chờ ngày về hưu hay về gặp lại bà vợ đảm đang và hiền lành của mình. Có đôi lần ông cũng ngồi nói chuyện với bà, ông cũng kể cho bà nghe về những suy nghĩ và công việc của gia đình, ông nói với bà là ông bằng lòng với mấy đứa con lắm, ý nguyện của bà ông đã làm tròn, quyết định ngày xưa của bà đã có những kết quả như bà mong muốn, các con nay đã có một tương lai tươi sáng, do chính chúng chọn lựa...

LƯU TRỌNG TƯỞNG

Tình Núi

(Yosemite, một chút dư hương)

Năm năm sống trên núi
Ngày đêm chẳng thấy người
Năm canh nghe gió hú
Cây cỏ nhớ trần ai.

Mười năm tắm nước suối
Thần xác nhẹ thanh tao
Nhìn trời cao vời vợi
Quên chuyện đời thương đau.

Đứng nhìn gốc cổ thụ
Thấy bóng mình chắp tay
Nhìn qua dòng thác đổ
Nghe mắt mình cay cay.

Trăm năm đời xa lánh
Đâu có gì nhớ nhung
Hàng vạn ngày lận đận
Thoáng chốc tựa qua đường.

Suốt đời ngồi ngắm núi
Núi cũng trơ như mình
Núi già không tiếc nuối
Danh lợi, dửng dưng nhìn.

08-11-04

4

Hôm cuối tuần vừa qua, trong bữa cơm thường lệ của cả gia đình, Diễm và Viên chính thức xin phép ông và hai anh của nó cho phép chúng kết hôn. Thật lòng, ông chẳng có gì để phản đối cuộc hôn nhân này. Hai mươi bảy tuổi, Diễm không phải là quá trẻ hay quá già để lập gia đình, Viên cũng là một thanh niên mực thước và có tư cách. Hai đứa cũng đã cất đi mối lo trong lòng ông, khi chúng quyết định Viên sẽ ở lại đây sau khi thành hôn vì không muốn xa ông và cũng vì nghề nghiệp vững chắc và việc tiếp tục học lên của Diễm ở đây.

Chỉ có một điều...

Khi hỏi về gia thế của Viên bên nhà thì Viên cho biết, cha Viên là một thiếu tá công an hồi hưu còn mẹ Viên là một viên chức thuộc ngành ngoại giao. Chỉ nghe có thế, ông Tâm buông đũa không còn muốn ăn nhưng cũng ráng che giấu cảm xúc của mình bằng cách xoay sang hỏi chuyện con dâu lớn về tình trạng thai nghén của nó. Diễm vô tâm, nói về những dự định đám cưới của tụi nó, Ba mẹ Viên sẽ từ Việt Nam qua dự đám cưới, vì đường xá xa xôi, khó khăn nên tụi nó xin phép ông cho làm lễ hỏi và cưới chung một lần... Ông chỉ yên lặng ngồi nghe mà trong lòng có gì như xót xa, chua chát.

Hơn hai mươi năm định cư trên xứ người, ông chưa một lần quay về Việt Nam thăm. Mà thật ra, ông cũng chẳng còn ai là ruột thịt còn lại bên đó. Người anh duy nhất của ông đã chết mất xác

trong trại học tập cải tạo nào đó ngoài Bắc, việc này xảy ra lúc ông đã định cư bên Mỹ do mấy đứa cháu con ông anh vượt biên sang Canada kể lại. Ông cũng chẳng còn mấy bận tâm về những đòn thù của bọn công an quản giáo mà ngày nào ông đã phải gánh chịu trong những ngày tháng ở trại tù có tên hoa mỹ là cải tạo. Còn lại hay không là vết thương trong lòng khó bôi xóa khi nghĩ đến những chính sách hà khắc, kỳ thị... áp đặt lên những người bị họ gọi là ngụy quân, ngụy quyền, ngụy dân, tư sản. Bản thân ông và gia đình ông cũng là một nạn nhân của chính sách đó, gần như tất cả những người ông quen biết bên này đều là nạn nhân không nặng thì nhẹ, của chính sách đó. Có hay chăng là những người may mắn di tản kịp trước ba mươi tháng tư, họ không trực tiếp chịu đựng sự hà khắc của kẻ chiến thắng. Hàng ngày ông cũng đọc báo thấy nói về những tiêu cực, tham nhũng, hà lạm của những người mà trước đây khi còn chiến tranh, trong cách nhìn cảm tình của thế giới, là những những kẻ anh hùng, hy sinh tất cả gia đình, tài sản và cả địa vị để thoát ly làm cách mạng, chiến đấu cho lý tưởng giành độc lập cho đất nước... Thì ra, họ cũng chỉ là những con người cơ hội, kiểu được làm vua thua làm giặc, họ tự cho họ có quyền hưởng trước cái hạnh phúc của người dân, tự tưởng thưởng cho mình những cái mà ngày xưa họ không nghĩ tới khi còn chiến tranh. Dưới mắt ông, họ là một thứ thực dân bản xứ, còn tệ hơn những tên thực dân Tây Tàu ngày xưa, cả về bản chất lẫn thành tích. Họ đày ải đồng bào của mình không thương tiếc, cướp đoạt tài sản của người khác chỉ vì họ là những người của chính quyền cũ. Nhân danh cách mạng và xây dựng xã hội chủ nghĩa, họ tìm cách thu quén về cho họ những thứ họ thích bất kể đó là tài sản của cá nhân khác hay của quốc gia. Nhờ quyền lực, họ làm giàu trên mồ hôi người khác...

Vậy mà bây giờ, ông có thể sẽ phải kết suôi gia với một người trong số họ...

Trong mơ hồ, ông thấy ông như có lỗi với bà. Những người ngày xưa đã từng sỉ nhục bà, bắt bớ hành hạ bà, đẩy bà và các con vào con đường nghèo đói, xác xơ là những người đồng chí của kẻ sắp là suôi gia của ông. Những người đã từng đánh đập, nhục mạ, đày ải ông một cách vô tội vạ trong trại tù ngày trước có thể chính là kẻ sắp làm suôi gia với ông, hay ít ra cũng là thuộc quyền, đồng chí của ông ta.

Nhưng ông không thể nói không với Diễm được, tình yêu của nó với Viên hoàn toàn trong sáng và nằm ngoài những mâu thuẫn của thế hệ cha mẹ chúng. Sự lựa chọn của chúng nó là một lựa chọn hợp tình lý, độc lập và có trách nhiệm. Ông không có gì trách chúng, vì ngày xưa, khi các con ông còn nhỏ ông luôn giáo dục con phải suy nghĩ bằng chính cái đầu của mình và phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình. Ông đã khuyên con ông phải tương ái, kính trọng người khác bằng chính tư cách người đó chớ không phải vì gia thế, địa vị hay bề ngoài của họ. Vả lại, ngày xưa, ông và bà kết hôn nhau cũng bằng tình yêu chân thật với nhau. Lúc đó ông là một sinh viên nghèo từ miền trung nghèo nàn sỏi đá, bà là con gái của một thương gia có của chìm của nổi ở Sài Gòn. Mối tình và hôn nhân của hai người không được gia đình bà bằng lòng nhưng vẫn phải miễn cưỡng đồng ý vì lòng cương quyết của bà. Sau khi thành hôn, hai người chấp nhận cuộc sống tự lập nghèo khó, để tránh nghe những lời mỉa nai bóng gió từ gia đình bà. Bà cũng đã đau khổ quá nhiều vì sự lạnh nhạt của gia đình bà để được sống cái hạnh phúc mà bà đã lựa chọn... thì bây giờ làm sao ông có thể từ chối sự lựa chọn của con gái ông được. Ông không thể vì sự thương tổn ông và bà đã gánh chịu mà bắt con gái mình phải hy sinh sự lựa chọn của nó.

Ông nghĩ hay là ông đề nghị với Diễm và Viên cứ tiến hành hôn lễ, không có sự hiện diện của ba mẹ Viên từ Việt Nam qua; để ít nhất tránh được cho ông những mâu thuẫn trong nội tâm khi phải anh anh tôi tôi, nâng ly với những người mà ngày trước không chừng là kẻ đã từng trực tiếp hay gián tiếp hành hạ mình. Mà có làm được như thế cũng chỉ là giai đoạn, cũng không thể tránh được phải gặp mặt nhau trong tương lai khi họ sang Mỹ thăm con, thăm cháu, và họ là những kẻ có quyền có thế để dễ dàng làm việc ấy.

Từ ngày sống lưu vong, ông thu mình như con ốc, an phận đi làm, không giao du hay có những hoạt động gì về chính trị. Ông cho rằng, cuộc chiến tương tàn đã lui vào quá khứ. Ai cũng cho mình là kẻ thắng và phía bên kia mới là kẻ bại, chẳng qua là do góc nhìn. Ông chỉ có mối bận tâm duy nhất là sinh tồn một cách lương thiện trong một xã hội tương đối xa lạ và giáo dục ba đứa con không trở thành kẻ ăn bám trong xã hội mới. Cái đó đã chiếm hết thì giờ của ông, nhất là từ khi vợ ông từ bỏ cuộc sống đầy nhiêu khê này. Hai lần trước tổ chức hôn lễ cho hai thằng con trai, ông không có gì trăn trở về tinh thần vì hai gia đình thông gia đều là người cùng "một phe." Bây giờ, đến đứa con gái yêu quí nhất của ông. Đứa con mà ông từng dõi theo từng bước chân từ

lúc vợ ông mất cho tới lúc nó trưởng thành, từ những buổi lễ tuyên dương ở trung học, đến những cuối tuần lái xe đón nó về từ ký túc xá đại học... đến những giây phút trang trọng của buổi lễ tốt nghiệp, lúc con bé chạy vội về phía ông, sau buổi lễ trong bộ áo choàng. Bây giờ, hạnh phúc của nó, phần nào khơi dậy trong ông vết thương ngày nào ông muốn quên; niềm vui của nó lại là nguyên nhân của những khắc khoải của ông. Trong lúc con gái ông dệt mộng với mối tình trong sáng và tuyệt vời của nó thì ông như bị nung nấu với dĩ vãng đau thương ngày nào của ông và của chính mẹ nó. Ông nhìn di ảnh của bà thầm ước, phải chi bà còn sống, ông có thể thảo luận với bà, thường khi bà có những ý kiến ông cho là kỳ diệu, nhất là trong những vấn đề về gia đình và xã hội. Cũng không lạ! Ngày trước bà là cán sự xã hội mà, ông vẫn thường đùa là bà giữ mục gỡ rối trên các báo là ăn khách... Rồi những ngày Diễm bước chân vào đời; học vấn và hội nhập với đời sống mới, ông không bằng Diễm, nhưng chuyện gì nó cũng về kể cho nghe và hỏi ý kiến ông (nó thường nói ông là người từng trải) hay đơn giản hơn chỉ là muốn chia sẻ với ông những buồn vui nơi chỗ làm. Hai cha con sống với nhau ngoài tình cha con, còn là lòng thông cảm sâu sắc như hai người bạn, cho nên mối tình của nó với Viên, ông biết rõ từng giai đoạn một và ông biết tình yêu của chúng trung thực và trong sáng, và chính vì thế ông không thể và có lẽ không bao giờ nói với chúng về những mất mát bi thương mà ông bà đã phải gánh chịu ngày trước. Bây giờ chỉ còn lại mình ông với những mâu thuẫn giằng xé nội tâm do đoạn kết hiển nhiên của mối tình giữa Diễm, con gái ông, và Viên. Ông đã thoáng giận mình, tại sao ngày trước ông không phản đối khi biết Viên là sinh viên du học, vì ông cũng biết hơn chín mươi phần trăm số này là con ông cháu cha, phần còn lại cũng là cổ cánh có giây mơ rễ má với cán bộ cao cấp, đằng nào thì cũng không phải là những người giống như ông. Nếu phản đối lúc đó, ông không phải đối mặt với dằn vặt bây giờ... Nhưng tại sao những mâu thuẫn về chính trị, ý thức hệ của cha anh lại trút lên vai của những thanh niên không liên hệ với cuộc chiến cũ, ngoài việc họ là con cháu của thế hệ trước? Ông đã từng coi khinh hành động phân biệt đối xử của những người chiến thắng, khi họ khinh miệt, chà đạp, hành hạ những người không cùng hàng ngũ... bây giờ làm sao ông có thể dối xử phân biệt với Viên khi từ chối cuộc hôn nhân này chỉ vì cha Viên là cán bộ; làm như thế, hóa ra ông cũng là người theo chủ nghĩa lý lịch mà ông từng lên án...

5

Ông Tâm ngồi dậy, tìm nước uống, ngang phòng Diễm, đèn vẫn còn sáng, Diễm đang nói chuyện với Viên. Diễm vẫn thường làm vậy từ ngày hai đứa yêu nhau và ông biết hai đứa nó yêu nhau đến mức nào. Ông thở dài và cảm thấy như có lỗi với bà...

Houston tháng 10, 2004

NGUYỄN HÀ TUỆ

HẠ HUYỀN

Tưởng niệm TTH

Vầng trăng ấy đã ngàn thu
Nguồn mơ còn lại mấy tờ thư phai
Gửi về đâu những dấu hài
Tóc huyền ai thả theo lời thơ bay
Hồn trăng trên ngọn lau gầy
Hắt hiu sông nước sương đầy bến không
Mây trôi thuyền lạc muôn trùng
Mênh mang thiên cổ mịt mùng viễn khơi
Tiếng kêu thương nỗi ngậm ngùi
Trăng tà núi lặng không lời vọng

Người Cựu Binh

HENRI LOPES
PHẠM THÀNH CHÂU *chuyển ngữ*

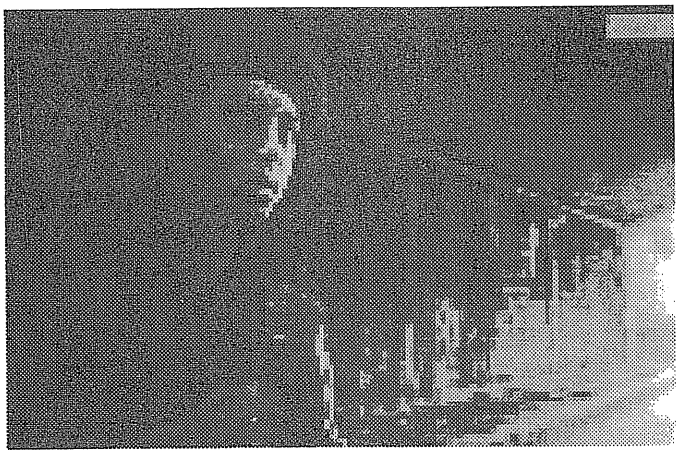

Giới thiệu: *Henri Lopes sinh năm 1937 tại Kinshasa, Congo, đã từng đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng trong chính phủ Congo - Brazzaville, kể cả chức thủ tướng. Ông đạt giải Grand Prix Litteraire de l'Afrique Noire năm 1972. Ông hiện sống ở Paris và làm cho UNESCO.*

Chuyện Người Cựu Binh (Veteran), cho thấy kỹ thuật dựng chuyện tuyệt vời của Henri Lopes, đồng thời phản ảnh tình trạng chính trị điển hình của những nước đang phát triển trên thế giới.

*

Ít lâu sau cuộc đảo chính, tôi mới biết mình bị bọn sỹ quan trẻ đánh lừa. Chỉ vì tôi đã bị họ thuyết phục mà lại không đòi một điều kiện nào cả. Mà cái giá phải trả cho cuộc đảo chánh, là tôi sẽ bị mất đầu như chơi, nếu âm mưu chống tổng thống Tanaka thất bại.

Chỉ ba năm, sau khi Tanaka nắm chính quyền, chế độ độc tài của hắn khiến chẳng ai chịu đựng nổi, mặc dầu trên danh nghĩa, chính quyền gồm đủ đại diện của các vùng, các bộ lạc. Nhưng ngay đến bộ trưởng Nội Vụ, là người quyền uy nhất, mà mỗi ngày cũng phải chờ chỉ thị của hắn (Tanaka), và chỉ có nhiệm vụ là thi hành.

Từ khi bộ lạc chúng tôi bị Tanaka áp chế, thì tôi thấy có bổn phận phải tham gia cuộc lật đổ. Dưới tay tên tổng thống độc tài là một bọn ngu xuẩn, chỉ biết thu thuế, bắt dân làm xâu (dân công) như nô lệ. Nhất là việc bắt lính bừa bãi theo sự đốc xúi của bọn đầu têu người Pháp, là những kẻ đã có mặt ngay từ khi người da trắng đặt chân đến vùng nầy.

Chúng tôi là con cháu của các vị thủ lãnh bộ tộc. Từ nhỏ, chúng tôi đã được huấn luyện để chỉ huy, lãnh đạo bộ tộc. Ngược lại Tanaka đã từng bị chúng tôi tống vào tù và suýt mục xương trong đó. Hắn là con của một nô lệ, sau sống nhờ vào sự nuôi dưỡng của một gia đình mà tôi có quen biết. Hắn là tên liều lĩnh và đã gặp may nên nắm được chính quyền nhưng lại vì ngu xuẩn nên hắn sẽ phải bị lật đổ.

Thời cầm quyền, hắn có một thú vui quái dị, là hễ gặp đàn bà, con gái, bất kể có chồng hay chưa, thấy vừa mắt là hắn lôi lên giường. Hắn tự coi như có quyền tuyệt đối về chuyện đó.

Một lần, trong một tiệc rượu, hắn bị hớp hồn bởi một thiếu phụ mà hắn cho rằng trong đời, hắn chưa gặp ai đẹp như thế. Buổi tối đó, cô ta mặc một bộ trang phục mềm mại kiểu Senegal, màu trắng có điểm hoa. Hắn đòi được giới thiệu và được biết cô ta là vợ của một trung úy trẻ, vừa về phép. Tanaka tìm mọi phương cách, mọi ảnh hưởng quyền hành của hắn để hòng chiếm đoạt người đẹp. Nhưng không gì lay chuyển được cô ta. Hắn tức giận đày chồng cô ta ra xa thủ đô cả

nghìn cây số còn ghép anh chàng trung úy nầy vào một tội rất nặng rồi đòi cô ta vào và nhắc lại yêu cầu của hắn trước đây. Người ta kể lại rằng cô ta đã tát tai hắn. Hắn nổi xùng ra lịnh xử tử chồng cô, nhưng lệnh chưa được thi hành thì hắn bị chúng tôi lật đổ.

Khi cách mạng thành công thì tôi được chỉ định làm bộ trưởng Quốc Phòng. Thử tưởng tượng xem tôi được hoan hô như thế nào khi tôi dẫn đầu đoàn diễn hành mà chung quanh có cả một đoàn mô tô hộ tống! Bọn sỹ quan trẻ trong Hội Đồng Cách Mạng làm sao có được cái cốt cách như tôi. Thế nên bạn cũng thấy được nỗi vất vả của tôi khi phải điều khiển một cỗ xe bát nháo là cái chính phủ lâm thời vừa lập ra. Tất cả chỉ khiến tôi thêm bực mình. Việc quốc gia đại sự không cần người cà rỡn mà cần những người có năng lực và quyết tâm. Một người như tôi chẳng hạn. Biết ra lịnh và bắt mọi người phải tuân theo dưới họng súng. Đất nước tôi phải được quân sự hóa họa may mới khá nổi. Người da trắng bảo rằng chúng tôi nói nhiều quá, tuyên truyền nhiều quá mà chẳng làm được gì cả.

Tôi đã soạn sẵn một chiến lược rất hoàn hảo. Tôi sẽ móc từ Chad những cựu sỹ quan Sara thiện nghệ về phụ trách kỹ thuật cho quân đội. Mọi người dân phải được giám sát chặt chẽ. Tôi sẽ cho đặt loa phóng thanh ở mỗi khu phố, mỗi con đường để phổ biến những mệnh lệnh của tôi. Bất cứ ai không tuân lệnh sẽ bị những chiến sỹ Sara của tôi trừng trị, ai chống lại sẽ cho đi tàu suốt ngay. Chỉ có cách đó mới bắt mọi người bước theo sự cầm chịch của tôi. "Một hai!...một hai!" Chắc chắn, chỉ vài năm thôi, chúng tôi sẽ nhảy vọt, vượt xa các nước khác ngay.

Nhưng, như tôi đã nói, bọn sỹ quan trẻ đã đánh lừa tôi. Trong lúc tôi chuẩn bị đi Pháp để yêu cầu "Ông tướng" viện trợ (Tôi cũng là một ông tướng, lại là chỗ quen biết nên rất thông cảm nhau) thì bọn sỹ quan trẻ chơi trò xóa bài làm lại và bổ tôi làm đại sứ tại xứ Algeria, là nơi tôi đã từng chiến đấu cạnh người Pháp chống lại người Algerian và được nhiều huy chương của quân đội Pháp.

Bạn sẽ thấy cái oái ăm của tôi khi bạn biết rằng trong bốn năm tôi đã đánh nhau với người Fellahin, là những chiến sỹ quốc gia, chiến đấu giành độc lập cho xứ sở Algeria,(cũng giống như tôi đã từng chống lại những chiến sỹ quốc gia Morocco, Tunisia... và lên đến cấp tướng là nhờ thế), vậy mà trong các buổi nói chuyện, các bài diễn văn chính thức, mọi người đều nhắc lại giai đoạn kháng chiến chống Pháp của những chiến sỹ can trường, chiến đấu giành độc lập cho xứ sở Algeria của họ.

Nhưng với cương vị của một đại sứ, tôi phải cố mà thích nghi với hoàn cảnh. Một lần, tôi tâm sự với đại sứ Pháp, ông ta cũng thông cảm và khuyên tôi nên quên quá khứ mà nhìn vào hiện tại. Tôi không hiểu ông có gặp tâm trạng của tôi không? Nhưng ông ta đã giới thiệu tôi gia nhập vào một câu lạc bộ toàn người Pháp và giới ngoại giao. Và sau đó thì tôi lại khoái cuộc sống ở đây hơn cả ở xứ sở tôi nữa.

Không hiểu sao tôi thích Alger đến như thế! Một thủ đô với những nhà cao tầng và những đường phố rộng rãi đầy người và xe cộ. Tôi đã hòa nhập vào cuộc sống hối hả của những thành phố tân tiến Dakar, Abidjan, Kinshasa... Những thành phố đúng nghĩa. Tôi nghĩ nếu tôi còn quyền lực (có thể tôi sẽ có lại), tôi sẽ nhờ người Mỹ tối tân hóa thủ đô của tôi. Tôi sẽ dụ dỗ, lôi kéo những người da trắng giàu có từ bốn phương đến mở những cửa hàng rực rỡ giống như ở Paris.

Đặc điểm của Alger là nhiều người đẹp. Để tôi kể bạn nghe một chuyện, rất lạ.

Lúc đó vợ tôi chưa đến Alger. Tôi đã gặp một người đẹp. Giá như bạn thấy được cô ta nhỉ? Đẹp tuyệt vời! Tên cô ta là Nadia. Với màu da sậm, bóng lên như gỗ cây dương khiến tôi nhớ đến những người đẹp ở xứ tôi, nhưng họ không thể có mái tóc mượt mà như vậy được. Mắt cô đen tuyền, đen tự nhiên với ánh mắt làm mềm lòng bọn đàn ông chúng tôi.

Tôi làm quen với cô được sáu tháng nay. Thứ bảy tuần rồi tôi nhận lời đưa cô đi nhảy đầm ở Tipaza. Cô bảo, ở đó có ban nhạc Congo với những nghệ sỹ bậc thầy. "Họ chơi nhạc tuyệt lắm!" Với người đẹp thì chẳng còn cách nào từ chối được, nhất là khi cô ngước đôi mắt đẹp mê hồn nhìn tôi. Mà khi không có vợ bên cạnh thì gã đàn ông nào lại chả thành chàng độc thân!

Chúng tôi nhảy với nhau đến hai giờ sáng mới về khách sạn... Đến ba giờ chúng tôi vẫn còn thức với nhau. Tôi hỏi cô.

- Này! Con chim bồ câu nhỏ của anh. Buồn ngủ chưa?

- Con chim bồ câu nhỏ! Sao anh lại gọi em như thế?

- Chẳng có lý do gì đặc biệt cả!

Cô im lặng tựa đầu vào ngực tôi. Tôi cảm thấy có gì bất thường. Rồi chỗ ngực tôi hình như ẩm nước. Lúc đầu tôi cho rằng đó là mồ hôi của mình,

nhưng sau đó tôi mới biết là cô khóc.

- Có chuyện gì vậy em?

Cô không trả lời. Tôi đoán mình đã làm gì đó khiến cô giận tôi. Nhưng trước giờ, tôi chưa hề gặp một người đàn bà nào dịu dàng như Nadia. Cô cũng vừa lộ vẻ hạnh phúc với nhau lúc nãy mà!? Có thể cô khóc vì hiểu rằng cuộc tình của hai đứa đến đây là kết thúc dù cả hai đều say mê nhau.

Tôi bắt đầu hôn khắp người cô, vuốt ve mái tóc dài, mềm như tơ với những ngón tay đầy hoan lạc...Cuối cùng cô ngồi lên và tựa vào mép giường.

- Không, không có gì cả! Không phải lỗi của anh. Chỉ vì mẹ em thường gọi em là con chim bồ câu nhỏ...

- Em thương mẹ em lắm sao?

- Vâng. Em thương mẹ quá!

- Bà đã qua đời?

Nadia kể về cái chết của bà.

- Mẹ em lớn lên và đi học ở Saida. Cha em đã để lại chiến trường một cánh tay khi ông tham gia mặt trận giải phóng Saida. Ông được bạn chiến đấu gọi là Tia chớp Moustapha. Trước ngày nước nhà được độc lập, bọn Pháp đã tìm ra tông tích ông, chúng bắt mẹ em tra hỏi. Rồi chúng nhốt mẹ em và áp lực bà phải khai ra tung tích ông. Trời phú cho mẹ em một tính can trường khó ai sánh được. Bà có bao giờ phản bội ba em, phản bội quê hương!

Em chỉ được biết mẹ em bị bắt khi em từ trường nội trú về nhà nghỉ cuối tuần. Trở lại trường, em hoàn toàn suy sụp. Em không thể làm gì nên hình giữa đám con gái Pháp mà cha anh của chúng, ngay lúc đó đang hành hạ, tra tấn mẹ em, nhưng cùng lúc em lại hãnh diện là con gái của một nữ anh hùng.

Thời gian sau, chúng thả mẹ em ra. Chúng không buộc tội mẹ em, nhưng mẹ em đã thành một người khác. Trước kia bà đẹp và tươi trẻ bao nhiêu thì nay, tóc bà trắng xóa và mặt thì nhăn nheo. Khi mẹ em về thì em không đi học nữa. Mẹ em sắp xếp cho em đến Morocco và bà đi vào trong núi. Không phải bà làm cứu thương mà là một chiến sĩ tác chiến. Bà chết với khẩu súng trên tay trong lúc chiến đấu chống bọn thực dân Pháp.

- Trong vùng Saida? Tôi hỏi.

- Vâng.

- Năm nào?

- 1960. Cô nói luôn ngày tháng mẹ cô chết.

Tôi đứng dậy, mặc áo quần vào. Nadia là một trong những người Algerian không biết rằng tôi có đánh nhau ở xứ nầy. Tôi cũng không thể quên cuộc chiến tiêu diệt người Fellahin ở Saida năm 1960. Họ chiến đấu rất anh dũng và tất cả đều bị giết chết. Và tôi nhớ rất rõ, trong số những người chết đó có một người đàn bà.

- Nada, có lẽ chúng ta sẽ không còn gặp lại nhau nữa!

Nhưng mỗi khi chuyện trò với người bản xứ, tôi cứ sợ gặp phải những người là thân nhân hay bạn bè của những chiến sĩ mà trước đây tôi đã giết họ hay ra lệnh tàn sát họ.

Tôi không cách nào thoát khỏi ám ảnh đó.

CHU VƯƠNG MIỆN

Duyên Nợ

mới mấy năm thất vọng liên hồi
toàn là nếp nát với cơm ôi
chè khê cà khú như thường nhật
ngẫm lại mà thương mấy chú ruồi
phòng khách ly trà tranh thủy mạc
cẩm lai màn trướng cảnh phong lưu
loanh quoanh thưa thốt lời giao tế
sau lưng sắp sẵn bùa dao rìu
cười nhẹ để che niềm thống hận
khà khà ực hết ấm trà thiu
mẹ kiếp mạ vàng trên khốn khổ
nhe răng mà chả có ai cười
em ạ không duyên mà toàn nợ...

TỪ VIỆT GỐC PHÁP

NGUYỄN HỮU PHƯỚC

(Tiếp theo)

Xe lửa, nhà ga và tiếng súp lê

Xe lửa, còn có tên là hỏa xa hay tàu hỏa. Ở VN có vùng dân ta dùng từ tàu hỏa, tàu điện gọi những xe chạy trên đường **rầy** (rail: đường sắt); tàu thủy tàu ngầm chạy trên hoặc dưới mặt nước. Trong khi đó ở vùng khác, dân ta gọi tất cả những phương tiện chuyên chở trên bộ là xe, như xe nhà, xe lô, xe đò, xe buýt, xe **be** (pelle: xe chở cây từ rừng về các trại cưa) xe lửa, xe điện; còn những phương tiện chuyên chở dùng ở sông hồ đều được mang tên tàu. Nhưng còn loại xe có thể di chuyển cả trên bộ lẫn trên nước có tên là "xe lội nước" mặc dầu xe không biết lội. Dùng từ nào cũng xong, miễn hiểu thì thôi. Trở lại loại xe chạy trên đường **rầy**. Rầy là một từ Việt hóa thông dụng khác vì cả Anh, Pháp đều dùng từ rail.

Liên hệ trực tiếp với đường rầy có *nhà ga* (gare). Chữ "ga" đã hoàn toàn thành một chữ của tiếng Việt đã lâu lắm rồi. Nó được dùng ở mọi nơi và mọi lúc. Sân ga và con tàu là nơi mà những cuộc chia ly hay gặp gỡ thường xảy ra. Chúng liên hệ trực tiếp đến tình cảm, cuộc sống của con người nên chúng được đưa vào văn, thơ, và âm nhạc.

Cho đến 1994, theo quyển Tổng Danh Mục Nhạc VN (10), âm nhạc VN hải ngoại đã thâu băng bản nhạc **Ga Chiều** 6 lần trong các tapes số 73 và 102 của Trung tâm Làng Văn, tape 46 của Thanh Lan, tape 66 Giáng Ngọc, và đĩa laser 2 Giáng Ngọc. Bảng **Ga Chiều Phố Nhỏ** đã được thâu âm trên tape hay đĩa laser nhiều lần hơn với giọng hát của các ca sĩ Chế Linh, Giao Linh, Hoàng Liêm, Phương Mai, Tuấn Vũ (sách đã dẫn.) Nhà ga, sân ga và con tàu hay chuyến tàu thường đi chung nhau. Hai bản nhạc vừa nói, và các bản Tàu Đêm Năm Cũ, Chuyến Tàu Hoàng Hôn đều là những bản nhạc rất phổ thông. Những nhà ga và những con tàu vẫn còn tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế và tình cảm của dân Việt.

Những nhà ga chính và các hệ thống hỏa xa của nước nào cũng chứng kiến nhiều đổi thay tùy theo tình trạng giao thông và kinh tế. Chỉ có cái buồn là ở VN hệ thống hỏa xa còn quá cổ lỗ sĩ. Nó là một di sản rơi rớt lại từ thời Pháp lang sa còn ở trên đất Việt. Không biết bao giờ mới có những chuyến xe xuyên Việt với vận tốc cao và đầy đủ tiện nghi? Nhà ga chính ở Saigòn cũng đã chứng kiến nhiều biến đổi, kể cả sự xuất hiện của một khách sạn to lớn.

Nhà ga chính ở Los Angeles đã có một thời huy hoàng với cái tên Union Station. Nhưng khi các xa lộ xuất hiện rầm rộ ở vùng nam Cali, sự say mê chiếc xe hơi đã đưa ga nầy tụt dốc trong gần ba thập niên. Nhưng vào năm 2000, Los Angeles vừa khánh thành hệ thống xe điện đường hầm (metro). Thêm vào còn có những chuyến xe chạy đường rầy chở khách nối liền với các thành phố lân cận để giải quyết phần nào nạn kẹt xe trên các xa lộ. Nhờ đó, ga Union Station đã được tân trang thành một trong những ga có đầy đủ tiện nghi như bãi đậu xe rộng lớn, khách sạn nhiều phòng cận nhà ga, và các chuyến xe đưa đón khách giao thông thật tấp nập.

Những loại nhà ga: Đối với khách hàng hỏa xa, từ nhà ga có một nghĩa đơn giản: nơi đến và đi của họ. Nhưng đối với nhân viên làm việc cho ngành giao thông nầy, có nhiều loại ga khác nhau. "**Ga tổng dinh**" hay "ga trung ương" (gare d'arrêt général: ga chính) là nơi mọi chuyến xe lửa tập trung đến cũng như đi. Để tránh nạn kẹt... đường rầy, một số quốc gia xây nhiều ga trung ương. Thí dụ Paris, thủ đô của nước Pháp có bốn ga tổng dinh ở bốn phía của thành phố: Ga Đông, Ga Tây, Ga Nam và Ga Bắc. Lẽ dĩ nhiên đường rầy cũng được chia ra bốn hệ thống và tàu hỏa chở khách hay hàng hóa của hệ thống nào phải đi về ga trung ương của hệ thống đó.

Ngoài ra còn có "ga đình lưu" (gare d'escale) là ga nhỏ cho tàu dừng tạm để thay dầu, bôm mỡ; có "ga sang xe" (gare de transbordement) để hành khách đổi xe đi về hướng khác; có "ga chung" tức ga cho cả tàu hành khách và tàu hàng;

có "ga gởi" và "ga nhận" (gare d'expédition et gare destinataire) v.v.

Tiếng còi tàu hỏa hay tàu thủy còn gọi là tiếng tàu **xúp lê** (sifflet, siffler).

Mười giờ tàu lại Bến Thành,
Xúp lê vội thổi bộ hành lao xao.

Theo ông Vương Hồng Sển (9) khi xưa, vào lúc 10 giờ sáng mỗi ngày, có một chuyến xe lửa từ Mỹ Tho lên đến ga chính ở gần chợ Bến Thành, tức chợ Saigon, và kéo còi báo xe tới.

Cũng khi xưa lúc chưa có phi cơ, cảnh chia tay của những sinh viên đi du học bên Pháp hoặc của những gia đình vì lý do gì đó phải tạm chia ly, đưa tiễn người thân về Pháp là ở bến tàu. Ông Nguyễn Trúc Phương (5) có ghi trong chương ca dao:

Tàu xúp lê một, còn than còn thở,
Tàu xúp lê hai, than vắn thở dài,
Tàu xúp lê ba tàu ra biển bắc

(còi tàu thứ ba là còi tàu cuối cùng báo hiệu tàu rời bến, chú thích của tôi).

Tay vịn song sắt, nước mắt nhỏ đôi giòng.
Thò tay túi áo hoàng đông,
*Lấy khăn "**bu sa**"* (mouchoir: khăn tay) *anh chậm...*
Cái điệu vợ chồng ngàn dặm không quên.

(có nơi khác ghi mấy câu chót như sau:

Tay vịn song sắt, chân dặm cẳng kêu trời
Đội ta mới ngộ mà ông trời đày đi xa)

Vài từ Việt gốc Pháp đồng âm khác nghĩa

Từ "cua"

Những học sinh, sinh viên ngày xưa thường nói là phải biết cách "nịnh đầm" khi đi *cua gái* (faire la **cour** à une fille : tán tỉnh một người phái nữ) thì dễ được sự chú ý của các cô hơn. Chúng ta có nhiều từ *cua* khác sau đây:

Cua (cours): lớp học như trong từ **cúp cua** (couper le cours): trốn học.

Cua (court): còn có nghĩa là ngắn. Hớt cua là hớt tóc ngắn; hớt "ma nin cua" là hớt tóc ngắn kiểu Manila.

Thêm vào còn có **cua** (courbe) là đường cong; thí dụ đi tới ngã ba thì quẹo cua về phía phải; hoặc xe chạy lẹ quẹo cua gắt quá có thể bị lật.

Liên hệ đến âm "cua" nhưng hoàn toàn khác nghĩa chúng ta có *công cua* (concours) là thi tuyển; và có *đít cua* (discours) là diễn văn. Khi xưa tôi có nghe nói đùa đại khái rằng buổi lễ không có gì quan trọng, chẳng cần "đít cua đít còng" gì cả (con cua và con còng là hai con vật có "họ hàng" và đều sống dưới nước). Đây là việc đem chuyện nọ xọ chuyện kia cho vui mà thôi.

Từ "băng"

Băng với nhiều nghĩa khác nhau.

Băng (**banque**) đầu tiên là ngân hàng. Có tiền thì nên giữ ở nhà băng để kiếm chút lời (có bảo kê).

Thêm vào có **băng** (**bande**) là một nhóm người có cùng một khuynh hướng; từ **băng đảng** thường chỉ một nhóm người làm những việc không tốt.

Sau hết chúng ta có **băng** (**bande**) chỉ miếng vải nhỏ, dài, hoặc một cuộn **phim** (film). Cùng nghĩa với từ băng sau cùng nầy chúng ta có **băng đô** (**bandeau**) tức miếng vải quấn trên đầu; và **băng đơ rôn** (**banderole**) chỉ tấm vải lớn, dài, có viết chữ.

Từ **băng** (**banc**): chỉ cái ghế dài hay cái ghế ngồi trong xe, đã nói bên trên.

Từ "ga"

Ga (gare) là trạm xe hỏa đã nói bên trên.

Chúng ta còn có từ **ga** (**gaz**): là loại vải thưa để bọc ngoài vết thương.

Từ thứ hai đồng âm là **ga xăng** (**gaz**): xăng đã đốt thành hơi tống mạnh làm máy xe chạy. Cái bàn đạp để tăng giảm tốc độ của xe hơi cũng gọi là **ga.** Từ nầy cũng do nguyên ngữ gaz vừa nói . Muốn xe chạy nhanh thì nhấn thêm ga. Xe chạy *hết ga* là chạy với tốc lực tối đa của xe đó. Gọi nó là ga xăng vì nó điều khiển mức độ xăng bơm vào máy xe.

Sau hết còn có từ **ga** hay **hố ga** (**regard**): chỗ nước đọng xuống trước khi chảy vào cống chánh. Nhờ cái hố ga nầy mà rác rến, hay các vật nặng khác như đất, sỏi, đọng lại đây và được vớt đem bỏ. Nếu không có hố ga ở mỗi miệng cống, các vật khác hơn nước có thể chui thẳng vào ống cống, và có thể làm nghẹt cống. Từ nầy không thông dụng.

Vì sự liên tưởng xin nhắc đến một từ gốc Pháp khác: **ga lăng** (galant). *Ga* trong *ga lăng* không liên hệ gì tới những từ ga bên trên. Ga lăng là một hành vi hay cử chỉ đẹp của phái nam dành cho phái nữ như nhường cho người nữ đi trước, mở cửa xe cho họ lên và đóng cửa xe lại; hoặc khi có ai mời người nữ lên diễn đàng thì một nam nhân sẽ đưa cánh tay ra cho người nữ nắm và dìu người nữ đi lên v.v. Các thanh niên mới có người yêu nên học những hành vi ga lăng nầy để hy vọng giữ bồ được lâu. Còn các đấng mày râu nên tiếp tục thi hành những cử chỉ nầy nếu đã

trót dại học theo lối tây phương, và luôn thực hành từ lúc còn niên thiếu, để được tiếng khen là người biết **nịnh đầm.**

Sở Ba Son và Vườn Bồ Rô ở Saigon

Thành phố Saigon có hai từ gốc Pháp khá đặc biệt. Nhưng không ai biết chắc nguyên ngữ của chúng là gì.

Từ đầu là cơ sở đóng và sửa chữa tàu tên là xưởng **Ba Son.** Ông Vương Hồng Sển (9) có đưa ra mấy giả thuyết về nguồn gốc của từ nầy.

Trước hết có lẽ nó là tên của một người thợ (anh Ba Son). Kế đó nó có thể bắt nguồn nơi tên "mare au **poisson** (đầm hay hồ cá) mà ra vì khi xưa, có một con kinh nhỏ gần đó, có nhiều cá và người ta hay đến đó câu. Sau nầy kinh đã được lấp rồi nhưng tên Việt hóa vẫn còn tiếp tục được sử dụng.

Tiếp theo là giả thuyết nói rằng từ "ba son" có nguồn từ chữ "**bassin** de radoub" tức cái ụ tàu, vì sách xưa có ghi là người Pháp đã dùng một chi phí lớn để xây cái bassin de radoub nầy.

Sau hết, cũng theo ông Sển, thì có một nhân vật khác của nam VN giải thích rằng từ "ba son" là do nguyên ngữ "**preparation**" (có nghĩa sửa chữa) mà ra.

Từ đặc biệt thứ hai là từ **Vườn Bồ Rô**. Đây là công viên nổi tiếng của Saigon. Theo Phụng Nghi trong quyển Saigon Trong Mắt Tôi (6) thì công viên nầy dưới thời Pháp thuộc có tên Parc Maurice Long và dân Pháp gọi nó là Jardin De Ville hay Công viên thành phố . Dưới thời VNCH tên chánh thức của nó là *Vườn Tao Đàn*. Hiện nay nó là *Công Viên Văn Hóa.*

Cũng theo Phụng Nghi ghi lại lời của ông Vương Hồng Sển thì từ "bồ rô" trước có lẻ do nguyên ngữ "**préau**" mà ra, vì préau có nghĩa là sân có lợp nóc. Ông Sển cũng có ghi ra ý kiến của một người khác là từ "bồ rô" có thể do chữ "**bureau**" mà ra vì các phu làm vườn cuối tháng phải lên văn phòng hay lên "bureau" để lãnh lương; hoặc giả Bureau là tên của ông xếp coi công viên nầy.

Dầu có nguồn từ nguyên ngữ nào, "Vườn Bồ Rô" vẫn đã là nơi có nhiều kỷ niệm của một số lớn dân Saigòn, và tên đó vẫn là một tên quen thuộc đối với những người lớn tuổi.

Một cụm từ Việt gốc Pháp khá đặc biệt

Cụm từ nầy chỉ nghe nhiều trong văn nói hơn thấy nhiều trong văn viết. Đó là cụm từ **mềm xối xiên** (même chose chien: cùng loại hay giống như con chó).

Theo Ông Vương Hồng Sển (9) chuyện truyền rằng ngày xưa có một người dốt tiếng Pháp đem một con dê mập béo làm quà tết biếu quan tây để đút lò đêm giao thừa. Quan hỏi: ông cho tôi con gì đó? Bị hỏi bất ngờ, ông đó không nhớ ra tên tiếng Pháp của con dê. Ông mới diễn tả bằng số từ ngữ hạn hẹp, sai văn phạm, của ông: "**Lũy mêm xối xiên, dà na bắp, dà na cót**" (lui même chose chien, il y a barbe, il y a corne: nó giống con chó, có râu, có sừng). Chuyện nầy thực hư ra sau không biết được.

Theo ông Lãng nhân (2), cụm từ nầy chỉ món ăn độc đáo của VN là món "giã cầy" vì nó là món thịt heo nấu giống thịt cầy nó "mềm xối xiên" mà, ăn tạm khi không tìm ra thịt chó vậy. Cả hai thuyết trên về nguồn gốc của cụm từ nghe đều hay cả. Cụm từ nầy, tuy rằng bắt đầu do một người ít học dùng, sau đó lại là cụm từ được phổ thông một thời. Người ta dùng trong văn nói với giọng bông đùa, hơn là trong văn viết, trong thập niên 1950 và 60.

Bên trên chúng ta đã kể ra về một số từ Việt gốc Pháp thông dụng trong nhiều lãnh vực khác nhau. Lẽ dĩ nhiên còn nhiều từ chưa được nói đến vì phạm vi của một bài sưu khảo ngắn nên không thể quá dài dòng. Tuy nhiên vì số từ nầy cũng không nhiều lắm, tôi xin liệt kê ra đây (ở cuối bài) theo thứ tự a, b, c. Tôi chọn là không ghi ra đây những từ được sử dụng trong một số ngành chuyên môn như khoa học, nghề in hay trong kỹ nghệ vì ít được người ngoài dùng và do đó ít phổ biến. Vì viết với sự hiểu biết giới hạn về Pháp ngữ, nên có thể thiếu sót rất nhiều từ phổ thông, xin quí vị bổ túc thêm.

Câu chuyện vui dùng làm đoạn kết

Chuyện đi học ngày xưa

Chúng tôi nghĩ rằng, kể cả danh sách liệt kê bên dưới, chúng tôi đã ghi nhận lại được khoản 30 đến 40 phần trăm số từ Việt gốc Pháp thông dụng một thời. Nói khác đi số từ loại nầy không nhiều lắm. Nhưng chúng là những chứng tích lịch sử của hơn chín thập niên VN chịu ảnh hưởng của Pháp.

Ngày xưa, trong việc học chữ quốc ngữ tôi nhớ có câu:

I T (đọc tờ) giống mốc cả hai
I ngắn có chấm, tờ dài có ngang;
O tròn như quả trứng gà
Ô thì đội nón, ơ thì mang râu

Quốc ngữ chưa xong, lại được học thêm những từ Hán Việt. HV, hay chữ Tàu đọc giọng VN, được dạy và học từng từ một trong số 3000 từ cần thiết căn bản:

"Thiên: trời (thiên có nghĩa là trời); địa: đất; thất: mất; tồn: còn; tử: con, tôn: cháu; lục: sáu; tam: ba"; v.v...

Học HV (chúng tôi gọi đùa là học "hán") được một thời gian ngắn lại cho học tiếng... Tây. Tiếng Tây thời của tôi được dạy bắt đầu từ "lớp nhì một năm" tức lớp bốn ngày nay ở tiểu học. Lẽ dĩ nhiên là "khó ơi là khó," học chữ Tây khó làm sao. Lại phải học thuộc lòng từng từ một.

Câu chuyện vui bắt đầu. Có một em bé nhà ở trong ruộng, cha mẹ là nông dân dốt nát. Em phải đi bộ năm kí lô mét mới đến trường. Em lên lớp nhì và bắt đầu học tiếng tây. Tối về nhà đốt đèn dầu lên tuy leo lét, nhưng cũng đủ để đọc và học bài. Cha mẹ em thì vào bên trong nằm trên giường, nói chuyện nho nhỏ về lúa thóc, mùa màng. Ông bà chia xẻ sự vui mừng vì con bắt đầu lên lớp và bắt đầu học tiếng Tây. Bên ngoài em bé siêng học, đọc đi đọc lại:

Cha tôi là "mông pe rờ (mon père)

Mẹ tôi là ma me rờ (ma mère).

Em còn học thêm cả chục chữ mới nữa. Đọc mãi mà vẫn chưa thuộc, em bắt đầu ngủ gục, miệng vẫn tiếp tục đọc:

Cha tôi (mông pe)...rờ ... ; mẹ tôi, mẹ tôi (ma me) ... rờ; Chữ "mông pe" và chữ "ma me" em đọc nhõ dần. Sau đó chỉ nghe:

Cha tôi .....rờ; mẹ tôi .....

mẹ tôi .... rờ; cha tôi, cha tôi .....rờ; mẹ tôi.

Ba mẹ nó bên trong, hoàn toàn ở trong bóng tối. Lúc đó hai ông bà thật sự có "săn sóc" "nâng niu" nhau chút chút. Ông nói thì thầm vào tai bà: "Bà ơi, nó học tiếng tây tiếng u gì mà lại thành thầy bói; sao nó biết tụi mình đang "mần ăn" vậy bà? Thằng nhỏ thông minh thiệt!!!

Sẵn đây tôi xin viết ra luôn một bài lục bát hỗn hợp (ba rọi) khác. Tác giả của bài thơ nầy là ai chúng tôi không biết. Ông diễn tả cách học tiếng Tây như tôi vừa nói bên trên.

***Phrăng xe pra tic** thực hành,*
*Pháp văn **mỏa** học không rành không thông*
*Mỏa xin chú bác **ton-ton***
*Làm ơn chỉ dạy **lơ xông** một bài.*

Trong bài thơ trên chúng ta có Francais (chữ c còn thiếu cái râu): Pháp văn; pratique: thực hành; moi: tôi; tonton: chú bác; lecon (chữ c còn thiếu cái râu): bài học. Thơ Pháp được dịch ra tiếng Việt hay ngược lại thì nhiều lắm. Những bài thơ "ba rọi" kiểu nầy tuy rất ít nghe thấy, nhưng trong ca dao VN cũng có dấu vết của những câu ba rọi (5) :

*Giấy **Ba ri** (Paris) tay đề thơ nhạn*
*Mực **Ba ke** (paker) kính gởi thăm nàng.*

Hoặc:

Đồn rằng mình giỏi tiếng Tây
Ta hỏi cái nầy mình biết làm sao?
Quả dứa thì gọi thế nào?
Ổi kia, chuối nọ làm sao hỡi mình?
*Quả dứa thì gọi **na na*** (ananas),
*Ổi thì **ngô-ý ao*** (goyave) *chuối là **ba nan*** (banane)
Măn dê (manger) *thì gọi là ăn*
Boa lô (boit l'eau) *uống nước, đi nằm: **cu sê*** (coucher)
*Con gà thì gọi **bu lê*** (poulet),
*Con vịt **ca nác*** (canard), *lợn là **cu xong*** (cochon);
*Bồ câu là thật **bi dông*** (pigeon),
*Con tôm **cờ vết*** (crevete), *bố là **baba*** (papa).

Các bài thơ trên đã ghi dấu một giai đoạn khá đặc biệt trong sự phát triển của tiếng Việt.

Liệt kê một số những từ Việt gốc Pháp thông dụng (ngoài những từ đã kể bên trên.)

A de hay **de** (arrière): ngoài sau, phía sau, đi lui; sang số "de" là sang số để chạy lui.

À bi-ên tô : (à bientôt): gặp lại sớm; lời chào tạm biệt.

Ách (Adjudant): chuẩn úy, cấp bậc cao nhất trong ngành hạ sĩ quan, quân đội Pháp.

Ách (as): con bài số một, coi là lớn nhất trong 13 lá bài "cách tê" cho mỗi loại cơ, rô, chuồn , và bích; từ "as" của Pháp còn có nghĩa là hạng nhất (champion).

A cid (acide): tên một loại hóa chất.

A đam (Adam): Người đàn ông đầu tiên do Chúa dựng nên, theo Công giáo.

Ăn ten (antenne): dụng cụ để thâu nhận làn sóng điện cho radio; sau nầy từ "ăn ten" dùng để chỉ những ngươi nghe ngóng, lấy tin tức cho nhân viên công lực hay tình báo.

Á rạp (Arabe): Tên của một sắc dân ở Trung Đông.

Ắc quy (accu): bình điện.

Ba lô (ballot): bao vải, bị, hay kiện (hàng); dân ta dùng từ "ba lô" để chỉ cái túi đeo sau lưng. Hiện ở VN có từ "tây ba lô" để chỉ những du khách thanh niên ngoại quốc với ba lô lủng lẳng trên lưng. Đa số những du khách nầy có ngân

sách giới hạn.

Ba gai (pagaille): lộn xộn bê bối, bất tuân kỷ luật.

Ba tê sô (pâtée chaud) bánh nhân thịt nóng.

Ba ton (baton): cây gậy.

Banh bông (ping pong): bóng bàn.

Bắc (bac): tàu chở xe và hành khách qua sông, (phà).

Bê rê (beret): một kiểu nón.

Bê tông (béton): xi măn trộn với cát và sỏi đá và nước dùng đúc nền nhà, cột nhà, tường nhà, hay nền nhà, đường xe vào ga-ra. Bê tông cốt sắt : bê tông bên trong có thêm dây sắt cho chắc chắn hơn.

Bi (bille): viên đạn tròn, chơi bắn bi là dùng ngón tay búng viên đạn tròn cho trúng một viên khác. Một số Việt ta dùng "bi" theo một nghĩa khác. Họ muốn chỉ hai hòn dương của đàn ông. Do đó phát sinh ra từ "nâng bi" để chỉ sự tâng bốc, nịnh hót.

Bi đong (bidon) bình đựng nước.

Bi da (billard): banh tròn, cứng, lớn cỡ hột vịt, chơi trên bàn bi da; bàn nầy bọc nỉ, có chận bốn bên để trái bi da khỏi rớt ra ngoài; khi chơi, dùng môt cây gậy gọi là cây cơ để đẩy trái bi da đi tới.

Bòn bon (bonbon): kẹo ngọt.

Bót (poste): chỗ canh, chỗ lính trú ngụ để canh gát, như đồn bót, hay chỗ làm việc, chỗ đồn trú của cảnh sát, hay của quân đội, như bót cảnh sát, đi cớ bót, bị bắt về bót, bót linh bảo an bị tấn công.

Bổ cu (beaucoup): nhiều.

Bu di (bougie) vật dụng nẹt lửa để làm xăng cháy và làm xe chạy; còn có nghĩa là cây nến.

Bu tan (butane): một loại hơi đốt.

Bua rô (bureau): bàn giấy hay văn phòng.

Bui dong (bouillon): vật dụng căn bản làm nước súp.

Ca (quart): phiên gác hay phiên làm việc như gác *ca đêm*, làm việc *ca khuya*.

Ca lô ri (calorie): nhiệt lượng.

Ca cao (cacao): loại cây có hột cho bột làm sô cô la.

Ca rê (carré): vuông, hớt tóc ca rê là hớt tóc cao, ngắn như kiểu nhà binh.

Ca rô (Carreau): vuông, sọc vuông. *Áo sơ mi ca rô*.

Ca ve (cavalier: nam kỵ sĩ; cavalière: nữ kỵ sĩ, hay vũ nữ): nhưng riêng từ "ca ve" dân Việt chỉ dùng để chỉ các cô gái nhảy (đầm) chuyên nghiệp (vũ nữ) mà thôi.

Cà nong (canon): súng đại pháo.

Cà rem (crème): chất sữa béo đông lạnh, như *cà rem cây*, *cà rem va ni* (vanille).

Cà rốt (carotte): loại củ màu vàng đỏ dùng nấu súp, hoặc trộn sà lách.

Can (canne): cây gậy.

Căng (camp): trại.

Căn tin (cantine): quán ăn ở học đường.

Cấp, Ô cấp (au Cap hay Cap Saint Jacques): mũi đất; mũi đất có tên Thánh Jaques; đó là tên cũ của Vũng Tàu, một tỉnh lỵ và là tên của một tỉnh ở sát biển, phía đông của Saigon; và là một thắng cảnh du lịch với nhiều bãi biển nổi tiếng.

Cặp rằn, cọp rằn (caporal): người quản đốc, tay anh chị trong tù.

Cạt (carte): tấm thiệp.

Cách tê (carté): một loại bài có bốn loại hình khác nhau là cơ, rô, chuồn, bích. Cách tê cũng có thể do cụm từ "jeu de l'**écarté**" mà ra. Nó có nghĩa loại ra, theo tiếng của giới chơi bài nầy là "đánh rụt tùng, hay tiêu tùng," và do đó bị loại ra.

Cạt táp hay **cặp** (cartable): dụng cụ đựng sách vở hay giấy tờ.

Cạt vẹt (carte verte) thẻ xanh hay giấy chủ quyền xe hơi thời xưa (trước 1960).

Cẩm, Cò (commissaire, commissariat): ông cảnh sát trưởng, cơ quan cảnh sát.

Cò (corriger, correcteur): sửa; **thầy cò** là người sửa bản in nháp cho đúng.

Tiền **Còm** (commission): tiền hoa hồng.

Cóp, cóp dê (copier): bắt chước chép theo hay làm theo.

Cỏ vê (corvée): làm sưu dịch, việc nặng nhọc bị bắt buộc.

Cọt ne (corner); góc như phạt cọt ne, đá banh cọt ne.

Côm bin (combine): toa rập.

Côm xí côm xà (comme ci comme ca) được, đại khái.

Công táp (comptable): kế toán.

Công tắc (contact): gặp, cái vặn điện.

Công voa (convoi): đoàn xe.

Công tơ (compteur) máy đo như công tơ nước, điện.

Cơ (coeur): trái tim, hình trái tim.

Cơ, Rô (coeur, carreau) : hình tim và hình vuông, tên của hai trong bốn hình của bộ bài tây.

Cơ (queue): cái đuôi, *làm cơ* là sắp hàng nối đuôi; hoặc là cái gậy để chơi bi da.

Cu li (coolie?): phu làm việc nặng như khuân

vác.

Cu roa (courroie): dây cao su nối hai bộ phận để bộ phận đầu kéo bộ phận sau.

Cú sốc (coup de choc): sự ngỡ ngàng quá đáng khi gặp một chuyện mới.

Cúp (coupe/couper): cắt, chặt; cúp điện, cúp nước, cúp khẩu phần.

Cúp (coupe): vật giống cái ly, có chân, thường bằng kim loại để làm giải thưởng, như cúp bóng tròn, cúp quần vợt thế giới; cúp còn là giải thưởng như đoạt cúp quần vợt.

Đề ma rề (demarrer): làm cho máy (xe) chạy bằng cách nhấn nút hay vặn chìa khóa.

Đề ma rơ: (demarreur): bộ phận dùng để làm cho máy xe chạy.

Đoan (douane), hay *nhà đoan*: quan thuế, cơ quan quan thuế.

Đốc tơ, đốc tờ (docteur): tiến sĩ, bác sĩ.

Gác (garde, garder): canh giữ.

Gác dan ((gardien): người giữ cửa.

Gien (gène): mầm, hạt đặc biệt.

Ê và (Eve): tên người đàn bà đầu tiên do Chúa dựng nên, theo Công giáo.

Xe **Hủ lô** (rouleau): xe có cái ống lăng thật to và thật nặng dùng để cán đá hoặc cán nhựa tráng đường xá.

Kính lúp: (loupe): kính chiếu đại

Kíp thợ (equipe): một toán thợ hay một nhóm người.

Lạc son (à la solde). Hàng lạc son: hàng hóa ứ đọng, cũ trưng bày bán rẻ.

Lăn xê (lancer): phóng ra; giúp người nào nổi danh; đưa ra một điều gì mới như *lăn xê kiểu áo quần mới.*

Lập bo (rapport): tờ trình.

Lê ki ma (lucuma mamosa): một loại trái cây, thịt mềm và xốp, màu vàng khi chín.

Líp (libre): tự do, không bị giới hạn như ăn líp, đi líp.

Lò xo (ressort): giây kim loại quấn tròn có tính đàn hồi; lò xo trong nệm xe, ghế ngồi.

Lon (galon): cấp bực đeo trên cầu vai của quân nhân; *lên lon* có nghĩa lên chức, lên cấp bực cao hơn; bị *lột lon* tức là bị mất chức.

Lon ton (planton): nhân viên làm những việc văn phòng lặt vặt.

Lô (lot): một phần, như *lô đất, lô hàng hóa.*

Lô cốt (blockauss): pháo đài, nơi xây cất chắc chắn để chắn đạn và có thể bắn từ đó.

Lô canh (local): nội hóa, hàng lô canh là hàng hóa chế tạo trong nước.

Lô tô (loto): giấy số, xổ số.

Lôi (loge): chỗ ngồi riêng biệt trong rạp hát

Mã khắc, Đức Mã (mark): đơn vị tiền tệ của đức quốc.

Ma măn (maman): má, mẹ.

Ma cà bông (vagabond): kẻ lang thang.

Ma cô (maquereau): người đàn ông làm nghề dẫn gái cho người khác du hí.

Ma cạo (maquerelle): người đàn bà làm nghề dẫn gái.

Ma ni quên (manivelle): vật dụng để quây cho máy xe chạy (ngày xưa chưa có cái demarreur để nổ máy xe).

Măn đa (mandat): chi phiếu (tiếng Anh: money order).

Mét (mètre): thước, đơn vị đo chiều dài; **đề xi mét** (decimètre): tấc hay 1/10 của thước; **xăn ti mét** (centimètre): phân hay 1/100 của mét; **min li mét** (millimètre): li hay 1/1000 của mét; **Kí lô mét** (kilomètre): cây số hay 1000 mét.

Ma sơ (ma soeur): chị tôi, vị nữ tu hay còn gọi nôm na là "dì phước" (VN có bài hát "Em hiền như ma sơ".)

Mi ca (mica) hóa chất trong hay đục và cứng.

Mỏ lết (molette): một loại kềm, chìa khóa để vặn ốc, vặn bù lon.

Mo ran (morale): luân lý; bị giảng mo ran có nghĩa bị khiển trách.

Mọt chê (mortier): súng cối.

Mô rát (morasse): bản sắp chữ để in ngày xưa khi chưa có kỹ thuật tân tiến; thầy cò là người sửa mô rát ở nhà in.

Mô tô (motocycle): xe hai bánh có gắn máy.

Mô tơ (moteur): cái máy nổ hoặc máy chạy bằng điện.

Mốt (mode): thời trang, ăn mặc theo "mốt" mới: ăn mặt theo thời trang.

Mu soa (mouchoir): khăn tay bằng vải.

Nê ong (néon): một loại hơi dùng phát ra ánh sáng khi có dòng điện, đèn nê ong.

Ni lông (nylon) một loại hóa chất có thể chế biến ra nhiều vật dụng.

No en (noel): ngày sinh nhật của chúa Jesus, đó là ngày 25 tháng 12 mỗi năm; Chẳng những là ngày lễ lớn của những người thờ chúa Jesus, ngày nầy còn là một trong những ngày lễ của nhiều quốc gia trên thế giới.

Óc xy (oxy): dưỡng khí, một loại hơi cần cho sự sống.

Đậu Oe (haricot vert):đậu xanh.

Ọt đơ (un deux): một hai, đi ọt đơ là đi có

nhịp như quân nhân; phải làm không có "ọt ớt" gì cả: phải làm không được lý luận, bàn cải gì hết.

Ô liu (olive): tên một loại trái cây và cũng là tên loại dầu từ trái đó.

Ô ten (hôtel): khách sạn.

Ốp (s'opposer): tranh cản; bị ốp bộ: bị tranh cản sang tên bất động sản; ốp lương: bị giữ tiền lương lại để trả cho một chi phí bị tòa án bắt buộc.

Pa pa (papa): người cha, bố, thường dùng với ma măn hay me, má.

Pha (phase): một giai đoạn như một pha gay cấn trong tuồng hát.

Pha (phare) chiếu xa như đèn pha xe hơi.

Phanh (frein): thắng, làm cho xe chậm bớt hay ngừng lại; hảm phanh hay đạp thắng.

Phay (fraisage): mủi tiện, dao tiện; phải chăng từ dao phay do nguyên ngữ nầy ra?

Phờ lăn (flan): bánh ngọt làm bằng nước, sữa và hột gà.

Phờ re, phe (frère): sư huynh, các nam tu sĩ chuyên dạy học.

Phú de (fourrière) chỗ giữ tạm đồ đạc hay xe cộ của nhân viên công lực, chờ quyết định về phạt va.

Phú lít (police): cảnh sát.

Pi ( ) chữ thứ 16 trong chữ cái Hy lạp. Trong toán học nó là chỉ số cố định giữa vòng tròn và đường bán kính (3.1416).

Pin (pile) vật chứa điện một chiều như pin đèn hay đèn pin.

Pô (pose): một kiểu hình, một tấm hình; xin chụp một pô hình.

Ra đa (radar): sóng điện ngắn.

Ra dô (radio):máy thâu thanh.

Ram giấy (rame) : đơn vị giấy gồm 500 tờ gói thành 1 gói.

Ráp, Bố ráp (rafle): cuộc vây để tìm bắt.

Ráp ben (rappel): tiền được lảnh trở lại về những ngày có từ trước.

Rờ mọt (remorque): xe phụ kéo theo sau xe chánh; có khi chồng gọi vợ (hay ngược lại) là cái rờ mọt của mình, ý nói đi đâu bà ấy (ông ấy) cũng đi theo, không rời nhau.

Rờ sẹt (agent de recherche): điều tra viên, thám tử.

Rô ti (rôti): nướng, rán, *gà rô ti.*

Ru lô (rouleau): súng cầm tay có sáu viên đạn đựng trong ngăn đựng đạn tròn như cái ống; còn gọi là súng lục hay súng sáu.

Sa bô chê (sabotier): tên một loại trái cây trồng ở Nam VN, và Đông Nam Á.

Sạc (charger): cho thêm vào như *sạc bình điện, sạc pin.*

Sạc, sạc cà rây (sacré): rầy rà; dân ta còn dùng biến thể của từ nầy là "sạc xà bông" để chỉ sự bị khiển trách nặng.

Si rô (sirop): nước đường đã được chế biến.

Sì bo (sport): thể thao.

San đầm (gendarme): một loại cảnh sát.

Soong chảo (casserole): vật dùng để nấu.

Sô cô la (chocolat): loại kẹo ngọt làm bằng bột ca cao.

Sơn đá (soldat): lính; từ "sơn đá" dùng để chỉ lính trong quân đội của chính phủ Pháp ở VN ngày xưa, mà đa số là người Phi châu.

Sốt (sauce) cà chua: loại nước chấm làm từ cà chua.

Sốt tê bơ (sauter: chiên; beurre: loại mỡ làm ra từ sữa bò): chiên bơ.

Su hào (chourave): tên một loại cải có củ phình ra trên thân.

Súp, tiền súp (suplément): tiền phụ trội, được trả khi làm thêm giờ.

Ta ta (tata): cô, dì.

Tà lọt (à vos ordres): xin tuân lệnh, VN gọi những người chỉ biết nghe theo lời người khác là tà lọt.

Tem, cò (timbre): nhãn hiệu có giá tiền dán trên thư, lúc mới phát hành những tem nầy có in hình con cò.

Tong tong (tonton): chú, bác.

Tô mát (tomate): cà chua.

Tốc tốc, Tốc kê (toqué): khùng khùng.

Tốp (stop): ngừng lại, bớt lại như *tốp bớt tốc độ.*

Tơ nít (tennis): quần vợt.

Tú rua (toujours): luôn luôn; Tú Rua cũng là bút hiệu của một nhà văn VN, (chắc là nhà văn nầy đã chơi chữ).

Va li (valise): dụng cụ đựng quần áo.

Va ni (vanille): chất có vị thơm đặc biệt từ một loại thảo mọc cùng tên.

Xa lông (salon): phòng khách hay bộ ghế ngồi ở phòng khách.

Xà bông, xà phòng (savon): hóa chất dùng làm sạch, để tắm rửa hay giặt quần áo.

Xà cột (sacoche): túi vải để đựng vật dụng.

Xà lim (cellule) phòng giam hẹp, thường là để giam tội trọng.

Xà lúp (chaloupe): tàu nhỏ

Xà rông (sarong): cái váy, tên có nguồn gốc

ở Đông Nam Á, được Pháp hóa và lại được Việt hóa.

Xẹt, sân xẹt (cercle): sân banh thuộc hội quán thể thao, trong phạm vi của vườn Bồ Rô (Tao Đàn).

Xếp (chef): ông chủ, vị chỉ huy.

Xi măng (ciment): chất dính dùng trong kỹ nghệ xây cất, khi trộn với cát thành chất dính rất tốt để xây tường, lót gạch, hoặc tráng nền nhà.

Xì líp (slip): quần lót của phái nam hay nữ.

Xì nẹt (s'énerve, s'énerver): bực dọc

Xì căn đan (scandale): việc tai tiếng không tốt.

Xi nê ma, Xi nê (cinéma): chiếu bóng hát bóng.

Xi tẹt (citerne): bồn chức nước.

Xích lô (cyclo) xe ba bánh chở hành khách, người phu đạp xe ngồi ở phía sau.

Xu, đồng xu (sou): 1/10 của một cắc.

Xú chen (soutien-gorge) áo nịch ngực của phái nữ.

Xúp (soupe): nước canh.

Tài liệu tham khảo:

1. Dương Tử (1997). Nội San Petrus Ky Paris, Paris, Pháp.
2. Lãng Nhân (1993). Chơi Chữ. Nxb Zieleks Co. , Texas.
3. Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ (?). Việt Nam Tự Điển. Nxb Khai Trí, Sàigòn, VN.
4. Nguyễn Ngọc Huy (1999). Tên Họ Người VN. Nxb MekongTynan, CA.
5. Nguyễn Trúc Phương (1970). Việt Nam Văn Học Bình Dân. Nxb khai Trí Saigon.
6. Phụng Nghi (1997). Sàigòn Trong Mắt Tôi. Nxb Văn Nghệ, California.
7. Vũ Hữu Tường (2002). Đặc San Hậu Nghĩa. Xuân Nhâm Ngọ, Westminster, CA.
8. Vũ Xuân Thái (1999). Gốc Và Nghĩa Từ Việt Thông Dụng. Nxb Văn Hóa Thông Tin, VN.
9. Vương Hồng Sển (1962). Sàigòn Năm Xưa. Nxb Khai Trí, Sàigòn, VN.
10. ??? (1994) Tổng Danh Mục Nhạc VN. Nxb VN Communications & Distributions.

Bài Từ Việt gốc Pháp này được viết xong trước khi tôi nhận được quyển Tầm Nguyên Tự Điển Việt Nam, (tác giả là GS Lê Ngọc Trụ), do GS Petrus Ky Trần Thượng Thủ gởi tặng. Bạn nào cần một danh sách đầy đủ về các từ Việt gốc Pháp xin xem quyển tự điển nầy.

LỤC BÁT

Hoàng Xuân Sơn

Thư ấn quán 2004

"lẻ loi hồn cũ cương cường diệu tân"

tìm đọc :

LỤC BÁT HOÀNG XUÂN SƠN

{ thơ cũ như là áo xưa chút hương theo gió chút mùa gửi trăng chút phân vân duột tơ tằm chút mình lẫn chút trăm năm bùi ngùi chút thân da thịt sần sùi chút tà dương vợi sầm soi tuổi đời }

Thư Ấn Quán xuất bản tháng 5 hai ngàn lẻ bốn

Liên lạc : Hoàng Xuân Sơn, #38 , 14E rue Roxboro – Quebec H8Y 1M6 Canada

Email : **son_hoang42@yahoo.com**

Ấn phí : mười lăm mỹ kim

Trúc Lâm Thiền Viện.com

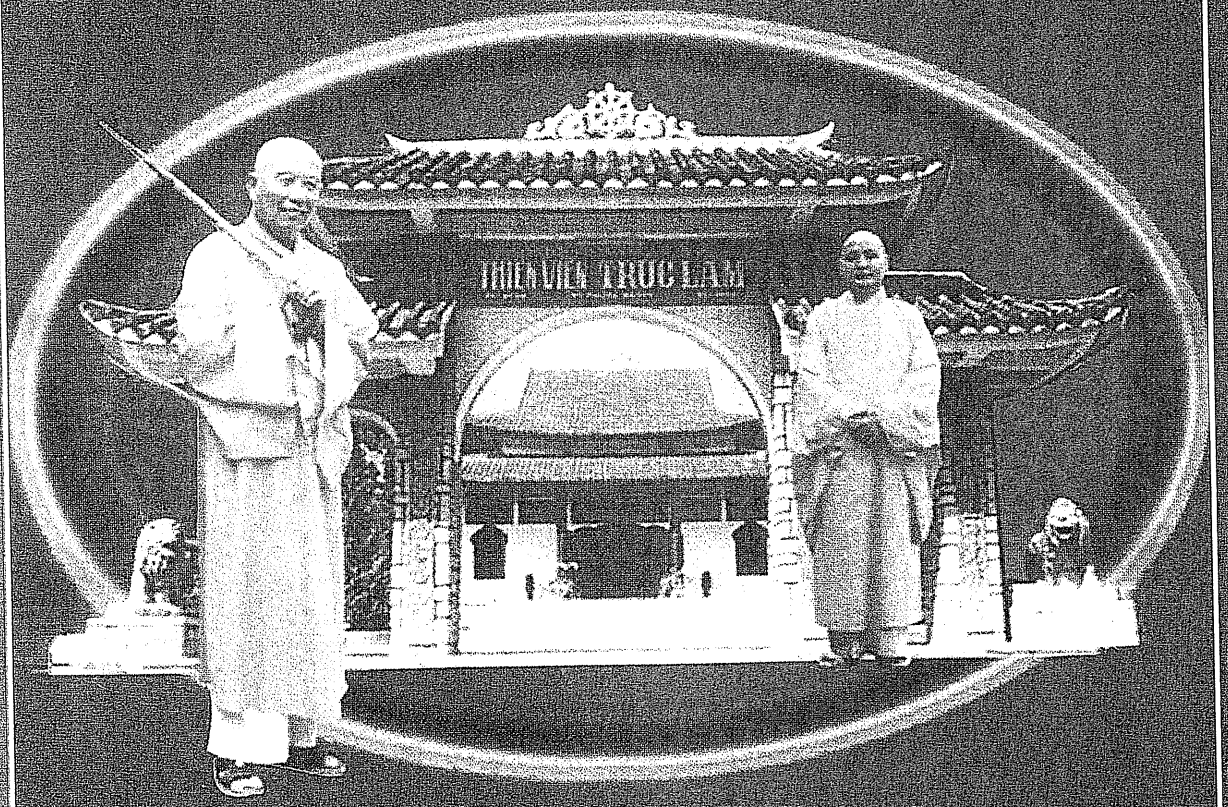

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Biết vọng không theo
Không kẹt hai bên

Đối cảnh vô tâm
Hằng sống với lẽ thật

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An: (714) 891-6742**

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim